

NEW YORK TIMES BESTSELLER

Hậu duệ thần đèn

Children of the lamp

Djinn Xanh Babylon

The Blue Djinn
of Babylon

P. B. KERR



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

P.B. KERR

Nhóm ĐÀO SAN HỒ dịch

Hậu duệ
thần đèn



Children of
the lamp

TẬP HAI

DJINN XANH BABYLON

THE BLUE DJINN OF BABYLON

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ebook©vctvegroup
18-06-2018



*Cuốn sách này dành tặng cho Natalie, Clemmie, và Freddie
Clough*



CHƯƠNG I

Con trai bác sĩ Djinn

Philippa khẳng định:

- Con muốn làm một mụ phù thủy. Với thật nhiều mụn cóc.

John hứa theo:

- Còn con muốn làm một ma cà rồng. Với máu thật dính đầy răng.

Mẹ nói giọng thẳng thừng:

- Cả hai đứa đều biết chuyện đó là không thể mà.

John thở dài:

- Sao năm nào chúng ta cũng phải cãi nhau về chuyện này vậy trời? Con thật không hiểu sao mẹ lại phản đối mãi. Lễ Halloween chỉ là trò chơi vô hại thôi mà.

John và Philippa Gaunt là hai anh em sinh đôi sống tại ngôi nhà số 7, đường 77 phía Đông thành phố New York. Và chúng cũng có cùng sở thích như những đứa trẻ khác, ví dụ khoái chơi trò “trick or treat”^[1]. Nhưng chúng còn là hai djinn với năng lực đặc biệt để làm những chuyện đặc biệt, như ban cho ai đó ba điều ước, với điều kiện là làm khi thời tiết ấm áp hơn. Djinn, vốn được tạo ra từ lửa, chẳng ưa gì cái lạnh, và những djinn trẻ còn thiếu kinh nghiệm như John

và Philippa hầu như mất sạch sức mạnh của mình khi khí trời lạnh lẽo. Đó là lý do tại sao người ta vẫn thường tìm thấy djinn tại những đất nước sa mạc nóng bức. Còn ở New York, dù mùa hè trời rất nóng, nhưng mùa đông lại rất lạnh, và dù chỉ mới cuối tháng Mười, cái rét đã bắt đầu len lỏi khắp nơi. Nhưng lễ Halloween năm nay thời tiết lại ấm áp hơn bình thường, và để bù đắp phần nào cho việc cấm hai đứa con ra ngoài chơi trò “trick or treat” với bạn bè, bà Gaunt, cũng là một djinn, đề nghị:

– Các con, sao chúng ta không tận dụng thời tiết này để đến Công viên Trung tâm, nơi hai đứa có thể luyện tập khả năng biến hình động vật? Biết đâu đây cũng có thể là dịp cuối cùng các con sử dụng sức mạnh của mình trước khi mùa đông đến.

Philippa nói:

– Nhưng con không muốn làm động vật. Con muốn làm một mụ phù thủy. Với thật nhiều mụn cóc.

John khẳng khẳng:

– Và con muốn làm Dracula. Với hàm răng dính đầy máu.

Bà Gaunt cương quyết:

– Và mẹ đã nói không được là không được.

Nhiều năm trước đây, không lâu sau khi gặp ông Gaunt, vì những lý do mà cặp sinh đôi đến giờ vẫn không hiểu rõ, bà Gaunt đã tuyên bố không sử dụng sức mạnh djinn của mình nữa. John cho rằng điều đó có phần nào liên quan đến chuyện cha cậu, ông Edward, là một người bình thường và luôn lo lắng về việc hai đứa con có sức mạnh – ít nhất là trong những tháng hè – biến ông thành động vật. Có lẽ vì thế, bà Gaunt đã sớm thỏa thuận với John và Philippa rằng, chúng chỉ nên sử dụng sức mạnh djinn sau khi

đã bàn bạc kỹ với bà. Chỉ để phòng trường hợp hai anh em vội vã làm một chuyện gì đó mà chúng sẽ phải hối hận về sau, bởi vì sức mạnh djinn, ngay cả khi chỉ là một djinn trẻ, rất to lớn. Nhưng bà cũng biết rằng những djinn trẻ thỉnh thoảng cũng cần phải vận dụng sức mạnh, ít nhất là để giữ sức khỏe.

Nhưng cặp sinh đôi vẫn chưa bị thuyết phục rằng việc biến thành động vật thú vị hơn trò “trick or treat”.

John nói:

– Con không hiểu. Tại sao chúng ta không tổ chức lễ Halloween chứ? Mẹ chẳng bao giờ nói lý do phản đối cả.

– Mẹ chưa nói à?

Cặp sinh đôi đồng thanh:

– Chưa ạ.

Bà Gaunt khẽ lắc đầu thừa nhận:

– Có lẽ mẹ quên...

John giục:

– Vậy mẹ nói đi.

Nếu giọng cậu có đôi chút ngờ vực, đó là vì cậu nghĩ mẹ đã quan trọng hóa vấn đề về lễ Halloween.

Bà Gaunt giải thích:

– À, thật ra lý do cũng rất đơn giản thôi. Lễ Halloween coi nhẹ một số vấn đề mà con người không biết đến, và nó là một thời điểm rất khó khăn trong năm đối với những tộc djinn phe Thiện như chúng ta. Hai đứa thấy đó, cách đây nhiều thế kỷ, những tộc djinn phe Ác như Ghul, Shaitan và Ifrit đã thuyết phục những người cả tin rằng, nếu muốn yên lành thì nên sử dụng khoảng thời gian đặc

biệt này để tôn thờ chúng. Dân chúng khoác lên người những trang phục một thời từng được cho là đại diện cho những djinn độc ác mà họ thờ cúng. Và họ bày biện thức ăn và rượu làm đồ cúng để không bị chúng lừa. Đó là lý do tại sao tộc Marid chúng ta luôn từ chối những gì có liên quan đến lễ Halloween. Giờ thì hai đứa đã hiểu chưa? Nói thật, mẹ rất ngạc nhiên khi thấy các con có thể xem nhẹ chuyện này đến thế, sau những gì đã trải qua trong mùa hè với chú Nimrod.

Cặp sinh đôi im lặng cân nhắc hồi lâu về những gì bà Gaunt vừa nói. Chúng chưa bao giờ nghĩ đến chuyện tất cả những trò quỷ trong lễ Halloween lại có nguồn gốc từ djinn. Và không giống như những đứa trẻ khác, chúng biết quá rõ việc một djinn xấu có thể trói buộc và bắt một người, hoặc thậm chí là một djinn khác, làm theo ý muốn của hắn. Trong mùa hè làm djinn đầu tiên của mình, chúng đã đựng độ cái ác trong hình dáng của bóng ma Akhenaten, và nơi Iblis, tộc trưởng tộc Ifrit, tộc djinn quỷ quyệt nhất của phe Ác. Chúng đã tận mắt chứng kiến cái ác có thể đang tâm huỷ hoại những gì. Tộc Ifrit đã giết chết ông Hussein Hussaout, chủ một cửa hiệu ở Cairo. Bà Gaunt hoàn toàn đúng. Cái ác thật sự có mặt khắp nơi.

Philippa nhún vai:

– Giờ thì con đã hiểu tại sao.

Bà Gaunt mỉm cười:

– Mẹ mừng là con nghĩ vậy.

John nói:

– Chắc chắn rồi. Mẹ chỉ muốn điều tốt cho tụi con thôi, đúng không ạ?

Bà Gaunt gật đầu:

– Đó là nghĩa vụ của một người mẹ mà.

* * *

Điểm dừng đầu tiên của ba mẹ con là Sở thú Công viên Trung tâm. Tuy nhiên, ý tưởng biến thành một con thú bị nhốt trong lồng chẳng có vẻ gì thú vị – những con gấu bắc cực nhìn quá tội nghiệp – họ nhanh chóng rời sở thú và lên đường tìm những con thú chạy nhảy tự do trong công viên để “mượn tạm” thân thể chúng trong một vài tiếng.

Sau một hồi tìm kiếm, Philippa quyết định biến hình thành một con sóc và tung tăng trèo lên xuống khắp các ngọn cây, thậm chí là đuổi theo một vài khách du lịch không kịp tung quả hạch cho cô. Có điều Philippa không tính tới chuyện có bọ chét trong người, hoặc đụng độ một con sóc chuột khó tính, chủ nhân của một cái cây cô lỡ leo lên. Và khi bị một con mèo đuổi theo, Philippa cảm thấy vui mừng khi được trở lại thành một bé gái.

John thì gặp khó khăn hơn trong việc chọn lựa con vật cậu muốn biến thành. Trong mắt cậu, sóc hay sóc chuột nhìn dễ thương kiểu con gái quá. Vừa nghĩ đến chuyện quay ngược lại sở thú để biến thành một con gấu bắc cực, hay có thể là một con sư tử biển, thì một thứ hấp dẫn hơn bỗng nhiên đập vào mắt cậu. Ở gần khu trượt băng, một người đàn ông đang trình diễn cho đám trẻ xem thuật nuôi chim ưng. Ngay khi nhìn thấy con chim ưng màu xanh be xinh đẹp trên cánh tay đeo găng của người đàn ông, John lập tức hỏi ý kiến mẹ, thậm chí từ trọng tâm của mình (là ABECEDARIAN), và

thu nhận hình dáng của con chim ưng mang tên Maltby. (Từ trọng tâm là những từ bí mật mà djinn sử dụng để tập trung sức mạnh của họ, giống như cách một cái kính lúp tập trung sức mạnh của ánh mặt trời vào một điểm rất nhỏ trên tờ giấy để khiến giấy bùng cháy).

Chim ưng là loài chim nhanh nhất thế giới, và John đã có một khoảng thời gian tuyệt vời bay lượn phía trên những ngọn cây cao nhất và bổ nhào xuống một cặp bồ câu chết đuối vì sợ hãi cùng một người đàn ông đang tập thái cực quyền, trước khi vút xuống chộp con mồi được người chủ của Maltby chia ra – tất cả đều với tốc độ trên 200 dặm một giờ.

Nhưng làm một con chim ưng không phải không có mặt khó chịu. Suốt mấy tiếng sau đó, John vẫn còn nôn ọe mỗi khi nhớ đến mùi vị khủng khiếp của con chuột chết mà người huấn luyện chim ưng đưa cho cậu như một phần thưởng.

Bất chấp sự cố với con chuột chết, John đã quyết định món quà Giáng sinh cậu muốn có nhất là một con chim ưng. Và sau khi đã tìm hiểu kỹ lưỡng về chúng trên mạng, cậu đề cập vấn đề với cha.

Ông Edward Gaunt là con người, hay “mundane” theo cách gọi của chú Nimrod (bản thân chú là một djinn rất vĩ đại và mạnh mẽ). Điều đó có nghĩa là, giống như tất cả con người, ông không được tạo ra từ lửa mà từ đất, và do đó, ông hoàn toàn bình thường. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa ông Gaunt không thể hiện quyền uy đáng kể với những đứa con djinn đặc biệt của mình. Nhất là vào mùa đông, khi ông biết chúng hầu như mất hết sức mạnh. Những lúc như thế, ông khá thoải mái trong việc đối xử với các con như những đứa trẻ bình thường và cấm chúng làm những điều ông không ưng ý. Ví dụ như việc có một con chim ưng.

Từ phía sau tờ báo đang đọc, ông Gaunt phản đối khi John cho biết đề nghị của cậu trong bữa sáng:

– Cha có thể hiểu nếu con nói muốn có một con chim vành khuyên. Thậm chí là một con vẹt. Nhưng còn chim ưng? Đó là chuyện hoàn toàn khác, John à. Chim ưng là loài săn mồi. Lỡ nó tấn công chó của ai đó trong công viên thì sao? Hay tệ hơn, tấn công một người già? Cha có thể phải ra hầu tòa với án phạt hàng triệu đô la. Đến lúc đó gia đình ta sẽ ra sao?

John nói:

– Kìa cha, chúng ta đang nói về một con chim ưng thôi mà. Đâu phải thần lằn ngón cánh dâu.

Nhưng ông Gaunt vẫn không bị thuyết phục.

– Nếu muốn nuôi một con gì đó, sao con không chọn chuột nhắt hay chuột đồng như...

Vừa định nói “như những cậu bé bình thường”, ông chợt khựng lại và nhớ rằng con trai ông, cũng như con gái ông, khó lòng giống bất cứ đứa trẻ bình thường nào. Thỉnh thoảng nhìn con, ông Gaunt thường quên khuấy chúng thực sự là ai. Dù sao thì trông chúng cũng giống như những đứa trẻ bình thường. Sinh đôi nhưng thậm chí chúng còn không giống nhau. John cao lớn và ngăm đen, trong khi Philippa thấp hơn với mái tóc đỏ và cặp mắt kính. Nhưng ông biết quá rõ rằng khi mùa hè tới và nhiệt độ New York tăng lên 90 độ F^[2], ông sẽ phải cẩn thận khi nói chuyện với chúng. Chỉ để phòng trường hợp một trong hai đứa quyết định biến ông thành chó. Đó sẽ không phải là lần đầu tiên chuyện như thế xảy ra. Chính vợ ông đã biến hai anh trai của ông, Alan và Neil, thành hai con chó giống Rottweiler (giờ là thú cưng của gia đình Gaunt) sau khi

họ mưu toan ám sát ông để đoạt lấy khoản gia tài không phải là nhỏ.

Dĩ nhiên cả John và Philippa đều không phải là những djinn có thể tính đến chuyện biến cha mình thành chó, cho dù ông có làm chúng khó chịu đến đâu. Vì cả hai thuộc dòng Marid, một trong ba tộc djinn phe Thiện luôn cố làm tăng sự may mắn trên thế giới, đồng thời chống lại ba tộc djinn phe Ác – những kẻ cố gắng gieo thêm sự xui xẻo cho con người. Dù vậy, John cũng khá bức bối khi cha từ chối việc tặng cậu một con chim ưng làm quà Giáng sinh. Đây là việc làm cậu bức bối nhất trong vài chuyện cậu đang gặp phải.

* * *

Đó là một buổi sáng tháng Mười hai lạnh giá ở New York. Trường học đã đóng cửa nghỉ lễ, và những bông tuyết đầu tiên của mùa đông đã bắt đầu rơi.

Từ cửa sổ phòng ngủ trên tầng bảy của mình, John đứng nhìn tuyết rơi cùng Philippa và khẽ rùng mình. Mỗi một bông tuyết gợi nhớ đến việc cặp sinh đôi phải chờ lâu như thế nào trước khi có thể sử dụng trở lại sức mạnh của mình. Cảm thấy lạnh hơn bất cứ người bình thường nào, John khoác thêm chiếc áo len dài tay rồi vòng tay ôm lấy người, chút hoảng sợ trước những gì cậu đang thấy. Cậu và em gái chỉ mới mười hai tuổi, tuy nhiên cả hai đều đủ lớn để nhớ rằng mùa đông New York kéo dài đến tận tháng Tư.

John rên rỉ:

– Số chúng ta tệ thật. Phải làm djinn trong một thành phố có mùa đông kéo dài đến bốn tháng.

Philippa tán đồng:

– Em có cảm giác như mình chưa được ấm áp bao giờ ấy.

Rời cửa sổ, Philippa ngồi xuống mặt sàn gỗ sáng bóng và dựa người vào cái lò sưởi khổng lồ. Cô nói tiếp:

– Em chẳng cảm thấy ấm áp gì từ sau trưa hôm đó ở công viên. Khi em là một con sóc và anh là một con chim ưng.

Ngồi phịch xuống cạnh em, John lầm bầm:

– Đừng nhắc đến chim ưng với anh.

Vốn đã rầu rĩ, tinh thần cậu càng xuống thấp hơn từ khi tuyết bắt đầu rơi vào sáng tháng Mười hai lạnh giá đó.

Tuy nhiên, ngay trước bữa trưa, tuyết ngừng rơi và bà Gaunt vào hỏi cặp sinh đôi có muốn cùng bà đi mua sắm cho lễ Giáng sinh hay không. John và Philippa nhảy bật dậy khỏi chỗ ngồi cạnh lò sưởi và chạy đến tủ quần áo, vì không giống những đứa trẻ bình thường, djinn trẻ tuổi luôn thích đi mua sắm.

Vũ trang bằng đôi giày ống bọc nhung nhất và vài lớp áo choàng ấm nhất, cặp sinh đôi cùng mẹ khởi hành xuống Đại lộ Madison. Bà Gaunt mang áo choàng bằng lông chồn zibelin dày nhất, đội một cái mũ lông thanh lịch, đi đôi giày ống viền lông thỏ Tommy Trinder và đeo cặp kính trượt tuyết Blue Max. Dù vận đồ để đi trong tuyết, trông bà vẫn lộng lẫy hơn bất cứ nữ diễn viên nào tại lễ trao giải Academy Awards.

Ban đầu, mọi chuyện có vẻ rất tốt đẹp. Cặp sinh đôi mua cho cha một quyển sách, và cho chú Nimrod một cái cà vạt Campbell&Bummer màu đỏ khá bảnh mà chúng chắc chắn chú sẽ thích, vì trước giờ chú chỉ đeo đúng cà vạt màu đỏ. Tuy nhiên, khi đứng trong tòa nhà Rockefeller Plaza xem trượt băng và lắng nghe

vài người ca bài *We wish you a merry Xmas* (Chúng tôi ước bạn sẽ có một Giáng sinh hạnh phúc), cặp sinh đôi bắt đầu thấy hơi lạ trong người. Đầu tiên là cảm giác hơi lo lắng hơn bình thường một chút, nhưng chỉ vài phút sau, chúng bắt đầu thở gấp, đổ mồ hôi, và thậm chí cảm thấy lờ mờ trong họng, như thể sắp sửa nôn ọe hay có lẽ là ngất xỉu đến nơi. Nhìn con, bà Gaunt ngay lập tức đoán được chuyện gì đang xảy ra.

Vừa nhanh chóng bắt một chiếc taxi để về nhà, bà vừa giải thích:

– Đó là vì có quá nhiều điều ước được nói ra ở đây. Con người ước cái này, cái nọ, ước cho nhau một Giáng sinh hạnh phúc, chưa kể đến ước những điều tốt lành hay ước những điều tốt nhất. Giáng sinh chỉ là một điều ước lớn. Sẽ không sao nếu hai con chỉ là người thường. Nhưng nếu là những djinn trẻ tuổi trong khí hậu lạnh giá, dù muốn hai con cũng không thể làm gì với những điều ước đó. Và việc đó có ảnh hưởng xấu đến các con.

Khi cả ba đã yên vị bên trong xe taxi, John thừa nhận:

– Đúng là con cảm thấy hơi lạ. Kiểu như hoa mắt và mụ mẫm hẳn đi.

Philippa nói móc một cách yếu ớt:

– Vậy thì có gì mới chứ?

Nhưng John cảm thấy quá mệt để có thể trả đũa em. Bà Gaunt tự trách:

– Đáng lẽ mẹ nên nhận ra chuyện này sớm hơn. QNĐƯ là một việc khá phổ biến vào thời điểm này trong năm.

Hồi nhỏ mẹ vẫn thường gặp phải khi ở London.

Philippa thì trào hỏi:

– QNĐƯ? Là gì cơ?

Mẹ cô trả lời:

– Quá Nhiều Điều Ước.

Philippa gật đầu. Cô đã nghe nói đến “Sự thực hiện điều ước theo tiềm thức”, có nghĩa là việc một djinn vô tình thực hiện điều ước của một mundane mà không biết. Giống như cái lần cô vô tình sắp xếp cho bà Trump, quản gia của gia đình Gaunt, trúng giải độc đắc Sổ xố New York. Nhưng QNĐƯ thì cô chưa hề biết đến.

Bà Gaunt trấn an:

– Tí nữa là hai con ổn ngay thôi. Ngay khi các con được ấm lên. Nhưng chuyện này làm mẹ nghĩ có lẽ tốt nhất nên để một bác sĩ djinn khám cho hai đứa. Để giúp các con vượt qua căn bệnh uể oải mùa đông ấy mà.

John rên:

– Bệnh gì cơ?

– Một trạng thái lờ đờ thường gặp ở djinn.

Vài phút sau, chiếc taxi đỗ xịch lại bên ngoài nhà của họ, và bà Gaunt nhanh chóng đẩy hai con qua cánh cửa mặt cong bằng gỗ mun và thẳng vào trong phòng khách, nơi một ngọn lửa đang bập bùng cháy trong lò sưởi.

Bà giục:

– Các con ngồi xuống trước lò sưởi đi. Rồi hai đứa sẽ ấm lên ngay.

Nhận ra giỏ đựng củi trống rỗng và chỉ còn vài miếng than trong thùng, bà Gaunt gọi bà Trump nhờ giúp đỡ. Dù đã trúng sổ xố, bà Trump vẫn tiếp tục làm việc cho gia đình Gaunt vì bà quý họ, đặc

biệt là cặp sinh đôi. Dĩ nhiên bà không hề biết chuyện chúng là djinn, cũng như chuyện chính Philippa là người đã biến điều ước trúng độc đắc 33 triệu đô của bà thành hiện thực.

Bà Trump xuất hiện trên lối vào phòng khách, mỉm cười thật tươi để khoe hàm răng mới đắt tiền của mình. Bên dưới lớp áo khoác ngoài chống bụi của bà là một bộ đầm Christian Ribbentrop và một cái dây chuyền ngọc trai năm sợi. Với mái tóc được cắt và nhuộm màu bởi Pierre Petomane ở Đại lộ Fifth Avenue, nhìn bà ổn hơn bao giờ hết.

Bà Gaunt nói:

– Chị Trump, hai đứa nhỏ bị cảm rồi. Chúng ta cần đốt lửa to lên và làm chúng ấm lại. Chị lấy giùm tôi ít than trong khi tôi lấy thêm củi được không?

– Dĩ nhiên rồi, thưa bà Gaunt.

Trong khi hai người phụ nữ đi lấy thêm than và củi, cặp sinh đôi ngồi co ro trước lò sưởi. Một hay hai giây sau, hai con chó to ùng ù đi vào trong phòng. Trông thấy chuyện đang xảy ra, chúng biến mất trong chốc lát rồi quay lại, mỗi con ngoạm một khúc củi to trong cặp hàm vĩ đại, mạnh mẽ của mình. Thả củi lên trên những miếng than cháy, hai con chó tản ra đứng hai bên lò sưởi, như thể đứng canh gác cho hai đứa trẻ.

John mỉm cười, răng đập vào nhau lập cập như bộ gõ catanhet^[3] vì lạnh. Với cậu, việc Alan và Neil từng là con người dễ tin hơn so với việc chúng từng mưu toan giết cha cậu. Bởi vì từ khi cặp sinh đôi ra đời đến nay, hai con chó luôn luôn trông coi hai anh em, và một điều chắc chắn là sự trung thành của chúng không hề có giới hạn. John và Philippa đã từng hỏi mẹ rằng, sau một khoảng thời

gian dài trung thành phục vụ như thế, liệu bà có nên biến Alan và Neil trở lại thành người không. Nhưng bà Gaunt nói rằng bà xin lỗi không làm được điều đó, vì biến đổi động vật là một việc kéo dài cả đời. Ngoài ra, bà đã thề sẽ không bao giờ sử dụng sức mạnh djinn nữa.

Cho nên John đã hỏi liệu *cậu* có thể biến Alan và Neil thành người, ít nhất là vào mùa hè khi nhiệt độ tăng lên và sức mạnh djinn của cậu hoạt động trở lại không. Bà Gaunt trả lời chuyện đó rất tiếc cũng không thể được, bởi vì sự biến đổi động vật chỉ có thể được hóa giải bởi chính djinn thực hiện nó. Nghe xong, Philippa hỏi mẹ rằng liệu có trường hợp nào bà sẽ sử dụng lại sức mạnh djinn không.

Bà đáp:

– Chỉ có một trường hợp duy nhất. Khi mạng sống của các con hoặc của cha các con bị đe dọa.

Bà Trump quay lại phòng khách và bỏ thêm than vào lò. Bà Gaunt xuất hiện liền sau đó với nhiều khúc củi, và chẳng mấy chốc, lửa trong lò phừng phừng cháy. Cặp sinh đôi ngáp dài thỏa mãn như hai con mèo lười khi hơi ấm của ngọn lửa ngấm vào tận xương chúng và nhen nhóm ngọn lửa huyền ảo vẫn âm ỉ cháy bên trong tất cả djinn, dù già hay trẻ.

Bà Gaunt nhắc điện thoại lên và bấm số. Philippa hỏi:

– Mẹ gọi cho ai vậy?

– Một bác sĩ djinn.

Vốn ghét bác sĩ y như ghét nha sĩ, John nói:

– Thật sự không cần thiết đâu mẹ ời.

Nhưng bà Gaunt đã đang nói chuyện với người ở bên kia đầu dây

điện thoại.

Kết thúc cuộc gọi, bà thông báo:

– May quá. Jenny Sachertorte tình cờ cũng đang ở New York với Dybbuk, con trai cô ấy.

John hỏi:

– Jenny Sachertorte là ai ạ?

– Sachertorte là một bác sĩ djinn. Cô ấy là chủ một khu spa nghỉ dưỡng ở khu suối nước nóng Palm Springs. Rất nhiều diễn viên Hollywood viếng thăm nó, mặc dù phần lớn các phương pháp điều trị ở đó được tạo ra để phục vụ cho djinn. Hóa ra cô ấy đang mở một phòng khám tư mới ở New York. Đó là lý do cô ấy và Dybbuk giờ đang ở đây. Vì cha mẹ của Dybbuk không sống cùng nhau nữa, và Dybbuk thi thoảng phải ở với cha vào những ngày nghỉ lễ, cho nên hai đứa nhỏ phải đối xử tốt với cậu ấy khi gặp nhé. Mẹ nghĩ cậu ấy vẫn còn buồn vì tất cả những chuyện đã xảy ra. Dù sao thì họ sẽ có mặt ở đây ngay bây giờ đây.

Ngay khi bà vừa nói câu đó, chuông cửa đã reo lên.

John nhận xét:

– Nhanh dữ vậy.

Bà Gaunt giải thích:

– Bác sĩ Sachertorte không tin vào việc sử dụng những phương tiện di chuyển của mundane. Cô ấy vẫn dùng cách di chuyển truyền thống của djinn.

Philippa tò mò hỏi:

– Chính xác là cách gì cơ ạ?

Nhưng bà Gaunt đã đi ra hành lang đón khách nên không nghe

được câu hỏi của cô. John trả lời thay:

- Một cái thảm thần cũng nên.

Và cảm thấy đã ấm hơn, cậu cởi bỏ lớp áo khoác cuối cùng.

Bà Gaunt xuất hiện lại trên ngưỡng cửa phòng khách, theo sau bà là hai người lạ. Bà đã giải thích cho họ nghe việc bên cạnh trạng thái uể oải mùa đông, cặp sinh đôi còn phải tuân thủ lời hứa không sử dụng sức mạnh djinn mà không hỏi ý kiến mẹ. Bác sĩ Sachertorte gật đầu một cách nghiêm trọng, trong khi cậu Dybbuk, con bà, dù có cố cũng không giấu được tiếng cười khẩy.

Bà Gaunt giới thiệu:

- Hai đứa, đây là cô Sachertorte, vị bác sĩ djinn mà mẹ đã nói tới. Jenny, đây là John và Philippa.

Bác sĩ Sachertorte gỡ cặp kính mát màu đen to thùng của bà ra và mỉm cười thân thiện với cặp sinh đôi. Mái tóc dài gọn sóng của bà màu đen tuyền và sáng bóng, như thể làm từ cùng chất liệu plastic của cặp kính mát bà đeo. Bà mặc bộ vét xanh lơ đính kim cương giả màu xanh và mang đôi giày cao gót xanh. Sự hào nhoáng của bà có phần rõ hơn bà Layla Gaunt: Jenny Sachertorte, bác sĩ djinn, nhìn giống như vừa bước xuống một sân khấu ở Las Vegas.

Bác sĩ Sachertorte chào:

- Rất vui được gặp các cháu. Đây là con trai cô, Dybbuk. Nó bằng tuổi các cháu, cho nên đừng để bị thuyết phục là nó lớn hơn nhé. Dybbuk, chào John và Philippa đi con.

Dybbuk trợn ngược mắt lên đỉnh đầu và làm một âm thanh giống tiếng kèn fagôt. Với mái tóc dài, áo kiểu rock, quần jean, áo jacket da, và đôi giày ống của dân lái mô tô trông như thể đã từng có mặt trên mọi nẻo đường của đường cao tốc Daytona

International Speedway, Dybbuk làm Philippa nghĩ đúng là cậu trông già dặn hơn cái tuổi mười hai. Nhưng Philippa cũng không có nhiều thời gian để nghĩ về chuyện đó. Bác sĩ Sachertorte đã nắm lấy cổ tay cô và giữ một con lắc ngay phía trên mạch máu tay. Bà cũng làm vậy với John, chú ý rất kỹ đến hướng quay của con lắc, rồi gật đầu nói:

– Djinn có phần giống thần lùn. Cần được phơi mình trước cái nóng. Cô sẽ lên một danh sách thức ăn phụ thêm cho các cháu để khắc phục vấn đề này. Đó là phương thức chữa trị về lâu dài. Còn bây giờ, chúng ta cần thu càng nhiều nhiệt vào cơ thể các cháu càng tốt. Cô có mang theo một vài thứ có thể làm được điều đó. Dybbuk, lấy giùm mẹ cái túi đi con.

Lại trợn ngược mắt, Dybbuk cầm một cái túi Gladstone bằng da màu xanh biển lên khỏi sàn. Từ trong cái túi rộng, bác sĩ Sachertorte rút ra ba cái lọ làm bằng đất nung. Bà cho biết:

– Cô gọi cái này là thuốc bổ djinn. Đây là một chai “vút bay”, nước núi lửa, lấy từ những suối nước nóng ở “Không có ai hoàn hảo” – khu spa nghỉ dưỡng của cô ở Palm Springs.

Đưa một lọ cho John, một lọ cho Philippa, và một lọ cho bà Gaunt, bác sĩ Sachertorte nghiêm nghị nói với bà:

– Cả chị nữa, chị Gaunt. Tôi chắc là chị cũng cần đến một lọ “vút bay” đấy.

Rồi bà nháy mắt với cặp sinh đôi và giải thích:

– “Vút bay” chỉ là cách nói bóng bẩy của giới bác sĩ djinn cho một loại nước tăng lực thôi.

Áp lòng bàn tay vào thành lọ, Philippa nhận xét:

– Nó có vẻ nóng. Và giống như có cái gì đó đang di chuyển bên

trong. Hoặc cái gì đó đang sôi sùng sục. Giống như nước nấu trong ấm.

Bác sĩ Sachertorte ra chỉ thị:

- Mọi người uống hết lọ ngay đi, trước khi nó kịp nguội lại.

Thấy mẹ không chút do dự uống hết lọ “vút bay” của bà, cặp sinh đôi làm theo và phát hiện ra chúng thích cái vị của nó. Nhưng điều tuyệt hơn là nó làm hai anh em gần như ngay lập tức cảm thấy mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên bác sĩ Sachertorte vẫn chưa xong việc với cặp sinh đôi. Thò tay vào trong cái túi Gladstone của mình, bà lấy ra hai hòn đá phẳng đẹp có hình dáng và kích cỡ như cái đĩa nông nhỏ và đưa cho mỗi đứa một cái.

John thốt lên:

- Ôi, cái này cũng nóng.

Bác sĩ Sachertorte giải thích:

- Đây là đá rồng lửa lấy từ trung tâm trái đất và không bao giờ mất sức nóng. Ít nhất là trong vòng sáu mươi, hay bảy mươi năm nữa. Các cháu có thể cất nó trong túi khi đi dạo quanh thành phố, và để trên giường khi đi ngủ. Giống như một chai nước nóng. Nó sẽ giúp các cháu sung sức và tránh căn bệnh uể oải mùa đông.

Ôm bác sĩ Sachertorte một cách triu mến, bà Gaunt nói:

- Cám ơn chị, Jenny.
- Đừng nói vậy Layla. Có thể giúp được chị tôi rất vui. Quay qua cặp sinh đôi, bà Gaunt chỉ đạo:
 - Lâu không gặp, mẹ và cô Sachertorte có nhiều chuyện cần nói với nhau. Sao hai đứa không dẫn Dybbuk vào bếp và nhờ bà Trump làm cho cả ba vài cái bánh sandwich nhỉ?

Nhìn Philippa, bác sĩ Sachertorte dặn thêm:

– Nhờ cháu nhắn bà Trump đừng cho Dybbuk ăn muối nhé, cháu yêu! Muối làm nó khó ỏ. Đúng không, Dybbuk?

Dybbuk lại trợn ngược mắt lần nữa trước khi theo cặp sinh đôi đi vào bếp.

Chúng tìm thấy bà Trump trong một trạng thái không lấy gì làm vui vẻ. Gần đây bà thường hay gắt gỏng, và cặp sinh đôi biết lý do tại sao. Sau khi trúng độc đặc Xổ số New York, bà Trump đã dùng một phần gia tài kếch xù của mình để mua một căn hộ trong tòa nhà Dakota nổi tiếng trên đường số 72. Tại đó, bà đã thuê một cô giúp việc tên Pickings, một người được trả lương cao mà lại làm rất ít. Trong khi bà Trump vắng nhà cả ngày vì qua làm việc cho gia đình Gaunt, cô ta suốt ngày chỉ ngồi coi ti vi và uống cà phê. Đáng lẽ bà Trump đã đuổi việc cô Pickings từ lâu, nhưng cô ta đã từng thắng kiện các chủ trước vì tội phân biệt đối xử. Bà Trump tội nghiệp đã sợ chết khiếp khi nghĩ đến việc phải ra hầu tòa nếu sa thải cô ta.

Pickings chỉ là một trong hai vấn đề mà John sẽ giải quyết ngay khi sức mạnh của cậu hồi phục lúc thời tiết ấm hơn. Vấn đề còn lại là việc cậu đang bị bắt nạt ở trường bởi một thằng bé tên Gordon Warthoff. John đã nghĩ rất nhiều về chuyện cậu sẽ làm gì với Gordon Warthoff. Cái họ Warthoff khiến John liên tưởng ngay đến việc biến nó thành một con lợn lòi^[4], nhưng cậu không nghĩ mẹ sẽ đồng ý với điều đó. Đã có lúc cậu cảm thấy thật bất tiện khi sinh ra trong một tộc djinn phe Thiện. Nếu cậu là một djinn tộc Ifrit, tộc djinn ác độc nhất của phe Ác, giờ này Warthoff đã là một con heo đầy mụn cơm suốt ngày ăn mồi và sống trong những vũng bùn lầy ở

thảo nguyên châu Phi rồi.



CHƯƠNG 2

Bài hát Imagine

Sau bữa trưa, John và Philippa dẫn Dybbuk lên lầu và chỉ cho cậu ta phòng của hai anh em. Dybbuk là djinn cùng tuổi đầu tiên mà hai anh em gặp nên cặp sinh đôi trông mong gặp cậu ta hơn là cậu ta muốn gặp chúng. Quả thực, rõ ràng là Dybbuk nhìn hai anh em bằng nửa con mắt.

Dybbuk hỏi:

– Phải mẹ các cậu không vậy? Các cậu có sức mạnh djinn nhưng lại không thể sử dụng chúng vì mấy lời hứa ngu ngốc với mẹ hả?

John phùng mang trợn mắt giải thích:

– Tớ không có nói như vậy à.

Philippa nói thêm:

– Nhưng đúng là tụi tớ có hứa với mẹ.

Dybbuk lớn tiếng cười:

– Thật không tin nổi các cậu!

John cho biết:

– Nhưng ngay cả khi muốn sử dụng sức mạnh, tụi tớ cũng đâu thể làm được gì. Nhìn ngoài trời đi. Lạnh dã man.

Quảng mình xuống cái ghế bành của John, Dybbuk nói:

– Ngốc ạ, đó là điều mà người lớn muốn các cậu nghĩ. Giống như tất cả mọi thứ khác trên đời, chuyện gì cũng có cách hết, nếu như các cậu biết cách.

Philippa hỏi:

– Ý cậu là cậu có thể sử dụng sức mạnh djinn của mình? Ngay cả khi trời lạnh?

– Không hoàn toàn thế. Mẹ tớ đã dùng một phép trói buộc lên tớ. Để ngăn tớ sử dụng sức mạnh djinn cho đến khi nào bà nghĩ tớ đã ở trong cái gọi là “tâm trạng có trách nhiệm”.

John hỏi:

– Nhưng sao mẹ cậu lại làm vậy chứ, Dybbuk?

Dybbuk nhăn mặt nói:

– Gọi tớ là Buck. Chỉ Buck thôi, okay? Tớ ghét tên mình. Có một thằng nhóc đã biến thời gian ở trường của tớ thành địa ngục chỉ vì cái tên đó. Nó nói tớ xấu xa gì gì đó. Nên tớ đã biến nó thành một con gián. Chỉ trong một thời gian ngắn thôi. Nhưng mẹ tớ đã nổi giận bùng bùng vì chuyện đó. Chuyện đó và một chuyện khác tớ đã làm với ông thầy dạy toán của tớ.

John giờ đã hoàn toàn ngưỡng mộ Dybbuk. Cậu cũng đã mơ sẽ làm một chuyện gì đó kinh khủng với thầy dạy toán của mình. Cậu háo hức hỏi:

– Cậu đã làm gì thế?

Phồng mũi trước việc được một thằng nhóc khác tôn thờ như người hùng, Dybbuk nhe răng cười:

– Ông thầy Strickneen đó lúc nào cũng chăm chăm bắt lỗi tớ. Bởi vì tớ không giải được một phương trình bậc hai, hay thứ gì đó

tương tự. Cho nên tớ nghĩ phải cho ông ấy biết chính xác cảm giác đó như thế nào. Ngu toán. Trong cả hai ngày trời, ông thầy dở hơi đó còn chẳng biết hai cộng hai bằng mấy, chứ đừng nói đến giải một phương trình bậc hai. Ông đã nghĩ chắc mình bị điên rồi.

John khen:

- Tuyệt vời.
- Nhưng rồi mẹ tớ hỏi sao không thấy tớ có bài tập toán về nhà và tớ nói cho bà biết. Và đó là một hành động ngu ngốc, bởi vì bà quyết định sẽ làm tớ không thể sử dụng sức mạnh djinn trong một thời gian. Bằng một phép trói buộc.

Philippa hỏi:

- Nhưng chính xác bà ấy đã làm thế nào? Phép trói buộc ấy?
- Bà làm tớ quên mất từ trọng tâm của tớ.

John gợi ý:

- Cậu không thể nghĩ ra một từ khác sao?

Dybbuk lắc đầu. Đưa tay vén tóc ra khỏi mắt, cậu nói:

- Đâu có đơn giản vậy được, đồ khăn giấy ướt. Từ trọng tâm cũng giống như password cho máy tính. Muốn đổi password mới, cậu cần phải nhớ password cũ, đúng không?

Philippa hỏi:

- Bao giờ mẹ cậu mới giải phép cho cậu?
- Khi nào về nhà. Các cậu thấy đó, theo kế hoạch, tớ sẽ sống với cha tớ khi ở đây, và mẹ tớ không muốn tớ làm gì với vợ mới của ông. Nadia, mẹ kế tớ, không phải là djinn. Bà ấy làm nghề thiết kế nội thất.

Philippa hỏi tiếp:

– Nhưng cậu định sẽ làm gì bà ấy à?

Dybbuk cười khì:

– Dĩ nhiên rồi. Bộ cậu không làm vậy nếu cha cậu dọn ra khỏi nhà và cưới một người vợ mới sao?

Philippa suy nghĩ trong giây lát rồi thừa nhận:

– Có lẽ tớ sẽ biến bà ấy thành một con dơi. Tớ không nghĩ có gì tệ hơn thế. Tớ ghét dơi.

Dybbuk nhún vai:

– Ồ. Có thể thế. Nhưng nếu đó là người tớ thật sự ghét, tớ sẽ thả một con nguyên tố lên họ. Cái đó còn đáng sợ hơn bất kỳ con dơi ngu ngốc nào.

Philippa quay nhìn John, nhưng anh cô cũng lắc đầu.

Dybbuk khịt mũi:

– Đừng nói là các cậu không biết gì về các con nguyên tố nha! Ở trường họ dạy cái gì cho lũ khăn giấy ướt các cậu vậy trời? Các con nguyên tố là những quái vật mini sống bên trong tám nguyên tố. Chắc các cậu biết bốn nguyên tố tự nhiên Đất, Không khí, Lửa, Nước và bốn nguyên tố quý tộc Linh hồn, Không gian, Thời gian và Sự May mắn chứ? Chuyện là Nadia hiện đang bận rộn trang trí lại căn hộ mới của họ, nên có thể tớ sẽ thả một con nguyên tố nước lên bà. Làm ngập lụt chỗ đó. Chỉ để phá phách chút thôi.

Đặt tay lên vai cặp sinh đôi, Dybbuk đề nghị:

– Có lẽ các cậu có thể giúp tớ. Ý tớ là, các cậu có thể giúp tớ kích hoạt một con nguyên tố.

John nói:

– Tớ không nghĩ tụi tớ làm được gì. Như tớ đã nói, thời tiết quá

lạnh để tụi tớ sử dụng sức mạnh djinn.

– Đã nói rồi mà, đó chỉ là điều người lớn muốn các cậu nghĩ. Để các cậu không gây rắc rối gì. Các cậu biết đấy, tớ có thể chỉ các cậu cách khôi phục một phần sức mạnh. Nếu các cậu hứa sẽ thả một con nguyên tố lên mẹ kế tớ.

Philippa lắc đầu trả lời một cách kiên quyết:

– Rất tiếc, nhưng tớ không nghĩ tụi tớ có thể làm một chuyện như vậy. Với lại, dù có muốn tụi tớ cũng không biết làm thế nào. Đúng không, anh John?

– À... ờ.

John trả lời có phần kém chắc chắn hơn em gái. Người mà cậu đang nghĩ đến hiện giờ không phải là Nadia, mẹ kế của Dybbuk, mà là Gordon Warthoff, kẻ bắt nạt cậu ở trường, và cậu đang nghĩ đến việc mình sẽ có thể làm gì với nó một khi sức mạnh djinn phục hồi. Chưa kể đến việc cậu sẽ làm gì với cô nàng Pickings, người giúp việc lười biếng của bà Trump. Cậu sẽ xử lý cả hai. Nhưng ngoài mặt, cậu vẫn nói:

– Không, tụi tớ không thể làm chuyện đó.

– Ok, các cậu không muốn cũng không sao.

Dybbuk đứng dậy và nhìn xuống đường. Trời đã bắt đầu đổ tuyết trở lại và lần này các bông tuyết lững lờ rơi trên vỉa hè. Dybbuk nói:

– Này, tớ có thể thấy vấn đề của các cậu là gì rồi. Tớ đã quên mất mùa đông New York có thể lạnh như thế nào. Chỗ tớ sống ở California là sa mạc. Và nó làm mọi chuyện dễ dàng hơn. Ý tớ là, dễ dàng hơn với một djinn. Chắc đó là lý do tại sao tớ vượt xa các cậu về khoản sức mạnh và hiểu biết về djinn.

Nghĩ đến việc sống ở Palm Springs tuyệt vời hơn sống ở New York như thế nào, John đồng ý:

– Tổ cũng nghĩ vậy.

Dybbuk nói:

– Ok, tổ thích các cậu. Cho nên tổ sẽ nói cho các cậu biết vô điều kiện. Về cách để tự khôi phục sức mạnh djinn khi mắc kẹt trong cái hộp bằng mà các cậu gọi là khí hậu này. Có ai trong hai cậu tham gia một câu lạc bộ thể thao không? Và nếu có, câu lạc bộ đó có phòng tắm hơi không?

John cho biết:

– Gia đình tổ có một phòng tắm hơi ở dưới nhà.

Dybbuk nhe răng cười:

– Vậy là vấn đề của các cậu đã được giải quyết. Tất cả những gì các cậu phải làm là ngồi trong đó và nướng mình hết công suất. Sau đó các cậu sẽ có thể hành xử như một djinn chính hiệu.

Cười khinh miệt, Dybbuk để thêm vào:

– Không thể tin là các cậu không tự khám phá ra được điều đó.

Philippa chống chế:

– Đó là vì tụi tổ chưa bao giờ vào đó. Tụi tổ ghét không gian chật mà.

– Thì uống một viên thuốc than trước khi vào là xong. Ngốc. Quá đơn giản.

Djinn dùng thuốc than để chống lại cảm giác sợ không gian chật mà họ gặp phải khi ở trong bất kỳ khoảng không đóng kín nào, đặc biệt là trong một cái đèn hay một cái chai.

John thừa nhận:

– Giờ cậu nói tớ mới thấy quá chí lý, Buck ạ. Vào mùa đông, cái phòng tắm hơi thậm chí còn tự động bật vào bữa trưa để khi đi làm về, cha tớ có thể vào ngay trong đó.

Dybbuk hỏi:

– Ý cậu là giờ nó đang bật à?

Liếc nhìn đồng hồ, John gật đầu:

– Chắc thế.

– Vậy chúng ta còn chờ gì nữa? Cho tớ mượn một bộ đồ bơi và chúng ta có thể vào đó thử nghiệm ngay.

Và cả ba mặc đồ bơi vào, uống vài viên thuốc than, rồi đi xuống tầng hầm.

Phòng tắm hơi của ông Gaunt giống như một cabin gỗ nhỏ. Bên trong là vài cái ghế dài đặt xung quanh một cái lò chất đầy đá nóng phía trên. Cái nhiệt kế trên tường cho biết nhiệt độ trong phòng hiện giờ gần 100 độ C – nóng gấp đôi nhiệt độ sa mạc mà cặp sinh đôi từng trải qua. Và chỉ trong mấy phút bước vào phòng và bắt đầu đổ mồ hôi, cặp sinh đôi đã cảm thấy sức mạnh của chúng đang quay trở lại. Mới đầu John cảm thấy nó như một cảm giác ấm áp nằm sâu bên trong người cậu, và rồi nhận ra đầu óc cậu tỉnh táo hẳn như một người hồi phục lại sau trận cảm nặng. Còn Philippa cảm thấy như cơ thể cô đang tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngon thật dài.

Khi còn ở Ai Cập, nơi chú Nimrod bắt đầu huấn luyện cặp sinh đôi cách sử dụng sức mạnh djinn, ông đã nói về việc tinh thần quan trọng hơn thể chất. Đã hơi lâu cặp sinh đôi không luyện tập gì, nhưng chẳng mấy chốc John đã có thể sử dụng sức mạnh vừa khôi phục để tạo ra vài cái đĩa CD cậu đang tìm mua, trong khi Philippa

tạo một cái áo khoác bằng vải bông xù thật dày mà cô dự định sẽ dùng để choàng kín người ngay khi họ rời khỏi phòng tắm hơi. Không có món đồ tạo ra nào có vẻ đủ quan trọng để họ phải hỏi ý kiến mẹ trước.

John nói với Philippa:

– Có lẽ chúng ta nên tặng cho Buck cái gì đó để cảm ơn cậu ấy đã chỉ cách khôi phục sức mạnh.

Dybbuk đáp lời:

– Tổ rất sẵn lòng nhận một game vi tính mới, nếu các cậu không ngại.

Khi Dybbuk nói cho hai anh em biết cái game đó tên gì, chỉ có John đã nghe đến nó, tuy nhiên một mình cậu không đủ sức mạnh để tạo ra nó.

Dybbuk đề nghị:

– Hay là vậy, chúng ta sẽ nắm tay nhau và tổ sẽ sử dụng sức mạnh của các cậu để tập trung vào cái game mà tổ muốn. Được không?

Philippa tán thành:

– Ý kiến hay. John, chúng ta đã làm chuyện này trước đây, anh nhớ không? Với ông Rakshasas. Khi chúng ta tạo ra cái xe Ferrari màu hồng ở Cairo đó.

– Làm sao anh có thể quên được chứ?

John nắm lấy tay em gái, rồi nắm lấy tay Dybbuk.

Lần đầu tiên chúng thử tạo cái game của Dybbuk, nhưng không có gì xảy ra; hoặc ít nhất không có gì xuất hiện. Philippa cảm thấy chuyện đó hơi kỳ lạ, bởi vì cô cảm thấy rõ có một phần sức mạnh đã

rời khỏi cơ thể mình. Nhưng trong lần thử thứ hai, cái game ngay lập tức hiện ra, và Dybbuk trông có vẻ rất vui, đến nỗi Philippa quên hẳn việc đã có lần thử đầu tiên.

Không lâu sau đó, bác sĩ Sachertorte dẫn Dybbuk về nhà. Và khi còn lại một mình trong phòng, John tiếp tục thử nghiệm sức mạnh của mình. Cậu khám phá ra mình có thể giữ nguyên trạng thái hóa thể – cái mà djinn gọi khi họ biến vào trong hoặc rời khỏi một cái đèn hay một cái chai nào đó – đến ba tiếng đồng hồ sau khi ngồi trong phòng tắm hơi của cha cậu. Khám phá này gợi lên ý tưởng về việc cậu và Philippa có thể giúp bà Trump như thế nào. Nhưng sau khi lắng nghe kế hoạch của anh trai, Philippa vẫn có vẻ chưa được thuyết phục lắm.

Cô nói:

– Em không biết đâu. Thực sự em không dám chắc chúng ta nên làm việc đó đâu, John!

John nài nỉ:

– Chỉ là một biến thể bình thường thôi mà. Đâu phải chúng ta định biến cô Pickings thành gián đâu.

– Em chỉ không chắc là mẹ sẽ đồng ý với việc đó.

– Bà Trump cần sự giúp đỡ của chúng ta, không đúng sao?

Vẫn còn hơi ngần ngừ, Philippa gật đầu:

– Đúng là thế. Nhưng mà...

– Này nhé, anh sẽ là người thực hiện biến thể đó. Vậy trách nhiệm sẽ thuộc về anh, không phải em.

John đợi xem Philippa có nói gì không, và khi cô tiếp tục giữ im lặng, cậu nói thêm:

– Bộ em có thể nghĩ ra một kế hoạch tốt hơn sao?

Philippa phải thừa nhận là cô không thể.

Ngày hôm sau, trong khi John dự trữ sức nóng bên trong phòng tắm hơi, Philippa ngồi đợi cho đến khi chiếc limousine của bà Trump chở bà đến làm việc, và rồi “mượn” chùm chìa khóa căn hộ ở tòa nhà Dakota từ túi xách của bà. Khi cô đến gặp John trong phòng tắm hơi, cậu biến thể và chui vào trong một chai rượu nhỏ bằng bạc mà hai anh em đã mượn từ ngăn kéo bàn làm việc của cha. Rồi Philippa bỏ chùm chìa khóa và chai rượu vào trong ba lô, khoác lên người cái áo mùa đông dày và ấm nhất, rồi lên ra ngoài bằng cửa trước.

Tuyết đóng dày cả tắc, nên chỉ có vài chiếc taxi chạy trên đường, và Philippa phải đi bộ xuyên qua Công viên Trung tâm để đến đường số 72 và tòa nhà căn hộ cao cấp mà bà Trump hiện đang sống. Với lớp hàng rào sắt, cái hào khô cạn bao bọc xung quanh và một cái chòi gác, tòa nhà Dakota làm Philippa liên tưởng đến một tòa lâu đài Đức âm u, khiến cô thấy khá căng thẳng. Khi người gác cổng gật đầu cho cô qua, Philippa đi một mạch lên tầng thứ bảy của tòa nhà.

Cặp sinh đôi đã vài lần ghé thăm căn hộ của bà Trump. Nó nằm ngay bên cạnh căn hộ của ca sĩ John Lennon, ban nhạc The Beatle, người đã bị bắn chết bên ngoài tòa nhà Dakota năm 1980. Chi tiết đó, cùng với việc bà Trump đã mua một cây đàn dương cầm màu trắng, đã gợi cho John một ý tưởng hay. Cậu sẽ giả làm John Lennon. Hay chính xác hơn là hồn ma của John Lennon.

Bước vào trong căn hộ, Philippa đi thẳng đến chỗ cây dương cầm, đặt chai rượu lên trên cái lò sưởi kế bên, và mở nắp chai ra.

Không có thời gian để nấn ná: Pickings sắp đến trong giây lát.

Cô nói vào trong cái cổ chai:

– Giờ anh phải tự lo rồi đó. Em gặp lại anh sau nhé. Nhớ cẩn thận.

Giọng John vang lên đáp lời:

– Chỉ đừng quên quay lại đón anh nhé.

Philippa bắt thang máy xuống tiền sảnh. Cô đang nghĩ tới một trong những người bạn thân nhất của cô, Isabel Getty – có lúc cô bé này sống trong tòa nhà Dakota có lúc lại sống ở Hồng Kông – thì cửa thang máy mở ra và cô mặt đối mặt với một phụ nữ cao, gầy với mái tóc màu vàng xỉn ngắn ngùn và đầy một mồm răng vàng khè. Đó là cô Pickings đang trên đường đến căn hộ của bà Trump. Philippa chỉ mới gặp Pickings có một lần sau khi bà Trump thuê cô ta được một, hai ngày, khi cô ta vẫn còn dễ chịu và thật sự có dọn dẹp căn hộ. Nhưng giờ đây gặp cô Pickings, Philippa nhận ra cô ta không có gì tốt: người phụ nữ nheo mắt rồi túm lấy ve áo khoác của Philippa, rít lên:

– Mà làm gì ở đây?

Philippa nói:

– Tôi đi thăm bạn.

Cô Pickings tra hỏi:

– Bạn mà tên gì hả?

– Isabel Getty. Giờ thì thả tôi ra. Tôi muốn về.

Cô Pickings đứng lùi lại. Với cặp mắt xanh, gò má cao và cái cổ dài ngoằng, nhìn cô giống như một con mèo Miến Điện. Một con mèo Miến Điện cáu kỉnh. Cô héch mui nói với Philippa:

– Mày là một con nhãi thô lỗ, kinh dị. Và tao không bao giờ thích mày, biết không?

Philippa lách tránh cô Pickings và bước nhanh ra cửa. Tất cả do dự về việc John định làm với cô Pickings giờ đã hoàn toàn bị loại bỏ.

Bên trong chai rượu đặt phía trên lò sưởi căn hộ của bà Trump, John cảm thấy ấm áp như thể cậu vẫn còn ở trong phòng tắm hơi. Cậu chờ thêm ít nhất mười lăm phút sau thời gian đến dự kiến của cô Pickings trước khi biến thể rời khỏi chai và hiện ra trong phòng khách của bà Trump. Cậu ở khá xa nhà bếp, nơi cô Pickings đang ngồi trên một cái ghế bành, uống cà phê, xem ti vi, đọc báo, và dùng điện thoại của bà Trump để gọi một cuộc điện thoại đường dài.

John khom người núp sau cây dương cầm một lúc và rồi rón rén đi về phía nhà bếp để kiểm tra nạn nhân của cậu. Cô Pickings nhìn có vẻ đã ổn định vị trí cho một ngày nhàn hạ và một, hai giây sau, cô đặt tách cà phê xuống, nhắm mắt lại và bắt đầu ngáp lớn. Đây là tin xấu cho bà Trump, nhưng là tin tốt cho John. Cậu quay ngược vào trong phòng khách và ngồi xuống trước cây đàn dương cầm.

“Imagine” (Hình dung) là bài đơn ca nổi tiếng nhất, đòi hỏi kỹ thuật nhiều nhất của John Lennon. Và nó là một trong vài bài cậu bé John Gaunt có thể chơi trên đàn dương cầm. Cậu John trẻ tuổi có một giọng hát khá hay và vừa ca được hết đoạn nhạc đầu tiên thì cậu nghe tiếng bước chân đi lên từ nhà bếp. Thật nhanh chóng, John thâm thì từ mà cậu sử dụng để tập trung sức mạnh djinn của mình – “ABECEDARIAN!”. Và một giây sau, cậu đã biến thành một món đồ trang trí trên cây dương cầm – một bức tượng sứ bóng

loáng nho nhỏ hình một cậu bé vận trang phục thế kỷ thứ 18 đang chơi đàn clavico.

Cảm giác là một món đồ sứ và không có cơ bắp nào để dịch chuyển là một cảm giác kỳ lạ, nhưng vị trí này giúp cậu chứng kiến rõ cảnh cô Pickings tiến về phía cây đàn dương cầm với vẻ mặt lo âu, sợ sệt.

Run rẩy đưa tay chạm vào vài phím đàn, cô hỏi:

– Có ai ở đây không?

Nếu một bức tượng bằng sứ có thể cười, chắc John đã rút ra khỏi cái ghế đầu bằng sứ của cậu mất. Cũng may là, ít nhất trong lúc này, cậu không thể.

Một lúc sau, cô Pickings quay trở lại nhà bếp, và đó là tín hiệu để John khôi phục hình người, chơi vài nhịp trong bài hát của Lennon trước khi biến thể và quay về trạng thái như trong lò nướng ở bên trong chai rượu bằng bạc đặt trên lò sưởi. Quyết định không mạo hiểm chơi tiếp bài hát của Lennon trong sáng hôm nay để phòng trường hợp bị cô Pickings phát hiện, John ngồi xuống chờ Philippa. Ít nhất phải mười tiếng nữa em cậu mới có thể quay lại tòa nhà Dakota cùng bà Trump.

May cho John là cậu không cần phải chờ đến mười tiếng, vì mười tiếng đó sẽ không có cảm giác như là mười tiếng. Vì cậu đã đi vào trong chai theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, đối nghịch với vòng quay bình thường của bán cầu Bắc, nên thời gian bên trong chai, vốn tồn tại bên ngoài không gian ba chiều, sẽ trôi qua nhanh hơn nhiều. Và với John, có vẻ như cậu chỉ phải chờ chưa đến một tiếng trước khi cậu quay về nhà và vào trong phòng ngủ kể cho Philippa chuyện gì đã xảy ra.

Cậu nói:

– Em biết không, bà Trump đã nói đúng. Pickings là một phụ nữ kinh khủng. Cô ta nằm ngủ khi trên ghế bành khi anh bắt đầu chơi dương cầm. Lười thấy sợ.

Philippa nói thêm:

– Không chỉ lười biếng đâu. Bà Trump nghĩ có khi cô ta còn trộm đồ nữa đó. Vài món trang sức của bà đã biến mất tiêu.

Ngày hôm sau, Philippa lại mang chai rượu đựng John đến tòa nhà Dakota và để nó lại ở đó. Lần này John đã cảm thấy tự tin hơn về việc sử dụng sức mạnh djinn của cậu. Sau khi biến thể ra khỏi cái chai, cậu núp vào trong tủ đựng đồ vải lanh, tạm thời để lại thân thể mình ở đó và, hoàn toàn vô hình trong mắt người thường, cậu ngồi xuống cây dương cầm chơi nguyên bài Imagine, hát lớn bằng một giọng mà cậu nghĩ giống giọng thành phố Liverpool của John Lennon nhất. Nó không giống. Nhưng cậu không biết điều đó, và quan trọng hơn là cô Pickings cũng vậy. Từ phòng khách, cô hét toáng lên và chạy vào khóa mình trong phòng tắm. Ở đó, cô gọi điện cho bà Trump. Vài phút sau, cô ù té chạy khỏi căn hộ, vút bỏ lại trên sàn nhà chùm chìa khóa cửa và đôi bông tai kim cương cô lấy trộm trong cái tủ đầu giường của bà Trump.

Tiếng John đặc thảng reo lên làm cô chạy bổ xuống cầu thang bộ thay vì chờ thang máy.

Lấy lại thân thể mình từ tủ đồ, John gọi đến số di động của Philippa và biết được cô Pickings đã nói với bà Trump rằng căn hộ của bà ở tòa nhà Dakota bị ma ám và cô ta sẽ không bao giờ quay lại đó làm việc. Philippa nói thêm rằng cuối cùng thì sau một thời gian dài, bà Trump đã trông có vẻ hạnh phúc hơn – ngoại trừ nỗi lo

rằng có thể có một con ma ở nhà bà – và Philippa cảm thấy có nghĩa vụ thuyết phục bà rằng, không, trên đời này làm gì có ma.

Cô hỏi anh:

- Anh muốn em đến đón không?
- Giờ chúng ta không cần bí mật nữa. Cô ta đã đi rồi, cho nên anh có thể tự về nhà.

Liếc nhìn ra ngoài cửa sổ, cậu nói thêm:

- Với lại, trời bắt đầu đổ tuyết nữa rồi.

Cậu gác máy và chuẩn bị rời khỏi căn hộ. Cậu vẫn đang tự chúc mừng bản thân vì hoàn thành tốt công việc thì chợt giật bắn vì nhận ra cậu không đang ở một mình trong phòng. Đứng ở một góc phòng là một người đàn ông với hàm râu đỏ và cái mũi khoằm như chim ưng. Ông mặc bộ com lê sọc nhỏ màu xanh, trên ngón tay ông là một cái nhẫn lớn với một viên đá mặt trăng có kích cỡ và màu sắc như mắt cá sấu. Được nâng lên ngay trước mặt người đàn ông, cái nhẫn dường như buộc John đứng chôn chân tại chỗ. Với vẻ mặt giận dữ, người đàn ông râu đỏ lờ lờ bước về phía John.

Ông gần hỏi:

- Mà nghĩ gì mà dám lừa gạt người phụ nữ tội nghiệp đó một cách quá đáng vậy chứ? Khôn hồn thì giải thích ngay.

John cố giải thích, nhưng mỗi khi cậu mở miệng định nói, một thứ khủng khiếp lại rút khỏi miệng cậu: đầu tiên là một bãi súp đậu Hà Lan, tiếp theo là một miếng bông cải xanh, vài lá rau diếp, vài đế hoa atisô, một miếng củ cải, và cuối cùng là gần cả một panh^[5] rau bina nghiền. John ghét mùi vị của hầu hết các loại rau quả, và việc có đột ngột có quá nhiều mùi vị đó cùng một lúc vượt quá sức chịu đựng của cậu. Lần đầu tiên trong cuộc đời djinn của

mình, John ngất xỉu.



CHƯƠNG 3

Tiệc mừng sách mới

Khi tỉnh lại, John thấy mình đang ở một căn hộ khác. Cậu biết mình vẫn còn ở trong tòa nhà Dakota, vì từ vị trí nằm dài bên cạnh cửa sổ trên một cái ghế dài, cảnh quan bên ngoài vẫn như cũ. Tuy nhiên bản thân căn hộ này lại rất khác. Không giống như căn hộ của bà Trump với những món đồ đạc mới mua, mọi thứ trong căn hộ này đều rất cũ kỹ. Có cả một cái bàn Ai Cập lớn và vài bức tượng gợi John nhớ đến nhà của chú Nimrod ở London. Không một tiếng động nào lọt qua những bức tường dày đặc của căn hộ, và khi người chủ kinh khủng của nó lên tiếng, dường như cả cái đồng hồ quả lắc to đùng cũng nín lặng.

Kéo một cái ghế ngồi xuống bên cạnh John, người đàn ông nói:

– Xin lỗi đã làm cháu hoảng sợ. Cho phép ta tự giới thiệu: Tên ta là Frank Vodyannoy, và giống như cháu, ta cũng là một djinn. Ta đã sống ở tòa nhà này gần năm mươi năm nay, và ta còn làm nhân viên kinh doanh cho nhiều mundane sống ở đây. Trên thực tế, cách này cách khác ta đã giúp đỡ công việc của hầu hết mọi người sống ở đây, dù ta không biết sự giúp đỡ của ta rốt cuộc có tốt cho họ hay không. Năm mươi năm qua, ta là djinn duy nhất trong tòa nhà này. Cho nên ngày hôm qua, khi ta phát hiện sức mạnh djinn trong

Dakota, ta có chút tò mò muốn biết ai đang sử dụng nó. Nhưng hôm qua khi ta sang kiểm cháu, cháu đã đi mất tiêu.

– Rồi hôm nay, khi một lần nữa cảm thấy sự hiện diện của cháu, ta đã hơi bực mình. Ta đã không nhận ra cháu còn trẻ như vậy. Và đã hơi mạnh tay với cháu. Cho ta xin lỗi về chuyện đó. Nhưng như ta đã nói, những người này trông cậy vào ta. Chúng ta không thể cho phép một djinn xấu sống ở Dakota.

John thanh minh:

– Cháu không phải djinn xấu. Cháu là djinn bên phe Thiện.

– Việc cháu định dùng thời gian của mình làm gì không liên quan đến ta, nhưng ta sẽ không tha thứ cho những trò đùa ác ý vô bổ. Không phải trong tòa nhà Dakota.

John khẳng định:

– Thật sự đó không phải là một trò đùa ác ý vô bổ.

Ông Frank Vodyannoy mỉm cười một cách kiên nhẫn với John và nói:

– Nhưng ta lại không thấy như vậy. Điều mà ta thấy là cháu đang cố tình đe dọa người khác. Ta rất ghét những djinn làm thế với con người.

– Chỉ là sự hiểu lầm thôi, thưa ngài. Cháu chỉ đang cố giúp người khác. Một người phụ nữ mundane tên là Trump.

– Vậy chắc cháu không phiền kể rõ mọi chuyện cho ta chứ?

Cảm thấy đã khỏe hơn một chút, John ngồi dậy và kể cho ông nghe chuyện gì đã xảy ra. Và khi cậu kể xong, ông Vodyannoy bật cười khanh khách.

Ông tuyên bố:

– Ta thích cháu đấy, cậu nhóc. Ta từng quen John Lennon. Một anh chàng khá được. Cậu ta mà nghe chuyện cháu làm chắc cũng sẽ gật đầu cái rụp. Đầu óc cậu ta cũng hài hước lắm.

John đưa tay xoa đầu. Bỏ hai chân xuống đất, cậu hỏi:

– Rốt cuộc chuyện gì đã xảy ra với cháu vậy?

Ông Vodyannoy giải thích:

– Cháu bị không chế bởi một phép trói buộc djinn. Phép dò tâm. Nhiệm vụ của nó là tìm ra những thứ làm cháu khó chịu, rồi làm chúng xuất hiện bên trong miệng cháu. May cho cháu là cháu chỉ thật sự ghét rau quả, chứ ta thì đã thấy rất nhiều thứ kinh khủng rớt ra khỏi miệng người khác: rắn, nhện độc, thậm chí cả một con chuột. Chắc cháu ghét rau quả lắm nhỉ?

– Cháu không thể chịu nổi chúng, thưa ngài.

– Dù sao thì cháu cũng đừng lo. Ta đã dọn dẹp sạch rồi. Ý ta là đóng rau quả ấy. Dọn sạch khỏi tầm mắt của bà Trump bạn cháu.

Ông lắc đầu rồi hỏi tiếp:

– Cháu biết không John, ta nghĩ ta biết tất cả djinn sống ở New York. Tại sao ta chưa bao giờ gặp cháu nhỉ? Cháu thuộc tộc nào? Gia đình cháu là ai? Và đừng gọi ta là “ngài”. Gọi ta là Frank. Hay ông Vodyannoy.

– Tên của cháu là John Gaunt, thưa ngài. Ý cháu là, thưa ông Vodyannoy. Cha cháu là con người – ý cháu là một mundane. Mẹ cháu là Layla Gaunt.

– A, ra vậy. Giờ thì ta đã hiểu tại sao. Layla chưa bao giờ giới thiệu con của cô ấy với cộng đồng djinn cả. Và nghe đồn là cô ấy đã từ bỏ sức mạnh djinn của mình.

– Đúng thế ạ.

– Vậy chắc cháu là cháu trai của Nimrod, đúng không? Ta đã nghe kể rất nhiều về cháu và em gái cháu. Và về việc cả hai đã đánh bại sức sinh Iblis như thế nào. Một gã xấu xa, giống như những gã Ifrit khác. Cháu đã làm rất giỏi đấy, chàng trai trẻ. Không có djinn nào đáng bị đóng chai hơn Iblis.

John bẽn lẽn:

– Cám ơn ông.

– Dĩ nhiên là từ giờ cháu cần cẩn thận với mấy đứa con trai của Iblis. Chúng đều là những djinn nóng tính. Ví dụ như những cơn bão diễn ra ở Florida, ít nhất hai trong số đó là do Rudyard Teer, con trai út của Iblis, nhúng tay vào.

John chau mày. Cậu không nhớ là chú Nimrod có dặn cậu và Philippa phải cẩn thận với họ hàng của Iblis. Cũng có khả năng là chú có nói gì đó với bà Gaunt, nhưng điều đó có ích lợi gì khi bà đã từ bỏ sức mạnh của chính mình?

Ông Vodyannoy nói tiếp:

– Ta đến từ tộc Jann. Một số trong bọn ta ngay thẳng, số khác thì không như vậy, tuy nhiên tộc Jann, giống như tộc Marid, đứng về phía phe Thiện. Có thể bọn ta không mạnh mẽ hay có tầm ảnh hưởng rộng như tộc Marid các cậu. Nhưng bọn ta luôn làm điều đúng.

– Cháu chắc chắn ông luôn làm điều đúng.

John nghĩ ông Frank Vodyannoy hơi khiêm tốn quá. Phép dò tâm có vẻ rất hiệu lực với cậu.

Mân mê cái nhẫn trên tay trong giây lát, ông Vodyannoy nói:

– Ta thấy thật có lỗi khi dùng phép dò tâm với cháu, John. Viên đá mặt trăng này làm nó có vẻ mạnh hơn. Và có phần khó kiểm soát. Đó là rắc rối thường gặp với đá mặt trăng. Chúng hơi bất kham. Và dĩ nhiên rất chi là Gothic.

– Không sao đâu ông. Cháu khỏe rồi mà. Cháu không định làm phiền ông như thế.

– Cháu thật tử tế. Rất tử tế và rất lễ độ. Ta rất thích những djinn tuy trẻ mà biết cư xử phải phép. Rất nhiều djinn trẻ ngày nay chẳng biết kính trọng djinn lớn tuổi gì cả. Ngay cả lũ djinn trẻ phe Thiện.

Thoáng nghĩ tới Dybbuk Sachertorte, John có thể hiểu được điều ông Vodyannoy muốn nói. Thật khó mà tưởng tượng Dybbuk lại lễ phép nói chuyện với ông Vodyannoy.

Ông Vodyannoy nói:

– Ta sẽ nói cho cháu biết ta định làm gì. Đầu tiên, ta muốn tặng cháu một món quà. Cháu có biết cái ký gửi ước là gì không, John?

– Không ạ.

Ông Vodyannoy cười giải thích:

– Nó chỉ là một từ hài hước chúng ta dùng để nói về một điều ước khẩn cấp thôi. Cha ta đã cho ta một cái khi ta bằng tuổi cháu. Rất hữu ích khi cháu bị kẹt trong một tình huống khó khăn nào đó. Điều đó xảy ra khi sức mạnh của cháu còn đang trong giai đoạn phát triển. Để dùng một ký gửi ước, tất cả những gì cháu phải làm là nói lên từ mật mã. Nó cũng giống như từ trọng tâm, nhưng là từ mà djinn gắn lên một djinn khác như một món quà. Hoặc như một sự đền bù. Giống như trường hợp của cháu. Cho những tổn hại mà ta đã gây ra cho cháu.

John áp úng từ chối:

– Không cần đâu ông. Ý cháu là, ông không cần đền bù gì cho cháu cũng được.

Ông Vodyannoy vẫn cương quyết:

– Nhưng ta thật sự muốn. Bây giờ, từ mà ta sắp đưa cho cháu là một từ tiếng Đức. Từ tiếng Đức luôn rất tốt cho những ký gửi ước. Đặc biệt là những từ dài, vì khó có thể buột miệng nói ra chúng. Trừ khi cháu là người Đức, dĩ nhiên rồi. Không có ngôn ngữ nào giống tiếng Đức đối với những từ dài. Mà cháu không dự định đi qua Đức đấy chứ?

John lắc đầu.

– Vậy thì ổn rồi. Từ mà ta đưa cho cháu là DONA UDAMPFSCHIFAHRTSGESELLSCHAFTKAPITAEN.

John nhăn mặt:

– Cháu không thể nào nhớ được nó đâu.

Ông Vodyannoy cười trấn an:

– Dĩ nhiên cháu sẽ nhớ. Bởi vì cháu không cần phải nhớ nó. Cái ký gửi ước sẽ tự nhớ thay cháu. Khi có một tình huống thật sự cần sự giúp sức của ký gửi ước, một tình huống khẩn cấp thật sự, nó sẽ lập tức có mặt ngay trên đầu lưỡi cháu.

John không thể tin lại có chuyện một từ biết tự nhớ. Cậu nói:

– Có lẽ cháu sẽ nhớ nếu cháu biết nó có nghĩa là gì.

Ông Vodyannoy không nghĩ vậy:

– Thật sự cháu không cần phải hiểu nghĩa đâu. Nhưng nếu cháu đã muốn biết thì ta giải thích. Đó là một từ dùng để chỉ thuyền trưởng của công ty tàu thủy chạy bằng hơi nước Danube. Và tin ta

đi, cháu không thể tìm được một thứ gì đơn giản hơn thuyền trưởng của công ty tàu thủy chạy bằng hơi nước Danube đâu. Ta biết. Ta đã gặp một người.

John đồng ý:

- Cũng được. Cháu sẵn sàng rồi.
- Sẵn sàng chuyện gì mới được?
- Sẵn sàng để ông gắn cái ký gửi ước gì gì ấy.
- Việc đó xong rồi.
- Vậy á? Ồ, cảm ơn ông, ông Vodyannoy. Ý cháu là, ông Frank.
- Cháu không cần cảm ơn ta.

Liếc nhìn ra ngoài cửa sổ, ông nói:

- Điều tiếp theo ta định làm là đưa cháu về nhà. Cháu sống ở đâu thế?

John trả lời:

- Ngay bên kia công viên thôi. Ở số 7, đường 77. Nhưng thật tình ông không cần đưa cháu về đâu. Cháu có thể đi bộ hoặc bắt một chiếc taxi cũng được.

Ông Frank Vodyannoy cười:

- Ồ không, cháu không làm vậy được đâu. Nhìn ra lại bên ngoài cửa sổ đi. Tuyết đã đóng dày 6 inch^[6] trên đường trong khi cháu nằm trên ghế đấy.

John nhìn xuống công viên. Đúng thật. Cậu còn không nhìn rõ được cả cây cối vì tuyết mù mịt rơi xuống từ trên trời. Sao trước đó cậu không nhận ra chuyện này nhỉ? Giao thông trên đường ngừng hẳn lại, và cả công viên dường như bị bao phủ trong một lớp cô-tông dày đặc.

Thấy John ngạc nhiên, ông Vodyannoy giải thích:

– Phép dò tâm là vậy. Trúng nó thì cháu sẽ phải tốn một thời gian dài để có thể hoàn toàn phục hồi. Đó là lý do tại sao ta sẽ đưa cháu về nhà bằng cách chống tuyết duy nhất: Gió lốc.

– Khoan. Không cần đâu ông.

– Đừng lo. Vào một ngày như thế này, sẽ không ai thấy cháu nổi đâu. Tin ta đi.

John dợm lên tiếng giải thích rằng cậu muốn lảng lạng về nhà để mẹ không phát hiện ra. Nếu dùng lốc gió thì thể nào cũng phải giải thích vì cậu không nghĩ mẹ sẽ tin đó chỉ là một hiện tượng bình thường của mùa đông New York. Nhưng trước khi cậu kịp ngăn ông Vodyannoy lại, lớp không khí bên dưới chân cậu đã bắt đầu xoáy tròn với một tốc độ ngày càng nhanh, cho đến khi một xoáy gió nhỏ nhẹ nhàng nhấc bổng cậu khỏi tầm mắt.

John luống cuống hươ tay loạn xạ như một chú hề đi trên dây để giữ thăng bằng.

Vừa đưa tay mở cánh cửa sổ tầng bảy của nhà mình, ông Vodyannoy vừa la lớn chỉ đạo:

– Đừng cố gắng đứng trên nó, cậu bé. Ngồi xuống đi, không thì ngã đấy. Chúa ơi, nhìn cháu cứ như chưa bao giờ cưỡi một cơn lốc gió nào ấy.

John hét lớn:

– Thì cháu đã từng cưỡi nó đâu.

Cậu lập tức ngồi xuống. Nhưng đã quá trễ. Cơn lốc gió bụi và êm như một cái ghế bành đã chở cậu ra khỏi tòa nhà Dakota và băng qua công viên. Nhắm tịt mắt lại, John cố gắng tận hưởng cảm giác

di chuyển theo một cách thức kỳ lạ và ráng quên đi hậu quả có thể xảy ra một khi cậu về đến nhà.

Vài phút sau khi rời khỏi cửa sổ nhà ông Vodyannoy ở tòa nhà Dakota, cơn lốc gió hạ cánh xuống cổng trước nhà John đúng lúc bà Trump mở cổng và ném vài cục muối mỏ lên bậc tam cấp để ngăn tuyết đọng lại trên đó. Bà hét lớn nhưng không thấy John vì cơn lốc gió, giờ đã cuốn theo không ít tuyết, quét vào hành lang như một cơn bão mini, quay tròn bà Trump làm bà ngã phịch trước khi thẳng tiến lên sáu tầng thang, vào trong phòng John và nhẹ nhàng thả cậu xuống cái ghế bọc da.

Vào lúc khác, việc này sẽ rất ổn với John, nhưng rất tình cờ là bà Gaunt đang chờ sẵn ở đó. Bà vừa nhận được một cú điện thoại từ bác sĩ Sachertorte giận dữ buộc tội cặp sinh đôi thả một con nguyên tố nước lên bà Nadia, vợ mới của ông Sachertorte, theo yêu cầu của Dybbuk. Và bà Gaunt còn kém hài lòng hơn khi chứng kiến con trai bà về nhà theo một cách cho thấy cậu đã sử dụng sức mạnh djinn mà không hỏi ý kiến bà.

Bà Gaunt bực mình nói:

– Mẹ hy vọng bà Trump không thấy con cưỡi một cơn lốc gió, John.

John đáp ứng:

– À, ừ, chắc là không. Ít nhất con nghĩ vậy. Cơn lốc gió đã xô ngã bà ấy và có vẻ làm bà hoa mắt vì tuyết khi con vào.

– Mẹ hy vọng là vậy.

Philippa bẽn lẽn xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng.

Mẹ nói:

– Giờ đã có đủ hai đứa ở đây, chắc hai đứa sẽ không phiền nói

cho mẹ biết rốt cuộc chuyện gì đã xảy ra chứ? Mẹ nghĩ chúng ta đã có thỏa thuận với nhau – một thỏa thuận mà chính các con đưa ra – rằng sẽ không có đứa nào sử dụng sức mạnh của mình mà không bàn bạc với mẹ trước. Thế mà bây giờ mẹ lại thấy John cười một cơn lốc gió chỉ vài phút sau khi mẹ nhận được cú điện thoại từ bác sĩ Sachertorte. Có vẻ như ai đó đã thả một con nguyên tố nước lên cô Nadia, vợ mới của chồng cũ cô Sachertorte. Suốt mười hai tiếng đồng hồ vừa qua, mưa đổ ầm ầm bên trong căn hộ mới của họ. Đúng thế, mưa. Đổ như lũ. Cô ấy nghĩ hai đứa đã làm chuyện đó theo lời xúi giục của Dybbuk.

John thanh minh:

- Không đâu mẹ. Tụi con hông có làm chuyện đó mà.
- Cô Sachertorte chắc chắn không phải Dybbuk làm chuyện đó. Cho đến khi cô ấy giải trừ phép trói buộc ra khỏi con trai, Dybbuk thậm chí không thể dùng sức mạnh djinn của mình để buộc dây giày. Ít nhất là nếu cậu ấy chịu để tâm đến chuyện đó. Nói chung là mẹ không quan tâm đến thằng bé đó. Còn về hai đứa, mẹ đang bắt đầu nghĩ phải nhờ Nimrod dùng phép trói buộc với hai đứa mới được.

John khẳng khẳng:

- Tụi con không làm chuyện đó. Thật mà.
- John, con muốn mẹ tin con, nhưng nhìn con xem: con vừa mới cười một cơn lốc gió vào nhà.

John đành kể cho mẹ nghe về căn hộ của bà Trump ở tòa nhà Dakota, việc bà bị cô Pickings đe dọa như thế nào, việc cậu “thuyết phục” cô Pickings nghỉ việc như thế nào, và việc cậu gặp ông Vodyannoy, một djinn tốt bụng đã gửi cậu về nhà bằng một cơn lốc

gió trước khi cậu kịp từ chối.

Cậu thanh minh:

– Mẹ thấy đấy, con không dùng sức mạnh djinn cho bản thân mình mà để giúp người khác.

Bà Gaunt vẫn chưa hài lòng:

– Vậy còn cơn mưa gió bất thường ở căn hộ mới của cô Nadia Tarantino?

Trong khi John giải thích cho mẹ nghe về cô Pickings, Philippa nghĩ về Dybbuk Sachertorte và sự cố trong phòng tắm hơi. Rồi cô gỡ kính ra theo cách mà cô thường làm khi muốn mẹ nhìn thẳng vào mắt cô và tin vào những điều cô nói, dù đôi lúc đó không phải là sự thật.

Philippa giải thích:

– Con nghĩ có lẽ con biết chuyện gì đã xảy ra. Dybbuk đã chỉ cho tụi con cách vào phòng tắm hơi để hồi phục sức mạnh trong mùa đông, và tụi con đã quyết định tặng cậu ấy một món quà để cảm ơn. Một thứ tạo ra bằng sức mạnh djinn. Đó là một game vi tính. Chỉ có điều tụi con không thể tự hình dung ra cái game mà cậu ấy muốn. Cho nên tụi con đã nắm tay nhau, và cậu ấy đã sử dụng sức mạnh của tụi con để tập trung vào cái game đó.

John gật đầu:

– Đúng thế. Chỉ có điều nó không công hiệu trong lần thử đầu tiên. Con quên bég đi chuyện đó.

Philippa tiếp lời anh:

– Tuy nhiên, con vẫn cảm thấy có một ít sức mạnh đã bị rút khỏi người.

Rồi cô lắc đầu nói:

– Đúng là Dybbuk có nhờ tội con thả một con nguyên tố nước lên mẹ kế của cậu ấy, nhưng tội con đã từ chối. Con nghĩ chắc cậu ấy đã gạt để tội con tạo ra một con nguyên tố mà chẳng hay biết gì hết.

Bà Gaunt thở dài:

– Chú Nimrod không dạy hai đứa điều gì trong mùa hè vừa rồi sao? Đừng bao giờ nắm tay một djinn khi họ muốn dùng sức mạnh của các con. Hành động đó được gọi là Djinn-catation, và cũng từ nó mà mấy nhà duy linh nghĩ ra cái khái niệm ngớ ngẩn về việc nắm tay nhau trong các nghi lễ cầu hồn. Bởi vì họ nghĩ nó sẽ cho họ sức mạnh của nhiều người. Nếu như phải bắt tay với ai đó, các con nhớ phải gập ngón giữa vào lòng bàn tay để ngăn đường chỉ tay của hai đứa tiếp xúc với đường chỉ tay của người khác.

Vừa nói, bà vừa thực hiện cách bắt tay đúng cách của djinn cho John và Philippa xem.

Rồi bà nói:

– Nhưng vì các con không biết về việc bắt tay, ta nghĩ chắc không thể trách các con được. Chỉ có điều lần sau nhớ cẩn thận hơn nhé.

John hỏi:

– Mẹ không giận tội con về việc cô Pickings à?

Bà Gaunt trả lời:

– Mẹ có thể hiểu được tại sao hai đứa muốn giúp bà Trump. Nhưng hãy nhớ lời mẹ: việc đó có thể gây ra hậu quả mà hiện giờ các con chưa thấy được đâu. Tất cả việc sử dụng sức mạnh djinn lên

mundane đều có một ảnh hưởng không lường trước được. Đáng lẽ chú Nimrod phải nói rõ việc này với các con mới phải.

Rồi bà mỉm cười:

– Nhưng thôi, mẹ không giận hai đứa. Vậy có lẽ tốt cho các con hơn. Vì mẹ cũng chẳng vui gì nếu cấm hai đứa đến dự lễ ra mắt sách của ông Rakshasas.

John hỏi:

– Lễ ra mắt sách là gì ạ?

Philippa trả lời:

– Ngốc quá, đó là buổi lễ mừng việc phát hành một cuốn sách đó.

Lờ đi lời trêu chọc của em gái, John hỏi mẹ:

– Ông già Rakshasas viết sách hả mẹ?

– Ồ. Cuốn *Những quy luật Baghdad rút gọn* của Rakshasas.

John nhận xét:

– Nghe không giống như một lựa chọn của Oprah^[7] chút nào.

Philippa hỏi:

– Khi nào buổi lễ diễn ra vậy mẹ? Và ở đâu?

– Tối nay. Ngay ở New York. Tại cửa hiệu “Cuốn sách bị phong ấn” trên đường Tây 57.

John ngạc nhiên:

– Ngay tối nay? Sao mẹ không nói với tụi con sớm hơn? Mà chú Nimrod có ở đó không mẹ?

– Dĩ nhiên chú ấy phải có mặt ở đó rồi. Và đó là lý do tại sao mẹ không nói sớm với hai đứa. Chú ấy muốn dành sự ngạc nhiên cho

các con.

Cái tên “Cuốn sách bị phong ấn” khá phù hợp, vì cái cửa hiệu đặc biệt ở New York này không có cửa ra vào. Ngoại trừ một cửa sổ to bằng khoang cửa sổ trên tàu thủy và cái biển bằng đồng – khắc điệu đà tên và địa chỉ – gắn trên bức tường bằng gạch kế bên nó, không ai nghĩ có một cái cửa hiệu tồn tại ở đây.

Philippa hỏi John:

– Anh có chắc là ở đây chứ?

John đưa cho em xem tấm card có in tựa cuốn sách cùng hình vẽ sơ đồ đường 57 nằm giữa đường Broadway và đại lộ Avenue of the Americas rồi khẳng định:

– Thì trên thư mời ghi là ở đây mà.

Philippa nói:

– Chắc phải có một cách bí mật nào đó để vào trong.

Và cô bắt đầu đọc kỹ những gì ghi trên tấm card phát sáng, món đồ trưng bày duy nhất trong khung cửa sổ tròn của cửa hiệu.

Quan sát xung quanh, John cho biết:

– Đúng là chúng ta đang được chờ đợi. Và bởi một djinn rất mạnh.

Philippa hỏi:

– Sao anh biết?

– Đơn giản thôi. Đây là con đường duy nhất ở New York không có tuyết.

– Anh nói đúng. Có tuyết ở hai phía đầu đường, nhưng ở đây thì không.

John nói:

– Anh nói là phải đúng rồi. Và em có cảm thấy gì không? Ở đây trời lại khá ấm. Trên thực tế, so với con đường kế bên, nó có thể ấm hơn cả 20 hay 30 độ. Như một vùng vi khí hậu ấy. Phải có một sức mạnh đáng kể mới làm được điều này. Ai đó – có thể là chú Nimrod hoặc ông Rakshasas – đã cố gắng để làm con đường dễ chịu hơn cho một số lượng lớn djinn yêu cái nóng.

Nhưng Philippa không chú tâm nghe cậu nói lắm. Sau một hồi đăm chiêu nghiên cứu tấm card trong khung cửa sổ tròn kỳ lạ, cô chỉ vào nó và tuyên bố:

– Đây là một câu đố. Em nghĩ nếu chúng ta trả lời được thì sẽ vào trong được. Anh nghe nhé. “Sự bắt đầu của vĩnh hằng. Sự kết thúc của thời gian và không gian. Sự bắt đầu của mọi kết thúc. Và sự kết thúc của mọi nơi.”^[8]

John nhún vai:

– Anh chẳng hiểu gì cả.

Philippa tuyên bố một cách đắc thắng:

– Nhưng em thì hiểu đấy. Câu trả lời là chữ “e”. “E” là chữ bắt đầu trong từ “vĩnh hằng” (eternity), chữ kết thúc của từ “thời gian” (time) và không gian (space), chữ bắt đầu của từ “mọi kết thúc” (every end), và là chữ kết thúc của từ “mọi nơi” (every place).

– Câu trả lời đó đưa ta đến đâu?

– Đưa ta vào bên trong.

Philippa ấn tay vào ký tự “e” của chữ “WEST” (Tây) ở trong địa chỉ in trên tấm biển hiệu bằng đồng.

Ngay lập tức, một mảng tường gạch, bao gồm cả cái cửa sổ, dịch sang một bên, để lộ cửa ra vào của cửa hiệu được thiết kế với bản lề

ẩn mở vào trong. Đằng sau nó không phải là một nơi tối tăm, lạnh lẽo mà là một cái hầm rộng rãi, sáng sủa. Bên trong hầm, cặp sinh đôi có thể thấy một cái cầu thang xoắn ốc dẫn lên tầng phía trên, nơi chúng nghe rõ âm thanh của một buổi tiệc đang từng bừng diễn ra.

Nhanh chóng bước vào trong hầm, John khen:

– Giỏi lắm, em gái. Chúng ta đi thôi. Trước khi cái cửa đóng lại.

Cánh cửa đóng âm lại sau lưng hai anh em khi Philippa theo anh trai đi vào trong hầm và lên cầu thang. Lên đến đỉnh cầu thang, cặp sinh đôi đặt chân vào một căn phòng lớn với một khung cảnh đặc biệt bên ngoài cửa sổ. Nó không phải là cảnh con đường số 57 như họ nghĩ mà giống như cảnh vùng biển ở một đất nước ấm áp hơn. Rồi từ đám đông trong phòng, một người đàn ông vận bộ vét đỏ tươi tiến về phía chúng với đôi tay giang rộng và nụ cười hết cỡ trên môi. Đó là chú Nimrod.

Vui vẻ ôm chặt cặp sinh đôi, chú nói:

– Cuối cùng các cháu cũng ở đây. Mọi người đang tự hỏi là rốt cuộc các cháu lạc đâu rồi.

Philippa nói:

– Tụi cháu có gặp một chút rắc rối với câu đố ở cửa.

– Thật à? Các cháu làm chú ngạc nhiên đấy. Đâu có gì phức tạp đâu. Chỉ là một câu chơi chữ của nhà văn vĩ đại người Anh, Jonathan Swift. Chỉ để ngăn những người không liên quan vào trong thôi.

Theo ngay phía sau chú Nimrod là một ông lão với một hàm râu trắng bạc, một cái khăn xếp đầu trắng và một bộ đồ trắng. Ông Rakshasas ôm hai đứa trẻ một cách hạnh phúc và tiếp lời chú

Nimrod:

– Một điều chắc chắn, một bữa tiệc chỉ là một bữa tiệc khi có những người khách không mời.

Tuy nhìn giống một ông hoàng Ấn Độ, nhưng ông Rakshasas nói tiếng Anh như một người Ai-len. Đó là kết quả của việc ông bị nhốt nhiều năm trong một cái chai ở Ai-len và học tiếng Anh từ truyền hình Ai-len.

Cặp sinh đôi đồng thanh:

– Chúc mừng ông ra sách.

Chú Nimrod nói:

– Đúng là rất đáng chúc mừng đó chứ. Đây có thể là cuốn sách quan trọng nhất kể từ sau cuốn Grimoire của vua Solomon.

Ông Rakshasas lơ đãng cười:

– Cám ơn cậu, Nimrod. Nhưng thật sự cuốn sách của tôi không hơn gì cái khóa giày trên một đôi giày cũ rách đâu.

John hỏi:

– Grimoire là gì hả chú?

Chú Nimrod giải thích:

– Một cuốn sách phù thủy chỉ cách trói buộc djinn. Trong số các Grimoire thì *Di chúc của Solomon* là cuốn ra đời đầu tiên và cũng là cuốn quan trọng nhất. Cho nên chú mới so sánh nó với cuốn *Những quy luật Baghdad rút gọn* của anh Rakshasas.

Ông Rakshasas khiêm tốn nói:

– Cậu thật là... Cậu quá lời rồi đó, làm gì đến mức ấy.

Chú Nimrod tuyên bố:

– Nhưng có quá lời thì cũng đâu có làm “cứng” tim ai đâu, đúng

không?

Quay sang cặp sinh đôi, chú cho biết:

– Anh Rakshasas đã dành cả đời để viết cuốn sách này đây. Hai đứa biết không, trong nhiều năm qua, số lượng những quy luật Baghdad ngày càng gia tăng và trở nên khó sử dụng với vô số mâu thuẫn và bất nhất. Với cuốn sách một tập của anh Rakshasas, tất cả mọi điều quan trọng về djinn đều được đưa vào đây đủ và có thứ tự. Các cháu có thể dễ dàng tìm thấy và tin tưởng tất cả mọi quy luật trong đây. Nói một cách ngắn gọn, anh Rakshasas, giống như một người thủy thủ vượt đại dương, đã hoàn tất một công việc mà chúng ta một thời ngán ngẩm khi nghĩ về nó.

John hăm hở nói:

– Cháu muốn đọc cuốn sách đó quá.

Chú Nimrod cười:

– Rồi cháu sẽ được đọc nó thôi, John. Nhưng trước hết, hãy để ta giới thiệu hai đứa với cộng đồng djinn New York.



CHƯƠNG 4

Nhà vô địch giải djinnverso thiếu nhi

Chú Nimrod đã mô tả những djinn tại buổi tiệc của ông Rakshasas là cộng đồng djinn New York, nhưng trên thực tế, những djinn mà cặp sinh đôi được giới thiệu đến từ khắp nơi trên thế giới, như Morgan Mbulu từ Nam Phi, Maud Merrow từ Ai-len, Oonagh Ponaturi từ New Zealand, Toshiro Tengu từ Nhật, và Stan Bunyip từ Úc. Một vài djinn còn khá nổi tiếng trong thế giới mundane: Peri Bannu là nữ diễn viên sáng giá, Janet Jann là chủ tịch một hãng phim Hollywood, Virdjinnia Nisse là điêu khắc gia lừng danh ở Na Uy, và David Kabikaj là nhà côn trùng học Canada từng đoạt giải Nobel.

Dẫn cặp sinh đôi về phía bốn djinn đứng cạnh một cái bàn lớn trên đó đặt vài cuốn sách của ông Rakshasas, chú Nimrod nói với John:

– Chú tin là cháu đã gặp anh Frank Vodyannoy rồi, đúng không? Và dĩ nhiên cả hai đứa đều biết rõ bác sĩ Jenny Sachertorte nổi tiếng và con trai Dybbuk của cô ấy.

Cặp sinh đôi gật đầu chào Dybbuk một cách nhát nhẽo, còn Dybbuk thì ngó cả hai với vẻ mặt vừa châm chọc vừa khinh khỉnh. Ít nhất là đến khi mẹ nó huých khuỷu tay vào xương sườn nó.

Ngọt ngào mỉm cười với cặp sinh đôi, bác sĩ Sachertorte nói:

– Thằng Dybbuk nhà cô có điều muốn nói với hai cháu. Đúng không, con trai?

Trợn tròn mắt và “hừ” một cái với John và Philippa, Dybbuk nói cà giạt:

– Xin lỗi.

Bà Sachertorte tiếp lời:

– Mẹ các cháu đã giải thích rõ mọi chuyện với cô. Việc thằng Dybbuk đã lừa các cháu giúp nó chơi xấu vợ mới của chồng cũ cô như thế nào. Vậy chứ nó là một djinn tốt. Và nó đã hứa là sẽ không bao giờ lừa gạt các cháu như thế nữa. Đúng không con?

Dybbuk lầm bầm:

– Ồ. Dĩ nhiên rồi. Sao cũng được.

– Nếu không nó sẽ biết tay cô. Đúng không con?

Ông Rakshasas nhận xét:

– Bác sĩ Sachertorte à, tôi vẫn thường nói là sức mạnh rồi cũng có ngày bộc phát ra. Đôi lúc điều đó rất cần thiết. Mèo phải được kêu rừ rừ mới tốt. Không phải sao, Nimrod?

Chú Nimrod cho biết:

– Cái chính là bây giờ mọi chuyện đã được giải quyết ổn thỏa. Căn hộ của bà Sachertorte mới đã trở lại bình thường, và Dybbuk đã biết cải tà quy chính. Đúng không, Dybbuk?

Dybbuk lại trợn tròn mắt – một thói quen của nó luôn làm Philippa cảm thấy chùng hững. Nó nói:

– Buck. Gọi cháu là Buck thôi được không?

Chú Nimrod quay qua nói với John:

– John, sao cháu và Dy... ừm, và Buck không đi kiếm cái gì bỏ bụng trong khi chú nói chuyện với Philippa nhỉ?

John gật đầu:

– Dạ được ạ.

Và hai cậu bé djinn đi đến cái bàn nơi một người đàn ông đang đứng bên cạnh một cái chum lớn đựng đầy cà ri nóng hổi nghi ngút khói. Tại đó, cả hai bắt đầu thi nhau xem ai ăn được nhiều cà ri ớt cay xè hơn.

Còn lại hai người, chú Nimrod kéo Philippa sang một bên và hỏi:

– Sao, kỹ thuật chơi astaragali của cháu giờ đến đâu rồi, Philippa?

Cô nhún vai:

– À, cũng có tiến triển đôi chút. Nhưng chỉ là đôi chút thôi.

“Astaragali” và “tesserae” là những thuật ngữ djinn dùng để chỉ về những viên xúc xắc. Tuy nhiên djinn có nhiều cách chơi astaragali của riêng mình, và chúng được gọi là Djinnverso, hay chính xác hơn là Djinnversoctoannular. Djinnverso được chơi với một cái hộp pha lê tròn và một bộ bảy viên astaragali hình bát giác. Điều đó có nghĩa là chúng không có sáu mặt như những viên xúc xắc bình thường mà có đến tám mặt. Tám mặt của một viên astaragali Djinnverso mô tả Linh hồn, Không gian, Thời gian, Lửa, Đất, Không khí, Nước và Sự May mắn. Do việc sử dụng sức mạnh djinn khi chơi Djinnverso bị nghiêm cấm (cái hộp pha lê được thiết kế để có thể phát hiện việc dùng sức mạnh djinn bất hợp pháp), kết quả thắng thua được quyết định bởi khả năng lừa phỉnh đối thủ của người chơi.

Tuy chỉ mới tập chơi Djinnverso được vài tháng, Philippa cũng

đã trở thành một tay chơi nhiều triển vọng. Phần lớn thời gian cô so tài với cha mình và một người bạn của ông, một mundane tên Bull Huxter, một trong số ít người biết hai đứa con sinh đôi của ông Edward Gaunt là djinn. Philippa biết chú Nimrod hy vọng cô sẽ tham gia Giải Vô địch Djinnverso Thế giới được tổ chức hàng năm vào thời điểm giữa Giáng sinh và đêm Giao thừa. Nhưng Philippa vẫn chưa chắc chắn về việc đó. Không giống như anh trai, cô thuộc típ djinn sống kín đáo, không muốn thể hiện ra ngoài hay cố gắng chứng minh điều gì đó với bản thân hay với bất cứ ai khác.

Chú Nimrod cũng đoán vậy. Châm lửa đốt một điều xì gà, chú nói:

– Thánh thần ơi, chắc chắn là cháu phải đứng ra so tài chứ. Một djinn có khả năng và kỹ thuật như cháu sao có thể nghĩ đến việc không tham gia giải được nhỉ? Không được, thà cháu đóng chai chú lại còn hơn.

Thổi ra một cụm khói thuốc lớn mang hình dấu chấm cảm khổng lồ, chú kết luận:

– Đó là một việc không thể tưởng tượng nổi. Hoàn toàn không thể chấp nhận được. Nếu cháu không ngại chú nói vậy.

Philippa nhún vai và cố gắng đổi đề tài câu chuyện:

– Chú vẫn mê những điều xì gà cỡ bự nhỉ?

– Đừng cố né tránh câu hỏi của chú, Philippa. Cháu đã đăng ký tên cho Giải Vô địch Djinnverso chưa?

– Dạ chưa. Và nói thật cháu không chắc là muốn tham gia đâu, chú Nimrod.

Chú Nimrod suy nghĩ trong giây lát rồi nói:

– Ừ thì tùy cháu vậy. Thế này, sao cháu không đến gặp một

djinn cùng tuổi cháu nhĩ: Lilith de Ghulle. Tộc de Ghulle, đáng ngạc nhiên, đúng không? Họ là một gia đình djinn bên phe Ác đang cố gắng thuyết phục mọi người rằng họ là djinn tốt. Hoặc ít nhất là không tệ như mọi người nghĩ. Đó là lý do tại sao Lilith và mẹ con bé, bà Mimi, ở đây.

Chú Nimrod mỉm cười một cách khoan dung:

– Ai biết được. Có khi loài báo đốm có thể đổi đốm trên lông thật đấy chứ.

Bà Mimi de Ghulle mang một cái áo choàng lông thú, đeo đôi bông tai lớn và xách một cái túi da đắt tiền vòng qua tay như một cái khóa móc. Bà đang nói chuyện với ông Frank Vodyannoy và ngáp lớn như thể đang rất chán. Liếc nhìn bà, Philippa khẽ rùng mình. Có một điều gì đó về bà mà cô thấy không thích, và cảm giác đó còn hơn cả khi cô nghe chú Nimrod nói về bà. Khi bà Mimi nhìn cô, Philippa cảm nhận được một sự căm ghét lớn đến nỗi cô phải lùi lại một bước.

Chú Nimrod vui vẻ hỏi thăm:

– Mimi, chị thích bữa tiệc chứ?

Bà de Ghulle trả lời:

– Ồ, thích chứ.

Khi bà nói, đó chỉ là một câu nói nửa miệng.

– Có đánh đổi cả thế giới tôi cũng không muốn lỡ bữa tiệc này.

Philippa có thể nhận ra bà de Ghulle nói thì nói vậy nhưng trong đầu lại hoàn toàn không nghĩ thế. Cô cũng chú ý thấy cặp môi của bà nhìn như thể được bơm phồng bởi một cái bơm xe đạp. Đó là chưa kể đến cái mũi: dù bản thân nó rất hoàn hảo và là một chỉ báo tài năng của vị bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ đã tạo ra nó, trên thực tế

nó lại quá nhỏ so với khuôn mặt của bà de Ghulle và làm cho cái đầu bà nhìn giống một cái đầu lâu hơn.

Chú Nimrod quan sát:

– Và đây chắc là con gái rượu của chị, Lilith.

Lilith de Ghulle nhìn gần như một bản sao của mẹ nó, giống đến cả cái áo khoác lông thú và cách lựa chọn túi xách tay. Sự tương tự này không lấy gì làm dễ chịu và Philippa rút ra kết luận trong đầu rằng cách Lilith giống mẹ cũng y như cách vài con chó giống chủ của chúng (hoặc, cũng không hiếm trường hợp, ngược lại).

Chú Nimrod giới thiệu:

– Lilith phải không? Chú muốn giới thiệu cháu với cháu gái của chú, Philippa Gaunt.

Philippa chào:

– Chào cậu.

Lilith ném một nụ cười chế nhạo không lấy gì làm dễ chịu về phía Philippa và tiếp tục nhai kẹo sing-gôm nhóp nhép.

Chú Nimrod giới thiệu tiếp:

– Lilith hiện là nhà vô địch giải Djinnverso thiếu nhi.

Bà de Ghulle phồng mũi:

– Chính xác. Và năm nay nó sẽ tiếp tục giữ ngôi vô địch. Mọi người cứ chờ coi.

Chú Nimrod nói:

– Lilith à, có lẽ cháu có thể giúp chú thuyết phục Philippa tham gia giải. Nó cứ ngần ngại mãi. Chú chắc vài lời động viên từ cháu sẽ thuyết phục được nó.

Lilith, không lớn tuổi hơn Philippa bao nhiêu, gương mặt nhìn

chú Nimrod với vẻ nực cười.

– Ông đùa với tôi ấy à? Cái con bé khù khờ này làm gì có cửa. Nhất là khi có tôi ở đó.

Chú Nimrod cười khùng khục bối rối, nhưng Philippa thì cảm thấy máu nóng bốc lên đầu khi Lilith quay sang nhìn cô cũng với ánh mắt khinh thường như vậy. Nó nhếch mép cười:

– Ranh con, nghe lời khuyên của tao này. Về nhà mà chơi với mấy con búp bê và cái xe cũi của mày đi. Djinnverso là một trò chơi dành cho người trưởng thành.

Bà de Ghulle nở một nụ cười pha trộn giữa sự tự hào và xấu hổ.

– Ồi, cháu nhà tôi chỉ đùa ấy mà. Đúng không con gái yêu? Nó đang tuổi mới lớn mà, Nimrod.

Chú Nimrod nói:

– À, tôi hiểu mà. Đúng là tuổi mới lớn.

Rồi chú nhẹ nhàng đẩy Philippa đi về phía cái bàn trưng bày sách của ông Rakshasas.

Philippa tuyên bố một cách dứt khoát:

– Được. Cháu sẽ tham gia giải. Dù chỉ để đánh bại con bé kinh tởm đó.

Chú Nimrod mỉm cười:

– Đó là lý do tại sao chú muốn cháu gặp Lilith. Để cháu hiểu được tại sao chúng ta cần một nhà vô địch giải thiếu nhi mới.

– Chú thật sự nghĩ cháu sẽ thắng à?

– Nếu chú không chắc chắn về điều đó, chú sẽ không để cháu phải giáp mặt với Lilith de Ghulle.

– Vậy có nghĩa chú không nghĩ loài báo có thể đối được đốm?

Chú Nimrod nhếch mép cười khì:

– Không. Và trên thực tế, chú biết rõ Mimi de Ghulle đang âm mưu chuyện gì. Bà ấy nghĩ có thể làm cho một người tin rằng bà ta vượt ra ngoài giới hạn mấy cái chuyện Thiện - Ác thường tình vẫn xảy ra giữa hai phe djinn. Một người đặc biệt.

– Là chú à?

– Ô không. Mimi chẳng thêm để tâm đến chuyện chú nghĩ gì về bà ấy đâu. Không, bà ấy đang cố gắng gây ấn tượng với vị Djinn Xanh Babylon và, theo những gì chú biết được, bà ấy đã thành công. Thật đáng tiếc. Tin đồn rằng Mimi sẽ là Djinn Xanh đời tiếp theo, và hiện chỉ còn chờ tuyên bố chính thức từ Ayesha khi bà tham gia Giải Vô địch Djinnverso trên tư cách trọng tài chính. Ayesha – đó là tên của vị Djinn Xanh đời hiện tại – đang tìm kiếm người kế tục. Thực tế là việc tìm kiếm đã diễn ra trong một thời gian dài. Tất cả mọi người đều biết rằng Giải Vô địch Djinnverso là lúc vị Djinn Xanh đời trước chính thức công bố Ayesha là người kế tục của mình vào năm 1928.

Philippa thốt lên:

– 1928? Bà ấy chắc phải già lắm.

Chú Nimrod cho biết:

– Gần hai trăm tuổi. Nhưng Philippa, cháu đừng quên là quá trình lão hóa của djinn chúng ta chậm hơn nhiều so với con người. Nhìn Ayesha, cháu có lẽ sẽ nghĩ bà ấy đâu chỉ khoảng chín mươi thôi.

– Nhưng Djinn Xanh là ai mới được? Và bà ấy làm gì vậy chú?

– Bà ấy có thể coi như là biểu tượng cho lãnh tụ của tất cả các djinn, kể cả phe thiện và phe ác. Chúc vị đó cho phép bà ấy quyền

ra lệnh đối với tất cả. Bởi vì bà ấy không tốt cũng không xấu. Ayesha, Thượng đế phù hộ bà ấy, đứng ngoài giới hạn của Thiện và Ác, và chỉ với lý do đó, bà ấy có thể đối xử công bằng với cả hai phe. Bên cạnh việc chăm lo cho tất cả djinn, bà ấy còn là thẩm phán tối cao của sự công bằng trong thế giới djinn, người ban hành án phạt với các djinn bị kết tội phá vỡ Quy luật Baghdad.

– Án phạt gì cơ? Và với ai?

– Ayesha chính là người đã quyết định rằng, vì Iblis đã giết anh Hussein Hussaout tội nghiệp ở Cairo, cái chai mà hai đứa và chú đã nhốt hắn bên trong sẽ bị tống đến một nơi mà hắn sẽ không thể trốn thoát trong mười năm nữa.

Iblis là người đứng đầu tộc Ifrit, tộc djinn quỷ quyết nhất phe Ác. Với sự giúp đỡ của cặp sinh đôi, chú Nimrod đã nhốt Iblis vào trong một chai thủy tinh đựng nước hoa cổ. Philippa nghĩ rằng cái chai đó hiện giờ vẫn được cất giữ an toàn bên trong tủ lạnh nhà chú Nimrod ở Cairo.

Cô hỏi:

– Vậy bà ấy đày Iblis đi đâu vậy chú?

Nụ cười của chú Nimrod có chút gượng gạo khi chú trả lời:

– Đến sao Kim. Trên một tàu thăm dò vũ trụ châu Âu.

Philippa thảng thốt:

– Tận sao Kim cơ à? Thật kinh khủng.

Chú Nimrod thừa nhận:

– Chú cũng nghĩ là sống trên sao Kim chắc không dễ chịu chút nào. Nhưng chú chắc chắn là Iblis sẽ ổn thôi. Khoảng mười năm nữa, một tàu thăm dò khác sẽ đến để mang về Trái đất hầu hết

những dụng cụ được gửi lên sao Kim trong tàu thăm dò đầu tiên, bao gồm cái chai nhốt Iblis.

Philippa nhăn mặt:

– Cháu biết là Iblis đã giết ông Hussein Hussaout. Và khiến con trai ông Hussein Hussaout thành một đứa trẻ không cha. Nhưng cháu vẫn nghĩ việc đày ai đó đến sao Kim trong suốt mười năm có vẻ ác ác sao đó. Chúng ta không thể giúp gì hấn sao?

Chú Nimrod buồn bã nói:

– Thật ra chú cũng đã thử nói đỡ cho Iblis rồi. Nhưng Djinn Xanh, xin Thượng đế phù hộ bà ấy, đã tuyên án rồi.

– Chắc bà ấy phải là một người có trái tim bằng đá.

– Thì chính xác là vậy, Philippa à. Bà ấy là thế. Djinn Xanh là người nghiêm khắc nhất thế giới. Nếu không thì sao bà ấy có thể đứng ngoài giới hạn của cả Thiện và Ác được? Tất cả những điều đó có nghĩa là, cũng như sự công bằng của con người, sự công bằng của djinn đôi lúc có vẻ hơi tàn nhẫn.

Cầm lên một cuốn *Những quy luật Baghdad rút gọn*, chú Nimrod lật vài trang rồi chỉ vào nó và nói:

– Nếu cháu có hứng thú muốn tìm hiểu thêm, thì trong này có viết rất nhiều về bà ấy đấy.

Philippa thấy có một sự hứng thú kỳ lạ mà ngay bản thân cô cũng không giải thích được tại sao. Điều này làm cho việc cô gặp gỡ trực tiếp vị Djinn Xanh Babylon ngay hôm sau bữa tiệc dường như không chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Philippa đang tản bộ dọc theo đại lộ Fifth Avenue sau khi chơi Djinnverso với cha cô và ông Bull Huxter ở nhà ông thì phát hiện Alan và Neil, hai con chó của nhà cô, đang ngoan ngoãn đứng chờ

bên ngoài cửa vào khách sạn Pierre. Bà Gaunt vẫn thường dùng trà với bạn bè ở đây, nên Philippa đi vào trong khách sạn với hy vọng sẽ được mẹ thết đãi vài cái bánh. Nhưng hôm nay, mẹ cô không ngồi với bạn mà với một người phụ nữ rất lớn tuổi. Thoáng nhìn vẻ ngoài của bà ta, Philippa ngay lập tức đoán rằng bà không phải ai khác mà chính là vị Djinn Xanh.

Người phụ nữ lớn tuổi mặc một bộ vét màu xanh da trời, một cái áo choàng màu xanh biển với một cái nơ mè to đùng, và đội một cái mũ xanh bên ngoài mái tóc trắng nhuộm xanh của bà. Trên ngón tay bà là vài cái nhẫn nam ngọc bích đi đồng bộ với đôi bông tai lóe sáng trong ánh đèn khi bà gật đầu một cách bực tức. Có vẻ như bà đang có một tranh cãi gay gắt với bà Gaunt. Và thay vì đi đến chào mẹ, Philippa lần đến núp sau một cây cột bằng cẩm thạch và đóng tai nghe lén.

Người phụ nữ lớn tuổi đang liên tục nói “Không, không, không, không, không” bằng một giọng Anh quốc đặc sệt. Giọng nói cứng rắn và hoàn toàn không có một chút cảm xúc nào của bà làm Philippa khẽ rùng mình. Cô nhận thấy với cặp mắt ti hí sắc lạnh và cái miệng nhỏ nhắn nhúm, vị Djinn Xanh nhìn giống một nữ hoàng Trung Quốc già cỗi, khắc nghiệt hơn là một mệnh phụ nước Anh. Philippa muốn lắng nghe nhiều hơn nữa, nhưng Ayesha đã hạ thấp giọng xuống như thể đang thì thầm, khiến cô không còn nghe được gì, và một lúc sau, cô quyết định âm thầm rời khách sạn mà không đến chào bà. Vị Djinn Xanh, nếu đó đúng là bà, trông có vẻ quá nghiêm khắc để có thể chấp nhận việc ai đó khinh suất xen vào giữa cuộc đàm đạo.

Sau bữa tối hôm đó, Philippa quyết định hỏi mẹ về cuộc gặp gỡ với vị Djinn Xanh. Cô nói:

– Chiều nay con đã đến nhà của chú Bull Huxter chơi Djinnverso.

– Vậy à, con yêu? Được đó.

– Sau khi chơi xong, khi đi tản bộ trên đại lộ Fifth Avenue, con đã thấy Alan và Neil đứng ngoài khách sạn Pierre. Con đã vào trong khách sạn vì nghĩ mẹ đang dùng trà với bạn mẹ. Nhưng thay vào đó con thấy mẹ đang nói chuyện với một bà lão mặc toàn đồ xanh. Và con tự hỏi không biết bà ấy có phải là vị Djinn Xanh Babylon hay không.

– Đúng đó con. Bà ấy đến đây để tham dự Giải Vô địch Djinnverso ở khách sạn Algonquin. Đáng lẽ con nên đến chào bà ấy một tiếng mới phải. Mẹ chắc là bà ấy sẽ rất muốn gặp con.

Philippa thú nhận:

– Đúng là con nên làm thế. Chỉ có điều bà ấy trông có vẻ đáng sợ quá. Vả lại, hình như mẹ và bà ấy đang tranh cãi gì đó mà.

Bà Gaunt lắc đầu:

– Không đâu con yêu. Mẹ nghĩ chắc con hiểu lầm gì rồi. Chúng ta không có tranh cãi gì đâu. Chỉ là Ayesha rất già và nghĩ bà luôn luôn đúng. Với địa vị của mình trong thế giới djinn, bà ấy đã quen với việc chỉ bảo cho những djinn khác phải làm gì. Điều đó làm bà đôi lúc hơi khó chịu. Hơn nữa, làm Djinn Xanh là một công việc rất cô đơn. Khi người khác không đồng ý với mình, bà ấy có thể hơi mất bình tĩnh một chút. Chỉ vậy thôi.

– Vậy là mẹ không đồng ý với bà ấy chuyện gì à?

– Suy nghĩ của chúng ta có một chút khác biệt. Nhưng không phải là một cuộc tranh cãi. Không phải.

– Nhưng mẹ không phải làm theo những gì bà ấy nói sao? Bà ấy là Djinn Xanh mà.

– Chỉ là khi chúng ta cần đến phán quyết của bà ấy ở tòa án djinn thôi. Chứ còn ở ngoài, trong các mối quan hệ của thế giới mundane, thì không.

– Tòa án djinn ở Babylon hả mẹ?

– Trước đây là thế. Nhiều thế kỷ trước. Nhưng giờ thì không. Hiện giờ bà ấy tiếp nhận kiện cáo của djinn ở tòa án của bà tại Berlin. Ở đó tiện hơn cho tất cả mọi người. Một năm một lần bà ấy mới phải viếng thăm Babylon.

Để trái tim bà ấy có thể cứng lại cho cả năm.

– Sao bà ấy có thể làm được điều đó chứ? Con nghe nói người ta chỉ có thể làm động mạch của mình cứng lại chứ không phải cả trái tim.

Bà Gaunt thở dài:

– Ngay bây giờ, hãy cứ nghĩ là có thể đi, Philippa. Hãy nhớ djinn chúng ta không giống con người, dù bề ngoài có thể chúng ta trông giống họ. Hoặc có thể họ trông giống chúng ta, không tính đến các thiên thần. Nhưng luôn có những sự khác biệt rất lớn ở cấp độ nguyên tử. Và ở những cấp độ dưới nguyên tử.

– Vậy có đúng trái tim bà ấy rất cứng không mẹ?

– Ừ, cứng kinh khủng.

Bà Gaunt mỉm cười khi trả lời, nhưng Philippa nghĩ đó là một nụ cười rất buồn, và ngay cả khi bà Gaunt rời khỏi phòng, cô thấy hình như bà đã đưa tay quệt một giọt nước nơi khóe mắt. Điều này củng cố thêm ấn tượng của Philippa rằng thật sự đã có một chuyện

gì đó xảy ra giữa mẹ cô và vị Djinn Xanh. Một chuyện mà mẹ cô không muốn cô biết. Một chuyện nghiêm trọng. Và cô quyết định phải bàn bạc vấn đề này với John ngay lập tức.



CHƯƠNG 5

Djinnverso và vòng đấu khắc nghiệt

Cố gắng cưỡng lại ý định biến Gordon Warthoff – thằng nhóc chuyên ăn hiếp cậu ở trường – thành lợn lòi, John vắt óc nghĩ cách xử lý Gordon, một cách nào đó mà mẹ có thể chấp nhận một khi bà phát hiện ra. Rõ ràng cậu không được dùng phép biến hình động vật hay gọi con nguyên tố, nên cuối cùng, John quyết định điều tốt nhất mà cậu có thể làm là ráng tập luyện để có một thân thể khỏe mạnh, đủ sức để đánh bại một đối thủ to con hơn trong một trận đấu công bằng. Vấn đề là, chỉ mới tập nâng cái tạ nhẹ nhất trong phòng thể hình của cha được chừng năm phút là John đã thở không ra hơi. Cho nên, khỏi nói cũng biết cậu vui thế nào khi phát hiện ra mình có thể tập đẩy tạ sắt lâu hơn trong phòng tắm hơi, nơi có vẻ khá hợp với thể trạng djinn trẻ của cậu. Và chỉ trong một thời gian ngắn, John đã có một vài cơ bắp đáng kể – những cơ bắp mà chắc chắn sẽ giúp cậu đối phó với Warthoff nếu chọn giải pháp bạo lực. Tuy nhiên, khi Philippa khám phá ra lý do tại sao John cứ trốn miết trong phòng tắm hơi, cô lại tỏ ra hoài nghi vào kế hoạch của cậu.

Cô hỏi:

- Không phải đó là cái thằng có ông chú làm ở Đài CNN sao?

Cái thằng tướng tá trông rất ngẫu đó? Mặt đầy mụn đó?

John gạt đầu cái rụp rồi đưa tay đổ thêm ít nước lên những tảng đá hun nóng để tăng thêm nhiệt độ trong phòng tắm hơi. Philippa thì quấn thêm một cái khăn quanh đầu, vì với cô, cảm giác thấy mình lại trở thành một djinn thực thụ không bỏ công phải gội và sấy tóc mỗi lần vào đây.

Philippa đề nghị:

– Chắc là phải có cách nào khác dễ dàng và khôn ngoan hơn để đối phó với nó chứ.

– Ví dụ như?

– Như phân tích tâm lý học chẳng hạn. Có bao giờ anh tự hỏi tại sao nó lại hay bắt nạt anh thế chưa?

– Bởi vì nó là một thằng mặt mụn chứ còn gì nữa.

– Ý em là, ở anh có điều gì làm nó không thích không?

John nhún vai:

– Anh chẳng nghĩ một thằng như nó cần nhiều lý do. Nó là một thằng du côn. Ăn hiếp người khác là nghề của nó mà.

– Vậy nó bắt đầu bắt nạt anh từ khi nào?

– Từ đầu học kỳ vừa rồi.

Philippa trầm ngâm suy nghĩ trong vài giây.

– Có khi nào nó bắt nạt anh bởi vì anh không phải là một thằng mặt mụn không nhỉ?

Cô gạt đầu tự tán thành với hướng suy nghĩ của mình.

– Anh biết không, John? Đó chính là lý do. Em chắc chắn là như thế.

John ngáp ngừng thú nhận:

– Ừm... anh không nghĩ anh hiểu ý em.

– Anh có nhớ trước đây anh cũng có quá trời mụn trên mặt không? Những cái mụn lập tức biến mất ngay khi anh được nhỏ rằng khôn và sức mạnh djinn của anh xuất hiện ấy?

– Làm sao anh có thể quên được chuyện đó chứ? Đó là một trong những ngày tuyệt vời nhất trong cuộc đời anh mà. Từ ngày hôm đó, anh đã có thể tự tin nhìn vào gương mà không còn muốn tự quăng mình xuống đường ray xe lửa cho xong.

– Vậy anh có nghĩ đến khả năng thằng Warthoff bắt nạt anh chỉ vì nó đang ghen tị với anh không? Bởi vì nó vẫn bị mụn, còn anh thì không?

John thừa nhận:

– Có thể lắm. Nhưng vậy thì sao chứ? Anh tuyệt đối không mời mấy cái mụn quay lại đâu. Dù để tránh đụng chạm với thằng Gordon Warthoff cũng không.

– Anh đâu phải làm vậy. Nhưng cũng đâu ai cản chúng ta làm mấy cái mụn của nó biến mất.

– Ý em là dùng sức mạnh djinn hả?

– Chứ không lẽ anh bảo em gửi cho nó một tuýp kem trị mụn?

– Ngay cả khi mẹ đồng ý cho anh trị mấy cái mụn giùm thằng Warthoff, anh cũng không chắc anh lại có thể đi ước cho nó bất cứ điều gì khác ngoài một cái chân gãy.

Philippa trấn an:

– Không cần anh phải ước. Em sẽ lo chuyện đó giùm anh.

John có thể thấy là em gái cậu hoàn toàn nghiêm túc. Và bởi vì cả hai đang ở trong phòng tắm hơi, cậu biết chắc em gái có thể làm

đúng những gì mình vừa nói.

Cậu hỏi:

– Em không muốn hỏi ý kiến mẹ trước à?

Philippa nhún vai:

– Em nghĩ hiện giờ mẹ còn nhiều chuyện khác phải lo nghĩ hơn là chuyện mấy cái mụn trên mặt Warthoff.

Mấy ngày gần đây, bà Gaunt trở nên trầm ngâm dăm chiêu hẳn, có vẻ như là từ sau khi bà gặp gỡ với vị Djinn Xanh Babylon.

Vừa tập trung suy nghĩ để chuẩn bị sử dụng sức mạnh djinn, Philippa vừa nhận xét tiếp:

– Vả lại, em không nghĩ mẹ sẽ phản đối việc em giúp thằng Warthoff một khi cân nhắc lợi ích của việc đó đối với anh. Và em chắc điều này tốt hơn nhiều so với việc anh đánh nhau với nó ở trường.

Nghĩ là làm, đầu tiên Philippa nghĩ đến Gordon Warthoff và những cái mụn trên mặt nó. Rồi cô nghĩ đến chuyện chúng biến mất vào sáng hôm sau khi nó thức dậy, và kết quả là nó trở thành một người tốt hơn. Và rồi cô thâm thì từ trọng tâm của mình:

– FABULONGOSHOOMARVELISHLYWONDER PIPICAL!

John lịch sự chờ đợi trong giây lát rồi mới hỏi em:

– Xong chưa?

Philippa gật đầu:

– Rồi anh sẽ thấy. Mọi chuyện sẽ tốt thôi.

John vỗ vai cô:

– Cảm ơn nhé, Phil.

Cậu mỉm cười triu mến với em gái. Nhìn bên ngoài, hai anh em

không có vẻ gì giống nhau: John giống mẹ, cao, gầy, da ngăm; trong khi Philippa thì nhỏ nhắn như cha, lại còn đeo kính. Nhưng bên trong, cặp sinh đôi hết như hai mặt của một đồng xu. Vì Philippa, không có gì mà John không làm, và cậu cảm thấy muốn nói với cô điều đó. Nhưng dĩ nhiên, cậu vừa nghĩ đến chuyện đó, Philippa đã biết ngay.

Cô mỉm cười với anh:

– Em biết. Em biết mà.

Philippa dành những ngày còn lại trước Giáng sinh để chơi Djinnverso với chú Nimrod, ông Rakshasas, hoặc với cha cô và ông Bull Huxter.

Ông Bull Huxter đã từng là một luật sư, một nhân viên quảng cáo, một nhà báo, và một tay chơi bài cào chuyên nghiệp trước khi trở thành Trưởng phòng Marketing và Truyền thông của Chương trình Không gian châu Âu. Là một người Canada đến từ Toronto, ông tuyên bố đã làm tất cả mọi việc đáng làm và gặp tất cả những người đáng gặp. Philippa nghĩ thật lạ khi một người như ông lại có thể liên quan đến một thứ quan trọng như chương trình không gian, mà lại là chương trình của cả châu Âu mới kỳ. Mỗi lần cô nhắc về chuyện đó (hy vọng sẽ tìm hiểu được thêm về Iblis và số phận khủng khiếp của hắn, vì cái tên lửa chở hắn lên Sao Kim nghe nói sắp được phóng lên), ông Huxter liền thay đổi đề tài, và Philippa nhanh chóng đưa ra kết luận rằng, nếu sau này cô nắm quyền điều hành nhà băng của cha, cô sẽ không cho ông vay tiền dù chỉ 5 đô. Nhưng ông Huxter lại là một tay chơi Djinnverso cừ khôi. Chú Nimrod đã từng nhận xét rằng không có mundane nào chơi với những viên astaragali giỏi bằng ông Bull Huxter, và dù ông hơi bị ngễnh ngãng (theo ông giải thích là vì ông ở quá gần những cuộc

phóng tên lửa), việc chơi Djinnverso thường xuyên với ông đã giúp Philippa học được rất nhiều về kỹ thuật lửa phỉnh.

Trái ngược với em gái, John chẳng hứng thú gì với Djinnverso. Chẳng thể nào hiểu trò chơi đó có gì hay mà mọi người ai cũng nặng xị lên vì nó, cậu thích dành thời gian đọc cuốn *Những quy luật Baghdad rút gọn* của ông Rakshasas hơn. Trên thực tế, dù chẳng hứng thú gì lắm với những quy luật trong đó, nhưng cậu đã quyết tâm tìm hiểu mọi chi tiết về djinn. Bà Gaunt nói những chi tiết đó chỉ là ba cái thứ vớ vẩn, và có lẽ chúng đúng là như vậy, nhưng John không quan tâm. Trong suốt kỳ nghỉ Giáng sinh đặc biệt đó, đối với cậu không có gì quan trọng hơn cuốn sách đủ dày để làm đồ chặn cửa của ông Rakshasas.

Lấy ví dụ, cậu khám phá ra lý do tại sao mình lại ghét vị muối mặn và mùi hắc ín đến thế. Đã có một khoảng thời gian, con người dùng những thứ này để đuổi djinn đi chỗ khác. Theo cuốn sách, djinn còn ghét tiếng động lớn (điều này hoàn toàn đúng trong trường hợp của Philippa), cũng như không thích đụng chạm vào sắt hay thép – điều này giải thích lý do tại sao bà Gaunt và chú Nimrod không thể chịu được bất cứ kim loại nào, ngoại trừ vàng.

Philippa cũng đọc cuốn sách và đặc biệt hài lòng khi khám phá ra thông tin về bộ tộc của Lilith, tộc Ghul. Những djinn nữ của bộ tộc này được gọi là *Si'lat* và, theo truyền thống, họ vừa xấu người vừa xấu nét. Philippa cũng khá ấn tượng với đoạn viết về việc tộc Ghul từng ăn thịt người, mặc dù cô nghĩ việc này hiếm có khả năng xảy ra trong thời đại này. Ít nhất là khi McDonald còn tồn tại. Cuốn sách cũng giải thích việc một djinn tộc Ghul có thể bị giết chỉ bằng một cú đánh vào mặt, tuy nhiên thật lạ khi cuốn sách lại viết cú đánh thứ hai sẽ làm djinn đó sống lại. Philippa dặn John:

– Nếu lúc nào đó, em có tát con bé Lilith, anh làm ơn ngăn em không tát nó lần nữa nhé.

Cái bìa bằng da của cuốn *QBRG* – mọi người bắt đầu gọi cuốn sách của ông Rakshasas như vậy cho gọn – được làm bằng da lạc đà sơn tay và khảm phía trên bìa một lớp bạc hình bầu dục. Nếu dùng ngón tay cái chà nhẹ vào lớp bạc này, một bản sao ba chiều thu nhỏ của ông Rakshasas sẽ hiện lên. Được làm giống đến từng chi tiết, nó giống như một djinn nhân tạo, mà một khi được triệu tập, sẽ cho bạn một lời khuyên hữu ích về cách sử dụng cuốn sách, hay một “sự kiện djinn trong ngày”. Và John khám phá ra ông Rakshasas nhân tạo này đặc biệt hứng thú với đề tài về vị Djinn Xanh Babylon.

Với chất giọng Ai-len đặc trưng không kém người thật, ông Rakshasas nhân tạo giải thích:

– Thuở ban đầu, vị Djinn Xanh vĩ đại có tên là Ishtar, xin Thượng đế phù hộ cho bà, và bà được tôn thờ như Nữ hoàng Thiên đường, người kế thừa Bellili. Biểu tượng của Ishtar là sư tử và màu xanh, cũng là màu của Mặt trăng và Màn đêm. Giờ đây, vị Djinn Xanh không bao giờ thực hiện Lựa chọn Vĩ đại giữa Thiện và Ác. Không ai rõ lý do tại sao, nhưng sau hàng thế kỷ, những thế hệ Djinn Xanh tiếp theo đã trở thành một người và một thứ gì đó mà tất cả các djinn đều phải học cách kính trọng. Và điều này có ích cho cả hai phe – Thiện và Ác – khi có một djinn mạnh mẽ luôn đứng trên cuộc chiến bất tận để kiểm soát Sự May mắn của thế giới mundane. Rốt cuộc, bà Djinn Xanh đã có thể đặt ra đạo luật djinn cho cả sáu bộ tộc.

– Cũng trong khoảng thời gian đó, Hoàng đế Nebuchadnezzar Đệ Nhị đã cho xây Cánh cổng Ishtar vĩ đại dẫn vào thành phố

Babylon mới của ông để tỏ lòng tôn kính với Ishtar. Ông cũng đã xây cho mình một tòa lâu đài tráng lệ với khu vườn treo nổi tiếng mà con người đã chọn là một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại. Tuy nhiên, Ishtar đã nổi giận vì Nebuchadnezzar dám xây lâu đài và khu vườn của ông ta trước khi xây lâu đài cho bà. Ý ta là, một cái cổng đặc biệt thì đúng là có tốt đấy, nhưng nếu cái cổng đó chẳng dẫn đến đâu thì, ờ, thì nó chẳng có ích cho ai cả. Mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn khi Nebuchadnezzar già nua tiến binh tấn công vị phù thủy vĩ đại nhất của thế giới cổ đại, Vua Solomon. Nebuchadnezzar đã cướp phá Jerusalem, trộm Grimoire nổi tiếng của Solomon, và mang tất cả vàng về Babylon. Đến lúc này, dĩ nhiên Hoàng đế Nebuchadnezzar đã nhận ra ông cần vuốt giận Ishtar. Ông đã dùng số vàng cướp được từ Jerusalem để xây cho Ishtar một tòa lâu đài lộng lẫy – cái được gọi là Lâu đài treo Babylon mà địa điểm của nó đến ngày nay vẫn còn là một bí mật được canh giữ cẩn thận.

Ishtar đã bỏ qua sự phạm thượng ban đầu của Nebuchadnezzar, nhưng rồi sau đó, khi thiếu tiền trang trải cho một cuộc chiến khác, ông đã cho gỡ vàng ra khỏi tòa lâu đài của bà. Lần này thì Ishtar không còn tha thứ cho Nebuchadnezzar được nữa và đã biến vị hoàng đế thành một con cừu. Từ đó về sau, không ai thấy ông ấy nữa.

John chăm chú lắng nghe. Cậu không hề biết thông tin về vị Djinn Xanh Babylon này chẳng bao lâu sau sẽ trở nên quan trọng với cậu như thế nào.

– Khi Babylon suy tàn không còn là một thành phố quan trọng trên thế giới, những Djinn Xanh đời sau bắt đầu chuyển đến sống tại Thụy Sĩ, một nơi khí hậu mát mẻ hơn và, nếu xét trên phương

diện lịch sử, là một quốc gia trung lập về mặt chính trị. Chi tiết này có giá trị biểu tượng, vì nó có nghĩa vị Djinn Xanh không hứng thú với việc sử dụng quyền lực cho bản thân, mà chỉ như một nhà tư vấn, một thẩm phán và là một người ban hành luật. Phần lớn những Quy luật Baghdad mà chúng ta có hiện nay là kết quả phán quyết của 75 đời Djinn Xanh từ trước đến nay. Tuy nhiên, khi Cánh cổng Ishtar được xây dựng lại tại Bảo tàng Pergamon ở Berlin, vị Djinn Xanh đời thứ 75 đã quyết định dời tòa án djinn của bà từ Geneva, Thụy Sĩ về Berlin, Đức. Và, ngoại trừ khoảng thời gian từ năm 1940 đến 1944 khi bà quay lại Geneva, vị Djinn Xanh đã sống ở Berlin từ đó đến nay.

Lời giải thích của ông Rakshasas nhân tạo đã để lại cho John nhiều câu hỏi không có lời giải đáp. Nhưng khi cậu hỏi mẹ về Djinn Xanh, bà Gaunt thậm chí từ chối đề cập đến. Vì trước đó đã nghe Philippa kể về cuộc gặp gỡ giữa mẹ với vị Djinn Xanh tại khách sạn Pierre, John càng cảm thấy tò mò hơn. Và cậu đã phải chờ đến tận ngày thi đấu đầu tiên của Giải vô địch Djinnverso tại khách sạn Algonquin nổi tiếng ở New York để gắng hỏi ông Rakshasas bằng xương bằng thịt những thông tin khác về vị Djinn Xanh.

Cậu hỏi:

– Djinn Xanh luôn là phụ nữ hả ông?

Ông Rakshasas trả lời:

– Lúc nào cũng vậy. Người ta nói djinn nữ luôn thông minh hơn djinn nam mà.

– Một Djinn Xanh mới được bổ nhiệm như thế nào vậy ông?

– Bởi chính vị Djinn Xanh đời trước, dựa theo những dấu hiệu mà chỉ có mình Ayesha biết được, xin Thượng đế phù hộ cho bà.

– Vậy ai sẽ là Djinn Xanh đời tiếp theo? Chúng ta có biết điều đó không ông?

Ông Rakshasas mỉm cười:

– Nghe đồn là Mimi de Ghulle. Có thể chuyện đó sẽ được công bố ngay trong giải thi này. Nhưng sự thật là không ai biết rõ chuyện đó, ngoại trừ Ayesha. Suốt mười năm qua, bà ấy đã tìm kiếm người thay thế mình. Đúng là rất khó để chọn lựa giữa hai con dê mù. Nghe nói, những người muốn vị trí đó thì không phù hợp, trong khi những người phù hợp thì lại không muốn vị trí đó.

John ngạc nhiên hỏi:

– Tại sao lại có người không muốn trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo chứ?

Câu hỏi của John làm ông Rakshasas có vẻ hơi luống cuống. Vặn vẹo bộ râu trắng dài của mình một cách trầm ngâm, ông nói:

– Một câu hỏi khó. Có lẽ chỉ những người có trái tim tốt mới đoán được sẽ khủng khiếp như thế nào khi bị buộc phải có một trái tim sắt đá.

Ngừng trong giây lát, ông nói thêm:

– Và chắc chắn điều đó sẽ không làm Mimi bận lòng dù chỉ một giây.

Không chắc mình hiểu ý ông Rakshasas, John chỉ biết khẽ nhún vai rồi nói:

– Cháu mong là bà ấy sẽ chọn được một người phù hợp thôi. Nếu có thời gian.

– Ông dám nói là, nếu có thời gian, Ayesha sẽ ngu kỹ hơn thôi. Rõ ràng là không cần phải sợ ngọn gió nếu đóng cửa khô đã được

buộc chặt. Nhưng nếu không...

Bỏ dở câu nói, ông Rakshasas lắc đầu nói tiếp:

– Và dĩ nhiên, khi Ayesha già hơn, thời gian còn lại của bà ít hơn, thì trái tim của bà ấy càng sắt đá hơn. Kết quả là phán quyết của bà trở nên khắc nghiệt hơn, và điều này gây nguy hiểm cho tất cả chúng ta, dù Thiện hay Ác. Iblis, anh chàng tội nghiệp, là người hứng chịu đầu tiên.

John gật gù:

– Cháu hiểu.

Ông Rakshasas phản đối:

– Không, cháu không hiểu đâu. Giống như con người, djinn chúng ta cũng biết rồi chúng ta cũng phải chết. Đó là điều làm chúng ta khác với động vật. Bên cạnh khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ. Và mặc đồ. Và có lẽ một hay hai thứ khác nữa. Chúng ta biết mình sẽ chết, chỉ là không biết bao giờ thôi. Việc đó là phước lành thanh thỏa cho tất cả chúng ta. Nhưng Djinn Xanh thì biết chính xác khi nào cuộc sống của bà sẽ kết thúc.

Nó là một trong số những nguyên nhân làm trái tim bà trở nên sắt đá. Ít nhất đó là điều chúng ta nghĩ. Có rất nhiều điều diễn ra tại lâu đài bí mật của bà ở Babylon mà tất cả chúng ta đều không biết. Ngay cả ông cũng không biết. John nói:

– Quá kinh khủng. Ý cháu là, thật khủng khiếp khi biết được chính xác mình sẽ chết khi nào.

– Dĩ nhiên, và không hơi đâu mà lo chuyện trời đổ.

– Rất đúng.

John nhận xét, mặc dù cậu chẳng hiểu câu nói của ông

Rakshasas có nghĩa gì.

* * *

Giải Djinnversoctoannular từng được tổ chức thủ tại Chicago. Tuy nhiên, người ta đã hủy bỏ kế hoạch đó khi nhận ra khí hậu mùa đông lạnh lẽo ở thành phố đầy gió này dù phù hợp với giải – cái lạnh có thể ngăn cản việc sử dụng sức mạnh djinn, và việc tổ chức giải ở một nơi lạnh có thể ngăn chặn việc chơi gian lận – lại quá mức chịu đựng của djinn. Hiện giờ, như thường lệ, giải đấu được tổ chức tại gian Phòng Cây Sồi nổi tiếng của khách sạn Algonquin ở New York. Diễn ra trong suốt ba ngày, cuộc thi hoan nghênh sự tham gia của cả sáu bộ tộc djinn, không phân biệt Thiện Ác. Việc sử dụng sức mạnh djinn khi thi bị cấm hoàn toàn, và djinn nào phạm luật sẽ lập tức bị loại khỏi giải. Tuy nhiên, để duy trì danh tiếng lâu đời của khách sạn – địa điểm dùng bữa trưa quen thuộc của những văn sĩ, nghệ sĩ có đầu óc hài hước nhất New York – djinn được phép, và thậm chí là được khuyến khích, nói móc khoe nhau một cách có nghệ thuật.

Cho nên, khi Palis Kẻ Liếm Gót – một trong những thành viên khét tiếng của tộc Ifrit – đựng độ chú Nimrod tại lối vào Phòng Cây Sồi, điều đầu tiên hắn làm là nhếch mép cười và buông lời miệt thị chú:

– A, xem ai đến kìa? Nimrod, bạn thân nhất của con người. Gâu gâu gâu.

Và chẳng bao lâu, hai djinn thâm niên đã bắt đầu một trận đấu võ mồm gay cấn trong sự ngạc nhiên đến bất ngờ của John.

Chú Nimrod đáp trả:

– Palis, anh vẫn như cũ nhỉ? Lúc nào cũng như một con rùng mình chực chờ bò dọc sống lưng chuột cống.

Palis là một gã djinn cao lêu khêu chuyên vận đồ đen từ đầu đến chân và lúc nào cũng di chuyển lặng lẽ như vài lít dầu nhớt xe máy. Làn da nhợt nhạt như xác chết, hắn có cặp mắt nhìn giống lớp nước ở tận cùng một cái giếng nước sâu thẳm. Cứ cách vài phút, cái lưỡi to dị thường của hắn lại thập thò ra khỏi miệng như một con lươn lớn để nhấm nháp thử không khí phía trước nó. John biết Palis là một dạng djinn ma cà rồng và lưỡi của hắn luôn thêm khát máu người. Điều đó không làm thụt giảm sự mê hoặc khủng khiếp mà cái lưỡi của Palis tác động lên John. Nhận ra cậu bé djinn trẻ cứ nhìn chằm chằm vào mình với sự tò mò thấy rõ, Palis liếc nhìn cậu với ánh mắt hứa hẹn chết chóc và hỏi:

– Mà nhìn cái gì thế hả, thằng chó con xấu xí kia?

Gồng mình lên, John bắt đầu trả treo lại:

– Tôi thà làm một con chó con xấu xí còn hơn làm một con chó già bị bệnh dại. Tệ hơn nữa, một con chó thậm chí còn chưa được dạy dỗ.

Chú Nimrod bật cười:

– Khá lắm, John. Khá lắm.

Palis nhe răng:

– Mà tên John hả? Đúng là tên hợp với mùi.

John đáp lại:

– Ô, tôi không ngờ ông vẫn có thể ngửi được mùi gì với cả một con rắn đang bò vào mũi như thế đấy.

Cậu đã bắt đầu thích việc đấu võ mồm như thế này. Như bất cứ cậu học trò mười hai tuổi nào, việc sỉ nhục người khác – phần lớn là những học sinh khác trong sân trường – là món John luyện tập thường xuyên. Cậu tiếp tục:

– Với một cái lưỡi như thế, ông không xin vào làm người liếm bưu thiếp trong bưu điện cũng uống đó.

Chú Nimrod lẩm bẩm:

– Ồ, đúng là uống thật.

Palis rít lên:

– Thằng nhóc, lần sau mày nên chọn lời cẩn thận hơn. Coi chừng câu nói sau của mày sẽ là câu cuối cùng mày được nói đó.

Chú Nimrod lắc đầu:

– Palis, đúng là anh lúc nào cũng không thể kiềm chế mình như nắm mốc mọc trên bức tường dơ dáy. Tôi e rằng lời nhận xét vừa rồi của anh là một lời đe dọa. Điều này trái ngược với quy ước của giải thi này: chỉ sỉ nhục, không đe dọa. Và tôi e rằng anh phải rút lại lời đe dọa đó và xin lỗi cháu trai tôi, hoặc là rời khỏi Algonquin.

Palis câm như hến. Chú Nimrod nói tiếp:

– Dĩ nhiên, tôi luôn có thể nhờ đích thân Djinn Xanh phân xử giùm vấn đề này.

Palis liếm môi lo lắng và gắng gượng mở một nụ cười méo xệch. Ra đấu chịu thua một cách lịch sự, hắn nói:

– Không cần phải làm thế. Cho ta xin lỗi nhé, cậu djinn trẻ tuổi. Thật đáng nể khi cậu có thể phát ngôn một cách thông minh như vậy trong khi cậu đến từ một bộ tộc không có một tí thông minh nào.

Và trước khi John kịp đáp trả lại, Palis đã cúi chào và rút lui.

Chú Nimrod nhận xét:

– Ai đó đóng chai chú lại đi, không ngờ cháu giỏi đối đáp vậy đấy. Chúc mừng.

Trong trò chơi Djinnversoctoannular^[9], bảy viên astaragali, hay xúc xắc, được lắc và đưa cho người chơi tiếp theo bên trong một hộp thủy tinh đậy kín cùng với một lời tố bắt buộc phải lớn hơn lời tố trước đó. Nếu muốn thách thức lời tố, người chơi sẽ nói từ “mendax”; và nắp hộp sẽ được mở ra để kiểm tra các viên astaragali. Vào lúc này, người chơi đưa ra lời tố hoặc người chơi thách thức lời tố sẽ mất đi một trong ba “điều ước” tùy thuộc vào việc lời tố đó ít hay nhiều hơn những gì tìm thấy trong hộp.

Ván đấu đầu tiên, Philippa đối đầu với ba người chơi khác, bao gồm Marek Qutrub, một djinn độc hại có hơi thở đầy mùi thịt sống, và Rudyard Teer, con trai út của Iblis tộc Ifrit.

Sau khi thành công trong việc thách thức lời tố của Qutrub và làm nó mất đi điều ước đầu tiên, đến lượt Philippa lắc astaragali trước. Nhận ra mình có một Rương – gồm bốn viên cùng loại, cộng thêm ba viên cùng một loại khác – cô đóng nắp hộp lại, chuyển nó cho người chơi tiếp theo là Rudyard Teer, và tố. Rương là một kết quả khó đạt được trong lần lắc đầu tiên, và có thể thấy rõ Teer không tin vào lời tố của cô. Tuy nhiên vì đang gán cho Philippa một phần trách nhiệm trong chuyện đã xảy ra với cha nó, nên Teer từ chối nói chuyện với cô. Vì thế, nó buộc phải thông báo cho ông Bunyip, trọng tài của ván đấu, rằng nó thách thức lời tố. Và, đúng bản chất của một djinn tộc Ifrit thực thụ, nó lớn tiếng chửi thề khi mở hộp và phát hiện rằng lời tố của Philippa là sự thật. Việc này

đủ để nó nhận một lời cảnh cáo chính thức vì sử dụng ngôn ngữ khó nghe.

Zadie Eloko, người chơi thứ tư, một djinn thuộc tộc Jann phe Thiện đến từ Jamaica, nhãn mặt nhận xét:

– Ấc, nghe cậu chửi mà xương sống của tớ cứ muốn cuộn cả lại.

Xô cái hộp thủy tinh về phía cậu bé djinn người Jamaica một cách thô lỗ, Rudyard Teer hát hàm nói:

– Mà thì biết gì về xương sống mà nói chứ? Nếu bộ tộc của mày có được dù chỉ một lóng xương sống trong người thì đã không đi làm đầy tớ cho mấy thằng mundane.

Lời nhận xét đó đã làm thằng Teer mất thêm một điều ước, vì chỉ được sử nhục người xem chứ không được phép sử nhục người chơi. Và việc Philippa lọt qua ván đấu đầu tiên mà không mất đi một điều ước nào đã làm ngạc nhiên nhiều khán giả, những người cho rằng chỉ có Marek Qutrub mới là đối thủ chính của Lilith de Ghulle.

Sau cuộc thi, chú Nimrod gọi Philippa:

– Đi thôi, Philippa. Bà ấy muốn gặp cháu đấy.

– Ai cơ?

– Dĩ nhiên là Ayesha rồi. Người-Phải-Được-Phục-Tùng ấy. Quý bà thép chứ còn ai vào đây.



CHƯƠNG 6

Qui tắc Badroulbador

Ayesha đang ngồi ở một góc của gian Phòng Cây sồi, đằng sau một cái bàn tròn lớn. Ngồi bên cạnh bà là một phụ nữ nhỏ nhắn, nhìn hơi vô vị. Thoáng thấy Philippa đi đến cùng chú Nimrod, Ayesha xua người phụ nữ đi ra chỗ khác và mỉm cười một cách lạnh lùng. Bà bảo Philippa:

– Ngồi xuống đây, cô bé. Ta không cần đâu mà sợ.

Tuy hơi sợ Ayesha, nhưng Philippa vẫn ngồi xuống và đan chặt hai bàn tay vào nhau, như thế nó giúp cô cảm thấy an tâm hơn.

Ayesha liếc nhìn chú Nimrod với ánh mắt sắc như dao cạo và hỏi:

– Không phải cậu có việc cần làm sao, Nimrod?

Chú Nimrod đồng ý:

– À vâng, dĩ nhiên rồi. Tôi cần gặp dì Edwiges Djinn Lang Thang. Lâu rồi mới thấy dì ấy xuất hiện trong cộng đồng djinn.

Ayesha mỉm cười khinh miệt:

– Làm gì có cái gọi là cộng đồng djinn chứ.

Bà nói với Philippa:

– Hãy nhìn xung quanh đi, Philippa. Đây là bức tranh thảm

sống động về djinn Thiện và djinn Ác, và số lượng sự may mắn trên cái thế giới này chỉ phụ thuộc vào việc mỗi djinn chúng ta chuẩn bị nhận trách nhiệm cho bản thân như thế nào.

Chú Nimrod lịch sự mỉm cười, như thể không hoàn toàn đồng ý với Ayesha, rồi chú quay đi tìm Edwiges.

Còn lại hai người, Philippa hỏi Ayesha:

- Tại sao bà ấy lại được gọi là “Djinn Lang Thang” vậy bà?
- Edwiges à? Bởi vì bà ta thực hiện một hành trình vô vọng vòng quanh thế giới để giúp mundane đánh bại hệ thống đánh bạc casino, sự xui xẻo vĩ đại mà tộc Ifrit tạo ra cho con người.
- Tại sao hành trình đó bị coi là vô vọng?
- Hễ có liên quan đến đánh bạc là mundane sẽ không muốn được giúp đỡ gì. Nói một cách logic thì vận may dường như chỉ được xem là vận may khi có tồn tại cái được gọi là vận đen. Đó chính là sự ly kỳ của việc đánh bạc. Nhưng ta không gọi cháu đến đây để bàn về triết lý bài bạc. Hãy để ta ngắm cháu, cô bé.

Philippa giữ im lặng trong suốt khoảng thời gian vị Djinn Xanh chăm chăm nhìn cô với sự chú tâm giống như của một người đang đi mua xe mới.

- Cháu đúng là con gái mẹ cháu.
- Bà biết rõ mẹ cháu lắm ạ?

Ayesha bật cười:

- Đủ rõ để có thể chê trách mẹ cháu đã quay lưng lại với định mệnh của chính mình và chọn trở thành một thứ không phải là cô ấy. Không bao giờ là cô ấy.
- Và thứ đó là gì ạ?

Ayesha lắc đầu:

– Mundane. Thật lãng phí khi djinn giỏi nhất của chúng ta lại giả vờ làm một người bình thường. Cháu không nghĩ vậy sao?

Philippa không trả lời câu hỏi. Thay vào đó, cô đặt vấn đề:

– Đó có phải lý do tại sao bà và mẹ cháu tranh cãi với nhau ở khách sạn Pierre?

Và rồi, trước khi Ayesha có thể chối bỏ việc đó như bà Gaunt đã làm, Philippa nói thêm:

- Cháu đã thấy hai người.
- Ô, việc này cháu hỏi mẹ cháu thì tốt hơn đấy.
- Cháu hỏi rồi.
- Và cô ấy nói thế nào?
- Không nhiều.
- Ta nghĩ có lẽ đó là vấn đề của cô ấy.

Ayesha khịt mũi một tiếng lớn và cầm khăn tay quẹt mũi, rồi chuyển đề tài:

– Thế Giải Djinnverso đầu tiên của cháu như thế nào? Có thấy vui không?

Philippa nói:

– Rất vui ạ. Chỉ có điều... ừm, chỉ là cứ hễ cháu chơi tốt hơn, dường như người ta lại trông đợi ở cháu nhiều hơn nữa. Ít nhất đó là cảm giác của cháu. Thật sự là hơi kỳ kỳ. Ý cháu là, chẳng ai nói gì. Nhưng cảm giác vẫn có, bà hiểu không?

Ayesha gật đầu:

– Ừ, ta hiểu cái cảm giác đó, Philippa. Ban đầu ta cũng không

thích thú gì với việc đó. Dĩ nhiên giờ đây mọi chuyện đã khác. Ta nghĩ ta có sức mạnh để làm bất cứ những gì mà ta cảm thấy cần phải làm. Ngay cả khi việc phải làm đôi lúc rất khó khăn, và không phải là một việc chúng ta sẽ chọn làm. Một việc sẽ mang lại một lợi ích lớn lao hơn. Cháu hiểu không?

Gần như không hiểu gì, nhưng Philippa vẫn nói:

- Cháu nghĩ cháu hiểu ạ.
- Điều ta muốn nói ở đây là, nó không mang tính cá nhân. Hãy nhớ lấy điều đó, Philippa.

Philippa gật đầu, dù đến lúc này cô đã chắc chắn rằng cô không có khái niệm gì về điều Ayesha đang nói. Cô nghĩ Ayesha nhìn khoảng tám mươi tuổi, và nếu xét đến khía cạnh tốc độ lão hóa của djinn chậm hơn con người, điều đó có nghĩa bà ít nhất phải hai trăm năm mươi tuổi. Cho nên, Philippa kết luận rằng, vì đã quá già, Ayesha chắc gặp khó khăn trong việc thể hiện suy nghĩ của mình một cách mạch lạc. Đó là một sai lầm mà tất cả những bạn trẻ, không chỉ djinn, mắc phải khi nghĩ về người lớn tuổi. Philippa gần như không biết những điều Ayesha nói hoàn toàn có nghĩa, và phải đến tận sau này cô mới nhận ra điều đó.

Ayesha hỏi Philippa:

- Cháu còn câu hỏi nào khác không, cô bé?
- Còn ạ. Tại sao Djinn Xanh luôn là phụ nữ vậy bà?
- Bởi vì trên trái đất có một quy luật phổ biến áp dụng cho cả djinn và loài người. Khi có điều cần phải nói, hãy tìm một người đàn ông. Nhưng khi có điều thật sự cần phải làm, hãy tìm một người đàn bà. Điều này đã trả lời được cho câu hỏi của cháu chưa?

Philippa mỉm cười:

- Được rồi ạ.
- Phụ nữ chúng ta phải biết gắn kết với nhau, Philippa.
- Vâng, thưa Ayesha.
- Ta rất vui với cuộc nói chuyện ngắn ngủi của chúng ta hôm nay. Bây giờ thì cháu tiếp tục cuộc thi của mình đi. Và đừng quên những gì ta đã nói đấy.

– Vâng, Ayesha.

John đứng nhìn em gái nói chuyện cùng vị Djinn Xanh với một cảm giác ngưỡng mộ xen lẫn sợ hãi. Thật khó tin khi nghĩ bà lão nhỏ nhắn cầm túi xách tay đó có thể lạnh lùng ra lệnh đày Iblis lên sao Kim trong mười năm. Một giọng nói từ sau lưng dường như vang vọng lại suy nghĩ của John:

– Chẹp, bà ấy lú lẫn rồi.

Quay lại, John nhìn thấy một gã to con khoảng chừng mười sáu hay mười bảy tuổi. Không phải một gã đẹp trai vì khuôn mặt nó thể hiện nhiều tính cách. Với một giọng nói hơi nhấn trọng âm và âm âm như sấm rền từ xa, cùng hơi thở nặng mùi thuốc lá, tên đó nói:

– Bà ấy ngày càng già và lú lẫn, và nó làm bà ấy trở nên nguy hiểm. Không chỉ cho chính bà. Cho tất cả djinn. Đó là lý do tại sao anh cần nói chuyện với chú Nimrod. Chuyện gấp.

– Anh là ai mới được?

Chìa tay ra, tên đó giới thiệu:

– Izaak Balayaga.

Đưa tay ra, chỉ đến phút cuối John mới nhớ gấp ngón giữa vào trong lòng bàn tay trước khi bắt tay với Izaak.

Izaak giải thích:

– Anh làm việc cho Ayesha. Anh là djinn lính gác cho lâu đài Topkapi ở Istanbul.

– Đó là thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ, đúng không?

Izaak mỉm cười với vẻ mặt của một kẻ bề trên và nói:

– Sai. Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ là Ankara. Mặc dù anh không biết tại sao lại đi trông chờ một nhóc người Mỹ như cậu biết điều đó nữa. Địa lý chỉ là một từ có trong từ điển của các cậu thôi phải không?

John đoán cậu đang bị sỉ nhục chỉ vì đó là truyền thống của giải đấu. Cậu nói:

– Cho rằng anh có thể nhớ, vậy chính xác djinn lính gác làm gì?

– Đơn giản.

– Em cũng đoán đó là một công việc đơn giản. Vì nếu không, chắc anh đã đi kiếm công việc khác từ lâu rồi.

Izaak tiếp nhận lời sỉ nhục với một cái gật đầu lịch sự và nói:

– Những viên đá quý cực lớn có khả năng khuếch đại sức mạnh djinn. Theo cùng cách cậu dùng một viên hồng ngọc hoặc ngọc hồng lựu để tạo ra máy la-de chỉ dùng bán dẫn. Một trong những lý do sức mạnh djinn hoạt động là vì những nguyên tử mang năng lượng giải phóng photon, đúng không?

John lơ đãng gật đầu và tự hỏi không biết viên đá mặt trăng trên cái nhẫn của ông Vodyannoy có phải cũng được dùng cho hiệu ứng này không. Izaak tiếp tục giải thích:

– Cậu thấy đó, một viên đá quý sẽ giúp bơm những nguyên tử đó để chúng đi vào trong một trạng thái kích động hơn. Gấp khoảng hai hay ba lần cấp độ một djinn có thể đạt được bằng sức của mình.

Nói chung là vậy. Vấn đề là, có một con dao găm nạm ngọc nổi tiếng trưng bày tại lâu đài Topkapi cần được canh giữ cẩn thận, nếu không có thể sẽ bị một vài djinn nào đó trộm mất. Và đó là nhiệm vụ của anh. Những djinn lính gác khác cũng có nhiệm vụ tương tự với các món bảo vật hoàng gia quan trọng rải rác khắp thế giới. Chắc là cậu đã nghe những câu chuyện về lời nguyền của một số viên kim cương hay hồng ngọc cực lớn chứ?

Bắt đầu cảm thấy mệt mỏi với anh chàng này, John lí nhí trả lời:

– Vâng, dĩ nhiên rồi.

– Chẹp, đó chỉ là mấy tin đồn lá cải. Kim cương không thể bị nguyền rủa. Chỉ là có vài djinn – anh không nhắc tên cụ thể nào nhé, chắc em hiểu tại sao – từng thù hận những con người sở hữu các viên đá quý lớn. Để ngăn mundane sở hữu chúng. Và để họ có thể lấy chúng dùng cho bản thân. Trái ngược với điều mọi người thường nghĩ, đá quý là thứ mà djinn chúng ta không thể tạo ra. Đó là lý do tại sao hầu hết các viên đá thật sự lớn ngày nay đều nằm trong bảo tàng. Và được canh gác bởi những djinn khác. Cậu hiểu chưa?

Vừa nghĩ thầm rằng ông Rakshasas thật lạ, sao lại có thể quên đề cập một thông tin quan trọng như thế trong quyển *QBRG*, John vừa gật đầu:

– Dạ rồi.

– Trước đây, cứ một năm một lần, con dao găm Topkapi sẽ được lấy ra khỏi hộp trưng bày. Và theo thỏa thuận, sẽ có bốn mươi lính gác của Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ, bao gồm một djinn do chính Djinn Xanh chỉ định, có mặt ở đó. Vị djinn đó là tổ tiên của anh. Và đó là dạng công việc hiện nay anh đang làm.

John hỏi:

– Nhưng không phải Thổ Nhĩ Kỳ giờ là một nước Cộng hòa sao? Có nghĩa là hiện nay đâu có vị hoàng đế nào ở đó?

Izaak mỉm cười:

– Thông minh lắm. Xem ra cậu không đến nỗi ngốc như vẻ bề ngoài.

John trả miếng:

– Lúc nào em cũng có thể đọc một cuốn sách khác. Còn anh thì lúc nào cũng vẫn xấu xí.

Izaak nhe răng cười khoái trá:

– Cậu khá giỏi cái màn sỉ nhục nhau đấy.

John cho biết:

– Em có một đứa em gái. Dĩ nhiên em có nhiều cơ hội luyện tập rồi.

– Hoàng đế có lẽ không còn. Nhưng một djinn vẫn phải có mặt khi họ mang con dao găm ra ngoài. Anh phải ở đó với vài câu quát tháo và vài từ trối buộc từ cuốn Grimoire của vua Solomon để đảm bảo không có djinn nào lợi dụng cơ hội để chôm con dao. Đó là điều anh cần nói với Nimrod.

– Về con dao găm Topkapi á?

– Không, cậu ngốc ạ. Cuốn Grimoire. Cuốn sách của vua Solomon.

John nhớ chú Nimrod đã từng nhắc về cuốn sách này.

– Đó là một cuốn sách quan trọng đúng không?

Izaak cho biết:

– Chỉ có ba cuốn Grimoire quan trọng với djinn. Chính xác cũng từng có cuốn thứ tư: *Những cuộn sách Bellili Scroll*. Nhưng chúng đã bị phá hủy khi Julius Caesar đốt cháy thư viện sách Alexandria vĩ đại. Cho nên ngày nay chúng ta chỉ còn ba cuốn: *Summa Arcanus*, *Meta Magus*, và *Quyển sách của Solomon*. Trong ba cuốn này, cuốn Grimoire của vua Solomon là quan trọng nhất. Nếu biết sử dụng những câu thần chú được mô tả chi tiết trong sách, một djinn hoặc một pháp sư có thể đạt được sức mạnh tuyệt đối lên nhiều djinn khác. Quan trọng như thế, cho nên cuốn Grimoire của Solomon được canh giữ bởi Djinn Xanh trong hơn 2.000 năm qua. Bà ấy giữ nó trong một cái kết sắt Heisenberg Điện tử đặc biệt ở tòa án djinn của bà ở Berlin.

– Kết sắt nào cơ?

– Heisenberg Điện tử. Nó là loại kết sắt an toàn nhất thế giới. Bất kỳ cố gắng giải khóa mã nào sẽ làm nó thay đổi ngay. Khóa mã không tồn tại cho đến khi nào nó được theo dõi, và người duy nhất có thể làm được điều đó là Ayesha, vì trên thực tế, cái kết sử dụng vài điện tử từ chính nguyên tử của bà.

Lắc đầu một cách sốt ruột, Izaak nói thêm:

– Dù sao thì nó không ở đây hay ở đó, vì dạo gần đây, Ayesha bắt đầu quên bém đi chuyện phải bỏ cuốn Grimoire của vua Solomon vào lại trong kết sau khi dùng xong, và bây giờ thì nó đã mất tích. Bà dơi già nhà ta thậm chí còn không biết điều đó. Già thì dễ bị lảm cẩm vậy đó. Anh là người duy nhất biết được chuyện gì đã xảy ra.

John thảng thốt:

– Thánh thần ơi, giờ thì em đã hiểu tại sao anh muốn gặp chú

Nimrod gấp. Việc chúng ta tìm trả cuốn sách lại cho bà Djinn Xanh có tính chất quan trọng sống còn, đúng không?

Izaak lắc đầu:

– Thực tế vấn đề còn quan trọng hơn thế nhiều. Cho anh xin lỗi vì nãy giờ nói chuyện với cậu như vậy, nhưng anh không quen biết chú Nimrod, trong khi giải đấu này có quy định, nếu là một djinn cấp thấp, anh không được phép bắt chuyện với một djinn cấp cao hơn trừ khi được giới thiệu hay bị sỉ nhục trước. Mới nãy anh thấy cậu nói chuyện với chú Nimrod, nên anh hy vọng cậu có thể giới thiệu anh với chú ấy.

John nhận lời:

– Chuyện này thì dễ thôi. Nimrod là chú ruột của em mà.

– Chú ruột? Vậy thì cậu là cậu bé John Gaunt nổi tiếng. Thuộc cặp sinh đôi đã hạ bệ Iblis. Anh đã nghe kể nhiều về cậu và em gái cậu đấy.

– Thật à?

John lo lắng đưa mắt liếc nhìn quanh phòng. Cậu vẫn còn chưa hết ngạc nhiên khi biết có bao nhiêu djinn phe Ác xuất hiện tại giải thi đấu. Ít nhất ba thành viên trong gia đình Iblis có mặt, và một trong số đó, Jonathan Teer, chỉ đứng cách cậu vài bước chân.

John dặn:

– Cám ơn anh. Nhưng anh nói nhỏ giúp em được không? Vài djinn trong phòng này không vui vẻ gì với chuyện đó đâu.

– À đúng, dĩ nhiên rồi. Xin lỗi, anh vô tâm quá.

– Thôi quên chuyện đó đi. Giờ anh đi chào chú Nimrod một tiếng với em đi!

Họ băng qua lớp thảm sàn dày cộm của Phòng Cây Sồi đến chỗ chú Nimrod, người có thể dễ dàng nhận ra với bộ đồ đồ quen thuộc của mình, đang chăm chú đứng xem một ván Djinnverso cùng rất nhiều djinn khác.

John gọi:

– Chú Nimrod ơi, có một djinn trẻ muốn nói chuyện với chú nè.

Chú Nimrod không nói gì mà chỉ thổi ra một đám khói thuốc trên đầu John mang chữ SUYT.

John hạ giọng:

– Chuyện hệ trọng đó chú. Ván đề sống còn chứ chẳng chơi.

Izaak nói thêm vào:

– Thực tế là còn quan trọng hơn thế.

Cúi người sát xuống hai cậu bé djinn, chú Nimrod thăm thì:

– Chú xin lỗi, John, nhưng việc đó phải chờ thôi. Cháu không thấy gì sao? Em gái cháu đang đấu trận chung kết.

Ngoài Philippa, có ba djinn khác trong trận chung kết: Patricia Nixie đến từ Đức, Yuki Onna từ Nhật, và Lilith de Ghulle. Lilith chỉ vừa hết to “Mendax”, thách thức lời tố Bạc Aaron (năm viên cùng loại) của Patricia và, với vẻ mặt thất vọng thấy rõ, nó mất đi một điều ước. Điều này làm Philippa trở thành người chơi duy nhất đến giờ vẫn còn nguyên ba điều ước.

Yuki Onna ném astaragali và chuyển cái hộp thủy tinh qua cho Philippa chỉ với lời tố Đạo Sĩ (ba viên cùng loại).

Bình tĩnh nhìn vào bên trong hộp, Philippa nhận ra đó là ba viên Lửa, và nhật bốn viên astaragali còn lại lên tay. Tuân theo Quy tắc Paribanon, quy định người chơi phải nói thật về số

astaragali muốn lắc, cô tuyên bố:

– Ném bốn.

Liếc nhìn kết quả, Philippa gần như không tin được vận may của mình. Cô thêm bốn viên Lửa vào ba viên nhận được từ Patricia, làm thành một Pháo đài (bảy viên cùng loại, và, vì là kết quả lắc cao nhất của Djinnverso, không thể bị đánh bại).

Philippa ngừng vài giây cân nhắc vấn đề. Nếu cô tố Pháo đài với Patricia, Patricia sẽ không có cách chọn lựa nào khác ngoài thách thức lời tố của cô và bị mất đi một điều ước. Cho nên, cô quyết định nhắm vào Lilith, người Patricia sẽ đưa ra lời tố. Nhìn thẳng vào mắt Patricia với ánh mắt đầy ảm ý, Philippa nói “Hong ngọc và Ngọc hồng lựu”. Cố tình tố thấp hơn những gì có trong hộp, cô hy vọng Patricia sẽ nhận nó, rồi chuyển hộp sang cho Lilith mà không lắc một viên astaragali nào.

Đó chính xác là điều đã xảy ra. Và Lilith không còn cách nào khác ngoài thách thức lời tố của Patricia với một tiếng hô “Mendax” lớn. Tiếng hô đó trở thành một tiếng hét tức giận với âm lượng cao hơn khi nó nhận ra đã bị Philippa gài bẫy. Xung quanh bàn, khán giả thầm thì bàn tán, khen ngợi sự khôn khéo trong lối chơi của Philippa. Tuy nhiên, cảm giác này không được Lilith de Ghule chia sẻ.

Nghiến chặt hàm răng vàng khè, Lilith rít lên:

– Vậy là mày muốn chơi kiểu khó nuốt phải không, ranh con?

Philippa đơn giản đáp:

– Tố chỉ thực hiện theo lời cậu nói thôi, Lilith. “Djinnverso là trò chơi dành cho người trưởng thành”, không phải cậu từng nói vậy sao?

Lilith rửa:

– Nụ cười.

Vì giờ đây chỉ còn lại một điều ước, đến lượt Lilith ném trước. Ném xong bảy viên astaragali, nó giận dữ nhìn vào trong hộp suốt gần một phút, gầm gừ sắp xếp chúng lại, trước khi đóng hộp và chuyển sang cho Yuki Onna. Mặt mày sưng sứa, nó tố:

– Nhóm Năm (ba viên cùng loại, cộng với hai viên cùng một loại khác).

Yuki nhận hộp, mở ra, xem xét những viên astaragali, và tuyên bố chỉ ném một viên. Sau khi ném xong, cô đóng nắp lại, tuyên bố lời tố của mình là Khối vuông (bốn viên cùng loại), và chuyển hộp cho Philippa.

Nhìn thấy đó là một Khối vuông và một đôi, Philippa cũng chỉ ném một viên astaragali với hy vọng làm thành một Rường nhưng không được. Vì lời tố của Yuki không bao gồm một đôi, Philippa chỉ phải thêm chúng vào lời tố của mình. Chuyển cái hộp sang cho Patricia, cô tố:

– Khối vuông và một đôi.

Patricia cân nhắc trong giây lát, rồi chấp nhận lời tố của Philippa và mở hộp ra. Nhường mày một cái, cô đập nắp lại, không lắc thêm viên astaragali nào, và chuyển hộp sang cho Lilith. Cô tố:

– Hồng ngọc và Ngọc hồng lựu.

Lilith lắc đầu. Hồng ngọc và Ngọc hồng lựu là cái mà Philippa đã tố khi thật sự có một Pháo đài bên trong hộp. Nó tuyên bố chắc chắn:

– Không thể nào. Mendax.

Và mở hộp ra, nó hét lên một tiếng thảng thốt khi nhìn thấy lại có thêm một Pháo đài bên trong. Lilith đã bị loại.

Hoặc ít nhất nó nghĩ vậy.

Yuki Onna lên tiếng:

– Khoan đã. Không thể có chuyện này. Lỗi tố của tớ với Philippa là một Khối vuông. Tớ chuyển cho bạn ấy một Khối vuông cùng một đôi, và Philippa chỉ ném một viên astaragali.

Philippa khẳng định:

– Đúng thế. Và đó là cái tớ chuyển qua cho Patricia.

Patricia phủ nhận:

– Nhưng khi mở hộp, rõ ràng tớ thấy một Pháo đài. Tớ nghĩ chắc cậu đang làm y như lần trước. Gài bẫy Lilith lần nữa. Đó là lý do tại sao tớ không ném thêm một viên nào và tớ Lilith “Hong ngọc và Ngọc hồng lựu” – sáu viên cùng loại.

Yuki Onna lịch sự cúi người trước Patricia rồi đến Philippa, như thể cô thật sự không muốn nói ra điều mà cô hiện đang nói:

– Ừm, cho tớ xin lỗi, nhưng chắc chắn một trong hai cậu đã nói dối. Philippa không thể nào chỉ ném một viên astaragali và làm được Pháo đài chỉ từ một Khối vuông cùng một đôi.

Ông Duergar, trọng tài của trận đấu, tuyên bố:

– Có vẻ như một trong hai cô đã gian lận. Một trong hai cô chắc chắn đã dùng sức mạnh djinn để di chuyển astaragali sau khi đóng hộp.

Philippa hỏi:

– Nhưng không phải cái hộp thủy tinh này được thiết kế đặc biệt để có thể phát hiện việc chơi gian lận hay sao? Không phải nó sẽ

phát sáng khi ai đó dùng sức mạnh djinn lên nó sao?

Ông Duergar, một người đàn ông Anh quốc lùn tẻ, cầm cái hộp lên, và sau khi ngắm nhìn một lúc, ông thả phồng một ít sức mạnh djinn từ ngón tay mình vào hộp. Tuy nhiên, thay vì đúng lý phải chuyển sang màu đỏ, cái hộp vẫn y như cũ. Ông giận dữ nói:

– Cái hộp này là đồ giả.

Những tiếng “Ồ” ngạc nhiên vang lên khắp phòng khi những djinn đứng xem trận đấu biết được chuyện gì đã xảy ra với cái hộp.

Ông Duergar ra lệnh:

– Cả hai đứa đi với ta ngay. Ta e rằng chúng ta phải nhờ trọng tài chính của giải phân xử chuyện này.

Tất cả mọi người im lặng nhìn ông Duergar đi về phía cái bàn tròn ở một góc Phòng Cây Sồi, vì dĩ nhiên trọng tài chính của giải không ai khác ngoài bà Djinn Xanh. Cùng với Philippa và Patricia đi theo sau lưng, ông cẩn thận báo cáo lại cho bà tất cả mọi chuyện.

Philippa có một linh cảm xấu về chuyện này. Cô biết rõ rằng mình không gian lận, nhưng bây giờ, cô bỗng nhớ lại cuộc nói chuyện kỳ lạ giữa Ayesha và cô vừa nãy. Chúng làm cô nghi ngờ rằng, hình như cô đã bị dàn cảnh đồ tộ.

Lắc lắc cái đầu nhỏ xíu của mình một cách giận dữ, ông Duergar lắp bắp nói:

– Cả cuộc đời tôi, tôi chưa bao giờ gặp phải một chuyện như thế này. Chưa bao giờ cả. Tôi yêu cầu chuyện này phải được giải quyết một cách nghiêm khắc nhất, thưa Djinn Xanh.

Ayesha chậm chạp chớp mắt nhìn ông Duergar như một con mèo buồn chán. Có thể thấy rõ là bà chẳng quan tâm gì đến ông, tuy nhiên, cũng thấy rõ mọi người đang trông chờ bà làm một điều gì

đó. Ayesha giơ một tay lên để ngăn lại lời phản nân không dứt của ông Duergar cứ như thể chính ông là người bị chơi xấu.

Giơ một ngón tay chỉ vào Patricia, người kiên quyết lắc đầu, bà nói bằng một giọng nghiêm trang như dưới mồ vọng lên:

– Sự thật sẽ được tiết lộ. Sức mạnh Ishtar buộc người phải phục tùng.

Ngay khi từ cuối cùng vừa rời khỏi miệng Ayesha, Patricia cảm thấy như cô bị một sức mạnh vĩ đại tóm lấy, và nặn ép cái phần mà chúng ta có thể gọi là “lương tâm” của cô ra ngoài. Nó không phải là một cảm giác khó chịu, tuy nhiên cũng không phải là một cảm giác vui vẻ gì. Và nó làm cô cảm thấy như mình đang bị lột trần, chỉ còn độc một bộ đồ bơi trên người trước mặt tất cả các djinn khác trong phòng.

Mặt đỏ ửng, cô nói:

– Cháu không làm chuyện đó. Thề có chúa chứng giám, cháu không có làm chuyện đó.

Gật đầu một cái, Ayesha hài lòng rằng Patricia chỉ nói sự thật. Rồi bà liếc nhìn Philippa, người hiện giờ cảm thấy rất rõ ánh mắt chờ đợi của mọi người về phía cô.

Với chất giọng Anh quốc phảng lì, Ayesha chỉ một ngón tay xương xẩu về phía Philippa và lặp lại:

– Sự thật sẽ được tiết lộ. Sức mạnh Ishtar buộc người phải phục tùng.

Philippa đã tự nhủ với bản thân rằng mọi chuyện sẽ ổn ngay khi cô nói sự thật. Đây là một châm ngôn hữu ích trong cuộc sống mà tất cả mọi người ở mọi nơi, ngay cả ở Crete, nên áp dụng. Tuy nhiên, một khi có liên quan đến djinn, những vấn đề như thế không

phải lúc nào cũng đơn giản như bản chất thật của nó. Định mở miệng ra để trả lời, cô phát hiện ra mình không thể nói dù chỉ một tiếng, như thể cô đã bị câm hoàn toàn. Không còn nghi ngờ gì nữa. Có một djinn khác bên trong người cô. Và ngay khi nhận ra điều đó, cô cảm thấy người djinn đó chiếm lấy phổi cô, thanh quản cô, lưỡi cô, và môi cô để trả lời chất vấn của Ayesha. Philippa cố gắng ngậm miệng lại, nhưng không thể. Cô cố gắng đặt tay lên miệng, nhưng không thể. Thậm chí cô cố gắng lắc đầu để phủ nhận điều sắp nói, nhưng cũng không thể. Giống như tất cả những djinn khác trong Phòng Cây Sồi, tất cả những gì cô có thể làm là lắng nghe giọng nói phát ra từ bên trong cơ thể cô.

Bằng một chất giọng mà Philippa phải thừa nhận là nghe giống hệt giọng cô, giọng nói trả lời Ayesha:

– Đúng, tôi gian lận đấy. Tôi đã tráo cái hộp thủy tinh lấy một cái hộp dỏm giống y hệt, và dùng sức mạnh djinn để quay viên astaragali sau khi đóng nắp. Dù gì thì đây cũng là một trò chơi ngu xuẩn, không đáng một cắc. Bà nghe không, đồ dơi già, tôi coi nó không đáng một cắc.

Những djinn đứng xem trong Phòng Cây Sồi há hốc mồm ngạc nhiên trước lời “thú tội” dữ tợn của Philippa.

Chơi gian lận đã là quá tệ, nhưng dám gọi Djinn Xanh là “đồ dơi già” thì quá là sỉ nhục. Ngay cả đối với Philippa. Nhưng dù giọng nói bên trong cô đã ngừng lại, Philippa vẫn không thể mở miệng để phản bác lại điều mà mọi người tin là cô đã nói.

Đưa mắt nhìn quanh phòng, Ayesha tuyên bố:

– Tất cả mọi người đã nghe con bé nói rồi đó. Nó bị buộc phải nói sự thật. Nó bị kết tội bởi chính lời nói của mình.

Vì Ayesha rõ ràng không buộc Philippa phải làm bất cứ điều gì giả dối, Philippa thậm hỏi phải chăng chính Ayesha đã làm cô nói dối. Nhưng dĩ nhiên Philippa vẫn thấy rõ có một djinn khác trong người cô – cô vẫn chưa biết đó là ai – vẫn đang điều khiển cô theo cùng cách mà cô điều khiển con sóc ở Công viên Trung tâm.

Ayesha nói:

– Ta sẽ bỏ qua lời sỉ nhục của cô đối với ta. Chúng ta không quan tâm đến những chuyện như thế. Tuy nhiên, việc sử dụng sức mạnh djinn trong Giải vô địch Djinnversoctoannular là vi phạm quy tắc Badroulbador. Và chỉ có một hình phạt duy nhất cho vi phạm này. Philippa Gaunt, cô bị loại khỏi giải đấu này ngay lập tức, và bị cấm tham gia tất cả các giải đấu Djinnverso khác. Vĩnh viễn. Cô còn gì để nói không.

Philippa có rất nhiều điều để nói. Vấn đề duy nhất là cô không thể nói. Giọng nói xa lạ bên trong người cô tuyên bố:

– Không có gì để nói. Và bà có thể đem cái lệnh cấm ngu ngốc của mình đi chọc mông...

Chỉ về phía cửa Phòng Cây Sồi, Ayesha gầm lên:

– **VẬY CÔ CÓ THỂ ĐI!**

Người djinn bên trong Philippa chọn đúng lúc này để rời khỏi người cô. Nhận ra có thể kiểm soát lại khả năng phát ngôn của mình, việc đầu tiên cô nghĩ đến là lớn tiếng biện hộ cho bản thân. Lần này, thứ duy nhất ngăn cản Philippa là cảm xúc ghen ứ trong lòng cô. Philippa muốn khóc, rất muốn khóc, nhưng cô không khóc. Cô muốn hét lớn vì sự bất công đổ lên đầu mình, nhưng cô không hét. Cô muốn quăng mình xuống sàn, đập tay xuống đất và tuyên bố cô bị gài, nhưng cô không làm thế. Cô tự hỏi, làm vậy thì có ích

lợi gì chứ? Người đã gài bẫy cô, dù đó là ai đi nữa – với sự hiện diện của nhiều djinn tộc Ifrit trong phòng, chắc chắn không thiếu gì đối tượng nghi vấn đang hả hê – họ chắc chắn hy vọng cô sẽ tự làm bẽ mặt mình hơn. Cho nên cô sẽ không để họ có được sự thỏa mãn đó. Giữ bình tĩnh, đầu ngẩng cao, và nén nước mắt, Philippa bước về phía cửa Phòng Cây Sồi và thẳng ra tiền sảnh khách sạn.

John nói với chú Nimrod:

– Cháu không hiểu. Philippa không bao giờ gian lận.

Chắc nó bị gài rồi.

Chú Nimrod thăm thì:

– Chú không nghi ngờ chuyện đó. Philippa sẽ không bao giờ nói “một cái”.

John gật đầu:

– Đúng. Nó sẽ nói “một xu”. Sao chúng ta không nói điều này với mọi người?

– Giờ không phải lúc. Djinn Xanh đã lên tiếng. Không nên thách thức phán quyết của bà ấy trước mặt mọi người. Chúng ta sẽ phải tiếp cận vấn đề này bằng một cách khác.

Hất tay về phía cửa, chú nói:

– Trước tiên, chú nghĩ tốt nhất là cháu nên đi theo em gái. Bảo đảm là Philippa về nhà an toàn.

– Vâng ạ.

Rồi John quay người chạy theo hướng em cậu rời đi.

Chú Nimrod quay sang Izaak Balayuga, người đang trơ mắt nhìn vào khoảng không. Giọng hơi bực mình, chú hỏi:

– Bây giờ, chính xác cậu cần gì ở tôi?

- Hử?
- Cháu tôi, John, nói cậu có chuyện quan trọng cần nói với tôi.
- À, cho cháu xin lỗi, vừa rồi đầu óc cháu ở đâu đâu ấy.

Chú Nimrod lặp lại:

- John nói, đó là vấn đề sống còn.
- Thực tế chuyện còn quan trọng hơn thế.



CHƯƠNG 7

Chuyến tàu tốc hành hoàng gia Hungary

Nước mắt đầm đìa, Philippa hỏi:

– Mọi người tin con, đúng không?

Cô đang ngồi trước lò sưởi trong phòng khách nhà mình cùng John, mẹ, chú Nimrod, và ông Rakshasas, người vẫn ở trong cái đèn của mình bên trong túi áo chú Nimrod.

Philippa ngồi thật gần ngọn lửa, gần đến nỗi có cảm giác chỉ nhích thêm một chút nữa thôi cô sẽ bốc cháy.

John trấn an em:

– Dĩ nhiên mọi người tin em mà.

Và cậu nhắc lại lời nói của chú Nimrod về việc cô sẽ không bao giờ nói “một cắc” thay cho “một xu”.

Philippa hỏi:

– Vậy sao lúc đó cả hai không nói gì hết?

Chú Nimrod giải thích:

– Bởi vì nó sẽ không giúp ích được gì cho cháu. Người đã gài bẫy cháu, Philippa, đã chuẩn bị rất kỹ cho việc đó. Như chuyện họ chuẩn bị cả một cái hộp Djinnverso giả giống hệt cái hộp thủy tinh dùng khi thi đấu. Những cái hộp thật được làm từ chất fluorite vì

đặc tính phát sáng nhiệt của nó. Chất fluorite sẽ phát sáng khi phát hiện sức nóng từ sức mạnh djinn. Nhưng cái hộp được dùng trong trận đấu của cháu lại làm từ chất lechatelierite – một loại khoáng chất phi thủy tinh rẻ tiền không có tính năng huỳnh quang hay phát sáng nhiệt gì, nhưng vẫn nhìn giống chất fluorite.

– Không chỉ vậy, người đã nắm quyền kiểm soát thân thể cháu hiểu rõ họ chỉ phải làm việc đó đến khi nào Djinn Xanh đưa ra phán quyết của bà, sau đó sẽ không có ai trong phòng dám phản đối gì.

John cự nự:

– Nhưng nếu Ayesha đã thật sự sử dụng sức mạnh Ishtar để buộc tiết lộ sự thật, vậy tên djinn nhập vào Philippa cũng phải phục tùng sức mạnh đó chứ.

Chú Nimrod đồng ý:

– Đúng là vậy. Và chính điều đó cho thấy người đã sắp đặt việc này rất khôn ngoan. Cháu thấy đó John, tên djinn trốn bên trong Philippa – dù đó là ai đi nữa – chỉ nói toàn sự thật khi hắn “thú nhận” đã tráo đổi cái hộp và dùng sức mạnh djinn để quay viên astaragali. Dĩ nhiên, ngoại trừ việc mọi người nghĩ là chính Philippa đang thú nhận. Đúng là một mảnh khoé lừa bịp siêu hạng.

Bà Gaunt nói:

– Đó là những chuyện có thể xảy ra khi chúng ta đụng chạm với djinn. Một vài djinn là ác quỷ thật sự. Những sinh vật xấu xa đáng tởm. Đó là lý do từ lâu mẹ đã quyết định không liên can gì đến djinn và những trò bịp bợm ngu xuẩn của họ. Có lẽ bây giờ con đã hiểu tại sao mẹ lại cố gắng giữ cho các con tránh xa thế giới djinn.

Mẹ chỉ muốn bảo vệ cả hai đứa khỏi những chuyện đau buồn như thế.

Chú Nimrod nhẹ nhàng hỏi:

– Và nếu tất cả chúng ta đều làm như chị thì sao, Layla? Thế giới giờ sẽ như thế nào? Dù muốn hay không, djinn chúng ta là người canh giữ sự may mắn trong thế giới này. Với nhiệm vụ bảo vệ sự điều bình.

Sự điều bình là cách gọi của djinn về trạng thái cân bằng tồn tại giữa sự may mắn và sự xui xẻo. Số lượng may mắn trên thế giới, dù tốt hay xấu, được đo bằng cái may mắn kể, và cái may mắn kể lớn nhất, chính xác nhất có thể được tìm thấy ở tòa án djinn của vị Djinn Xanh Babylon tại Berlin.

Chú Nimrod nói tiếp:

– Chúng ta là người duy nhất có thể bảo đảm sự xui xẻo do những djinn phe Ác tạo ra không quá lấn át sự may mắn được tạo ra bởi những tộc djinn như chúng ta.

Cảm thấy mình hình như đã đánh giá sai Ayesha, Philippa lại bắt đầu nức nở làm mẹ cô phải thở dài buồn bã. Cô âm ỉ nói:

– Nhục nhĩ lắm, mẹ ơi. Lại còn ngay trước mặt mọi người nữa chứ.

– Mẹ biết mà, con gái. Nhưng chú Nimrod nói đúng đó con. Chúng ta thật sự không thể làm gì. Ayesha không phải loại người có thể đảo ngược quyết định của mình một khi đã phán. Không dễ gì bắt bà ấy quay đầu trở lại đâu.

Chú Nimrod phản đối:

– Ấy, em đâu có nói vậy. Em chỉ nói rằng không nên thuyết phục Ayesha đổi ý vào lúc đó và ngay ở đó. Có lẽ có một cách để Ayesha

hủy bỏ lệnh cấm của Philippa, và phục hồi danh dự của cháu nó trước mặt toàn thể cộng đồng djinn. Trên thực tế, việc đó còn có thể giúp Ayesha giữ gìn danh tiếng của chính bà.

Bà Gaunt hỏi:

- Ý chú là sao, Nimrod?
- Đơn giản thôi: Ai đó đã lấy trộm cuốn Grimoire của Solomon.

Bà Gaunt tái mặt:

- Không thể nào? Sao họ có thể làm được điều đó chứ?
- Em mừng là chị đã hiểu được tầm quan trọng của vấn đề này, Layla. Chị có thể tưởng tượng được chuyện gì có thể xảy ra nếu tộc Ifrit, tộc Ghul, hay tộc Shaitan có được quyển sách đó không?

– Dĩ nhiên. Nimrod à, có thể chị không muốn dính dáng gì đến thế giới djinn, nhưng điều đó không có nghĩa chị là một đứa ngốc. Sẽ là một thảm họa nếu cuốn Grimoire rơi vào tay kẻ xấu. Không có djinn nào, dù Thiện hay Ác, sẽ được an toàn với nó.

Chú Nimrod thêm vào:

- Kể cả những djinn không muốn dính dáng gì đến thế giới djinn.

Bà Gaunt cười gượng:

- Chị hiểu ý chú rồi.

Philippa hỏi:

- Cháu nhớ chú đã nói với cháu và anh John về cuốn *Quyển sách lớn của những lời than vãn* của vua Solomon. Chú đang nói về cuốn đó à?

Chú Nimrod trả lời:

- Rất tiếc là không. Cuốn sách chúng ta đang nói đến quan

trọng hơn cuốn sách đó nhiều. Nó chứa đựng vô số câu thần chú có khả năng cung cấp cho người sử dụng quyền lực vô hạn đối với tất cả djinn. Với một câu thần chú như vậy, bất cứ ai trong chúng ta sẽ phải mãi mãi phục tùng kẻ khác. Một sự nô lệ vĩnh viễn. Đó là chưa kể đến sự sụp đổ hoàn toàn của sự điều bình. Thế giới mà chúng ta biết sẽ rơi vào thời kỳ hỗn mang.

Bà Gaunt thắc mắc:

– Nhưng sao chuyện đó có thể xảy ra được chứ? Ayesha đáng lẽ phải giữ cuốn Grimoire của Solomon trong một chỗ chống djinn tuyệt đối chứ. Trong một cái kết sắt không thể phá hủy được thiết kế bởi một nhà khoa học Đức nổi tiếng. Chị nhớ Ayesha đã từng nói với chúng ta về nó mà. Và sao bà không nói chuyện này với ai? Sao bà có thể bỏ thời gian đi làm trọng tài cho những giải Djinnverso ngớ ngẩn trong khi chuyện này xảy ra chứ?

Chú Nimrod cho biết:

– Bởi vì bà ấy vẫn chưa biết cuốn sách đã bị mất. Hoặc ít nhất đó là những gì người ta nói với em.

– Ai cơ?

– Izaak Balayaga.

Bà Gaunt lúng túng:

– Chị chưa bao giờ nghe nói tới người này.

John nói với mẹ:

– Anh ấy là djinn lính gác của lâu đài Topkapi ở Istanbul. Bây giờ thì con đã hiểu tại sao anh ấy nói đây là vấn đề mang tính sống còn rồi.

Chú Nimrod nhắc:

– Thực tế nó còn quan trọng hơn thế.

John thắc mắc:

– Nhưng làm sao anh ấy biết quyển Grimoire của vua Solomon đã bị mất nhỉ? Anh ấy làm việc ở Istanbul chứ đâu phải ở Berlin.

Chú Nimrod nói:

– Vì Izaak Balayaga chính là thủ phạm. Ayesha đã lấy cuốn sách ra khỏi cái kết Heisenberg Điện tử để đưa cho cậu ta câu thần chú truyền thống dùng để bảo vệ con dao găm Topkapi khỏi những djinn thèm khát cái bao dao nạm kim cương. Theo lời Izaak thì Ayesha đã lấy cuốn sách ra khỏi kết, rồi đơn giản quên bỏ nó vào lại.

Bà Gaunt lầm bầm:

– Sao gốc thế? Cái quỷ tha ma bắt gì đã xui khiến cậu ta đi trộm cuốn sách vậy trời?

Chú Nimrod nhún vai:

– Vì cuốn sách nhiều cảm dỗ quá mà. Dĩ nhiên bây giờ cậu ta đã hối hận về chuyện đó. Cậu ta đã lấy cuốn sách trong một phút bốc đồng, và giờ không thể trả nó lại vì không mở được cái kết. Không ai mở được kết ngoại trừ Ayesha. Và cậu ta sợ rằng nếu thú tội với Ayesha, có thể cậu ta sẽ lãnh hình phạt nặng nề như Iblis. Đó là lý do tại sao cậu ta muốn em đứng ra xin giùm với Ayesha.

Bà Gaunt nhận xét:

– Ayesha đã quá già cho những việc như thế này rồi. Thật lố bịch khi không có sẵn kế hoạch dự phòng cho Djinn Xanh nghỉ hưu. Có lẽ bà ấy nên chỉ định người kế thừa càng sớm càng tốt. Cho dù đó là Mimi de Ghulle. Mà Ayesha đã có tuyên bố chính thức gì về

chuyện đó chưa vậy?

Chú Nimrod lắc đầu:

– May là chưa.

John hỏi:

– Nhưng điều đó giúp ích gì cho Philippa, chú Nimrod?

Bà Gaunt thừa nhận:

– Ừ, cả chị cũng không hiểu rõ chuyện đó.

Chú Nimrod giải thích:

– À, dễ thấy nhất là chuyện Ayesha sẽ khá mất mặt nếu việc mất cuốn Grimoire bị người khác biết được. Dĩ nhiên em cũng không có ý định nói chuyện này cho ai khác ngoài chị, hai cháu và Ayesha, nhưng đó là chuyện khác. Điều quan trọng ở đây là Izaak không đủ tin em để có thể giao cuốn Grimoire của Solomon trực tiếp cho em. Cậu ta nói chỉ giao cuốn sách cho John và Philippa thôi. Có vẻ cậu ấy nghĩ hai cháu nó sẽ không trừng phạt cậu ta bằng cách nhốt cậu ta vào trong một cái chai hay một cây đèn nào. Hoặc cậu ấy nghĩ hai cháu không đủ sức mạnh để làm điều đó.

Bà Gaunt hỏi:

– Vậy cậu ta đề nghị địa điểm và thời gian giao sách như thế nào?

– Trên một chuyến tàu từ Istanbul đến Berlin. Hai ngày nữa.

Bà Gaunt đắn đo:

– Đó có thể là một cái bẫy. Chú biết điều đó, đúng không? Vào thời điểm này trong năm, nhiệt độ trên chuyến tàu đó sẽ rất lạnh. Bọn trẻ sẽ không có sức mạnh gì để có thể tự bảo vệ mình. Izaak Balagaya rõ ràng cũng biết chuyện này.

Chú Nimrod nói:

– Em cũng đã nghĩ đến khả năng đó. Và em đã nghĩ ra một cách để bảo vệ hai cháu.

– Một cái ký gửi ước à?

Chú Nimrod gật đầu.

Philippa thắc mắc:

– Cái ký gửi ước là cái gì cơ?

John nhún vai giải thích:

– Là một dạng điều ước khẩn cấp. Trong cuốn *QBRG* có nhắc đến chúng đấy.

Đang nóng lòng muốn đi đến Berlin và Istanbul, John nghĩ sẽ chờ chú Nimrod nói hết toàn bộ kế hoạch của mình rồi mới kể cho chú nghe về cái ký gửi ước mà ông Vodyannoy đã tặng cho cậu. Và đó là lý do tại sao rốt cuộc cậu lại quên bẵng không nhắc gì đến nó.

Chú Nimrod kết luận:

– Đơn giản là chúng ta không thể bỏ qua cơ hội được chứng kiến cuốn Grimoire của Solomon trở về Berlin an toàn.

Bà Gaunt hỏi:

– Rồi sau đó thì sao?

– Philippa nhận được sự biết ơn vô vàn của Ayesha vì đã mang cuốn sách về lại cho bà, chứ còn sao nữa?

Quay sang nhìn cặp sinh đôi, chú Nimrod nói:

– Dĩ nhiên đó là nếu hai đứa muốn giúp. Chú xin lỗi vì đã tự hoạch định mọi chuyện, nhưng biết hai đứa là những djinn trẻ gan dạ như thế nào, chú cho rằng chắc hai đứa sẽ sẵn lòng tham gia.

John khẳng định:

– Dĩ nhiên tụi cháu muốn tham gia rồi. Đúng không, Philippa?

Philippa gật đầu một cái chắc nịch:

– Đúng vậy. Khỏi cần phải hỏi.

John nói thêm:

– Cháu vẫn luôn muốn đến Istanbul mà. Cả Berlin nữa.

Chú Nimrod nhắc:

– Đây không phải là một cuộc du lịch ngắm cảnh đâu, John. Nó thậm chí có thể rất nguy hiểm. Như mẹ cháu đã nói, nó có thể là một cái bẫy.

Bà Gaunt trầm ngâm nói:

– Nếu đây là một cái bẫy, chị không chắc nó là loại bẫy gì. Nếu tộc Ifrit đã nắm giữ được cuốn Grimoire của Solomon, thì chắc chắn giờ này chúng đã dùng nó chống lại chúng ta rồi. Và dùng ở đâu tốt hơn ở Giải vô địch Djinnverso chứ? Nơi có rất nhiều djinn tụ tập.

Bà chau mày:

– Thật sự chị không thấy tộc Ifrit, Shaitan hay Ghul có mối liên hệ gì với chuyện này.

Chú Nimrod hỏi:

– Chị nói như vậy, hình như là đã đồng ý cho hai cháu đi Istanbul phải không?

– Chị còn phải hỏi cha tụi nó nữa.

Rồi nhìn chú Nimrod với ánh mắt hơi trêu chọc, bà nhún vai nói:

– Nếu chú chịu kết hôn, Nimrod à, chú sẽ biết hôn nhân là một sự hợp tác. Những quyết định quan trọng càng phải được đưa ra bởi

cả hai phía.

Từ bên trong cây đèn của mình, ông Rakshasas nhận xét:

– Tất cả các cuộc hôn nhân đều hạnh phúc. Chỉ là việc dùng bữa sáng cùng nhau gây ra mọi sự rắc rối.

Bà Gaunt tuyên bố lớn để ông Rakshasas cũng nghe thấy:

– Nhưng nếu anh ấy đồng ý thì, được, hai đứa nó có thể đi.

* * *

Nhưng ông Gaunt không đồng ý. Hoặc ít nhất ban đầu là vậy. Phải mất gần cả một buổi tối để lay chuyển được quyết định của ông. Nhưng là một người sâu sắc, ông có thể nhận ra bà Gaunt sẽ không cố thuyết phục ông cho cặp sinh đôi đi theo chú Nimrod đến Istanbul nếu chuyện đó không thật sự cần thiết. Cho nên ông hỏi vợ:

– Chuyện đó thật sự quan trọng lắm à?

Bà Gaunt trả lời:

– Vâng. Em e là vậy.

Ông hỏi tiếp:

– Nó có nguy hiểm không?

Bà Gaunt thú nhận:

– Có thể. Nhưng em đoán chắc với anh rằng nó đáng để tụi nhỏ chấp nhận nguy hiểm.

– Nếu John và Philippa không thu hồi được cuốn sách đó – cuốn grim grim gì đó của Solomon – chúng ta có thể sẽ gặp nguy hiểm à?

– Vâng. Và không chỉ chúng ta đâu, anh Edward. Rất nhiều người khác nữa – cả djinn và con người.

Ông Gaunt không phải là một người đàn ông cao lớn – không cao hay lộng lẫy như người vợ đẹp như tượng của ông. Người nhỏ nhắn, mái tóc xám hơi dài, cùng cặp mắt kính nhuộm, nhìn ông giống như một nhà khoa học thông thái, hay một giáo sư đại học. Và ông là người không bao giờ ra quyết định gì một khi chưa cân nhắc hết tất cả những hệ quả có thể xảy ra. Những hệ quả mà ông phải thảo luận hồi lâu với chú Nimrod và bà Gaunt, trước khi đồng ý để hai đứa con đi Thổ Nhĩ Kỳ cùng chú của chúng.

Ông tuyên bố:

– Tôi có một điều kiện. Tôi muốn để Alan và Neil đi cùng tụi nhỏ. Hai con chó đó không kém gì những vệ sĩ chuyên nghiệp.

Chú Nimrod cho biết:

– Thật ra em cũng định đề nghị như thế.

– Vậy chú định đưa tất cả đi như thế nào đây, Nimrod? Đến Istanbul ấy? Anh không muốn tụi nhỏ bay đến đó trên một tấm thảm thần hay cái gì đó tương tự đâu nhé. Chú Nimrod trấn an:

– Anh có thể tin tưởng em về chuyện đó. Em sẽ chọn cách di chuyển an toàn nhất cho mọi người.

– Ô, vậy à? Vậy chú có thể cho anh biết đó là cách gì không?

– Một phương tiện bay cá nhân. Dĩ nhiên em sẽ chịu hết chi phí.

Ông Gaunt gật đầu tán thành:

– Ý kiến tốt đó. Như vậy sẽ dễ dàng cho mấy con chó hơn.

– Vâng. Đúng là vậy.

Đương nhiên khi chú Nimrod nói “phương tiện bay cá nhân”, ông

Gaunt nghĩ chú đang đề cập đến một loại máy bay cho thuê nào đó – một chiếc Gulfstream IV, Falcon, hoặc ít nhất là một chiếc Learjet. Chắc chắn ông sẽ không tỏ vẻ an tâm như vậy nếu chú Nimrod thú nhận rằng chú dự định chở cặp sinh đôi, hai con chó, cùng cây đèn chứa ông Rakshasas vượt qua 4.975 dặm đến Istanbul bên trên một cơn lốc gió nhân tạo.

– Vì đơn giản chúng ta không có thời gian đi máy bay.

Chú giải thích với cặp sinh đôi như vậy vào sáng sớm hôm sau, khi họ chuẩn bị rời New York từ nóc nhà của Bảo tàng Guggenheim.

– Ngoài ra chúng ta còn phải đi đón anh Groanin. Giờ này chắc anh ấy đã quay về London sau kỳ nghỉ ở Manchester. Thật sự thì anh ấy ghét di chuyển bằng lốc gió hơn bất cứ thứ gì khác. Nhưng chúng ta không còn cách nào hơn.

Groanin là tên của người tài xế một tay kiêm quản gia của chú Nimrod, một người mà thói quen nhăn nhó, phàn nàn thường trực che giấu tài tháo vát cùng lòng can đảm đáng nể. Và ông là một người cực kỳ quý John và Philippa.

Lo lắng liếc nhìn xuống dưới từ trên nóc nhà bảo tàng, hai con chó Alan và Neil bắt đầu rên “ư ử” khi cơn lốc gió sẽ chở chúng băng biển Atlantic từ từ hình thành và cuốn tròn lên trên dọc theo mặt ngoài tòa nhà nổi tiếng của kiến trúc sư Frank Lloyd Wright. Có thể thấy rõ cũng như ông Groanin, chúng rất ghét cách thức di chuyển trên không trung lạ đời này. Philippa cũng không vui vẻ gì khi phải dùng một phương tiện di chuyển mà chẳng thật sự ngắm nghía được gì.

Cô hỏi chú Nimrod:

– Tại sao chúng ta lại cất cánh từ Bảo tàng Guggenheim vậy chú?

Chú Nimrod cho biết:

– Ở New York, chú luôn đến đây khi nào muốn làm một cơn lốc gió cực lớn. Kiến trúc xoắn ốc vồng xuống của tòa nhà này giúp việc tạo lốc gió dễ dàng hơn nhiều. Ngoài ra cháu không nghĩ nó làm mọi chuyện thú vị hơn sao?

Nuốt nước miếng một cách lo lắng, Philippa nói:

– Chắc chắn rồi. Nhưng chắc nó không quá lạnh chứ?

Cẩn thận cất cây đèn chứa ông Rakshasas vào trong túi áo khoác ngoài, chú Nimrod trả lời:

– Đương nhiên là chúng ta sẽ sử dụng không khí nóng rồi. Bộ ở trường cháu không dạy môn vật lý sao? Khí nóng mới bốc hơi.

Cảm thấy như mình là một tay thành thạo trong việc di chuyển bằng lốc gió, John trấn an em:

– Yên tâm đi, Philippa. Em sẽ thích cách di chuyển này cho coi.

Cô lầm bầm:

– Ồ, nếu anh đoán chắc vậy.

Bay vượt lên nóc nhà, cơn lốc gió nhẹ nhàng bao phủ họ với không khí, và chỉ vài giây sau, Philippa nhận ra họ và đám hành lý đã rời khỏi nóc tòa nhà Guggenheim. Tru lên một tiếng hoảng sợ khi thấy nóc nhà ngày càng trở nên nhỏ hơn bên dưới chân chúng, Alan và Neil nằm rạp xuống và che mắt lại bằng cặp chân trước khổng lồ của chúng.

Chú Nimrod bảo cặp sinh đôi:

– Ngồi xuống, ngồi xuống. Chỉ vì không nhìn thấy nó không có

nghĩa là hai đứa không thể ngồi lên nó đâu.

John nhe răng cười và ngồi phịch xuống một cái ghế bành vô hình nào đó. Nhìn anh mình gõ giày ra và kéo chân lên ghế, Philippa cũng bắt chước theo. Cảm thấy mình như đang được nhẹ nhàng nâng đỡ bởi một cụm mây tích nhỏ có khả năng tự điều chuyển mỗi khi cô nhúc nhích người, Philippa thở phào nhẹ nhõm. Đây là chiếc ghế thoải mái nhất mà cô từng được ngồi.

Khi họ bay cao trên đại lộ Fifth Avenue, John nhận ra cơn lốc gió này có hơi chút khác biệt so với cơn lốc gió mà ông Vodyannoy đã tạo ra để chở cậu về nhà từ tòa nhà Dakota: lớn hơn, mạnh mẽ hơn, và với cơn lốc gió của chú Nimrod, họ được nó bao bọc vào lòng thay vì ngồi lên trên nó.

Bay ra khỏi Manhattan như một quả bóng chứa đầy khí nóng, họ đi thẳng về hướng Đông Nam, vượt qua dòng sông Đông New York, Brooklyn, vịnh Rockaway và công viên Jacob Riis trước khi đến Đại Tây Dương. Từ đây, cơn lốc gió bắt đầu gia tăng độ cao và tốc độ. Chú Nimrod cho biết, với tốc độ khoảng 750 dặm một giờ, họ đang bay lên độ cao 5.000 feet^[10], nơi họ sẽ bắt một cơn gió xoáy về hướng Đông để đạt tốc độ bay tối đa 825 dặm một giờ. Chú kết luận:

– Điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ đến London trong khoảng bốn tiếng. Và mất thêm chừng vài tiếng nữa là đến Istanbul.

John rên rỉ khi họ bay xuyên qua một đám mây và làm hoảng hồn một đàn mòng biển đang đón gió sớm:

– Đến bốn tiếng nữa hả chú? Chúng ta biết làm gì cho đến lúc đó đây trời?

Alan thở dài ngán ngẩm và rũ xuống một bên, như thể hưởng

ứng nổi bắn khoản của John.

Chú Nimrod đề nghị:

– Hồn thơ của cháu đâu rồi, nhóc? William Wordsworth^[11] sẽ hy sinh cả cánh tay phải của mình chỉ để được như cháu bây giờ đấy.

John thắc mắc:

– William nào cơ?

Ngao ngán lắc đầu, chú Nimrod lôi cây đèn bằng đồng chứa ông Rakshasas ra khỏi túi áo khoác ngoài và la lớn với nó:

– Anh nghe gì không, anh Rakshasas? Chuyến bay xuyên lục địa đầu tiên bằng lốc gió của John, và nó hỏi phải làm gì cho hết bốn tiếng đồng hồ đấy.

Từ bên trong cây đèn ấm áp và an toàn của mình, ông Rakshasas trả lời vọng ra:

– Tôi nghe cháu nó nói rồi. Và chắc chắn anh cho là trường học ngày nay có vẻ chẳng dạy được bọn trẻ điều gì cả. John à, cháu nên nhớ rằng, vết mực của một học giả tồn tại lâu hơn máu của một kẻ tử vì đạo.

Chú Nimrod tán thành:

– Đúng là vậy. John, cháu không nghĩ cách thức di chuyển này tốt hơn nhiều so với một chiếc máy bay dân dụng kín mít, chật chội hay sao?

Hít đầy bụng không khí một cách hào hứng, chú nói tiếp:

– Ý chú là, cháu cứ thử ngửi mùi không khí đi. Giống như đang trên một ngọn núi ở Thụy Sĩ vậy.

John thanh minh:

– Ấy, chú hiểu lầm ý cháu rồi. Thật sự là cháu kết cách di

chuyến như thế này lắm chứ. Chỉ là cháu nghĩ, nếu có thêm một bộ phim giải trí và một bữa ăn nhẹ giữa chuyến bay chắc sẽ tuyệt hơn. Hai bữa càng tốt.

Nghĩ ngợi trong vài giây, Philippa nói thêm:

– Với một phòng thức ăn để cho ta “đột kích”. Như trong các khoang máy bay hạng thương gia đó. Và cả mấy cuốn tạp chí số mới nhất nữa.

Ông Rakshasas bật cười và nói:

– Đừng giận bọn trẻ làm gì, Nimrod. Chắc, đúng là một con chó dở hơi thường không biết tự giải ngựa.

Nhìn hai đứa cháu với vẻ thất vọng, chú Nimrod vẫy tay chỉ vào khoảng không gian lơ lửng bên trong cơn lốc gió và lãnh đạm nói:

– Tùy. Cứ tự nhiên tạo không khí du lịch lý tưởng của hai đứa đi.

John thú nhận:

– Tụi cháu sẽ làm thế nếu có thể. Chỉ là, ừm, tụi cháu không thật sự đủ ấm để dùng sức mạnh djinn.

Châm một điếu xì gà, chú Nimrod hỏi:

– Có nghĩa là hai đứa muốn chú giúp một tay, đúng không?

Rồi thở dài một tiếng, chú nhượng bộ:

– Thôi được. Nhưng nói trước là chú dứt khoát từ chối phải căng mắt xem một cái màn hình không to gì hơn một gói bánh bột ngô nướng. Nếu phải xem phim, chúng ta sẽ xem phim màn ảnh rộng.

Đám khói chú thổi ra sau đó bắt đầu dàn đều và cuộn mình dọc theo không gian bên trong cơn lốc gió, cho đến khi một màn hình bạc cao 45 feet, dài 70 feet^[12] hiện ra trước mặt họ. Hai con Alan và

Neil háo hức ngồi dậy. Lâu lắm rồi chúng mới được xem phim màn ảnh rộng.

John khen:

– Woa, hết xảy!

Chú Nimrod nói tiếp:

– Dĩ nhiên, một màn hình hết xảy sẽ cần một bộ phim hết xảy. Không phải một bộ phim thương mại nhạt nhẽo hay một phim hoạt hình rẻ tiền nào. Không, phải là một cái gì đó phù hợp với djinn. Một cái gì đó về sa mạc. Một cái gì đó nóng hừng hực. Một cái gì đó đầy cảm hứng. Một cái gì đó đậm chất Anh quốc. Đúng, chỉ có một bộ phim hết xảy đáp ứng đủ các tiêu chuẩn đó. Bộ phim hay nhất từ trước đến nay: *Lawrence ở Ả Rập*. Một bộ phim tuyệt vời. Thời nay, đó là bộ phim duy nhất chú thật sự coi.

Và trong ba tiếng sau đó, tất cả mọi người ngồi xuống cái ghế không khí ấm áp, thoải mái của mình và cùng nhau xem phim *Lawrence ở Ả Rập*. Đúng như chú Nimrod tuyên bố, đó là bộ phim hay nhất từng được sản xuất.

Đến London chỉ ngay sau bữa trưa, cơn lốc gió chở họ ngược lên sông Thames và băng qua khu vườn Kensington trước khi đáp xuống khu vườn sau nhà chú Nimrod. Đó là một ngày lạnh lẽo, đầy gió ở London, và không ai chú ý đến cơn lốc gió đứng chờ vài phút đằng sau căn nhà số 7, khu Stanhope Terrace, trong khi một dáng người to lớn vận một cái áo khoác dài như của nhân viên lễ tang, đội một cái mũ quả dưa đen, xách một cái túi da lớn với cánh tay duy nhất của mình bật hệ thống báo động, khóa cửa sau, và bước nhanh xuống con đường mòn xuyên vườn. Trong một giây, ông đứng đối diện lớp gió sáng mờ không ngừng xoay tròn với vẻ mặt

cái kính quen thuộc. Ông không thích thú gì với việc lại phải du lịch bằng lốc gió lần nữa. Gỡ nón ra và giữ chặt để nó không bị thổi bay mất, ông cố gắng không rung mình khi cơn lốc gió “bỏ túi” thổi tung lọn tóc mỏng dính duy nhất trên cái đầu trọc của ông như thể đang đùa với một cái ống gió xơ xác.

Ông Groanin la lớn:

– Lâu rồi tôi mới đụng đến thứ phương tiện chuyên chở bằng nhiệt này, thưa ngài. Tôi vào bằng cách nào đây, thưa ngài? Hay tôi nên nói là phải leo lên trên như thế nào?

Ông Groanin luôn gọi chú Nimrod là “ngài” mỗi khi ông cảm thấy rất cáu về một chuyện gì đó.

Chú Nimrod chỉ nói, “Xin lỗi nhé, anh Groanin”, và vén một bên thành của cơn lốc gió lên khỏi mặt đất chừng một mét để người tài xế của chú có thể bước vào.

Vừa đặt chân vào bên trong luồng không khí xoay nhanh theo hình chóp nón, ông Groanin đã ngay lập tức liếc nhìn cơn lốc gió với vẻ khó chịu quen thuộc.

Ông nhận xét:

– Di chuyển kiểu này đúng là phi tự nhiên quá thể. Ai đòi lại cưỡi bão đi chơi chứ? Nhất là với một người có cái dạ dày tội nghiệp như tôi.

Chú Nimrod chữa:

– Không phải bão mà là lốc gió. Chúng khác nhau mà, anh Groanin. Và tôi chắc cái dạ dày của anh sẽ không sút mẻ gì đâu.

Ông Groanin ậm ừ:

– Ồ, nếu ngài nói vậy thì chắc là vậy.

Lâu lắm rồi Philippa mới được nghe những tiếng phàn nàn của ông Groanin, và cô nhận ra cô thật sự nhớ chúng biết bao. Cô vui vẻ chào:

- Thật vui được gặp lại ông, ông Groanin.
- Ông nhớ cháu lắm. Cả hai đứa. Ông nói thật đó. Và ông muốn nói là ông cũng rất vui được gặp lại hai đứa, dù điều đó đồng nghĩa với việc phải di chuyển như một đồng lá héo queo.

John cho biết:

- Nhưng ông ơi, di chuyển như thế này thật ra thoải mái hơn nhiều so với một chuyến bay dân dụng đấy chứ. Ý cháu là, vừa không gặp rối loạn không khí, vừa không phải nghe tiếng ồn động cơ. Và lỗi tai cháu không còn như bị nhét đầy bông.

Alan và Neil đồng thanh sửa một tiếng tán thành.

- Con trai à, có thể cháu sẽ gọi ta là một lão già lạc hậu, nhưng ta muốn được tận mắt thấy dưới chân có sàn, trên đầu có nóc. Đó là chưa kể đến toa-let có cửa và mùi thuốc tẩy nhẹ. Cháu không cảm thấy yên tâm hơn khi ngồi thấy mùi thuốc tẩy ư?

John hỏi thăm:

- Kỳ nghỉ ở Manchester của ông thế nào, ông Groanin?- Khủng khiếp.

Ông Groanin gật đầu về phía chú Nimrod một cách kính trọng và chuyển đề tài:

- Và thưa ngài, tôi có thể mạo muội hỏi lần này chúng ta sẽ lang thang đi đâu không?

Chú Nimrod trả lời:

- Istanbul. Sau đó đến Berlin.

Ông Groanin rên:

– Ta ghét Istanbul. Đây nhóc ngoại lai.

Ông Groanin dường như chẳng thay đổi tí tẹo nào.

John nhe răng cười hỏi:

– Vậy còn Berlin thì sao, ông Groanin?

Mặt nhăn như nuốt phải giấm chua, ông Groanin lầm bầm:

– Đây nhóc mấy gã người Đức chết tiệt.

Nói rồi ông ngồi phịch xuống cái ghế bành vô hình của mình và buồn bực nhắm mắt lại.

Mặt trời bắt đầu lặn khi họ đến Biển Đen, khiến Biển Đen càng có vẻ thật sự mang màu đen. Con lốc gió của chú Nimrod mang họ đi về phía Nam, ngược xuống dòng sông Bosphorus và ở chỗ giao dòng với sông Golden Horn, họ bắt đầu trông thấy những đỉnh tháp nhọn, những mái vòm tròn, những nhà thờ Hồi giáo cùng những cột ăng ten truyền hình thấp thoáng nơi đường chân trời – nét đặc trưng của Istanbul. Philippa cảm thấy trái tim mình như đập nhanh hơn khi cô lần đầu tiên thu vào tầm mắt hình ảnh của thành phố cổ đại, và quả quyết là nó trông giống New York thời trung đại. Chú Nimrod lái con lốc gió bằng ngang cây cầu Galata đông đúc chỉ để nhìn một cái cho thỏa thích, trước khi quẹo gắt về phía trái dọc theo bờ Nam sông Golden Horn. Cuối cùng, ngay khi trời bắt đầu tối – một điều tốt vì người Thổ Nhĩ Kỳ khá mê tín và có thể sẽ kinh hãi nếu thấy cái cách họ đến Istanbul – họ đáp xuống khu vườn vắng vẻ của Lâu đài Topkapi nổi tiếng. Trời vẫn rỉ rả mưa, và cặp sinh đôi ngạc nhiên khi nhận ra Istanbul có phần lạnh lẽo như đang tiết đông. John mừng là cậu có mặc áo khoác viền lông thú.

Chỉ về phía lâu đài, chú Nimrod nói:

– Đó là nơi làm việc của Izaak Balayaga. Cách đó chừng nửa dặm là trạm xe lửa Sirkeci, nơi trước đây chuyến tàu lửa tốc hành Phương Đông khởi hành đi Vienna và Paris. Ngày nay nó đã được thay thế bằng chuyến tàu tốc hành Hoàng gia Hungary, chuyến tàu mà hai đứa sẽ bắt. Dù sao, chúng ta chỉ có thể tiễn hai đứa đến đây thôi. Izaak đặc biệt yêu cầu điều đó. Cả chú và ông Rakshasas đều không được phép đến gần trạm xe lửa quá 500 thước. Alan và Neil sẽ hộ tống hai đứa đến đó. Chú đã hướng dẫn chúng đường đi rồi.

Alan sửa một tiếng rõ lớn như muốn nói “Đúng thế”, rồi cúi xuống hít hít đất một cách cẩn thận để chắc chắn nó có thể tìm ra đường về đúng vị trí này. Dĩ nhiên nó chẳng muốn bị bỏ rơi lại ở Istanbul tí nào.

Đưa cho Philippa một cái phong bì, chú Nimrod nói tiếp:

– Sau Istanbul, hai đứa sẽ phải đi một mình đến Berlin. Đây là vé tàu. Chuyến tàu của hai đứa sẽ khởi hành trong đúng một tiếng nữa. Theo lịch trình, nó sẽ tạm ngừng ở bốn nơi: Bungary, Transylvania, Budapest và Prague. Chỉ khi nào chắc chắn chú đang ở Berlin và chỉ có hai đứa trên tàu, Izaak sẽ lên tàu tại một trong bốn nơi đó. Nếu mọi chuyện diễn ra tốt đẹp, cậu ta sẽ gặp hai đứa trên tàu và giao lại cuốn Grimoire. Chú và mọi người sẽ đợi hai đứa ở ga Zoo Station tại Berlin. Còn thắc mắc gì không?

Philippa hỏi lại:

– Chú vừa nói đến Transylvania à?
– Ừ. Con tàu sẽ ngừng ở Sighisoara, một thị trấn thời Trung cổ khá hay nằm trên đỉnh đồi. Phong cảnh khá ấn tượng đấy.

Ông Groanin khịt mũi:

– Hay ho gì chỗ đó chứ? Và nó chỉ ấn tượng nếu ông muốn nói

đến một bộ phim kinh dị cổ lỗ sĩ. Sighisoara là quê nhà của Bá tước Dracula.

John nuốt nước miếng lo lắng:

– Dracula?

Groanin gật gù:

– Ồ. Chính gã ma cà rồng đó đó. Nếu ta là cháu, ta sẽ đóng chặt cửa sổ khi ở Sighisoara. Và cố gắng không làm gì để cắt trúng tay chân. Máu đó, hiểu không? Bọn chúng có thể ngửi thấy mùi máu từ xa cả dặm chứ chả chơi.

Chú Nimrod liếc mắt nhìn ông Groanin một cái sắc như dao cạo rồi quay sang mỉm cười trấn an John:

– Không có gì phải lo đâu cháu. Bá tước Dracula đã chết cách đây hàng thế kỷ rồi.

Ông Groanin xen vào:

– Vấn đề đó còn đang được tranh cãi mà.

Lờ đi ông Groanin, chú Nimrod nói tiếp:

– Ngoài ra, hai đứa sẽ có cả một toa tàu hạng nhất cho riêng mình. Có cả một toa ăn sang trọng để hai đứa ăn uống thả cửa bất cứ khi nào muốn. Tiền ăn được tính chung trong tiền vé rồi đó.

Ông Groanin lầm bầm:

– Và phải nhớ ăn càng nhiều tội càng tốt. Mấy con ma cà rồng không thích tội. Mà đúng là ta cũng chả thích thú gì món đó.

Lại lờ đi ông Groanin, chú Nimrod quay sang cười với cô cháu gái:

– Và Philippa biết phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp, đúng không Philippa?

Philippa ngạc nhiên:

– Hả? Cháu biết à?

Nhưng rồi trước cái gật đầu nhắc nhở của chú, cô nhớ đến điều ước khản cấp mà chú Nimrod đã tặng cho cô trước chuyến đi. Gật đầu lại với chú, cô khẳng định:

– À vâng, cháu biết phải làm gì mà.

Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, chú Nimrod xoa xoa tay và nói:

– Ok, vậy nhé. Hai đứa nên đi đi, không thì trễ tàu đấy.

Ôm chặt hai người cháu vào lòng, chú nói:

– Chúc các cháu may mắn. Và nhớ cẩn thận đấy nhé.

Từ cây đèn bên trong túi áo khoác của chú Nimrod, ông Rakshasas nói vọng ra:

– Chúc hai cháu có được những từ ấm áp trong một đêm lạnh trời. *Go n-éirían bóthar leat!* Tiếng Ai-len có nghĩa là “Chúc đi đường tốt đẹp”.

Ông Groanin thì dặn:

– Đừng làm những gì, ta nhắc lại, đừng làm những gì mà ta sẽ không làm nếu là ta.

Ném cho người quản gia của mình một ánh mắt nghi ngờ, chú Nimrod tuyên bố:

– Ồ không. Nghe lời anh thì có mà đi tong mọi việc. Nếu là anh, anh Groanin, tôi chắc chắn anh sẽ chẳng làm gì hay đi bất cứ đâu. Không, John và Philippa sẽ phải dũng cảm và có cách xoay xở.

Người quản gia một tay nhún vai nói:

– Tôi thì thà cẩn thận còn hơn phải hối hận.

Alan sửa lớn và đặt một bàn chân lên cổ tay John.

Ông Groanin nhượng bộ:

– Dù sao thì con chó cũng đúng. Hai đứa nên đi đi.

John cùng Philippa bước ra khỏi vườn Topkapi và hướng về phía nhà ga Sirkeci Railway Station. Ở cửa khu vườn, cặp sinh đôi quay lại vẫy chào chú Nimrod và ông Groanin rồi đi theo hai con chó về phía Tây, dọc theo Ibnike Mal Caddessi để đến Ankara Kaddesi. Đều bước hai bên hông cặp sinh đôi như hai chiếc mô- tô cảnh sát hộ tống, Alan và Neil luôn đảo mắt quan sát mọi nẻo đường, sẵn sàng để đối phó với bất cứ rắc rối nào liên quan đến mundane.

Istanbul là một thành phố kỳ lạ nhưng thú vị, và cặp sinh đôi ước gì chúng có nhiều thời gian hơn để khám phá nó trước khi lên tàu. Trời lạnh hơn chúng tưởng, và cả John cùng Philippa đều im lặng đắm chiêu suy nghĩ khi nhận ra trên một hành trình hướng về phía Bắc đến nước Đức, thật sự không có khả năng thời tiết sẽ ấm lên đủ để chúng sử dụng sức mạnh của mình.

Trên đường đi, những cư dân thành phố Istanbul quay đầu nhìn cặp sinh đôi và hai con chó to lớn, khỏe mạnh với ánh mắt pha lẫn giữa sự tò mò vô hại và thái độ cảnh giác. Dĩ nhiên, người Thổ Nhĩ Kỳ là một trong số những dân tộc tin vào sự tồn tại của djinn, và vài người dân Istanbul cũng nhận ra cặp sinh đôi là ai. Tuy nhiên, với sự hiện diện của hai con chó giống Rottweiler dữ tợn, đổ ai dám bắt chuyện với John và Philippa. Khi cặp sinh đôi đi vào trong nhà ga đông đúc, một người đàn ông đến mời họ mua simit – một loại bánh quy xoắn hình nhẫn – từ một túi hàng to đựng ông khiêng đi khắp khu sảnh bán vé chính, nhưng đã nhanh chóng rút lui khi Neil gầm gừ với ông.

Đó là một nhà ga xinh đẹp, và tại một sân ga xây gạch đỏ vững chắc với những khung cửa sổ bằng kính màu to lớn, hai anh em tìm thấy chuyến tàu tốc hành Hoàng gia Hungary, một con tàu bằng gỗ sáng bóng. Ở phía đầu tàu, chiếc đầu máy màu đỏ khổng lồ rung âm âm như một trạm phát điện mini, trong khi những hành khách người Nga và Đức ăn mặc sang trọng vừa bước lên các toa chở khách vừa ồn ào nói chuyện, lơ đi một người bán hàng rong trên sân ga đang cố gạ bán cho họ những chai Fruko, một loại nước giải khát không cồn của Thổ Nhĩ Kỳ. Viên trưởng ga tròn như cái thùng phi, tay nắm chặt một lá cờ màu xanh được cuộn lại, mắt liếc nhìn người lái tàu với vẻ trông đợi.

John bảo hai con chó:

– Chúng mày chỉ có thể đi theo tụi tao đến đây thôi.

Hai đứa trẻ cúi xuống ôm những cái đầu to đùng của Alan và Neil. Hai con chó rên ư ử rồi ríu rít liếm mặt cặp sinh đôi, sau đó chúng chạy ngược về phía công viên nơi chú Nimrod và ông Groanin đang đợi.

Leo lên tàu, cặp sinh đôi đi dọc theo hành lang trải thảm và tìm thấy toa tàu của mình. Hết quãng mình xuống cái ghế này rồi đến cái ghế khác, John nhận xét:

– Tuyệt. Em nhìn xem. Tất cả là của chúng ta.

Vài phút sau, con tàu bắt đầu chuyển động, ban đầu chậm chạp và nhát gừng như thể người lái tàu vẫn chưa quyết định được nên đi hay ở. Tăng tốc dần, họ vòng qua cột mốc Seraglio và tung dọc theo bờ biển, trước khi hướng vào trong đất liền và về phía Bắc, nơi con tàu bắt đầu chạy nhanh hơn nữa.

John tự hỏi lớn tiếng:

- Không biết ông anh Izaak ấy sẽ lên tàu ở đâu nhỉ?

Philippa nói:

- Biết đâu giờ anh ấy đã ở ngay trên tàu rồi cũng nên. Có thể lắm chứ. Anh ấy nói sẽ lên tàu ở đâu đó giữa đây và Berlin chỉ để làm chúng ta đoán già đoán non thôi. Có khi anh ấy gọi điện cho chú Nimrod ngay từ trên tàu cũng nên. Bằng điện thoại di động.

John hỏi:

- Làm sao anh ấy biết chú Nimrod đang ở Berlin chứ?
- Chú Nimrod nói rằng Izaak sẽ gọi cho khách sạn của chú ở Berlin. Và nếu chú có mặt ở đó nghe điện thoại, anh ấy nghĩ sẽ an toàn để giao cuốn sách.

John đề nghị:

- Hay chúng ta thử kiếm anh ấy đi.

Philippa hỏi:

- Để làm gì chứ? Izaak chỉ giao cuốn Grimoire khi nào đã sẵn sàng. Và chúng ta không muốn làm anh ấy lo sợ rời tàu sớm, đúng không?

- Dĩ nhiên rồi.

Rồi John đứng dậy tuyên bố:

- Vậy chúng ta đi kiếm toa ăn đi. Anh đói rồi.



CHƯƠNG 8

Xuyên nguyên tố hoá ở Transylvania

Chuyến tàu Tốc hành Hoàng gia Hungary gầm rú suốt đêm. Trong khi Philippa đã yên giấc ngay sau bữa tối, John vẫn cố thức, phòng trường hợp Izaak xuất hiện. Nhưng thật khó để không buồn ngủ với cái toa xe đu đưa, lắc lư như một chiếc nôi, cùng tiếng bánh xe lăn trên đường ray đều đều như thôi miên. Ngáp dài vài cái và đuổi mình như một con mèo lười, cậu áp mặt vào sát khung cửa sổ lạnh buốt, hy vọng sẽ thấy một cái gì đó thú vị ở trên những dải đất phủ đầy ánh trăng bên ngoài. Nhưng cậu gần như không thấy được gì ngoài khuôn mặt trắng bệch, lơ mơ của chính mình phản chiếu trên lớp kính.

John cho phép mi mắt cậu khép lại một chút. Rồi “một chút” trở thành vài cái “một chút” khác dài hơn khi chuyển động của đoàn tàu nhẹ nhàng đưa tâm trí cậu đến một nơi yên tĩnh và tối thẫm. Izaak sẽ lên tàu khi nào nhỉ? Tại sao trên tàu lại không có tivi như ở trên máy bay? Tại sao nhà ga Berlin lại ở trong một sở thú? Tại sao ba mẹ cậu lại ở trên tàu? Và tại sao họ lại mỉm cười nhìn lên giá để hành lý, nơi một con rắn lớn với cái đầu của gã Iblis đang trừng mắt nhìn xuống họ? Mà tại sao Iblis lại ngừng tàu lại?

John ngồi bật dậy khi nhận ra con tàu Tốc hành đang đứng im

một chỗ. Ngay cả khi nhận ra tất cả chỉ là một giấc mơ, cậu vẫn lo lắng liếc nhìn lên giá hành lý. Nằm dọc theo ba phần ghế, Philippa vẫn đang chìm sâu trong giấc ngủ, ngáy nhè nhẹ. Thình lình, một tiếng sấm to ùng nổi lên, và đi liền đó là một tia chớp sáng rực xé toạc màn đêm, làm hiện ra một sân ga vắng lặng treo biển SIGNISOARA. Họ đang ở Transylvania. Và không đơn giản chỉ ở Transylvania, mà, theo lời ông Groanin, ở ngay tại quê nhà của Dracula.

Lo lắng liếc nhìn đồng hồ đeo tay của mình, John nhận ra giờ chỉ vừa mới qua nửa đêm, và ước gì cậu nghe lời khuyên của ông Groanin về bữa tối. Món ragu Hungary có vị hơi buồn cười – nó là loại thức ăn mà ông Groanin, với cái dạ dày mỏng manh của mình, sẽ chẳng bao giờ đụng đến – nhưng cậu không biết liệu người ta có bỏ chút tội nào vào nấu chung với nó hay không. Ngoại trừ tiếng động cơ đầu xe lửa quay vòng chậm chạp, còn lại mọi thứ hoàn toàn im lặng bên trong toa xe. Với tay bật ngọn đèn trên đầu lên, John dí mũi vào khung cửa sổ, cố nhìn xem thị trấn Transylvania cổ kính thì có gì hay. Và gần như ngay lập tức, cậu kinh hoảng nháy giật lùi lại, vì trong một tích tắc, một tia chớp khác nổ lên, rọi sáng một khuôn mặt đang nhìn thẳng vào cậu. Một khuôn mặt có thể dễ dàng thắng cuộc trong Giải Vô địch Đầu tượng Ghê khiếp Nhất Thế giới. Tim đập dồn dập như trống thúc, John lồm cồm bò đến đầu giường phía bên kia, càng xa cửa sổ càng tốt.

Hoàn toàn mù tịt về sinh vật ở bên ngoài cửa sổ, Philippa hé một mắt ra nhìn anh và hỏi một cách ngái ngủ:

– Gì vậy? Nhìn anh cứ như là vừa thấy ma ấy.

Chỉ tay về phía cửa sổ, John lo lắng nói:

– Có cái gì đó ở bên ngoài.

Philippa ngáp dài:

– Ngốc ạ, dĩ nhiên phải có cái gì đó chứ. Người ta gọi nó là châu Âu.

– Không, không phải cái đó. Một cái gì khác cơ. Một cái gì đó, hoặc một ai đó.

Hít một hơi thật dài để cưỡng lại cơn buồn ngủ, Philippa ngồi dậy và nhìn ra ngoài cửa sổ. Lại một tia chớp khác thấp sáng tím biển ga, nhưng cô không thấy có gì đáng chú ý bên ngoài. Sân ga vắng lặng như tờ.

Lắc đầu buồn bã như thể tội nghiệp cho ông anh và cái óc hài hước trẻ con của cậu, cô nói:

– Đừng nói với em là anh thấy Dracula nha. Giỡn hoài!

– Không, thật sự có ai đó ở bên ngoài mà.

– Đây là sân ga mà anh. Lúc nào mà chẳng có người ở sân ga. Ngay cả ở Transylvania. Ngay cả trong thời tiết thế này.

– Người đó trông kinh lắm.

– Xấu mặt không đồng nghĩa với xấu nét. Anh phải biết điều đó chứ.

Vẫn chỉ thẳng vào cửa sổ, John khẳng khẳng:

– Xấu bình thường thì nói làm gì? Anh đang nói về xấu như trong phim kinh dị ấy. Tin anh đi, anh biết sự khác biệt giữa hai định nghĩa đó mà.

Nhìn xuống dưới sân ga, Philippa nhận xét:

– Dù là gì thì thứ anh thấy phải rất cao đó. Bét nhất cũng phải cao 7-8 feet^[13] nếu muốn nhìn vào cửa sổ toa xe này.

Mười phút trôi qua, nhưng con tàu vẫn đứng im tại chỗ. Philippa rùng mình. Cô bắt đầu nhận ra có thể John thật sự không nói đùa với cô. Không chỉ vậy, có một điều gì đó về sân ga này làm cô bắt đầu thấy sợ.

Cô lo lắng nói:

– Hy vọng con tàu không bị hư hỏng gì.

John đứng dậy, mở cửa toa và rụt rè liếc nhìn xuống lối đi vắng lạnh bên trong con tàu, cố dỏng tai nghe ngóng xem rốt cuộc chuyện gì đang xảy ra. Nhưng cậu không nghe thấy gì. Cậu bước ngược vào trong toa xe của mình và đóng cửa lại sau lưng. John không muốn nói thêm điều gì làm Philippa hoảng sợ thêm – giờ này thì cô đã bắt đầu sợ hãi như cậu – nhưng cậu chắc chắn đã thấy khuôn mặt trên cửa sổ trước đây, trên một bức tranh minh họa trong cuốn *Quy luật Baghdad Rút gọn* của ông Rakshasas.

Trước đây, cậu từng nghĩ chỉ có ba sinh vật trên trái đất: con người, djinn và thiên thần. Tuy nhiên, cuốn *QBRG* đã chỉ rõ còn có một sinh vật thứ tư – những thiên thần bị đuổi xuống trần, hay còn được gọi là quái vật. Trong số những quái vật được nói đến trong sách, Asmodeus là một trong những quái vật khủng khiếp và độc ác nhất. Tương truyền con quái vật này có ba đầu, bao gồm một cái đầu bò và một cái đầu cừu, nhưng chính cái đầu thứ ba – cái đầu của một con yêu tinh hung ác – là thứ mà John chắc chắn đã thấy bên ngoài cửa sổ dù chỉ trong chốc lát. Tuy không chắc lắm, nhưng cậu tin một quái vật như Asmodeus có lẽ đủ cao để nhìn vào cửa sổ một toa xe lửa. Cậu chắc rằng chẳng quái vật có lòng tự trọng nào lại thèm đi kê một cái hộp để đứng lên.

Philippa thú thật:

– Sau những gì ông Groanin nói về Sighisoara, em chẳng thích bị kẹt ở đây vào ban đêm tí nào.

John nói:

- Ông ấy chỉ dọa chúng ta thôi mà.
- Ồ, anh nói như thể anh không sợ ấy.

John cố trấn an em gái:

– Cố nghĩ tích cực đi nào, Philippa. Chúng ta đang ở toa hạng nhất mà. Dù tàu có bị trục trặc, thì gần như tất cả những gì chúng ta muốn đều có. Và có lẽ cũng phải nói thêm là cũng không có cái gì mà chúng ta không muốn hết.

Cậu vừa nói dứt lời, tất cả bóng đèn đang bật trong toa bỗng phụt tắt, động cơ đầu máy xe lửa ngừng quay, và ngoại trừ ánh sáng nhấp nháy của những tia chớp bên ngoài, còn lại tất cả mọi thứ đều chìm trong bóng tối.

Philippa hỏi:

- Anh vừa nói gì nhỉ?

Cố thuyết phục bản thân, John lý giải:

– Chắc là do nước thấm vào các khớp nối điện tử của tàu. Mưa nhiều thế cơ mà. Anh cá là người ta sẽ cho người đến sửa. Mà có thể người đó đang ở ngoài rồi cũng nên.

John mở cửa sổ. Cực kỳ cẩn thận, cậu thò đầu ra không khí lạnh lẽo, ẩm ướt bên ngoài và nhìn dọc xuống chiều dài con tàu, hy vọng sẽ thấy nó đang được sửa chữa. Thay vào đó, lù lù cạnh lề rừng ở khúc đường ray đằng xa, cậu nhìn thấy một thân hình to lớn lẫn khuất trong bóng đêm. Ban đầu, John hy vọng đó chỉ là bức tượng một vị anh hùng nào đó của Transylvania. Nhưng rồi, khi đám mây

che phủ ánh trăng tròn trôi đi, rọi sáng đường ray và khu sân ga, John cảm thấy như ai đó đang bóp chặt lấy trái tim mình khi cậu nhận diện được ba cái đầu đặc trưng, cái đuôi của loài bò sát và hai bàn chân gà màu đen khổng lồ. Đúng là con quái vật đó rồi, và dường như nó đang chờ đợi ai đó lên tàu Tốc hành.

Philippa hỏi:

– Có thấy gì không anh?

John trả lời:

– Không. Không thấy gì cả.

Đóng vội của sổ, cậu ngồi xuống với một nụ cười giả tạo trên mặt, như thể không có gì bất thường. Nhưng trong đầu, cậu bắt đầu cân nhắc việc sử dụng cái ký gửi ước – điều ước khẩn cấp – mà ông Vodyannoy đã tặng cho cậu ở tòa nhà Dakota của New York. John chỉ vừa mới nhớ ra cậu có nó, bây giờ chỉ cần cậu nhớ ra cái từ trọng tâm bằng tiếng Đức mà ông Vodyannoy đã gắn lên điều ước là được. Trên thực tế, cậu ngay lập tức nhớ ra cái từ đó đúng như dự kiến của ông Vodyannoy. Vấn đề ở chỗ, dù cậu nhớ rõ – cậu có thể thấy từ DONAUDAMPFSCHIFAHRTSGESELLSCH AFTKAPITAEN rõ mồn một như thể nó được in ngay bên trong mi mắt cậu – cậu hoàn toàn không có khái niệm cái từ đó phát âm như thế nào.

Cậu lẩm bẩm:

– Don Ow damp schiff...

Philippa trợn mắt nhìn anh:

– Não của anh lại bị bội thực nữa à, John. Anh lẩm nhảm gì vậy? Chẳng có nghĩa gì cả.

– Hả? Ồ...

Tiếng nói huyền thuyên của cô em gái dường như càng làm cậu rối trí hơn khi cố phát âm từ của ông Frank Vodyannoy:

– Donut ampfi...

– Bó tay với anh luôn. Dù gì thì gì, có vẻ chúng ta sẽ ở đây lâu à. Ý em là, đây là tàu lửa, không phải xe hơi. Sẽ tốn ối thời gian để kiểm tra một cái máy sấy tóc đủ lớn để làm khô mấy khớp nối điện tử của nó đấy.

Nhưng ngay khi Philippa đang nói, động cơ tàu bắt đầu hoạt động và những bóng đèn bên trong toa bật sáng trở lại. Và, gần như ngay lập tức, John quên phắt việc cố phát âm cho đúng từ trọng tâm của cái ký gửi ước sẽ ước cho con quái vật bên ngoài biến mất. Giờ đến lượt cậu tỏ ra thông minh với em gái.

Khi con tàu giật mạnh một cái và bắt đầu di chuyển, cậu nhại lại lời Philippa:

– Em vừa nói gì nhỉ?

Nhẹ cả người, Philippa cười nói:

– Ôi, cảm ơn Chúa. Phải nói là em có thể nghĩ ra nhiều chỗ qua đêm khác dễ chịu hơn nhiều so với chỗ này.

Tuy nhiên, ngay trong giây tiếp theo, cặp sinh đôi cứng đờ cả người khi nghe một tiếng gầm lớn từ đằng xa vọng lại. Tiếng gầm như của một con thú lớn.

Nuốt nước miếng cái ực, Philippa thều thào hỏi:

– Con gì vậy?

John biết tốt nhất cậu không nên nói cho Philippa biết chính xác cậu đã nhìn thấy gì. Cậu chỉ ậm ừ:

– Chắc là một con bò.

Lại một tiếng gầm khác, lần này lớn hơn nhiều. John nhún vai:

– Hoặc là một con nai sừng tấm.

Philippa lắc đầu:

– Làm gì có con nai sừng tấm nào ở Transylvania.

Con vật bên ngoài lại gầm lên. Lắc đầu một cách sợ hãi, Philippa nói:

– Và nếu em không lầm, ngay cả con bò lớn nhất ở đất nước này cũng không thể nào to bằng một cái xe buýt để có thể gầm lớn như vậy. Ngoài ra, nó sẽ không gầm rống như vậy nếu nó không có nhiều răng và móng vuốt sắc nhọn đi kèm.

Một tiếng lộc cộc vang lên bên ngoài làm John quay mặt ra cửa sổ, vừa kịp nhìn thấy một cỗ xe ngựa nhỏ đen ngòm được kéo bởi hai con ngựa đen, chạy dọc theo sân ga để đuổi theo con tàu đang từ từ tăng tốc. Dán mặt vào sát cửa sổ, cặp sinh đôi thấy cỗ xe ngựa đen chạy vượt qua toa tàu của họ, rồi dừng lại trước họ khoảng hai mươi dặm. Trùm kín người trong cái áo khoác Ulster dày cộm và đội cái mũ rộng vành, người đánh xe ngựa quăng cặp dây cương qua một bên, nhảy xuống xe, chạy dọc theo con tàu trong vài giây trước khi mở một cánh cửa và nhảy lên tàu.

Philippa hỏi:

– Anh có nghĩ đó là Izaak không?

John trả lời:

– Hy vọng thế. Tốt nhất là thế.

Một giây sau, cặp sinh đôi nghe con vật gầm lên lần nữa, chỉ có điều lần này tiếng gầm có vẻ ở xa hơn, như thể con tàu đã bỏ nó lại phía sau trong bóng đêm Transylvania. John cảm thấy cậu đã có

thể thở phào nhẹ nhõm.

Khi nghe tiếng cửa tàu đóng sập lại sau lưng vị hành khách bí ẩn, Philippa hỏi lại: - Rốt cuộc con gì vậy anh?

Bây giờ John mới dám nói cho em gái nghe chính xác cậu đã thấy cái gì đứng cạnh đường rầy, và Philippa mừng vì cậu đã giữ im lặng. Nếu cậu nói, có lẽ cô sẽ phải dùng cái ký gửi ước mà chú Nimrod đã đưa cho cô trước cuộc hành trình. Cô, chứ không phải John (người thậm chí không biết cô có nó), vì chú Nimrod nói ký gửi ước chỉ dành cho tình huống thật sự khẩn cấp, và khái niệm về tình huống khẩn cấp của John có thể chỉ là cậu cảm thấy chán hoặc đói bụng, hoặc cả hai thứ cùng một lúc. Dù gì đi nữa, Philippa cũng không bao giờ nghi ngờ sự can đảm của anh trai. Nếu John nói cho cô biết Asmodeus đang đuổi theo họ, thế nào cô cũng nói lớn từ trọng tâm SHABRIRI, và ký gửi ước của cô sẽ biến mất cùng với con quái vật. Vẫn còn một chặng đường dài trước khi hai anh em tới được Berlin, và Philippa cảm thấy yên tâm hơn rất nhiều khi biết cô vẫn còn một cái ký gửi ước để dành. Dĩ nhiên, cô hoàn toàn không biết John cũng có một cái ký gửi ước của riêng cậu.

Ngồi phịch xuống ghế, Philippa hỏi:

– Anh nghĩ tại sao Asmodeus lại theo đuổi chuyến tàu này?

Tiếng bước chân vang lên từ hành lang bên trong tàu, và một bóng người trong cái áo khoác ướt sũng nước hiện lên trên cánh cửa kính toa tàu của cặp sinh đôi.

John nhún vai:

– Anh cũng không biết. Nhưng anh nghĩ chúng ta sắp biết được lý do ngay thôi.

Cánh cửa mở ra, vị hành khách bí ẩn bước vào trong toa tàu của

cặp sinh đôi và ngồi phịch xuống ghế. Anh chàng quàng đến mấy lớp khăn choàng và một cái mũ trùm kín cả hai lỗ tai, nên phải mất đến mấy phút, cặp sinh đôi mới có thể chắc chắn đó đúng là Izaak Balayaga. Gỡ lớp khăn choàng cuối cùng ra khỏi cổ, anh thở dài nhẹ nhõm và mỉm cười tinh quái với cặp sinh đôi. Anh hỏi lớn:

– Có thấy nó không? Ashmadai. Có thấy nó canh me anh không? Cái thứ vô lại già nua đó?

Hơi thất vọng vì đã đoán sai danh tính con quái vật, John hỏi:

– Ashmadai là ai?

Izaak cười cái khịt:

– Nghe cậu bé nhà ta hỏi Ashmadai là ai kìa? Dĩ nhiên là Asmodeus rồi. Quái vật phán quyết chứ ai nữa. Một tên ma đầu cuồng nộ và vô cùng quỷ quyệt mà cậu chỉ nên động đến khi nào đã cởi mũ ra.

Vừa cười lớn, Izaak vừa quăng cái mũ của mình xuống sàn. Nhìn anh có vẻ đang rất hài lòng với bản thân. Có lẽ với cả hàm răng của anh nữa, vì anh đang khoe với Philippa một nụ cười vừa rộng mở vừa trắng lóa. Izaak đứng dậy cởi cái áo khoác Ulster ra trước khi nói tiếp:

– Hắn còn mang tên Saturn, Marcoft và Chammaday. Và gần đây hắn còn được anh gọi bằng những từ không thể nói ra trước mặt một quý cô. Đã hai ngày nay hắn ta bám đuôi anh. Bất kể ngày đêm.

Mỉm cười chua chát, anh hỏi:

– Hai đứa có ai biết bị một con quái vật đầy rẫy chiến tích bất hảo như Ashmadai bám theo sát nút suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ là như thế nào không?

Philippa thừa nhận:

– Không ạ.

– Đảm bảo không như một cuộc dã ngoại. Nếu bị tóm được, thể nào tim và gan anh cũng trở thành bữa sáng cho Ashmadai. Chiên tim, gan anh trong máu cừu và mỡ tiệt trùng. Vâng, chúc ngon miệng.

Philippa thắc mắc:

– Nhưng sao Ashmadai lại bám theo anh chứ?

Izaak nhe răng cười:

– Ấy, anh nghĩ điều đó phải quá hiển nhiên rồi chứ, cô bé.

Philippa cắn lưỡi. Cô không thích bị gọi “cô bé”, đặc biệt khi người gọi chỉ lớn hơn cô có vài tuổi.

Izzak mặc một áo choàng đen dài, có dây buộc kiểu như dây giày, áo sơ mi trắng tinh, và đeo găng tay da đen. Đốt một điếu xì gà to tướng, như thể ăn mừng sự thoát nạn trong gang tấc của mình, anh giải thích:

– Dĩ nhiên con quái vật đó theo đuổi cuốn Grimoire của vua Solomon rồi. Asmodeus – như cách hai đứa gọi nó – và Solomon quay trở lại. Khi vua Solomon trị vì Israel, Asmodeus đã rất ghen tị việc ông có đến một ngàn bà vợ. Và là một tên ác quỷ ranh mãnh, hắn đã lấy trộm chiếc nhẫn chứa đựng quyền lực của vua Solomon. Tháo cái nhẫn khỏi tay Solomon khi ông đang ngủ và đeo vào tay hắn. Giả làm Solomon, và vì ma thuật của cái nhẫn, tất cả mọi người đều tin hắn. Trong khi đó, không ai tin lời giải thích của vua Solomon thật sự, và ông đã phải cắn răng làm đầu bếp trong chính lâu đài của mình suốt một thời gian dài.

May cho Solomon là một ngày nọ, một bà vợ của ông làm rớt ít bột xuống sàn, và Asmodeus tình cờ đi qua nó. Và bà vợ đã nhận ra dấu chân để lại trên lớp bột của bà là chân của một con quái vật. Đoán được chuyện gì đã xảy ra, bà đã rình lúc Asmodeus ngủ để trộm lại cái nhẫn, và vua Solomon thật sự đã được quay lại ngai vàng của mình.

Tuy nhiên, khi còn giả dạng là Solomon – vị pháp sư vĩ đại, Asmodeus đã mò vào thư viện của Solomon và phát hiện cuốn sách ông đang viết. Cuốn sách chứa đựng tất cả sự thông thái của ông, cũng như cách dùng sức mạnh khống chế mọi djinn, thiên thần, mundane và quái vật. Rất may người tiếp theo có được cuốn sách chính là Ishtar. Nghe bảo đó là một món quà từ Hoàng đế Nebuchadnezzar. Nhưng kể từ đó, Asmodeus luôn tìm mọi cách để có được cuốn sách.

Izaak bật ra một tiếng cười rầu rĩ:

– Nói thật cho hai đứa biết, anh cũng mới phát hiện ra chuyện đó thôi. Nó là một trong những lý do anh muốn trả cuốn sách lại cho Bà ấy càng sớm càng tốt.

Anh không muốn cứ bị Asmodeus bám đuôi hoài.

– Bà ấy?

– Ayesha. Người-Phải-Được-Phục-Tùng-Mọi-Lúc chứ còn ai.

Philippa hỏi:

– Vậy cuốn Grimoire đó giờ đang ở đâu?

Vén áo khoác lên, Izaak chỉ cho cô một cái túi áo to cỡ cái ba lô được đính ngầm bên trong một cách khéo léo. Từ bên trong túi, anh rút ra một cuốn sách bọc da đẹp để được chạm nổi hình một cái thang bằng vàng, trên đỉnh thang, cũng được chạm nổi bằng vàng,

là con mắt Horus, con-mắt-nhìn-thấy-mọi-thứ, biểu tượng có trên mọi tờ một đô Mỹ.

Đặt cuốn sách lên cái ghế bên cạnh, Izaak nói:

– Nó đây.

John thắc mắc:

– Nhưng nếu anh có cuốn sách này, và cuốn sách có giải thích cách khống chế tất cả quái vật, tại sao anh không dùng nó để đối phó với Asmodeus?

Izaak trả lời:

– Cậu nghĩ đơn giản vậy à? Vấn đề ở đây là sau khi anh... ừm... mượn cuốn sách, anh mới biết thật sự không phải ai cũng mở được nó. Chỉ những người thật sự thông minh và có một trái tim thánh thiện mới có thể mở được cuốn Grimoire của vua Solomon. Đó là một biện pháp an toàn nho nhỏ mà Djinn Xanh gán cho cuốn sách, để phòng trường hợp nó bị mất trộm.

Philippa hỏi:

– Có nghĩa là anh không thể sử dụng cuốn sách dù rất muốn?

Izaak nhún vai:

– Anh e là thế. Có vẻ như sẽ có người sử dụng được, có người không. Và việc anh trộm cuốn sách có nghĩa, theo mặc định, anh thuộc nhóm người thứ hai. Cho nên, ờ, chúng ta mới có mặt ở đây.

Ngắm nghía kỹ cuốn sách, John hỏi:

– Em thử được không?

Izaak khoát tay nói:

– Cứ tự nhiên.

Rút rề cầm cuốn Grimoire lên, John khá ngạc nhiên khi phát

hiện nó nặng ngang một tảng đá cùng kích cỡ.

Cậu nhận xét:

– Cái này nặng cả tấn chứ không ít. Và nó có mùi hơi kỳ kỳ. Giống như hương hoa, chỉ có điều nồng hơn.

Bìa sách được bảo vệ bởi một lớp mỡ bôi lô hội, chắc là để giữ cho bìa không bị rạn.

Đặt cuốn sách lên lòng, John thử mở nó ra. Loay hoay một lúc, cậu đầu hàng:

– Anh nói đúng. Cái bìa sách chả nhúc nhích gì cả. Em không mở được nó, chẳng hơn gì anh.

Philippa nhận xét:

– Vô lý. John, anh đâu có trộm nó. Và anh chỉ là một đứa trẻ như em. Một đứa trẻ mười hai tuổi sao lại chẳng có một trái tim thánh thiện chứ? Để em thử.

Và cô đưa tay lấy cuốn sách. Cũng nhận ra cái mùi kỳ lạ của cuốn sách, Philippa dí sát mũi xuống bìa cuốn sách hít thử vài cái, rồi tuyên bố:

– Là mùi hoa huệ tây.

Quan tâm đến việc em gái có mở được cuốn sách hay không hơn là việc nó có mùi như thế nào – một cái mùi còn lưu lại trên đầu ngón tay cậu – John giục:

– Em mở thử nó đi.

Nhưng Philippa cũng thất bại trong việc mở cuốn sách ra. Cô lắc đầu, cảm thấy bức bối. Là người luôn tự hào về trí thông minh và sự tốt bụng của mình, Philippa hơi cáu khi một cuốn sách dành cho những ai thông minh và có trái tim thánh thiện lại từ chối cô. Thật

quá vô lý.

Izaak lấy lại cuốn sách, và đến tận lúc này, cặp sinh đôi mới nhận ra anh vẫn đeo găng tay, và dường như nụ cười của anh bắt đầu có một cái gì đó kỳ lạ. Phải mất một phút nữa John mới nhận ra không phải nụ cười của Izaak kỳ lạ mà chính là cơ thể cậu. Một cảm giác đồ đẫn kỳ lạ bắt đầu bò dọc đầu ngón tay cậu, leo lên bàn tay, rồi cánh tay theo một cách gọi cho cậu biết một cái gì đó đã thấm vào da cậu khi cậu đụng đến cuốn sách. Cảm giác tê cứng cả người này nhanh chóng nổi đuôi bằng sự tức giận khi cậu thấy Izaak, không gặp một chút khó khăn nào, mở cuốn sách ra và gỡ vài món đồ ra khỏi một phần không gian rộng bên trong nó.

Vẫn chưa hoàn toàn nhận rõ cái bẫy của Izaak, John hỏi:

– Ủa, sao anh nói anh không mở được cuốn sách?

Izaak trả lời một cách đơn giản:

– Anh không thể. Khi nào cả hai đứa chưa chạm vào cuốn sách trước. Nếu không sẽ hỏng bét.

Đến lúc này thì cả Philippa cũng cảm thấy bị bất động từ cổ trở xuống. Cô hỏi:

– Chuyện gì thế này? Em không cử động được.

Izaak nói:

– Chỉ là ảnh hưởng của lớp mỡ bôi trên bì da của cuốn sách thôi. Nó chứa một dạng hóa chất có thể thấm thấu vào da, được chất lọc từ độc tố của loài bọ cạp Deathstalker. Nó không giết hai đứa đâu mà lo. Nhưng nó sẽ làm hai đứa bất động trong vài phút. Và anh cũng chỉ cần nhiều đó thời gian. Đừng có cả nghĩ nhé. Anh cũng không có lựa chọn nào khác đâu.

John nhận ra lần này hai anh em đang gặp rắc rối thật sự. Và

đối mặt với một tình huống khẩn cấp thật sự, trái ngược với tình huống xem khẩn cấp, cậu không gặp khó khăn gì trong việc đọc lên cái từ tiếng Đức sẽ giúp cậu giải phóng điều ước khẩn cấp đã lần tránh cậu trước đó. Chính xác như những gì ông Frank Vodyannoy đã dự định.

Tuy nhiên, là em sinh đôi với John, đầu óc của Philippa đã trải qua tiến trình suy nghĩ tương tự, nên kết quả là cả hai đã đọc to từ trọng tâm cho cái ký gửi ước của riêng mình...

– DONAUDAMPFSCHIFAHRTSGESELLSCHAFTKAPITAEN!

– SHABRIRI!

... vào chính xác cùng một lúc.

Không may, kết quả của việc này là hai ký gửi ước loại trừ lẫn nhau. Đó cũng là lý do tại sao chú Nimrod chỉ đưa cho cặp sinh đôi một điều ước khẩn cấp duy nhất.

Dĩ nhiên John và Philippa không biết được điều đó, mà cho rằng sức mạnh của Izaak Balayaga mạnh hơn ký gửi ước của mình. Hai anh em chỉ có thể tuyệt vọng đứng nhìn Izaak dùng gỗ cây lô hội, một ít đất sét, hai khúc xương động vật, ít tơ lụa, và một cọng tóc lấy từ đầu cả hai để tạo ra hai hình nộm nhỏ nhìn giống y chang hai phiên bản John và Philippa thu nhỏ.

Philippa hỏi:

– Anh đang làm gì vậy?

– Đây là phép trói buộc djinn. Hai đứa thấy đó, anh chỉ có thể xuyên nguyên tố hóa từng đứa một. Nếu anh không khống chế cả hai thật kỹ từ đầu, một trong hai đứa có thể xuyên nguyên tố hóa anh trong khi anh đang làm điều tương tự với đứa còn lại.

Philippa ngơ ngác:

– Xuyên nguyên tố hóa? Ý anh là phép hóa thể?

Izaak nhăn mặt giải thích:

– Cái lão gốc Nimrod không dạy gì cho hai đứa sao trời? Hóa thể là khi hai đứa tự biến mình vào trong chai. Xuyên nguyên tố hóa là khi hai đứa làm điều đó với một người khác. Và trái với ý muốn của họ.

Vừa nói, Izaak vừa rút ra hai cây kim dài ngoằng và thụt một cây vào hình nộm của John.

John cười chế giễu:

– Chả đau chút nào.

Izaak nhún vai:

– Thì có ai nói sẽ đau đâu. Đây không phải mấy cái hình nhân voodoo ngớ ngẩn, dù mấy mụ phù thủy mundane lấy ý tưởng từ nó ra. Nó dùng để hoàn thành phép trói buộc. Dùng cho lúc độc tố bọ cạp hết tác dụng.

John gồng mình la hét công suất, hy vọng bảo vệ tàu hoặc một hành khách nào đó có thể đến giúp họ.

Izaak bảo với cậu:

– Cậu giữ hơi đi. Tất cả những người khác đã ngủ rồi. Và cậu nên cảm thấy may mắn là anh không biến cậu thành một hình nộm đấy. Nếu anh biến cậu thành hình nộm, cậu sẽ kẹt mãi mãi trong hình dạng đó cho đến khi nào anh đổi ý. Còn như thế này, khoảng chừng một ngày nữa là cậu trở lại bình thường thôi. Cứ ngoan ngoãn ngồi chờ đi.

Philippa hỏi:

– Nhưng sao anh lại làm chuyện này chứ? Tất cả chuyện này nghĩa là sao? Anh làm việc cho Asmodeus sao?

Izaak bật cười và ghim tiếp cây kim thứ hai vào hình nộm của Philippa, rồi cho biết:

– Chẳng có Asmodeus nào cả. À, thật ra là có đấy. Chỉ là không ở trong trường hợp này. Asmodeus mà hai đứa thấy chỉ là một thứ anh tạo nên để đánh tan mọi nghi ngờ của hai đứa thôi. Một biện pháp đánh lạc hướng. Không, tên Asmodeus thật sự sẽ bắt kịp chuyến tàu này trong tích tắc và đập tan nó thành từng mảnh gỗ vụn để thó tay vào cuốn Grimoire thật. Không phải cuốn sách này, dĩ nhiên rồi. Cuốn Grimoire của vua Solomon thật quá đáng giá để mang lên một chuyến tàu. Con quái vật hai đứa thấy chẳng qua chỉ là một thứ anh tạo ra dựa trên hình minh họa trong cuốn sách mới của ông Rakshasas thôi.

Giơ cao hai hình nộm trên hai tay trong một giây, Izaak cúi đầu, giậm chân hai lần trên sàn toa tàu, và đọc lớn câu chú:

– Ta đã gõ hai lần trên cánh cửa vĩ đại của lòng đất và trói buộc hai djinn này. HADROQUARKLUON!

Rồi quăng mình xuống ghế, Izaak châm lại điều xì gà và tự hào tuyên bố:

– Xong. Hai đứa bị khống chế rồi đó. Giờ thì anh bắt tay vào làm việc cần làm được rồi.

Philippa hỏi:

– Việc gì chứ?

– Nhớ là anh đã nói rồi mà! Anh sẽ nhét hai đứa vào hai ống khác nhau rồi đóng nắp lại.

Nói rồi Izaak thò tay rút hai cái ống nhỏ ra khỏi túi áo khoác và đung đưa chúng trước mặt cặp sinh đôi một cách bồn chồn.

John tuyên bố:

– Người sẽ không thoát được đâu.

Philippa thì nài nỉ:

– Làm ơn đi Izaak. Anh đừng làm thế mà!

Izaak thở dài và dựa mặt vào cửa sổ. Đưa tay vân vê theo một giọt mưa đang chảy dọc xuống lớp kính cửa, anh nói:

– Anh cũng muốn giúp hai đứa lắm chứ. Thật sự đấy. Chỉ có điều tay anh bị buộc chặt rồi. Nhưng đừng bi quan thế. Chuyện không tồi tệ lắm đâu.

John nghiêng rằng:

– Nếu cử động được, thế là ta sẽ đá người văng ra khỏi khung cửa sổ đó.

Izaak cười:

– Nhưng cậu sẽ không làm thế, ông cụ non ạ. Cậu không thể.

Đứng dậy, anh nói:

– Anh thật sự xin lỗi. Nhưng như có người đã nói: “Vài người trong chúng ta tốt, và vài người trong chúng ta không tốt, nhưng tôi, tôi chỉ tuân theo mệnh lệnh”. Ráng nhớ điều đó nhé.

Đọc lớn từ trọng tâm của mình lần nữa, Izaak vẫy tay một cách điệu dàng, và lần lượt từng người trong cặp sinh đôi biến mất trong làn khói.



CHƯƠNG 9

Croucher

Ngay trước khi người hành khách cuối cùng rời khỏi chuyến tàu tốc hành Hoàng gia Hungary ở ga Zoo Station, thành phố Berlin, Alan và Neil đã bắt đầu rên ư ử lo lắng như thể nhận ra có chuyện gì đó không ổn đã xảy ra trên con tàu.

Ông Groanin hỏi:

– Giờ chúng ta phải làm gì? Tôi hỏi, chúng ta phải làm gì bây giờ?

Chú Nimrod trả lời:

– Dĩ nhiên là phải đi kiểm khắp tàu rồi. Groanin, anh mang theo Alan và kiểm từ cuối tàu lên nhé, còn tôi và Neil sẽ kiểm từ đầu tàu xuống. Chúng ta sẽ gặp nhau ở giữa tàu.

Bắt đầu đi về phía cuối đoàn tàu, ông Groanin gọi con Alan:

– Chúng ta đi thôi. Nếu mày muốn theo tao.

Con Alan nhảy theo ông.

Chú Nimrod lao lên tàu. Đến lúc này, chú thật sự không nghĩ sẽ tìm thấy cặp sinh đôi trên chuyến tàu tốc hành, mà chỉ hy vọng sẽ tìm được vài manh mối về chuyện đã xảy ra cho hai đứa cháu. Hoặc ít nhất, chú hy vọng cái mũi thính của hai con chó giống Rottweiler

có thể tìm thấy cái gì đó. Và trên thực tế, ngay khi con Neil đặt chân vào toa tàu cặp sinh đôi đã ngồi, nó lập tức sửa inh ỏi. Chú Nimrod bảo nó đi gọi ông Groanin và Alan, còn mình thì xoa cây đèn bằng đồng cũ kỹ để triệu hồi ông Rakshasas.

Chờ ông Rakshasas hóa thể ra ngoài xong xuôi, chú Nimrod cho biết:

- Tôi e là chúng không còn ở trên tàu nữa.
- Ừ, tôi biết rồi. Tôi đã nghe cậu nói với anh Groanin.

Hít hít không khí hết một con chó đang đánh hơi, ông hỏi:

- Mà cậu có ngửi thấy mùi gì không?

Chú Nimrod thừa nhận:

- Không. Không có gì đặc biệt. À, nhưng mà khoan, hình như có mùi xì gà loại hảo hạng.

Đến lượt chú Nimrod hít hít không khí.

- Loại Romeo Y Julietta. Hoặc Churchill. Đúng loại xì gà mà tôi thấy Izaak Balayaga đã hút ở khách sạn Algonquin, New York.

Rồi chú hỏi về lưỡng lự:

- Có phải đó là mùi anh đang ngửi thấy không, anh Rakshasas?

Ngửi không khí một lần nữa, ông Rakshasas lắc đầu:

- Không phải. Cũng hơi lạ, nhưng dạo gần đây, cứ mỗi lần ra khỏi đèn là khứu giác của tôi lại thính hơn bình thường. Ít nhất là trong một lúc. Hiện giờ, tôi lại ngửi thấy mùi mỡ bôi lô hội. Như thể là...

Ông Groanin và hai con chó hiện ra trên cửa toa. Alan đang ngậm một khúc xương trong miệng, và nó bỏ xuống ngay dưới chân chú Nimrod. Ban đầu chú Nimrod không chú ý lắm, cho đến khi

chú nhận ra sự xuất hiện của nó ở đây mang ý nghĩa gì.

Nhặt khúc xương lên, chú nói với ông Rakshasas:

– Là xương sườn cừu. Cộng thêm cái mũi mà anh ngửi thấy, nó đồng nghĩa với một thứ duy nhất.

Ông Rakshasas gật đầu:

– Là phép trói buộc của Solomon.

Ông Groanin thắc mắc:

– Nghĩa là gì mới được chứ?

– Nghĩa là người đã bắt cóc hai đứa cháu của tôi đã sử dụng một câu thần chú cổ rất mạnh, lấy từ chính cuốn sách mà John và Philippa được cử đi lấy từ Izaak Balayaga.

Con Neil bắt đầu lượn lơ khắp toa tàu với cái mũi dí sát dưới đất. Nó kiểm tra tất cả, từ cửa vào, sàn tàu, ghế ngồi đến giá đựng hành lý, nơi mà nó lập tức sửa một tiếng lớn ngay khi ngửi tới.

Chú Nimrod hỏi:

– Màym tìm thấy cái gì à?

Đứng lên trên ghế, chú liếc nhìn vào trong giá hành lý. Ở ngay phía trong cùng của giá, gần như tiếp màu với lớp kim loại sáng bóng, là một ống đựng xì gà Churchill.

Chú Nimrod tuyên bố:

– Đúng là Izaak đã ở đây.

Rồi nhặt cái ống lên, chú vặn nắp.

Ngay lập tức, khói bắt đầu ủa ra khỏi ống khi phép hóa thể djinn được triển khai. Ba mươi giây sau, John đã đứng bên trong toa tàu và kể cho họ nghe chuyện gì đã xảy ra. Dần dần, chú Nimrod và ông Rakshasas cũng có thể đoán ra chuyện đã làm họ băn khoăn

suốt từ khi đặt chân lên tàu đến giờ: Rằng tại sao cái ký gửi ước mà chú Nimrod trao cho Philippa lại không hoạt động.

Ông Rakshasas nói với John:

– Thảo nào... Ông e là điều ước mà ông Vodyannoy tặng cho cháu và cái mà Nimrod đưa cho Philippa đã tự hóa giải lẫn nhau. Trong *Tuyển tập tất cả các quy luật Baghdad*, xuất bản năm 1940, cuốn 10, chương 62, phần 49, đã nói rằng trong một thời điểm chỉ tồn tại một tình huống khẩn cấp, và hai tình huống khẩn cấp phải luôn cách nhau hai giây. Vì hai ký gửi ước không thể tồn tại trong cùng một thời điểm, chúng sẽ bị coi như vô hiệu, do đó không hiệu nghiệm.

Ông Groanin cắt ngang:

– Giờ bàn chuyện này thì có khác gì mất bò mới lo làm chuông chứ.

John gật đầu:

– Đúng đó.

Cầm lấy cái ống đựng xì gà từ tay chú Nimrod, cậu đặt nó dưới mũi con Alan vài giây để nó quen mùi và giải thích:

– Izaak có hai cái ống như thế này. Phải còn một ống nữa chứa Philippa. Alan, mày đi tìm nó đi. Đi tìm cái ống còn lại.

Chú Nimrod lắc đầu:

– Đúng là chúng ta có thể thử cách đó. Nhưng chú e là Alan sẽ không tìm thấy gì đâu. Nếu Izaak có ý định bắt cả cháu và Philippa, nó sẽ không cần tốn thời gian và công sức để xuyên nguyên tố hóa hai đứa riêng biệt. - Sao anh ấy chỉ bắt mỗi Philippa mà không bắt cháu?

– Chú cũng không biết. Nhưng nếu chú không tìm ra lý do thì đóng chai chú luôn đi.

Họ đứng chờ Alan. Một hồi sau, con chó cũng quay về, miệng không ngậm gì cả. Nhìn nó buồn so, vì nó cũng yêu quý Philippa không kém John.

Chú Nimrod quyết định:

– Ok, giờ chúng ta sẽ làm thế này. Groanin, anh và anh Rakshasas mang Alan và Neil về khách sạn và ở yên trong đó nhé. Đề phòng trường hợp kẻ bắt cóc liên lạc đòi tiền chuộc...

Ông Groanin hỏi:

– Còn cậu đi đâu?

Chú Nimrod trả lời:

– Đến bảo tàng Pergamon. Tôi có vài câu hỏi cho Ayesha.

John hỏi:

– Ví dụ như?

– Ví dụ như cuốn Grimoire của Solomon có thật sự bị mất trộm không. Hay đó chỉ là một câu chuyện Izaak dựng nên để lừa chúng ta vào bẫy.

Nằm ở phía Đông thành phố Berlin, Bảo tàng Pergamon được xếp là một trong những bảo tàng hàng đầu thế giới về cổ vật phương Đông, ngang hàng với bảo tàng Anh quốc và Smithsonian. Mười bốn gian phòng của Pergamon được dành để trưng bày những bộ sưu tập hoành tráng, bao gồm một số công trình tái tạo lại các di tích Babylon nổi tiếng thế giới, có màu sắc rực rỡ, được làm từ những mảnh gạch men vỡ mà các nhà khảo cổ Đức khai quật được. Trong số đó phải kể đến Cổng Ishtar – còn được gọi là Cổng Xanh

của Babylon, Processional Way – con đường dành cho các đám rước, và mặt tiền sảnh thiết triều của Hoàng đế Nebuchadnezzar Đệ Nhị. Nhưng, như chú Nimrod đã giải thích cho John khi họ đến Pergamon, có cả một hệ thống phòng bí mật mà những mundane làm việc hoặc viếng thăm bảo tàng hoàn toàn không hay biết.

Chú cho biết:

– Một trong những bức tường dọc theo Processional Way là bức tường ảo được dùng chỉ với mục đích tạo thị giác, và che giấu một khoảng không lượng tử đối nghịch với khoảng không theo thuyết Descartes.

John dịch lại lời giải thích của chú Nimrod theo nghĩa đơn giản nhất:

– Ý chú là có một gian phòng bí mật ở đó?

Chú Nimrod gật đầu:

– Ừ.

Vừa đi theo chú, John vừa lăm bắm:

– Vậy sao chú không nói vậy cho dễ hiểu hơn?

Bên trong bảo tàng, chú Nimrod dẫn John đi dọc theo Processional Way, rồi dừng lại phía trước một bức tường làm bằng gạch men vẽ màu xanh có chạm nổi hình một con sư tử to như thật. Chú giới thiệu:

– Đằng sau bức tường này là tòa án của Djinn Xanh Babylon. Vấn đề là vào bằng cách nào thôi.

John lưỡng lự gật đầu.

Chú Nimrod giải thích tiếp:

– Phải giải phóng đầu óc khỏi những ý niệm thông thường về

không gian, thời gian và vật chất. Nói cách khác là xuôi theo dòng nước.

Với John, xuôi theo dòng nước nghe có vẻ ổn. Cậu có thể liên tưởng được. Nghe có vẻ dễ dàng hơn là lội ngược dòng nhiều. Cố gắng hiểu rõ hơn điều chú Nimrod muốn nói, John hỏi lại:

– Có nghĩa đây là một bức tường giả? Chúng ta chỉ cần đi đến bên tường rồi bước thẳng qua?

– Không hẳn thế. Cháu không thể đi đến bên một thứ không thật sự có mặt ở đó. Bức tường không thật sự tồn tại. Ít nhất là không phải với chúng ta. Cháu phải cố nghĩ xa hơn phạm trù bức tường, John.

John nhăn mặt, cố gắng uốn cong suy nghĩ của mình theo gọi ý của chú Nimrod. Cho tới giờ cậu chỉ thấy rắc rối duy nhất với việc suy nghĩ ngoài phạm trù bức tường chính là bản thân bức tường. Nó cứ đứng lì lì cản đường ở đó. Đúng như vai trò một bức tường.

Chú Nimrod giục:

– Đi thôi. Chúng ta sẽ cùng làm chuyện này. Đây, cứ nắm lấy tay chú. Sẵn sàng chưa?

John gật đầu. *Xuôi theo dòng*, cậu tự nhủ khi hai chú cháu bước nhanh về phía bức tường. Vào đúng giây cuối cùng, lúc John đang tự thuyết phục bản thân rằng chuyện này dễ như ăn cháo, thì một ánh đèn chiếu trong bảo tàng chớp nhẹ và lóe lên trên cặp chân sau của con sư tử bằng gạch men, rồi liền đó cậu thấy mình đang nằm sóng soài trên nền Processional Way, đầu óc quay cuồng muốn xỉu, như vừa tông thẳng vào bức tường gạch với tốc độ hai đến ba dặm một giờ. Mờ mắt ra, John vừa kịp thấy đôi chân của chú Nimrod biến mất qua bức tường thị giác ảo. Nhăn nhó xoa đầu, cậu lồm

cồm ngồi dậy.

Một nhân viên bảo vệ to con bước đến bên cạnh John và giúp cậu đứng dậy, nhưng vì ông nói toàn bằng tiếng Đức, John hoàn toàn không thể hiểu ông đang nói gì. Cho nên cậu chỉ mỉm cười và nói mình không sao, cũng như xin lỗi vì đã không chú ý đến hướng đi. Mười phút tiếp đó, John đi tới đi lui trên hành lang, vừa để hoàn hồn vừa giả vờ ngắm Processional Way trong khi chờ chú Nimrod quay trở lại. Có thể cậu sẽ thử đi vào gian phòng bí mật đó lần nữa, nếu không có viên bảo vệ đứng lù lù một góc và nhìn cậu chăm chăm, như thể sợ John có thể làm hư hại bức tường quý giá bằng cách tông tiếp vào nó lần thứ hai. Ông ta nhìn John chăm chăm đến nỗi không hề thấy chú Nimrod im lặng bước ra từ khoảng tường ngay đằng sau ghế của ông mấy giây sau đó. Không ai nhận ra điều đó, trừ John.

Ngó cái trán u một cục của John, chú an ủi:

– Không phải lỗi của cháu đâu. Thường thì ai lần đầu đi qua bức tường thì giác ảo cũng bị vậy. Vả lại chú nghĩ có lẽ đầu óc cháu còn bị ảnh hưởng chút ít bởi phép trói buộc của Izaak.

John thú nhận:

– Cháu không chắc muốn thử cảm giác tông đầu vô tường lần nữa. Mà bà ấy nói sao chú?

– Ai cơ?

– Dĩ nhiên là Ayesha rồi.

Hướng về phía tấm bảng chỉ dẫn đề chữ *Ausgang*, tiếng Đức nghĩa là “lối ra”, chú nói:

– Ayesha không có ở đây.

– Vậy giờ chúng ta đi đâu?

– Đến nhà bà ấy.

– Ý chú là bà ấy không sống trong bảo tàng? Đằng sau cái tường thị giác ảo này?

–Ồ không. Đây chỉ là nơi làm việc chính thức của Ayesh, nơi djinn đến hỏi ý kiến và đợi phán xét của bà. Còn ngoài giờ làm việc, bà ấy sống trong một khu vi-la ở ngoại ô Berlin. Khu vi-la Fledermaus.

Bên ngoài bảo tàng, chú Nimrod bắt một chiếc taxi và bảo tài xế chở họ đến số 1, đường Amon Goeth Strasse.

Khi đã ở trong xe, John hỏi:

– Từ *Fledermaus* trong tiếng Đức có nghĩa là “con dơi” phải không chú?

– Đúng thế. Khi còn nhỏ, chú thường gọi nơi đó là “Biệt thự Dơi”.

– Chú đã ở đó trước đây à?

Chú Nimrod thở dài:

– Ôi trời, đúng vậy. Nhưng trời ơi, không phải sống nhiều năm.

John cảm thấy tiếng thở dài của chú có gì đó hơi buồn.

Biệt thự Dơi khá xứng đáng với tên gọi của nó. Được bao phủ bởi những hàng thông cao chót vót, căn nhà với vẻ ngoài kỳ dị, lạnh lẽo này nằm sau lưng một cánh cổng sắt đồ sộ. Chú Nimrod thận trọng quan sát căn vi-la và khu vườn xung quanh qua cánh cổng, như thể chú không chắc về một điều gì đó. Tự hỏi không biết thái độ cẩn trọng của chú có liên quan gì đến tám biển báo trên cổng – trên đó viết ba chữ bằng tiếng Đức – không, John đọc lớn:

– Vorsicht, Bissiger Dämon.

Cậu lúc lắc đầu:

– Ước gì cháu biết tiếng Đức.

John thật sự không để ý kỹ đến điều mình vừa nói, và quên mất cậu đang đứng cạnh một djinn đầy quyền năng. Thành linh John nhận ra cậu đã hiểu chính xác tám biển báo có nghĩa gì. Cảm thấy hơi tội nghiệp cho cậu cháu của mình sau những gì cậu đã trải qua trên tàu và trong bảo tàng, chú Nimrod đã đơn giản biến điều ước của John thành hiện thực. Và cậu bé djinn trẻ tuổi đã có thể hiểu rõ tiếng Đức như tiếng Anh. Nó làm John cảm thấy bộ não của cậu vừa tăng gấp đôi.

John dịch:

– Cần thận, Quái vật Dữ tợn.

Từ từ mở cánh cổng sắt, chú Nimrod thâm thì:

– Chính xác. Tốt nhất cháu nên theo sát chú.

John hỏi:

– Ừm, loại quái vật dữ tợn nào vậy chú? Cháu hy vọng không phải là Asmodeus.

– Ôi trời, chú cũng hy vọng thế. Sao cháu lại nghĩ đến cái tên đó chứ?

John muốn mở miệng, nhưng chú Nimrod vẫn tiếp tục nói khi hai chú cháu đi dọc theo con đường mòn dẫn đến căn nhà. Tiếng sỏi kêu lạo xạo dưới gót giày đi núi cứng cáp của chú hết tiếng ai đó gặm cả bạch bánh cùng một lúc.

– Không, quái vật ở đây là một croucher. Một dạng quái vật canh cửa, khá phổ biến dưới thời Babylon cổ đại.

Ngừng để nghe ngóng vài giây, chú lại đi tiếp.

– Quái vật dòng này có thói quen nằm chờ gần ngưỡng cửa một ngôi nhà để bảo vệ nó khỏi những vị khách không mời mà đến.

Liếc nhìn phía trên cánh cửa khi họ đến gần ngôi nhà, chú nói thêm:

– Hoặc là trên nóc nhà.

John lo lắng hỏi:

– *Chúng ta có phải là những vị khách không mời mà đến không?*

Chú Nimrod chỉ trả lời đơn giản:

– Có thể thế.

Trời đã bắt đầu tối, và bên trong nhà không có lấy một ánh đèn. Cứ nghĩ đến việc có một quái vật ẩn nấp đâu đó xung quanh và sẵn sàng nhảy bổ vào họ bất cứ lúc nào, John lại thấy lạnh cả sống lưng. Cảm giác này càng mạnh hơn khi chú Nimrod bước lên phần hiên nhà, cầm lấy một núm gỗ cửa lớn bằng đồng có hình dạng giống hệt trái tim người theo đúng giải phẫu học. Dường như chú lưỡng lự không biết có nên gõ cửa hay không. Chú giải thích:

– Trò đùa của Ayesha đấy. Bà ấy nổi tiếng với trái tim sắt đá mà.

Dưới ánh trăng tròn, hai chú cháu đứng chờ ngoài cửa gần cả phút.

Đám dơi chập chờn bay trong những tán cây và quanh những tháp canh tối đen. Đâu đó trong những tán cây rậm rạp, một con cú mèo rúc lớn vài tiếng. Nhưng bên trong ngôi nhà cổ vẫn chẳng có động tĩnh gì. Cúi thấp người, John giở nắp che hộp thư lên và nhòm vào trong nhà. Bên trong hành lang âm u, cậu có thể nhìn thấy một cái đồng hồ quả lắc to, một giá treo dù thiết kế theo hình bàn chân

voi ma mút có lông, một lò sưởi lớn trống rỗng, một cái bàn, và một đồng thư chưa mở nằm la liệt trên sàn nhà. Cậu kết luận:

– Không có ai trong nhà cả.

Chú Nimrod can:

– Nếu là cháu, chú sẽ không làm vậy đâu. Phòng trường hợp chúng ta phá rồi một cái gì đó.

John nhún vai:

– Mọi thứ yên tĩnh mà chú.

– Chú biết. Đó là điều làm chú lo lắng. Quá yên tĩnh.

Chú Nimrod nhăn mặt khi John buông tay khỏi cái nắp đậy hộp thư, và nó đóng sập lại nghe cái “cộp” khá sắc lạnh. Chú nói thêm:

– Ít nhất là quá yên tĩnh trước khi cháu buông cái nắp xuống.

Quay lưng khỏi cánh cửa, John giục:

– Mình đi thôi chú. Chỗ này làm cháu lạnh cả sống lưng. Chúng ta nhanh nhanh ra khỏi đây thôi.

– John, dừng!

Chú Nimrod ngăn John lại, nhưng đã quá trễ.

Ngay khi đặt chân xuống con đường mòn trải sỏi, ngay khoe mắt, John thoáng thấy một thứ đang lao về phía cậu; một thứ gì đó to hơn một con chó, nhưng di chuyển quá nhanh để có thể nhìn rõ nó là gì. Bản năng cho cậu biết đó là một croucher, và cậu nên cố thoát khỏi nó. Tuy nhiên, khi suy nghĩ đó đến được bộ não non trẻ của cậu, con croucher đã nhảy vọt lên không trung, cặp hàm mở to nhỏ đầy dãi của nó nhằm thẳng vào cổ cậu. Ngoại trừ cái đầu, con croucher có một thân hình gần như đen tuyền và giống một con linh cẩu với cặp vai nhô cao rắn chắc và những cái chân ngắn ngủn.

Bản thân cái đầu to đùng của nó một nửa nhìn giống người, với đôi tai tròn bần rộng và những cái răng quá khổ. Những cái răng nhỏ đầy nước dãi khi con croucher nở nụ cười chết chóc của nó và nhào vào John cho một cú đớp chắc chắn sẽ dễ dàng xé toạc cổ họng cậu.

John hét lớn, chắc mẩm giây phút cuối cùng của cậu trên trái đất đã đến, và nếu không có đầu óc nhanh nhạy của chú Nimrod, có lẽ cậu đã nghĩ đúng. Trên thực tế, chú Nimrod cũng gần như không có đủ thời gian để suy nghĩ, vì con croucher hành động quá nhanh (trong một phần triệu giây, John cảm thấy tội nghiệp cho bác đưa thư người Đức nào phải vượt qua một sinh vật như thế này để hoàn thành nhiệm vụ). Chú Nimrod muốn cứu cậu cháu của mình khỏi nguy hiểm, nhưng chú cũng không muốn giết con quái vật. Là một quý ngài người Anh coi chuyện “chơi đẹp” là chuyện hàng đầu, khỏi phải nói chú ghét cay ghét đắng việc giết chóc bất cứ cái gì. Nhưng chú cũng có vài câu hỏi mà, trong trường hợp không có ai ở vi-la Fledermaus, chỉ có con croucher mới có thể trả lời. Vì thế, lấy cảm hứng một phần từ chuyện đã xảy ra cho John với bức tường thị giác ảo ở bảo tàng Pergamon, chú Nimrod la to “QWERTYUIOP!”, và một lớp kính chống đạn (hiệu quả với loại đạn xuyên giáp 7,62mm) thành hình hiện ra giữa John và con croucher đang phóng đến. Loại kính mà chú chọn là loại tốt nhất trên thị trường hiện nay, với độ trong suốt lên đến 91,4%, có nghĩa John không nhìn thấy nó. Cả con croucher cũng vậy. Với một âm thanh va chạm to như tiếng chuông giống, con quái vật tông thẳng vào lớp kính nổi đồng cốt đá của chú Nimrod với vận tốc gần đến 31 dặm một giờ. Văng cả mét khỏi lớp rào chắn vô hình, con croucher đổ rạp xuống con đường rải sỏi, và nằm im không động đậy.

Run rẩy thở phào một tiếng, John đứng im chờ trái tim của cậu

thôi gõ trống dồn dập trong lồng ngực, trước khi dám hé mắt quan sát kỹ hơn thú xém giết chết cậu qua lớp kính bảo vệ. Cậu thì thảo hỏi:

- Nó chết chưa chú?
- Hy vọng là chưa.

Quỳ xuống cạnh con quái vật, chú Nimrod đưa ngón tay lên cổ nó để tìm mạch. Nhưng ngay khi chú trả lời John, con croucher bắt đầu biến đổi. Cái đầu nửa người nửa thú bắt đầu trở nên giống người, trong khi thân hình bốn chân của nó biến thành một người đàn ông nhỏ nhắn vận vét đen gọn gàng, đeo nơ bướm, và đôi găng tay màu vàng. Mấy giây sau, người đàn ông rên lên một tiếng và quay người nằm ngửa mặt lên. John biết rõ con croucher cảm thấy như thế nào. Đến giờ cậu vẫn còn cảm thấy cục u trên trán thót đau sau lần “gặp gỡ” bức tường ở bảo tàng Pergamon. Mà lúc đó cậu chỉ mới di chuyển bằng một phần mười tốc độ của con croucher.

Một giây sau, người đàn ông ngồi dậy và xoa đầu một cách đau đớn, rồi cởi một cái găng tay ra để sờ thử miệng. Nhận ra miệng mình đang chảy máu, và một vài giọt đã rớt xuống vạt áo sơ mi trước ngực, ông nhăn mặt khó chịu.

Nói tiếng Đức bằng một giọng cao the thé (John khá hài lòng khi nhận ra cậu có thể hiểu tất cả mọi từ), ông trách:

- Nhìn xem hai người đã làm gì với cái áo sơ mi của tôi!

Cũng với một thứ tiếng Đức chuẩn xác, chú Nimrod nói:

– Xin lỗi anh. Nhưng mong anh hiểu chúng tôi cảm thấy thế nào khi đột ngột bị một quái vật dữ tợn tấn công.

Chìa tay ra, chú đề nghị:

- Nào, để tôi giúp anh.

Chú Nimrod giúp người đàn ông nhỏ nhắn đi đến một băng ghế đá bên hiên vi-la Fledermaus.

Ông ta mệt mỏi ngồi xuống và lịch sự nói:

– Cảm ơn anh.

Thái độ của ông hoàn toàn khác so với khi ông ở trong hình dạng quái vật, đến nỗi John tự hỏi sao đó có thể là cùng một người.

Người đàn ông hỏi chú Nimrod:

– Anh không thấy tám biển báo ngoài cửa sao?

– Tôi có thấy, anh...

– Damascus. Jonah Damascus.

Ông Damascus dùng một cái khăn tay để chấm máu trên miệng. Giọng vẫn lịch sự, ông đặt vấn đề:

– Nhưng nếu đã thấy tám biển, sao anh và cậu bé lại bất chấp nguy hiểm đi qua cổng? Anh là một djinn. Tôi có thể thấy rõ điều đó. Vì thế, anh phải biết quy trình đúng đắn khi muốn liên hệ với Djinn Xanh chứ, xin Thượng đế phù hộ cho bà. Chỉ ở Pergamon. Đó là luật.

Nhặt bông hoa rơi khỏi lỗ cài nút áo jacket của ông Damascus, chú Nimrod giải thích:

– Chúng tôi đã đến Pergamon. Và bà ấy không có ở đó.

– Vậy thì hai người nên đợi. Hoặc đặt trước một cuộc hẹn. Theo đúng cách thức đã được quy định.

Chú Nimrod vẫn khẳng khái:

– Tôi e rằng đây là tình huống khẩn cấp. Và lại tôi biết mình đang làm gì. Anh thấy đó, trước đây tôi từng ở nơi này.

– Anh từng ở đây? Như thế nào?

– Bây giờ khoan để ý đến việc đó. Vấn đề là bà ấy không có ở đây. Và tôi có một số tin quan trọng cho bà ấy. Liên quan đến cuốn Grimoire của Solomon.

– Tin? Tin gì?

– Cuốn sách đó có thể đã bị lấy trộm.

Ông Damascus há hốc miệng:

– Không thể nào. Chuyện đó không thể có thật.

– À, nếu chuyện đó không có thật, vậy thì ai đó đang sử dụng kiến thức chứa đựng trong cuốn sách. Cậu cháu của tôi đây đã chịu một phép trói buộc djinn rất mạnh. Một phép trói buộc chỉ có thể có trong cuốn Grimoire của Solomon. Vì thế, tôi tin anh cũng nhận ra chúng ta cần thông báo cho Djinn Xanh càng sớm càng tốt. Rất khẩn thiết. Anh có biết bà ấy đang ở đâu không, anh Damascus?

– Có thể tôi biết. Nhưng trước tiên tôi muốn biết hai người là ai?

– Tên tôi là Nimrod Plantagenet Godwin. Và đây là cháu trai tôi, John Gaunt.

Ông Damascus đứng lên khỏi ghế và cúi chào họ:

– Tôi đã nghe nói đến cả hai.

Rồi ông nói:

– Tôi chỉ có thể cho anh và cháu biết điều này. Bà ấy đã rời Berlin hôm qua. Chính tôi đã chở bà ấy đến sân bay. Ngoại trừ bà Glumjob, trợ tá và người hầu cho Djinn Xanh, tôi là người phụ trách hầu hết mọi chuyện ở đây. Quản gia, người làm vườn, người phục vụ, bảo vệ, và tài xế.

– Anh có biết bà ấy đi đâu không?

– À vâng, biết chứ. Là Budapest.

Chú Nimrod gặng hỏi:

– Tại sao bà ấy lại đến đó?

Ông Damascus trả lời:

– Tôi chỉ là croucher của bà ấy. Tôi không thể nói gì.

John nói lên phát hiện của mình:

– Chú Nimrod, Budapest là trạm dừng tiếp theo của chuyến tàu tốc hành Hoàng gia Hungary, sau Transylvania.

Chú Nimrod gật đầu:

– Ô, cháu nói đúng.

John nhận xét:

– Có thể bà ấy muốn đích thân đi lấy lại cuốn sách. Cuốn Grimoire của Solomon ấy.

– Có thể.

Chú Nimrod trầm ngâm đáp, và cài lại bông hoa vào lỗ cài nút áo của ông Damascus.

Giữ ve áo của mình, ông Damascus kéo nhẹ bông hoa lên mặt và hít một hơi sâu, như thể hương hoa có khả năng giúp ông phục hồi sức mạnh. Ông nói:

– Cám ơn anh.

Chú Nimrod hỏi:

– Anh có nghĩ bà ấy sẽ sớm quay lại đây không.

– Tôi không thể nói gì. Tôi chỉ là một croucher bình thường. Bà ấy không thông báo cho tôi về kế hoạch của bà bao giờ.

Nhưng nở một nụ cười tự hào, ông nói thêm:

– Tuy nhiên, sau khi làm việc cho Ayesha trong nhiều năm, tôi

cũng khá hiểu bà ấy. Xin Thượng đế phù hộ cho bà. Vào thời điểm này trong năm, bà ấy mà không ở lại lâu đài Babylon ít nhất ba hoặc bốn tuần mới là chuyện lạ đời nhất đấy. Cho đến hết ngày 31 tháng Giêng.

Chú Nimrod chau mày:

- Ngày 31 tháng Giêng?
- Là ngày Lễ mừng Ishtar.
- Dĩ nhiên rồi. Đó là đêm mà...

Chưa nói dứt câu, chú Nimrod liếc nhìn John. Và dường như muốn nghĩ kỹ hơn, chú bỏ dở câu nói, quay qua cảm ơn ông Damascus:

– Cảm ơn anh nhiều lắm, anh Damascus. Anh đã giúp chúng tôi rất nhiều.

John gật đầu cảm ơn ông Damascus – người lúc này gần như đã hoàn toàn bình phục – và đi theo chú Nimrod ngược ra ngoài vi-la Fledermaus. Nhìn chú Nimrod gọi lên một cơn lốc gió, cậu hỏi:

- Sao chúng ta không bắt một chiếc taxi cho đơn giản.

Cháu thấy có một chiếc ngoài đường lớn mà.

Chú Nimrod cho biết:

– Không quay về khách sạn. Chú e là chúng ta cần phải đi xa hơn. Nhanh lên cháu. Chúng ta không có cả ngày đâu.

- Chúng ta sẽ đến Budapest à? Để nói chuyện với Ayesha?

- Không. Giờ bà ấy không còn ở đó đâu.

Khi cơn lốc gió đưa họ lên cao, John hỏi tiếp:

- Vậy chúng ta đi đâu bây giờ?
- Đến Cairo. Để nói chuyện với Izaak Balayaga.



CHƯƠNG 10

Ba điều ước của Virgil Macreeby

Khi cơn lốc gió đưa họ rời khỏi Berlin và tiến về hướng Nam, John hỏi chú Nimrod:

– Sao chú biết Izaak đang ở Cairo?

– Chú cũng không chắc lắm về chuyện đó. Chú e rằng đến giờ phút này chúng ta chỉ có thể đoán được đến thế thôi. Nhưng nếu chú là Izaak và chú biết một djinn mạnh hơn đang tìm kiếm chú, đó là nơi chú sẽ đến.

John thắc mắc:

– Sao không phải là Babylon? Có khi anh ấy sẽ đến đó cùng Ayesha cũng nên?

– Vì những djinn khác, đặc biệt là djinn nam, đơn giản không được phép đi vào lâu đài của Djinn Xanh tại Babylon. Nếu đó thật sự là nơi Ayesha đến, Izaak sẽ không thể đến đó cùng bà. Trong trường hợp này, chú nghĩ nó sẽ lo lắng trốn đến Cairo, nơi có Ngôi nhà Kafur.

John gật gù:

– Cháu đã đọc về Ngôi nhà Kafur. Trong quyển *Những quy luật Baghdad Rút gọn*. Đó là chỗ ẩn náu cho djinn duy nhất được công nhận trên thế giới.

– Đúng thế. Một khi cháu ở đó, không djinn hay magus^[14] nào có thể làm hại cháu. Chương 319, phần 48, đoạn 900a.

John nhận xét:

– Chỗ ẩn náu cho djinn? Nghe có vẻ tiện lợi nhỉ.

– Ừ, nếu cháu là một tên du côn hay một tội phạm. Đó là hạng djinn duy nhất đến một nơi như Ngôi nhà Kafur. Phần lớn bọn họ đều bị đào thải khỏi chính bộ tộc của mình. Hoặc những kẻ tị nạn khỏi những djinn mạnh hơn mà họ lỡ xúc phạm. Bao gồm những djinn từ chối phục tùng phán quyết của Djinn Xanh.

John mệt mỏi ngồi xuống cơn lốc gió. Cậu vẫn chưa hoàn toàn hồi phục sau phép trói buộc djinn mà Izaak đã dùng với cậu. Cậu vẫn còn nhớ rõ cảm giác bút rút kỳ lạ trên lòng bàn tay khi chạm vào độc tố con bọ cạp. Chỉ nghĩ đến nó thôi đã đủ làm cậu buồn ngủ. Cậu nhắm mắt lại, và khi mở mắt ra, họ đã bay trên vùng tam giác xanh châu thổ sông Nile của Ai Cập. Ngáp dài một cái, cậu hỏi:

– Cháu ngủ quên hả chú?

Chú Nimrod mỉm cười:

– Chỉ một chút thôi. Cháu thấy trong người thế nào rồi?

– Cảm ơn chú, cháu thấy đỡ hơn nhiều rồi ạ. Lâu rồi cháu mới thấy đỡ như thế này.

Đó là sự thật. Ít nhất về mặt thể chất, John cảm thấy khá hơn rất nhiều. Sức mạnh của cậu đã quay trở lại ngay khi cậu cảm nhận được hơi nóng của ngọn gió sa mạc Ai Cập phả vào mặt. Tuy nhiên, cảm giác thoải mái về thể chất này bị phá vỡ vì sự lo lắng của cậu cho Philippa. Thêm vào đó là thái độ lảng tránh của chú Nimrod khi đề cập đến ý nghĩa Lễ mừng Ishtar, và chuyến đi của

Ayesha đến Babylon – dù nó ở đâu. John chỉ nhớ Babylon, thủ đô của vương quốc Mesopotamia cổ đại, đã bị phá hủy bởi người Ba Tư vào hơn 2000 năm trước. Cậu có linh cảm việc đi theo Ayesha sẽ không dễ dàng gì.

Nằm trên một hòn đảo nhỏ giữa sông Nile ở khu phía Tây thành phố Cairo, Ngôi nhà Kafur là một khu chung cư xiêu vẹo, bên ngoài mọc đầy dây thường xuân. Những ai đi ngang qua lối vào âm u của nó đều vội bước đi như bị ma đuổi, và ít người dám đến gần người đàn ông hung tợn quần khăn xếp và vận một váy quần galabiya^[15] dài đang ngồi lù lù ngoài cửa. Hàm răng gần như không còn một cái, râu ria bồm xồm như lâu rồi không chịu cạo, và có mùi y chang một con mèo hoang, ông cười khằng khặc khi nhận ra chú Nimrod tiến đến, theo sát là John.

Với giọng nói đặc trưng của khu đông London, ông chào:

– A, Nimrod. Quý hóa quá. Ngọn gió nào đưa anh tới đây thế?

Và nhe răng cười một cách kinh khủng – vì những cái răng mà ông có trước đây giờ chỉ còn lại những chân răng vàng khè – ông gật gù tự trả lời:

– Cứ làm như tôi không biết ấy.

Chú Nimrod giới thiệu:

– Chào Ronnie. John, cháu chào anh Ronnie Plankton đi. Người canh giữ nơi ẩn náu djinn. Ronnie, đây là cháu tôi, John Gaunt.

John gật đầu chào:

– Rất hân hạnh được gặp ông.

– Ta cũng vậy, con trai, ta cũng vậy.

John hỏi:

– Ông là người Anh phải không ạ?

– Đúng thế. Từ London. Chính xác là ở khu West Ham. Ta đã ở đây trong suốt ba mươi năm qua. Vì một vô ý nhỏ mà ta mới tình cờ chuyển nhà qua một vùng khí hậu khác như thế này.

Chú Nimrod vào thẳng vấn đề:

– Nó có ở đây không Ronnie?

– Izaak Balayaga à? Mới đến hôm qua, và phải nói là trong một trạng thái khá hoảng loạn. Nó bảo anh có thể đến tìm nó. Và nhờ tôi nói với anh rằng nó đang ở đây nếu anh tới hỏi. Lầu bốn, phòng 28. Nhớ cẩn thận chuột cống nhé! Không phải loại chuột cống djinn hay mundane, mà là loại có đuôi ấy. Chúng từ dưới sông bò lên để “làm bạn” với những chuột cống lớn hơn đến trốn ở đây.

Rồi ông cười nói:

– Tôi tin anh biết rõ kỹ cương ở đây như thế nào.

Nhưng có lẽ anh nên chỉ cho cháu nó.

Cúi xuống gỡ giày ra, chú Nimrod gạt đầu ra hiệu cho John làm theo. Rồi chú rút ra một cuốn sổ tay nhỏ, ghi từ trọng tâm của chú lên một tờ giấy, và đặt nó vào trong mũi một chiếc giày, trước khi đưa cả đôi giày cho ông Ronnie. John làm theo chú, dù miễn cưỡng.

Cậu hỏi:

– Nhưng có an toàn không chú?

Chú Nimrod trả lời:

– Ronnie có thể là nhiều thứ, nhưng anh ấy không phải một kẻ trộm.

Ông Ronnie mỉm cười:

– Cám ơn anh rất nhiều. Thật vinh dự khi được một djinn có

xuất thân như anh đánh giá cao.

Quay qua John, ông nói thêm:

– Ta đã canh gác ở nơi ẩn náu này suốt ba mươi năm qua, và chưa có ai bị mất đôi giày nào cả. Hoặc bị mất từ trọng tâm của họ. Cho nên cháu không cần phải lo lắng, con trai ạ.

Chú Nimrod giải thích:

– Việc đặt từ trọng tâm của cháu vào trong giày của cháu như thế này là một biểu hiện cam kết. Nếu cháu ngu ngốc đi phá luật, Ronnie sẽ buộc phải đốt giày của cháu.

Ông Ronnie gật đầu:

– Đúng thế. Và vì đó là giày của cháu, một món đồ đại diện cá nhân cháu, và là từ trọng tâm của cháu, nên chân cháu sẽ bắt lửa vĩnh viễn. Nếu là cháu, ta sẽ không dại dột thử cảm giác đó đâu. Cho dù cả ta và cháu đều được làm từ lửa.

Theo chú Nimrod đi vào trong một lối đi bốc mùi hôi hám, John nhận ra hai bên tường phủ đầy graffiti, mỗi cái là một câu thần chú hay một lời chú trói buộc. Ngoài trừ vài cái được viết hoặc sơn bằng tiếng Anh, phần lớn là tiếng La-tinh hoặc chữ tượng hình Ai Cập. Chú Nimrod cho biết chúng dùng để ngăn chặn việc sử dụng sức mạnh suy nghĩ lên những thứ bên trong tòa nhà. Khi họ leo lên những bậc cầu thang cũng phủ đầy thần chú, chú Nimrod dặn:

– Cháu cần phải hiểu điều đó. Dù Izaak nói gì với chúng ta, và dù chúng ta có tức giận với nó như thế nào, chúng ta cũng không được phép dùng sức mạnh djinn ở đây. Ngoài ra, với đầy rẫy thần chú xung quanh như thế này, nhiều khả năng sức mạnh djinn của cháu sẽ diễn ra sai bét đấy.

John thắc mắc:

– Nhưng sao lại có người chọn sống ở một nơi như thế này chứ? Cháu nghĩ, chỉ cần một ít sức mạnh djinn, ít nhất họ cũng có thể làm nơi ẩn náu của mình dễ chịu hơn mà.

Chú Nimrod giải thích:

– Chú e là cháu không hiểu rõ vấn đề rồi, John. Luật cấm dùng sức mạnh djinn không chỉ áp dụng với khách. Nó còn áp dụng với cả những người đang sống an toàn ở đây nữa. Chính vì thế, cháu sẽ không tìm thấy bên trong Ngôi nhà Kafur bất kỳ sự thoải mái hay hào nhoáng nào mà hầu hết chúng ta vẫn trang bị cho cuộc sống bên trong những cây đèn hay những cái chai của chúng ta.

John hỏi:

– Thật không còn lựa chọn nào khác sao, chú Nimrod? Ý cháu là, những djinn khác thật sự sẽ làm một điều gì đó tồi tệ với những người bắt buộc phải sống ở đây sao?

– Vậy cháu tự hỏi bản thân xem, cháu sẽ làm gì với Izaak Balayaga nếu chú không có ở đây để ngăn cháu lại?

John trả lời không cần suy nghĩ:

– Cháu sẽ biến anh ta thành một bãi phân lạc đà.

Gõ cửa căn phòng số 28, chú Nimrod nói:

– Chú nghĩ cháu đã tự trả lời câu hỏi của mình rồi đó.

Ngay khi Izaak nhận ra ai đang đứng trước cửa phòng mình, anh lập tức nhào tới chụp lấy tay John hôn chùn chụt và van xin cậu tha thứ cho anh.

Giật lại tay, John khó chịu nói:

– Này, anh thôi làm trò đi.

Và để phòng trường hợp Izaak lại cố hôn tay cậu, John đút cả

hai tay vào túi quần.

Cúi người gần rạp đất, Izaak lùi vào trong căn hộ bẩn thỉu và mời:

– Mời vào. Không có gì nhiều trong đây, nhưng anh không có chỗ nào khác để trú ngụ cả.

John theo chú Nimrod bước qua cửa. Cỗ lò đi mùi thịt cừu luộc nồng nặc bên trong phòng, cậu liếc nhìn những tấm rèm mòn xơ cả chỉ và những vết ẩm mốc trên tường. Ở một góc tường, một con chuột cống ngồi lau râu mép. Từ những gì thấy được, John nghĩ con chuột có lẽ là sinh vật duy nhất có làm việc lau chùi gì đó trong căn hộ của Izaak.

John lạnh lùng nói:

– Anh đã làm gì với em gái tôi? Nói, hoặc tôi sẽ thả con nguyên tố tệ nhất mà tôi có thể nghĩ đến lên anh.

Ném cho John một cái nhìn đầy tò mò, như thể ngạc nhiên là cậu cháu mình lại biết về con nguyên tố, chú Nimrod can:

– Đủ rồi John. Sẽ không ai được nói thêm gì về con nguyên tố một khi chú còn ở đây. Đó là những thứ rất khó chịu. Và cực kỳ khó loại bỏ.

Quay qua nhìn Izaak với sự không ưa thấy rõ, chú hỏi:

– Nói cho chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra. Và ai ra lệnh cho cậu làm điều đó.

Izaak nói không kịp thở:

– Bà ấy đang giữ cô bé. Chính bà ấy bắt cháu làm vậy. Cháu thật sự không có lựa chọn nào khác. Cháu không muốn làm điều đó đâu. Cháu đâu phải hạng djinn xấu. Thật đó. Nhưng cháu còn có

thể làm gì khác chứ?

Chú Nimrod bảo:

– Nói chậm lại đi. Và nói từ đầu.

– Ayesha buộc cháu làm thế. Đó là kế hoạch của bà ấy, chú hiểu không? Cháu chưa bao giờ lấy trộm cuốn Grimoire của Solomon cả. Bà ấy bảo cháu nói với chú như thế. Bà ấy bảo chú sẽ không bao giờ mạo hiểm để cuốn sách rơi vào tay tộc Ifrit, và bảo chú sẽ làm tất cả những gì cần thiết để ngăn việc đó xảy ra. Việc cháu chỉ giao cuốn sách cho cặp sinh đôi ư? Cũng là ý tưởng của bà ấy đó.

Chú Nimrod lắc đầu:

– Ra vậy. Mọi chuyện giờ đã rõ.

John thắc mắc:

– Nhưng Ayesha muốn gì với Philippa chứ?

Izaak ngạc nhiên nhìn cậu:

– Không phải điều đó quá rõ ràng sao? Bà ấy muốn em gái cậu trở thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo.

John hét lên kinh hoàng:

– Cái gì?

– Ayesha nói bà ấy nhận ra tố chất trí tuệ djinn của Philippa trong Giải vô địch Djinnverso, cũng như những dấu hiệu bí mật nào đó mà anh không biết.

Chú Nimrod gật đầu:

– Ta đã sợ chuyện có thể là như vậy.

Izaak nói tiếp với John:

– Anh chỉ biết nhiều đó thôi. Cậu thấy đó, thời gian của Ayesha còn rất ít. Quá ít để quan tâm đến việc người kế thừa của bà ấy có

tự nguyện hay không. Và bà ấy đã quyết định người đó là em gái cậu, John. Rồi bà ấy ra lệnh anh phải là tông phạm của bà. Ban đầu, anh đã từ chối. Nhưng bà ấy đã dọa, nếu anh không làm chính xác như bà ấy nói, anh sẽ trở thành bạn đồng hành của Iblis trong chuyến tàu trực xuất đến sao Kim. Cậu biết không, anh nghi là Ayesha tống hấn đến đó chỉ để răn đe và bắt anh nghe lời bà ấy. Cho nên anh đã đồng ý. Anh còn lựa chọn nào khác chứ? Bà ấy đã đưa cho anh công thức thực hiện phép trói buộc djinn mà anh đã dùng trên tàu, cuốn sách giả, và tất cả mọi thứ khác. Sau khi anh nhốt cậu và em gái cậu, Ayesha đã gặp anh trên xe lửa ở Budapest. Vào hôm qua. Rồi bà ấy bảo anh lo mà trốn đi. Và khi anh nói đó không phải là phần thưởng đáng có của anh khi giúp bà ấy, bà ấy bảo bất cứ phần thưởng nào bà ấy cho anh cũng sẽ là vô dụng, bởi vì gần như chắc chắn chuyện đầu tiên Philippa làm một khi trở thành Djinn Xanh sẽ là đuổi theo và trừng phạt anh. Và, tệ hơn thế, hai người có thể làm điều tương tự với anh. Cho nên anh mới đến đây. Nó là nơi duy nhất anh có thể nghĩ đến.

Chú Nimrod cười nhạt:

– Đúng là tiến thoái lưỡng nan. Chỉ tiếc là cậu không sớm nghĩ đến điều này từ đầu.

John giận dữ tra hỏi:

– Giờ em tôi ở đâu? Nó đang ở đâu hả, đồ chuột cống?

Izaak liếm môi:

– Giờ này chắc họ đang ở lâu đài bí mật của Ayesha tại Babylon. Lâu Đài Treo.

John lắc đầu nguây nguậy:

– Không đời nào Philippa chấp nhận trở thành Djinn Xanh mới.

Ayesha có thể thành công trong việc bắt nó đến Babylon, nhưng bà ấy sẽ không thể buộc nó trở thành một thứ mà nó không muốn làm.

Nhưng liếc nhìn khuôn mặt u ám của chú Nimrod, cậu bỗng cảm thấy nhói lên nỗi ngờ vực. Cậu hỏi:

– Bà ấy không thể làm thế, đúng không chú?

Chú Nimrod khẽ nói:

– Chú e là bà ấy không cần dùng đến vũ lực ép buộc đâu. Nếu ở tại lâu đài của Ayesha trong một khoảng thời gian đủ dài, thì dù muốn hay không, Philippa cũng sẽ trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo. Trái tim của nó sẽ cứng lại. Và những thứ như lòng tốt, sự nồng ấm của nó sẽ cạn khô. Nó sẽ mang một tính cách mới, một tính cách nằm ngoài phạm trù Thiện và Ác. Và Philippa mà chúng ta biết sẽ biến mất vĩnh viễn.

John lắc đầu:

– Không thể nào. Cháu không hiểu. Làm sao chuyện đó có thể xảy ra chứ?

– Chú không chắc có djinn nào không trực tiếp trải qua nghi lễ khai tâm đó lại có thể hiểu được bí mật của nó. Điều duy nhất chú biết là, nếu Philippa ở đó trong ba mươi ngày, ít nhất là đến Lễ mừng Ishtar, một thứ gì đó sẽ xảy ra và thay đổi con người nó vĩnh viễn. Đó là chuyện đã xảy ra với Ayesha. Đó là chuyện luôn xảy ra với các Djinn Xanh đời trước.

John nói:

– Vậy chúng ta phải đi cứu em cháu ngay.

Izaak lắc đầu:

– Chuyện không tưởng! Cậu không biết mình đang nói gì đâu.

Chưa kể đến việc vị trí lâu đài luôn là một bí ẩn. Ngoại trừ việc nó nằm ở Babylon, không ai biết nó ở đâu. Đó là một nơi được bảo vệ tận răng. Bởi những thứ chỉ có mình Ayesha biết.

Ngước nhìn chú Nimrod với ánh mắt đầy hy vọng, John khẩn khoản:

– Phải có cách nào đó chứ, chú Nimrod? Chúng ta không thể bỏ mặc Philippa ở đó được.

Izaak cúi đầu:

– Anh không biết dùng lời nào để xin lỗi cậu về chuyện anh đã làm. Nhưng thật sự cậu không thể làm được gì đâu. Cậu đang nói đến chuyện đối đầu với vị djinn mạnh nhất từ trước đến nay. Chú Nimrod, chú khuyên nó đi.

Chú Nimrod nói:

– Đó là sự thật, John à. Djinn Xanh cũng như những trái bom nguyên tử ấy. Đời sau luôn mạnh hơn đời trước. Có thể Ayesha nhìn giống một con dơi già, nhưng không ai có thể chống lại bà ấy. Tin chú đi. Bà ấy gần như Chúa trời vậy.

John vẫn khẳng khẳng:

– Phải có việc gì đó chúng ta có thể làm được chứ. Có thể ông Rakshasas sẽ nghĩ ra. Ông ấy biết rất nhiều về Djinn Xanh mà. Cháu nhớ ông ấy viết rất nhiều về Ayesha trong cuốn *QBRG*, và cháu chắc đó không phải là tất cả những gì ông biết.

Chú Nimrod gật đầu:

– Ừ, có lẽ anh Rakshasas sẽ biết một điều gì đó.

Quay người đi thẳng ra cửa, John giục:

– Vậy không còn thời gian để hoang phí ở đây đâu.

Izaak hỏi:

– Vậy còn anh thì sao?

John sửng cồ:

– Anh thì sao chứ?

– Nếu cậu không tha thứ cho anh, anh sẽ phải ở đây đến hết đời.

John liếc nhìn chú dò hỏi. Chú Nimrod nhún vai:

– Điều đó tùy thuộc vào cháu, John. Trên tư cách anh em sinh đôi của Philippa, cháu được coi như người thân nhất của Philippa. Nếu cháu ước muốn trả thù Izaak bằng cách bắt nó ở đây, cả bộ tộc Marid chúng ta sẽ buộc phải thực hiện sự trả thù đó vì cháu. Đó là cái mà djinn chúng ta gọi là *vindicta*. Nếu cháu chọn cách đó, chú có thể nói cho cháu biết chính xác những từ cần nói khi chúng ta đã ở bên ngoài khu ẩn nấu này.

Một *vindicta* được thốt ra để chống lại Izaak sẽ buộc nó phải ở lại Ngôi nhà Kafur vĩnh viễn. Nhưng đó là quyết định của cháu.

John hỏi lại:

– Cho cháu hỏi rõ nhé, cháu không được phép dùng sức mạnh djinn với Izaak khi chúng ta ở trong Ngôi nhà Kafur, đúng không? Nhưng cháu có thể nói một *vindicta* chống lại anh ấy, khi chúng ta đã ở bên ngoài?

Chú Nimrod gật đầu. Izaak ngược nhìn John với ánh mắt khẩn khoản.

John vẫn còn rất giận Izaak. Nhưng lương tâm không cho phép cậu ước muốn một sự trả thù trọn đời lên anh. Có điều, cậu cũng không nghĩ Izaak xứng đáng thoát tội hoàn toàn với những gì đã xảy ra. Đây đúng là một tình huống khó xử, một tình huống mà

Philippa luôn giải quyết hơn cậu. Và trong khi một nửa djinn của cậu còn bận cân nhắc vấn đề, nửa người còn lại của cậu đã phản ứng. John tổng cho Izaak một cú đấm thật mạnh. Tru một tiếng lớn, Izaak ngồi phịch xuống đất, tay ôm cái mũi đầy máu.

John nói:

– Tôi tha thứ cho anh, Izaak. Nhưng tốt nhất là anh đừng để chuyện như thế này xảy ra lần nữa. Nếu không, tôi thề là anh sẽ hứng chịu một việc còn tồi tệ hơn nhiều so với một cú đấm vào mũi.

Sướng phát khóc, Izaak hứa:

– Nó không xảy ra nữa đâu. Anh thề đó.

John bảo chú Nimrod:

– Chúng ta đi thôi chú. Hãy ra khỏi đây trước khi cháu đổi ý. Không thì cháu lại tổng cho anh ta thêm một cú đấm nữa.

* * *

Quay lại Berlin, tại một căn hộ trang bị hiện đại ở khách sạn Adlon nổi tiếng, ông Rakshasas và ông Groanin kiên nhẫn ngồi nghe chú Nimrod và John giải thích chuyện Ayesha đã mang Philippa đến lâu đài bí mật của bà ở Babylon.

Ông Groanin là người lên tiếng đầu tiên:

– Hồngбет rồi. Tôi nói, hồngбет rồi! Bắt cóc một đứa trẻ như thế? Đúng là không có tính người. Không có tính người mà.

Chú Nimrod bảo với người quản gia một tay của mình:

– Vì cả Ayesha và Philippa đều không hoàn toàn là con người, việc xét đến tính người trong tình huống này, hay là việc thiếu tính

người, hình như không liên quan lắm, anh Groanin à.

Ông Groanin nghiêm mặt:

– Thưa ngài, ngài biết tôi muốn nói gì mà.

Chú Nimrod nhượng bộ:

– Xin lỗi anh Groanin. Dĩ nhiên anh hoàn toàn đúng rồi. “Không có tính người” là từ rất phù hợp để nói về chuyện đã xảy ra.

Rút ra một chiếc khăn tay to đùng, ông Groanin vừa quệt nước mắt vừa tuyên bố:

– Không có gì mà tôi không làm vì cô bé.

Alan và Neil thì thay phiên nhau liếm tay John, như thể cố gắng an ủi cậu.

Đưa tay vuốt tai hai con chó, John hỏi:

– Rốt cuộc thì Babylon ở đâu mới được?

Chú Nimrod trả lời:

– Iraq.

Ông Groanin găm gừ:

– Ô! Hồng hét hết cả.

John thở dài. Iraq có lẽ là một trong những quốc gia nguy hiểm nhất thế giới. Nội nghĩ đến việc đi cứu một ai đó từ một đất nước có quá nhiều hiểm họa từ con người, chứ chưa nói đến những hiểm họa tạo ra bởi một djinn đầy quyền năng, cũng đã được coi là ngu ngốc. Nhưng nếu đó là nơi Philippa đang bị giữ, vậy thì đó là nơi cậu sẽ đến. Cậu không thấy có lựa chọn nào khác. Ít nhất Iraq cũng là một đất nước sa mạc nóng bỏng, cậu tự nhủ. Ít nhất ở đó, cậu còn có thể sử dụng sức mạnh djinn. Iraq có thể nguy hiểm như thế nào đối với một người có sức mạnh đặc biệt như cậu chứ?

Cậu nói:

- Cháu nghĩ tốt hơn là chúng ta nên đi Iraq.

Nhưng ông Rakshasas lắc đầu. Đưa tay vuốt râu – một dấu hiệu cho thấy ông đang đắm chiêu suy nghĩ về một chuyện gì đó – ông nói:

- Đôi lúc, để đến được nơi thật sự muốn đến, ta cần phải đi theo hướng ngược lại. Từ nơi này, Babylon có thể nằm ở hướng Đông Nam, nhưng chỉ có một kẻ ngốc mới đi về hướng đó trước khi ghé hướng Tây. Theo con đường tới Great Nineveh.

John hỏi:

- Làm ơn đi, ông Rakshasas? Chính xác ông muốn nói gì mới được?

Đến giờ thì ông Rakshasas đã dùng cả hai tay để vuốt chòm râu dài và trắng như cước của mình. Ông chỉ đơn giản giải thích:

- Nghĩa là chúng ta cần tìm một con cừu hoang trước khi tìm được con cừu non thất lạc của chúng ta. Chỉ vậy thôi.

Quay qua chú Nimrod, ông nói:

- Chúng ta cần nói chuyện với Macreeby.

Chú Nimrod chau mày:

- Virgil Macreeby là một tên bất tài xỏ lá.

Ông Rakshasas cười nhẹ, gật đầu:

- Đúng là như thế. Nhưng Nimrod à, đôi lúc một tên bất tài xỏ lá có thể chỉ cậu nơi bắt chuyến xe buýt cuối cùng để về nhà tại Cork. Ngoài ra, không có một mundane còn sống nào biết rõ về những bí mật bí truyền của djinn bằng Virgil Macreeby.

Chú Nimrod giải thích với John:

– Virgil Macreeby hiện là một gã có kiến thức gần bằng vua Solomon. Và đó là cái làm hắn trở nên rất nguy hiểm. Cho một con người.

Ông Rakshasas nói thêm:

– Nó cũng làm cho hắn trở thành một kẻ đáng bỏ công nói chuyện. Virgil Macreeby dành cả đời để nghiên cứu về djinn. Ông nghe nói, hắn đã đọc tất cả những quyển sách cấm ở Bảo tàng Anh quốc và Thư viện Vatican.

Chú Nimrod đế vào:

– Và cũng đã trộm vài cuốn.

Ông Rakshasas kết luận:

– Và đó là lý do tại sao bộ sưu tập sách cấm, sách bí mật của hắn là bộ sưu tập tốt nhất trên thế giới. Tốt hơn cả bộ sưu tập của tôi.

– Đúng, tôi biết đó là sự thật.

Châm một điệu xì gà lớn, chú Nimrod thở ra một vòng khói thuốc mang hình ký hiệu đồng đô la. Chú nói thẳng:

– Dĩ nhiên hắn sẽ chẳng giúp không công cho chúng ta đâu. Và nói thẳng, hắn là kẻ cuối cùng trên thế giới mà tôi muốn ban cho ba điều ước. Hắn là một kẻ rất, rất quý quyết.

Ông Rakshasas gợi ý:

– Chúng ta có thể đưa hắn một quyển sách. Bổ sung cho cái thư viện nổi tiếng của hắn.

– Ồ, có thể tôi sẽ đưa cho hắn quyển *Querelae* của Solomon. *Cuốn sách lớn của những lời than vãn* của ông.

Đó là một quyển sách hiếm.

Ông Rakshasas lắc đầu:

– Hiếm? Có thể. Thú vị? Đôi lúc. Còn hữu dụng? Chắc chắn là không, đối với một kẻ như Virgil Macreeby. Tôi nghĩ chỉ có một cuốn sách hắn sẽ muốn sở hữu, Nimrod ạ. Cuốn *Meta Magus* của tôi. Và tình cờ là tôi có mang cuốn sách đó theo. Trong cây đèn của tôi.

Chú Nimrod phản đối:

– Nhưng đó là cuốn sách vô giá.

Ông Rakshasas gõ nhẹ trán:

– Tôi đã làm một bản copy cuốn sách đó rồi. Ở ngay trên đây. Và giờ đây, khi đã hoàn thành cuốn *Những quy luật Baghdad Rút gọn*, tôi không cần đến nó nữa. Ngoài ra, cậu không bao giờ thật sự sở hữu một cuốn sách hiếm như *Meta Magus*. Cậu chỉ trông coi nó một thời gian thôi. Dĩ nhiên tôi chẳng dám cam đoan Macreeby sẽ không giở trò gì. Ngay cả khi đã đưa cho hắn một cuốn sách như cuốn *Meta Magus*, chúng ta vẫn phải cảnh giác. Phòng trường hợp hắn cố trối buộc chúng ta làm theo lời hắn.

Liếc nhìn John, chú Nimrod nói:

– Với cả ba người chúng ta, hắn sẽ không dám đâu. Thôi được. Nếu anh chắc chắn đó là điều anh muốn làm. Ông Rakshasas lặng lẽ gật đầu. Chú Nimrod nói tiếp:

– Nhưng dù sao, điều anh nói về Macreeby vẫn đúng. Tốt nhất chúng ta nên cảnh giác với hắn. John, cháu cảm thấy thế nào rồi? Mạnh mẽ, hay uể oải?

John liếc nhìn bầu trời đêm lạnh giá của thành phố Berlin bên ngoài khung cửa sổ phòng ngủ khách sạn Adlon. Theo tấm biển báo ở tiền sảnh khách sạn thì nhiệt độ bên ngoài hiện giờ đã xuống dưới

0 độ C. Cậu trả lời:

– Uể oải ạ. Đường như sa mạc đã rời khỏi xương sống cháu ngay khi chúng ta trở lại Berlin.

Chú Nimrod gật gù:

– Trong trường hợp này, có lẽ chú nên vũ trang cho cháu một cái ký gửi ước cho chắc ăn. Khoan, chờ đã, sau những gì đã xảy ra, tốt nhất chú nên cho cháu ba điều ước khẩn cấp. Nhưng cháu phải cẩn thận nhé, John. Chúng là những thứ đòi hỏi chúng ta phải cẩn trọng khi sử dụng.

– Cháu nhớ rồi ạ.

Rít mấy hơi xì gà, chú Nimrod trầm ngâm:

– Để xem nào, chú phải nghĩ ra một từ phù hợp để cháu dễ sử dụng.

– Từ phù hợp hả chú? Thử dùng từ...

Chú Nimrod cắt ngang:

– Không, John, chú phải là người nghĩ ra từ trọng tâm. Đó là nguyên tắc hoạt động của một ký gửi ước.

John bảo với chú:

– Nhưng chú đừng nghĩ từ nào quá phức tạp nhé. Ông Vodyannoy đưa cho cháu một từ tiếng Đức khó phát âm thấy mồ.

– Từ “Rimsky - Korsakov” được không?

– Rimsky gì cơ?

– Rimsky - Korsakov. Một nhà soạn nhạc người Nga, nổi tiếng với một tổ khúc giao hưởng viết năm 1889, mang tên Scheherazade. Cháu nhớ không, John, đó là người đã mở màn chuỗi câu chuyện trong *Nghìn lẻ một đêm* đó?

John gật đầu:

– Rimsky - Korsakov hả chú?

Ngẫm nghĩ trong giây lát, cậu gật đầu lần nữa:

– Ok, cháu có thể nhớ từ đó.

Chú Nimrod mỉm cười:

– Cháu không cần phải nhớ nó đâu. Trong tình huống khẩn cấp, cái ký gửi ước sẽ tự nhớ giùm cháu.

Một cơn lốc gió khác đưa họ về hướng Tây, đến ngôi làng Great Nineveh ở hạt Kent – một hạt nằm ở phía Đông Nam nước Anh – và tòa lâu đài được người Nóoc- măng xây chính giữa một cái hồ, nơi Virgil Macreeby gọi là nhà.

Chú Nimrod nói:

– Nó kia kìa. Lâu đài Cumbernauld.

Với John, Cumbernauld có vẻ là một nơi sống khá tuyệt vời. Ngắm nhìn nó từ trên cao, cậu sẽ không ngạc nhiên nếu thấy một cánh tay phụ nữ cầm kiếm thò lên khỏi mặt nước, như trong câu chuyện về Vua Arthur.

Thoáng thấy một người đàn ông dáng mập mạp đang đứng nhìn lên trời từ một sân bay phủ cỏ dành cho máy bay lên thẳng ở chính giữa lâu đài, chú Nimrod thông báo:

– Có vẻ như chúng ta đang được chờ đợi. Đó là Virgil Macreeby.

Lái cơn lốc gió bay vòng qua phía sau lưng lâu đài, chú Nimrod giảm dần sức mạnh lốc gió ở phía trên mặt hồ trước khi từ từ hạ cánh xuống sân đáp máy bay. Macreeby luôn tay vẫy họ với vẻ mặt cực kỳ thoải mái, như thể việc có ba djinn đến thăm bằng lốc gió là một chuyện xảy ra hằng ngày ở lâu đài Cumbernauld.

John thắc mắc:

– Sao ông ấy biết chúng ta sẽ đến chứ?

Ông Rakshasas, đang ở bên ngoài cây đèn của mình từ đầu chuyến đi đến giờ, trả lời:

– Với một kẻ như Macreeby, thật khó nói hẳn biết được những gì. Tốt nhất chúng ta nên cẩn thận. Phòng trường hợp hẳn chuẩn bị cả một nghi thức đón chào kiểu ở lâu đài Dublin cho chúng ta.

Hạ cánh an toàn, chú Nimrod giải trừ cơn lốc gió, trong khi Virgil Macreeby tiến về phía họ với nụ cười niềm nở trên môi. Vặn một bộ vét bằng vải tuyết, sở hữu bộ râu cằm nhìn giống cái bàn chải đánh giày, và một giọng nói trợn tru với lời lẽ chải chuốt, ông ta làm John liên tưởng đến một diễn viên kịch Shakespeare.

Macreeby cười lớn:

– Thật tuyệt vời. Các vị biết không, tôi không bao giờ chán nhìn djinn các vị di chuyển bằng cách này. “Ta đến như dòng nước, và ra đi như ngọn gió”, đúng không? Và thân thiện với môi trường hơn nhiều so với một chiếc máy bay. Thật sự tôi rất ghen tị với ngọn lốc gió của anh đấy, Nimrod. Một ngày nào đó, nhất định anh phải cho tôi đi kè thử một chuyến mới được. Cá là nó dễ chịu hơn nhiều so với cây chổi lông gà cũ kỹ của tôi.

Quay nhìn John, Macreeby nháy mắt:

– Ta nói đùa đấy, chứ ta chẳng có cái chổi lông gà nào đâu. Mặc dù mấy người dân làng quanh đây nghĩ ta có.

Ở vùng này của nước Anh, người ta cả tin lắm cơ.

Rồi ông chìa tay ra chào John:

– Chắc cậu là cậu John trẻ tuổi của nhà Gaunt phải không? Ta

đã nghe kể nhiều về cậu đấy, chàng trai trẻ.

Bắt tay Macreeby với ngón tay giữa cẩn thận gập theo đường chỉ tay, John chào:

– Hân hạnh được biết ông ạ.

Macreeby nhận xét:

– Anh dạy cháu kỹ đấy, Nimrod. Cậu ấy biết rõ cách bắt tay kiểu djinn.

– Mẹ nó dạy đấy.

– À vâng, cô Layla đáng mến. Cô ấy thế nào rồi? Và cả anh nữa, Rakshasas? Tôi rất mong được đọc cuốn sách mới của anh đấy. Hy vọng anh có mang theo một quyển để bổ sung vào thư viện của tôi. Nghe nói nó đầy đủ và chi tiết. À, gần như thế. Thật tiếc là anh không tham khảo ý kiến với tôi trước khi viết.

Rồi vẫy tay về phía lầu đài, ông nói:

– Nhưng mà, xin mời mọi người vào trong trước đã.

Bên trong lầu đài, Macreeby đứng ngần ngừ một chút trước ba cánh cửa đồ sộ, rồi nói:

– Ồ, tôi nghĩ chúng ta nên vào thư viện. Tôi chắc mọi người sẽ thích lò sưởi của nó. Chưa kể vài miếng bánh gatô chanh nổi tiếng của bà xã tôi. Và chúng ta sẽ không bị làm phiền ở đó.

Mọi thứ bên trong thư viện đều to lớn: từ kích thước cái lò sưởi, số lượng sách, chu vi cái bàn, chiều cao của những cái ghế xung quanh nó, đến cả miếng bánh gatô chanh mà bà Macreeby đặt trước mặt John ngay khi họ ngồi xuống. Thái độ của ông Macreeby thì niềm nở đến nỗi John bắt đầu tin rằng chú Nimrod có lẽ đã nói hơi quá về sự nguy hiểm của gã magus người Anh. Nhưng rồi cậu

nhìn thấy những cái móng tay của ông Macreeby. Chúng vừa dài, vừa nhọn hoắt như những cây kiếm nhỏ. Và, bên trong túi ngực áo vét ông Macreeby đang mặc, thay vì một cái khăn tay lụa như thông thường, John nhận ra một con nhện đen khá to. Tất cả những chi tiết đó làm cậu liếc nhìn miếng bánh của mình với chút nghi ngờ.

Ông Macreeby cười khúc khích:

– Yên tâm đi cậu bé, cái bánh không có độc đâu. Mặc dù ta không thể nói điều tương tự với anh chàng bé nhỏ này.

Vừa nói, ông Macreeby vừa gỡ con nhện ra khỏi túi áo và cho phép nó cắn vào tay mình. Ông cho biết:

– Đây là con *Atrax formidabilis*. Một loài nhện sống trên cây, mắc mạng nhện hình phễu. Có lẽ là loài nhện độc nhất thế giới. Ta đã tự huấn luyện cơ thể mình quen với độc tố của nó bằng cách cho một con *Atrax formidabilis* nhỏ cắn một hoặc hai lần mỗi ngày đấy.

Xém nữa là John mắc nghẹn miếng bánh đang ăn dở. Chúng kiến con nhện một lần nữa cắn tay Macreeby, cậu kinh ngạc hỏi:

– Sao ông lại muốn cơ thể quen với độc tố của nó chứ?

Ông Macreeby nhún vai giải thích:

– Ở đất nước của cậu, nhiều người mang theo súng cầm tay các loại, đúng không? Để tự bảo vệ khi bị tấn công? Ta mang theo một con nhện cũng với lý do đó.

Để tự bảo vệ trước nhiều kẻ thù của ta. Dĩ nhiên, điều khiển một con nhện như *Atrax formidabilis* khó hơn nhiều so với một khẩu súng thông thường. Độc tố của một con *Atrax formidabilis* được trưởng thành có thể giết chết một người chỉ sau vài giờ. Những con còn nhỏ cũng độc không kém. Chết người chứ chẳng chơi đâu. Tuy

nhiên, bây giờ khả năng kháng độc của ta đã đạt đến mức có thể bị một con trướng thành cần mà vẫn khỏe re.

Nhăn mặt khi con nhện con cần tay lần thứ ba, Macreeby nói thêm:

– Dĩ nhiên, bị nó cần lúc nào cũng đau kinh khủng. Nhưng ta cần phải rèn luyện sức đề kháng của mình thường xuyên.

Rồi mỉm cười với John, ông hỏi:

– Cậu có muốn cầm thử nó không?

John lắc đầu một cách dứt khoát.

– Một anh chàng nhỏ mà dữ, đúng không? Ồ, ta không thể trách cậu quá cẩn trọng được. Đặc biệt là sau những gì xảy ra cho đứa em gái tội nghiệp của cậu, nhỉ? Ta nghĩ tạm thời nên bỏ nó vào lại trong túi vậy.

John hỏi:

– Ông biết gì về chuyện đó? Về em gái cháu?

Thả con nhện vào lại trong túi áo ngực, Macreeby thông thả trả lời:

– Chỉ là những gì ta nghe được qua hệ thống thông tin mật thôi. Nhưng nếu cậu thật sự muốn biết, để ta suy nghĩ cái đã. Ồ, ta đã nghe chuyện đó từ Mimi de Ghulle, người đã nghe nó từ Izaak Balayaga.

Chú Nimrod chau mày:

– Tôi không biết anh quen Mimi de Ghulle đấy.

Vẫy tay chỉ quanh căn phòng họ đang ngồi, Macreeby nói:

– Chúng tôi là bạn cũ. Mimi và tôi. Cũng nhờ sự hào phóng vốn có của Mimi mà tôi có thể sống ở đây.

Rồi lắc đầu, ông Macreeby nhận xét:

– Nói thẳng là ta rất ngạc nhiên khi biết cậu thả Izaak đi một cách đơn giản như thế đấy, John. Nếu là ta, thể nào ta cũng xuyt một con quái vật lên nó. Nếu ta không làm, đó là lý do các vị ở đây, đúng không? Các vị cần ta giúp lập kế hoạch giải thoát.

Hơi chùng hững khi Macreeby đã đoán đúng mục đích chuyến viếng thăm của họ, chú Nimrod thừa nhận:

– Đúng thế. Anh và thư viện nổi tiếng của anh. Chúng tôi đang hy vọng có thể dùng nó để kiếm ra manh mối nào đó có thể giúp giải thoát cháu gái tôi khỏi Babylon.

– Ô, tôi có thể nói thẳng với anh là điều đó không dễ chút nào đâu.

Rồi như thể có một ý nghĩ nào đó vừa thoáng qua trong đầu, ông Macreeby khục khặc cười:

– Nhưng đúng là cuộc sống đôi lúc quá mĩa mai, phải không? Khi một người như anh, Nimrod, lại phải tìm kiếm manh mối từ một kẻ như tôi. Đúng, tôi chắc chuyện này phải làm anh xấu hổ lắm đây.

John vừa định hỏi chú mình chính xác Macreeby muốn nói gì thì có một tiếng gõ cửa vang lên, và một cậu bé trạc tuổi John bước vào thư viện. Đó là một cậu bé có cặp mắt màu xanh lá, có vẻ dè dặt nhưng ử rữ. Liếc nhìn cậu bé mới vào với vẻ lạnh nhạt, Macreeby giới thiệu:

– Đây là con trai tôi, Finlay, một đứa không có chút hứng thú gì với việc nghiên cứu ma thuật và trở thành thuật sĩ. Máy tính. Đó là tất cả những gì nó quan tâm tới. Đúng không, Finlay?

– Vâng, thưa cha.

- Lý do gì mà chúng tao được vinh hạnh gặp mày thế, Finlay?
- Bà hỏi khách của cha có ở lại dùng bữa tối không?

Ông Macreeby trả lời:

– Không, tao không nghĩ thế. Tao chắc họ sẽ đi ngay khi đã lục xong bộ não tao. Họ có cả một hành trình dài đằng đẳng đầy mệt mỏi phía trước. Bao nhiêu dặm để tới Babylon nhỉ? Phải mấy ngàn chứ không ít, đúng không, anh Nimrod?

Chú Nimrod chỉ ậm ừ:

- Ờ. Có lẽ thế.

Vẫy tay xua con trai mình đi khỏi thư viện như xua một người hầu, Macreeby nói:

– Đúng là gia đình, Nimrod nhỉ? Họ thử thách chúng ta quá mà. Thằng nhỏ là nỗi thất vọng lớn của tôi đấy.

Ông Rakshasas nhận xét:

- Cậu ấy có vẻ là một chàng trai tốt đấy chứ.

Macreeby bĩu môi:

– Anh thì nhìn ai mà chẳng thấy tốt, Rakshasas. Ngay cả tôi, chắc vậy.

Ông Rakshasas bảo:

- Nếu vậy thì tôi cần một cặp kính mới.

Macreeby nhe răng cười:

– Đúng thế. Nhưng dù sao, tôi nghĩ các vị sẽ không hứng thú gì với một thứ như bữa tối của mundane, với quá nhiều thức ăn trên đĩa của các vị. Các vị sẽ không muốn tốn thời gian để ăn, thay vì để đọc một thứ tốt hơn. Như bộ cuộn sách *Bellili Scroll* chẳng hạn.

Chú Nimrod bảo:

- Anh lại không nghiêm túc rồi.
- À, xin lỗi Nimrod. Nếu anh thật sự muốn ở lại dùng bữa tối cũng không có vấn đề gì đâu.
- Ý tôi là, anh không nghiêm túc về bộ *Bellili Scroll*.
- Hoàn toàn nghiêm túc. Và dĩ nhiên, đó chính xác là thứ anh đang cần, đúng không?

Ông Rakshasas hỏi:

- Nhưng bộ *Bellili Scroll* đã bị hủy hoại. Khi Julius Caesar đốt cháy thư viện Alexandria vĩ đại mà?
- Tôi cũng từng nghĩ vậy, nhưng đó không phải là sự thật. Lịch sử thường là vậy. Nhiều thứ trong đó cuối cùng hóa ra chỉ là những tin đồn vu vơ. Trên thực tế, một rổ đựng những cuộn sách hiếm đã được cứu – bộ *Bellili Scroll*. Tôi đã tìm thấy chúng trên một kệ sách đóng bụi ở thư viện Vatican cũ kỹ. Và có trời mới biết tôi đã trải qua những gì để trộm được chúng.

Nhìn khuôn mặt khó tin của chú Nimrod và ông Rakshasas, Macreeby mỉm cười:

- Tôi có thể đảm bảo với quý ngài là tôi hoàn toàn nghiêm túc. Thậm chí tôi còn làm một bản dịch tiếng Anh bộ cuộn sách đó. Và tôi hoàn toàn sẵn sàng bán lại cho các vị một bản.

Chú Nimrod lập lại:

- Anh không nghiêm túc.
- Dĩ nhiên là tôi nghiêm túc. Tôi đã bán một bản cho Mimi de Ghulle. Tôi không thấy tại sao lại không thể bán một bản cho các vị được.

Chú Nimrod nói:

– Anh bán cho Mimi de Ghulle một bản? Tôi tự hỏi không biết cô ta cần nó để làm gì nhỉ.

John hỏi:

– Ừm, có ai đó vui lòng nói cho cháu biết bộ *Bellili Scroll* nói về cái gì không?

Ông Rakshasas giải thích:

– Bellili, Nữ Thần Trắng, là người tiên nhiệm của Ishtar. Người được tôn thờ trước thời Ishtar. Được viết bởi Eno, Quan tư tế tối cao của Bellili, những cuộn sách *Bellili Scroll* tương truyền có chứa một bản mô tả chi tiết về thế giới Babylon bí mật dưới mặt đất mà Ishtar thừa hưởng từ Bellili: Iravotum.

Macreeby khẳng định thêm:

– Không phải là *một* bản mô tả. Mà là bản mô tả *duy nhất*.

John hỏi lại:

– Iravotum?

Ông Macreeby cho biết:

– Iravotum. Đó là nơi Ayesha mang em gái cậu tối, John ạ.

Chú Nimrod và ông Rakshasas đỡ người kinh ngạc suốt mấy giây. Vừa thỏa mãn vừa bực mình, ông Macreeby nói:

– Không cần làm vẻ mặt ngờ vực như thế. Với djinn nhiều kinh nghiệm và hiểu biết như hai vị, chỉ cần bỏ mười phút kiểm tra là đủ để chứng thực bộ sách của tôi là hàng thật trăm phần trăm.

Rồi ông Macreeby ngừng lại một giây trước khi nói tiếp để tăng thêm hiệu ứng cho điều mà ông sắp tiết lộ:

– Có cả một bản đồ nữa.

Chú Nimrod thiếu điều há hốc mồm vì kinh ngạc:

– Có cả một bản đồ trong đó? Bản đồ của Iravotum?

Không thể tin được.

Ông Macreeby xoa tay hả hê:

– Tuyệt. Tuyệt. Tôi luôn thích làm việc với những người biết trân trọng sự quý hiếm của món hàng. Một món hàng rõ ràng là vô giá. Đúng, có bản đồ trong đó. Cậu biết không John, tôi luôn tin vào câu nói “Đừng bao giờ đi đâu mà không mang theo bản đồ”. Trừ khi cậu muốn bị lạc. Và dĩ nhiên, đó là điều tôi sẽ bảo các vị làm nếu không thỏa thuận được giá. Vì nói thẳng là tôi dự định sẽ kiếm lời lớn từ lỗ hổng kiến thức này của các vị đấy.

Chú Nimrod nói:

– Vậy thì cho phép tôi ra giá của mình. Anh Rakshasas sẵn lòng trao đổi cuốn *Meta Magus* của mình lấy bộ sách, Macreeby. Cùng một bản dịch có thể dùng để nghiên cứu đầy đủ.

Ông Macreeby tặc lưỡi:

– Ô, anh quả thật rất hào phóng, Rakshasas. Tuy nhiên, Nimrod, tôi hy vọng anh còn dự trữ một số đề nghị khác, vì tôi e rằng cái giá của anh không phù hợp lắm. Anh thấy đấy, tôi cũng có một bản copy cuốn *Meta Magus*. Tất cả những điều trong cuốn sách đó tôi đều biết hết rồi. À, mà sẵn nói luôn, tôi thấy cuốn sách đó cũng không hay lắm đâu. Toàn nói quá không à.

Rồi ông nhe răng cười như một con sói đói:

– Nếu giờ anh đem cuốn Grimoire của Solomon ra trao đổi thì lại là một chuyện khác đấy. Nhưng tôi không nghĩ anh sẽ làm vậy, đúng không? Tất cả chúng ta đều biết ai đang giữ bản copy duy nhất cuốn sách đó mà.

Chú Nimrod thở dài:

– Cứ nói thẳng ra anh muốn gì đi, Macreeby.

– Đừng giữ kẽ như thế chứ, Nimrod. Sao chúng ta không làm theo truyền thống nhỉ? Ba điều ước. Với ba điều ước, anh sẽ có bộ *Bellili Scroll* gốc cùng bản dịch tiếng Anh của tôi. Và dĩ nhiên là cả tám bản đồ vô giá của quan tư tế tối cao Eno.

– Cho anh ba điều ước chẳng khác nào đưa khẩu súng máy cho một đứa con nít, Macreeby. Tôi không thể làm thế.

– Thôi nào. Ba điều ước thì có là gì với một djinn như anh đâu.

Chú Nimrod vặn lại:

– Vậy sao anh không hỏi xin Mimi de Ghulle ba điều ước? Không phải anh cũng đưa cô ta một bản copy bộ *Bellili Scroll* sao? Tôi không nghĩ cô ta sẽ tiếc ba điều ước với người như anh.

Ông Macreeby nhún vai:

– Không may là khi Mimi de Ghulle phát hiện tôi có bộ *Bellili Scroll*, tôi còn đang mắc nợ cô ta. Anh thấy đấy, mấy năm trước, tôi có hứa đại với gia tộc de Ghulle mấy điều. Để đổi lấy ba điều ước của họ ấy mà. Nên tôi bị họ gây sức ép tàn nhẫn lắm. May là tôi tìm ra bộ *Bellili Scroll*, không thì chẳng biết cô ta sẽ làm gì tôi nữa. Anh biết người nhà de Ghulle không khoan dung như thế nào mà, Nimrod. Một khi biết tôi tìm thấy bộ sách, Mimi thay đổi thái độ hoàn toàn với tôi. Nói thiệt, bây giờ cứ nghĩ đến chuyện không còn mắc nợ Mimi sau khi đưa cho cô ta một bản copy là tôi lại nhẹ cả người.

Chú Nimrod chau mày hỏi:

– Cô ta cần bộ sách đó để làm gì mới được? Anh có biết không?

Ông Macreeby chỉ cười và nói:

– Có trời mới biết được Mimi nghĩ gì. Sao anh không trực tiếp hỏi cô ta ấy? Nhưng dẹp chuyện đó đi. Như tôi đã nói, Nimrod, giá của tôi là ba điều ước. Chấp nhận hay không thì tùy anh.

Ánh mắt chú Nimrod ném cho tên thuật sĩ người Anh vẫn đầy ngờ vực:

– Với một người quý quýệt như anh, Virgil Macreeby, ai mà biết anh sẽ gây ra chuyện tệ hại gì một khi đơn giản có được ba điều ước từ một djinn mạnh như tôi chứ?

– Quý quýệt? Tôi muốn tòa lâu đài này có một cái nóc mới thì có gì là quý quýệt nhỉ? Quản lý một nơi như thế này tốn kém lắm, Nimrod. Tôi không nghĩ mình quá đáng gì nếu hỏi xin một cái nóc nhà mới. Đơn giản chỉ vì tôi không thích có một đồng thợ xây dựng trong nhà mình mấy tháng trời liên tục thôi. Rồi thêm ít tiền nữa. Đối với một người như anh, tiền đâu nghĩa lý gì, đúng không? Và có lẽ là thêm một chiếc Rolls-Royce mới đang quảng cáo trên báo. Nếu không lầm thì có cả một hàng dài người xếp hàng đăng ký mua, mà tôi thì lại ghét chờ đợi. Quý quýệt à? Tôi không nghĩ vậy.

Chú Nimrod thẳng thừng nói:

– Xin lỗi, nhưng tôi không tin anh có thể hạn chế bản thân với ba điều ước đó, cho dù anh có viết chúng ra bằng hoàng bằng máu của mình. Cả hai ta đều biết anh là chuyên gia trong việc nói một đằng, nghĩ một nẻo. Cho dù chúng ta có đồng ý với ba điều ước đó, đến giây cuối cùng anh vẫn có thể ước một điều hoàn toàn khác.

Ông Macreeby nhún vai:

– Chắc trong *Những quy luật Baghdad* có quy định về tình huống này chứ. Tôi nhớ là có điều khoản về sự đồng ý giữa một djinn và một con người trong việc thỏa thuận trước ba điều ước sắp

ban cho. Tôi chắc là có mà. Ông Rakshasas lên tiếng:

– Vậy chắc anh cũng biết sự đồng ý đó dựa vào một lời thề. Một lời thề trên những gì anh tin tưởng và tôn thờ. Trong trường hợp của anh thì chuyện đó vô nghĩa, vì tất cả mọi người đều biết anh không tin tưởng vào bất cứ điều gì, và anh là kẻ không có óc sùng đạo nhất từng biết thờ.

Ông Macreeby nhếch mép cười lạnh tanh:

– Đúng, đúng. Tôi tự hào để nói đó đúng là sự thật. Nhưng tôi e rằng, điều đó có nghĩa chúng ta đang ở trong tình huống khó xử đây, thưa quý ngài. Quý ngài muốn bộ sách. Và tôi muốn một cái giá hợp lý.

Chú Nimrod nói:

– Tôi sẽ không cho anh ba điều ước, Macreeby. Ai mà biết chuyện gì có thể xảy ra chứ. Và chúng ta đều biết anh Rakshasas giờ không có khả năng ban điều ước cho ai cả.

Nhận ra chú Nimrod đang chuẩn bị đề nghị một điều gì đó, ông Macreeby gật đầu và giục:

– Nói tiếp đi. Tôi đang nghe.

– Tôi nghĩ là tôi có một giải pháp hợp lý cho cả hai phía. Cháu tôi, John, sẽ ban cho anh ba điều ước. Tôi chắc anh cũng biết, sức mạnh djinn của nó vẫn chưa trưởng thành hoàn toàn, vì thế sẽ có những điều ước ngoài khả năng thực hiện của nó. Nói cách khác, sẽ tốt hơn cho anh nếu anh biết giữ điều ước của mình trong những giới hạn mà anh vừa đặt ra ban nãy.

Ông Macreeby chau mày suy nghĩ trong vài giây, trước khi hỏi lại:

– Anh có chắc cậu nhóc này ban cho tôi ba điều ước được không

đấy, Nimrod?

– Dĩ nhiên là được. Nếu như anh không quá tham lam.

Ông Macreeby quay sang hỏi John:

– Cậu thì sao, cậu bé?

John gật đầu nói:

– Như chú Nimrod nói, nếu ông không quá tham lam thì không thành vấn đề.

– Ok. Chúng ta thỏa thuận vậy nhé.

Chú Nimrod nói:

– Hãy xem bộ sách trước. Và bản dịch của anh. Sau đó hãy tính đến ba điều ước.

Ông Macreeby xoa xoa hai bàn tay béo ú của mình vào nhau như một đứa trẻ láu táu. Cặp mắt lạnh như băng của ông lóe sáng. Nhưng giọng nói của ông vẫn đầy sự thỏa mãn như tiếng rên ư ử của một con mèo:

– Ok thôi. Tôi sẽ đi lấy chúng ngay. Các vị có thể mang bản copy đi. Rất uyên thâm, tôi có thể đảm bảo với các vị. Ai cũng biết tôi trọng chữ tín trong mấy chuyện như thế này lắm.

Rồi ông nhanh nhẩu trèo lên cái thang thư viện cao ngất như một con khỉ. Mang xuống một cuốn sách bọc da xanh lơ nhạt và một cái hộp đựng bộ cuộn sách, đặt chúng lên bàn, ông giải thích:

– Những cuộn sách cũng gần giống như những điều xì gà hảo hạng. Chúng ta phải giữ độ ẩm cho chúng.

Với thái độ gần như cung kính, ông mở cái hộp ra, trước khi đứng lùi lại để chú Nimrod và ông Rakshasas kiểm tra cuộn sách bản gốc. Trong vài phút sau đó, hai djinn chăm chú ngâm cứu trong

im lặng.

Quay qua cười với John, ông Macreeby hỏi:

– Cậu ăn bánh nữa không?

John lắc đầu. Ngồi xuống gần lò sưởi, cậu ráng nặn óc nhớ lại từ trọng tâm của ba cái ký gửi ước cậu đã được trang bị trước đó. Giờ cậu có thể nhận ra chú Nimrod thật thông minh trong việc thuyết phục ông Macreeby chấp nhận ba điều ước từ cậu. Gã phù thủy người Anh sẽ không thể nào biết được bản thân John không có sức mạnh gì nếu ở trong vùng khí hậu lạnh. Điều ước mà John chuẩn bị ban cho Macreeby sẽ được lấy từ sức mạnh đáng kể của chú Nimrod. Đây là cách rất tốt để ngăn Macreeby ước một điều gì thái quá. Nhưng vì đây không phải là trường hợp khẩn cấp, cái ký gửi ước sẽ không tự nhớ ra từ trọng tâm của nó mà John phải tự nghĩ ra. Có điều giờ cậu chỉ nhớ đó là tên một gã người Nga. *Từ gì nhỉ? Một cái từ gì đó kỳ quặc. Như là Rumpelstiltskin.* Ngoại trừ việc nó không đúng.

Mười lăm phút nữa trôi qua, và John nhận ra hai djinn lớn giờ đang gật gù ưng thuận.

Ông Rakshasas là người lên tiếng đầu tiên:

– Tôi không bao giờ nghĩ bộ sách này còn tồn tại. Phải chi tôi có nó khi viết cuốn sách của mình thì hay biết mấy.

Ông Macreeby mỉm cười thỏa mãn:

– Lúc nào mà chả vậy. Định mệnh của lịch sử. Số phận của sử gia mà.

Chú Nimrod nói:

– Trời ơi! Đúng là có cả một tấm bản đồ ở trong này.

Ông Rakshasas kết luận:

– Những cuốn sách này đúng là đồ thật. Chất lượng giấy. Mục in. Ngôn ngữ. Thật khó tin.

Liếc nhìn cuốn sách bọc da dày cộm – bản dịch của ông Macreeby – chú Nimrod khen:

– Bản dịch rất tốt, Macreeby. Rất uyên thâm.

Ông Macreeby bắt đầu mất kiên nhẫn:

– Rất vui được một djinn trí tuệ như anh khen ngợi, Nimrod. Nhưng giờ nếu anh không phiền, tôi đã thực hiện nhiệm vụ của mình trong giao kèo rồi. Tôi nghĩ đã đến lượt bên anh.

Chú Nimrod quay sang hỏi John:

– Cháu sẵn sàng chưa, John?

Phải “Rang cá không sả ớt” không ta? Chắc không phải.

– Hả? Ồ, cháu nghĩ vậy.

John đứng dậy, hy vọng sẽ nhớ ra từ trọng tâm là gì. Hay là “*Rừng cây cửa xả lảng*”?

Ông Macreeby hỏi:

– Nếu không phiền, tôi cho thằng Finlay đứng xem được không? Việc tận mắt chứng kiến một djinn thật sự ban cho tôi ba điều ước có thể sẽ giúp xóa bỏ suy nghĩ cha nó là một kẻ lang bang. Mà biết đâu được? Có thể việc này sẽ thuyết phục được thằng nhóc nổi nghiệp tôi cũng nên.

Chú Nimrod quay sang nhìn John như muốn hỏi ý cậu.

– Hả? Ồ, cháu thì sao cũng được.

Đến giờ thì John đã nhớ ra đó là tên một nhà soạn nhạc người Nga. *Không phải Tchaikovsky. Một cái gì đó như là Ovsky. Hoặc*

Kovich. Giống như Shostakovich. Cũng là một nhà soạn nhạc người Nga. Nhưng không phải tên đó. Ovskykovich chẳng?

Họ cùng ra ngoài tìm Finlay. Nhận ra John không thể nào nhớ ra từ trọng tâm của cái ký gửi ước vì không trong trường hợp khẩn cấp, chú Nimrod tranh thủ cơ hội ghé sát tai John mà nhắc:

– Là Rimsky - Korsakov. Rimsky - Korsakov.

Ông Macreeby đang đứng chờ họ trong sân sau lâu đài cùng với Finlay. Hí hửng xoa hai tay vào nhau, ông bảo con trai:

– Ráng căng mắt lên mà nhìn nhé. Nhìn để biết có những chuyện máy tính không thể làm được.

Chú Nimrod nhắc:

– Nhớ nhé, Macreeby. Ước hợp lý thôi.

– Tôi có nói đến một cái nóc nhà mới, đúng không? Còn gì khiêm tốn và hợp lý hơn thế chứ? Anh không biết một cái nóc mới cho một dinh cơ như vậy tốn kém thế nào đâu. Đúng thế, tôi ước gì tòa lâu đài này có một cái nóc mới.

John nhìn lên nóc lâu đài. Tuy đang sử dụng sức mạnh của chú Nimrod, cậu cũng phải tập trung suy nghĩ để biến điều ước đầu tiên của ông Macreeby thành hiện thực. Cậu không biết nhiều về công trình kiến trúc, nhất là kiến trúc của các lâu đài Anh quốc, nhưng có vẻ như ông Macreeby chỉ muốn một cái nóc cùng kiểu với cái nóc ông đang có. Chuyện này có vẻ dễ. Nói nhỏ trong miệng từ “Rimsky - Korsakov”, rồi cậu tuyên bố:

– Xong.

Finlay Macreeby lắc đầu và ôm bụng cười sằng sặc.

Cha nó trừng mắt hỏi:

- Mày cười cái gì thế hả?
- Con chẳng thấy có gì khác biệt cả.

John bực mình giải thích:

– Tổ không nghĩ cha cậu muốn có một cái nóc khác kiểu với cái hiện tại. Cậu đứng đây thì làm sao thấy được gì. Cậu phải leo lên đó nhìn kỹ thì mới thấy nó là cái nóc mới chứ.

Finlay bấu môi chọc:

- Ờ, phải rồi.

Ông Mac gắt gỏng với con:

– Mày bị gì vậy hả? Nếu John nói đó là một cái nóc mới, thì nó là một cái nóc mới.

Chú Nimrod liếc nhìn đồng hồ. Hiện giờ, chú không muốn gì hơn là bắt tay ngay vào việc nghiên cứu bản dịch bộ *Bellili Scroll* của ông Macreeby. Muốn nhanh chóng xong việc ở đây, chú giục:

- Anh ước điều ước thứ hai đi chứ, Macreeby.

Ông Macreeby lúc lắc đầu:

- Tiên. Dĩ nhiên rồi.

Finlay khúc khích cười nhại theo cha nó:

- Dĩ nhiên rồi.
- Để xem, nên ước bao nhiêu nhỉ?

Bắt gặp ánh mắt răn đe của chú Nimrod, ông cau kinh gật đầu:

– Rồi, rồi, hiểu rồi. Không quá tham lam chứ gì? Một triệu bảng thì sao? Hợp lý chứ?

Chú Nimrod gật đầu.

- Vậy tôi ước gì mình có một triệu bảng, bằng tiền mặt.

John nói nhỏ:

– Rimsky - Korsakov.

Ánh mắt ông Macreeby ngay lập tức bị hút về phía hai cái cặp táp bằng thép hiện ra trên cửa vào lâu đài. Hú lên một tiếng mừng rỡ, Macreeby quỳ xuống và mở một trong hai cái cặp ra. Đưa tay vuốt ve chồng tiền bên trong cặp như kẻ sắp chết khát gắp nước, ông liếc nhìn Finlay và hí hửng hỏi:

– Mà thấy chưa?

Finlay há hốc mồm kinh ngạc. Chộp lấy một cọc tiền 50 bảng bọc trong giấy bóng kính, nó nói như đang mơ:

– Khoan đã. Số tiền này là thật sao?

Ông Macreeby tặc lưỡi:

– Dĩ nhiên là thật rồi. Tao đã bảo mà mày cứ không tin.

– Máy người này là thần đèn chính hiệu hả?

Chú Nimrod nhăn mặt:

– Nếu cậu không phiền, thì chúng tôi thích được gọi là “djinn” hơn.

– Vậy họ đang ban ba điều ước hả?

Ông Macreeby cười ha hả:

– Mày chưa từng nghe à? Thần đèn nào mà chẳng cho điều ước. Ngu vừa phải thôi. Mày nghĩ tao đang làm gì ở đây này giờ? Làm trò à?

Liếc nhìn đồng tiền, Finlay nhếch mép cười khinh bỉ:

– Và cha phí hai điều ước cho một cái nóc mới và một đồng tiền vớ vẩn?

Lắc đầu, nó hỏi:

– Đầu óc cha có vấn đề rồi à? Thay vì một cái óc, sao không ước cả một ngôi nhà mới?

Cha nó bực mình nói:

– Mà nói đủ rồi đó, Finlay.

Nhưng Finlay vẫn cười nói:

– Ô, nói vậy chưa đủ đâu. Một triệu bảng thời này chỉ là một mớ giấy lộn thôi. Một triệu bảng chả mua được gì cả. Nghe này, lão chim đàn to xác ơi, chỉ còn có một điều ước, lão suy nghĩ kỹ giùm nhé. Động não chút đi chứ, lão chim đàn to xác.

Ông Macreeby gất lên:

– Cam miệng. Mà cam miệng lại để tao nghĩ coi. Tao muốn một chiếc Rolls-Royce mới. Mẫu mới nhất. Một chiếc Phantom.

Finlay xen vào:

– Đừng có ước một chiếc Rolls-Royce. Ước tất cả những chiếc Rolls-Royce trong phòng trưng bày ấy. Hoặc tốt hơn là ước cả cái công ty sản xuất Rolls-Royce.

– Mà chẳng hiểu gì cả.

– Ông mới là người không hiểu gì, lão chim đàn to xác ạ.

– Ước gì *mày* là một con chim, Finlay.

Giận con, ông Macreeby buột miệng nói, và trước khi John kịp ngăn mình lại – thực tế là cậu không thể tự ngăn mình lại, vì điều ước đã được nói ra, và tất cả những gì cậu có thể làm bây giờ chỉ là tập trung suy nghĩ của mình vào loại chim tốt nhất mà cậu có thể nghĩ đến – cậu đã lầm bầm từ “Rimsky - Korsakov” lần thứ ba để biến điều ước của ông Macreeby thành sự thật. Ngay khi cái tên

của nhà soạn nhạc người Nga bật ra khỏi miệng cậu, Finlay tội nghiệp lập tức biến thành một con chim cất.

Chú Nimrod thở hắt một tiếng:

– Ôi trời, chuyện gì thế này?

Ông Rakshasas lắc đầu giải thích:

– Một điều ước như con cá trên đĩa: Một khi đã nuốt vào bụng rồi thì khó mà lòi trở ra được.

Con chim cất bay vụt lên bầu trời phía trên sân trong lâu đài và giậm dữ lộn vòng quanh đầu họ.

Chú Nimrod giục:

– Giờ vẫn chưa trễ đâu, Macreeby. Nhanh. Ước điều ước thứ tư đi.

Ông Macreeby hỏi lại, vẻ ngạc nhiên:

– Cái gì?

Chú Nimrod giải thích:

– Quy luật Baghdad số 18. Điều ước thứ tư khi nói ra sẽ vô hiệu hóa ba điều ước đầu.

– Và để mất cái nóc mới cùng một triệu bảng tiền mặt của tôi à? Còn khuya.

John lo lắng hỏi:

– Nhưng còn Finlay thì sao?

Liếc nhìn con chim cất lượn lơ trên đầu mình, ông Macreeby nói dứt khoát:

– Có thể chuyện này sẽ dạy nó biết tôn trọng cha nó.

Chú Nimrod ngạc nhiên:

– Macreeby, đừng ngốc thế. Nó là con trai anh mà.

Ông Macreeby mỉm cười độc ác:

– Không. Nó không còn là con trai tôi. Nó là một con chim. Chúc nó may mắn.

Nhặt hai cặp tiền đầy nhóc lên và đi về phía lầu đài, ông Macreeby nói ném lại sau lưng:

– Và chúc các vị may mắn. Từ những gì tôi đọc được trong bộ *Bellili Scroll*, các vị sẽ cần đến tất cả sự may mắn có được đấy.

Rồi ông đặt hai cặp tiền xuống sảnh ngoài lầu đài và đá cánh cửa đóng sập lại sau lưng mình.

Cảm thấy buồn bệnh vì chuyện khủng khiếp cậu vừa làm, John ngược nhìn con chim cất đang bay cao trên cái nóc nhà mới – dường như cao hơn cả những vị thần – trước khi quẹo về phía đường chân trời phía nam và biến mất khỏi tầm mắt.

Chú Nimrod thở dài:

– Chú biết sẽ có chuyện không hay xảy ra mà.

John rên rỉ:

– Ôi, cháu đã làm gì? Cháu đã làm gì thế này?

Chú Nimrod an ủi:

– Không phải lỗi của cháu. Một khi điều ước đã được nói ra, cháu không thể làm gì khác đâu.

Đặt một tay lên vai John như muốn an ủi cậu, ông Rakshasas nói:

– Chú cháu nói đúng đó, John. Bây giờ cháu đã biết rồi đó. Biết sự nguy hiểm mà djinn chúng ta thường gặp phải khi ban cho mundane ba điều ước. Rằng họ luôn có thói quen nói trước nghĩ

sau. Đến giờ ông vẫn còn nhớ lần đầu ông phải thực hiện một điều ước không suy nghĩ như vậy. Ông đã rất đau lòng.

Rồi thở dài một tiếng, ông Rakshasas nói tiếp:

– Nhưng đó là chuyện tất yếu phải xảy ra. Kinh nghiệm mà. Cháu sẽ không thể học bơi trên sàn nhà bếp.

Kẹp cuốn sách của Macreeby vào nách, chú Nimrod đặt tay lên vai còn lại của John và nói:

– Chúng ta đi thôi. Hãy đi khỏi đây trước khi chú biến hấn ta thành một con én. Để rồi xem hấn thích việc con trai mình biến thành chim cất như thế nào.



CHƯƠNG II

Lâu đài treo Babylon

Sau khi được giải thoát khỏi cái hộp đựng xì gà mà Izaak Balayaga dùng để giam cầm cô – Philippa nghĩ mình đã bị giam trong đó hàng thế kỷ cũng nên – Philippa nhận ra cô đang ở một mình trong một phòng ngủ to lớn, tráng lệ y như dành cho một nữ hoàng. Những hàng cột cẩm thạch vĩ đại vươn mình đứng trần nhà chạm khắc tinh xảo, mà từ đó những chùm đèn pha lê khổng lồ rủ mình xuống dưới. Những khung cửa sổ cao hơn cả một chiếc xe buýt được viền ngoài bởi lớp rèm cửa dày cộm màu vàng dẹt bằng tơ lụa. Màu vàng tơ lụa ấy còn hiện diện trên cả tấm khăn trải giường và lớp vải bọc của những chiếc ghế bành mạ vàng. Và đây rầy khắp phòng là những bức tượng trẻ em bằng thạch cao trắng – phần lớn đều là những đứa trẻ mập mạp trần trụi trực quần khăn, hoặc dựa đầu một cách không lấy gì làm thoải mái lên những chiếc vỏ sò quá khổ. Căn phòng này chẳng hợp với gu của Philippa tí nào. Tuy nhiên, có một thứ cô thích: một mùi hương ngào ngạt lan tỏa khắp phòng, như mùi của một loài hoa lạ quý hiếm đang nở rộ. Đối với Philippa, đó là hương hoa tuyết vôi nhất mà cái mũi của cô từng được ngửi.

Ánh mặt trời sáng chói chiếu rọi qua các khung cửa sổ, nhưng khi băng qua tấm thảm sàn dày cộm trang trí họa tiết màu hồng để

nhìn ra bên ngoài, Philippa bất ngờ nhận ra chẳng có cái gì để nhìn cả – hoàn toàn không có gì, cả một góc tòa nhà cô đang ở bên trong cũng không. Tất cả những gì cô thấy chỉ là một màu sáng trắng trống rỗng. Một cảnh chẳng dễ chịu gì, nên được một lúc, Philippa chắc mẩm cảnh này chỉ có trong mơ. Một giấc mơ chẳng tốt đẹp gì. Vì thế cô tự nhéo mình vài cái thật mạnh, theo đúng cách những người trong sách thường làm khi họ muốn chắc chắn mình đang thức. Hoặc là khi họ muốn mình thức dậy. Nhưng một khi nhận ra mình đang thức – tỉnh như sáo là đằng khác – cô ước gì mình đang mơ. Điều ước đó càng mạnh mẽ hơn khi cô thử mở cửa phòng và nhận ra nó đã bị khóa ngoài.

Suy nghĩ đầu tiên của Philippa là muốn la hét, gào thét thật lớn và đập cửa phòng ầm ầm cho đến khi có ai đó đến mở cho cô ra. Nhưng rồi cô nhớ ra mình là ai. Tập trung sức mạnh trí óc của mình, cô lẩm bầm từ trọng tâm của mình – “FABULONGSHOOMAR VELISHLYWONDERPIPICAL” – và ước được quay về nhà mình ở New York.

Không có chuyện gì xảy ra, mặc dù Philippa đoán chắc là phải được, vì nhiệt độ bên trong cái cũi nhốt sơn sơn thiếp vàng của cô hiện khá nóng – đủ nóng để vận dụng sức mạnh djinn. Nó làm Philippa nghi ngờ sức mạnh djinn của mình đang có vấn đề gì rồi, vì đây là lần thứ hai trong nhiều ngày một từ trọng tâm bỏ rơi cô. Đầu tiên là cái ký gửi ước của chú Nimrod, còn bây giờ đến lượt sức mạnh của chính cô. Philippa không còn cách nào khác ngoại trừ phải bình tĩnh. Rất may đó là một chuyện Philippa khá rành. Cho nên cô đến nằm trên chiếc giường vừa êm vừa bụi, và bình tĩnh chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Và, một lúc sau, đã có chuyện xảy ra.

Vừa nghe thấy tiếng chìa khóa tra vào ổ, Philippa lập tức bật dậy khỏi giường và đi nhanh về phía cửa, trái tim dường như nhảy lên tận cuống họng. Cô ngỡ ngợ nhận ra người phụ nữ nhỏ thó, dáng nhút nhát như chuột nhắt xuất hiện trên bậc cửa. Nhìn cái khay bạc đựng vài cái bánh sandwich, bánh ngọt, bánh quy, cùng một bình nước trái cây lớn trên tay người phụ nữ, Philippa nhận ra bụng mình đang biểu tình đòi ăn uống. Nhưng cái đầu của cô lại biểu tình dữ hơn để đòi có được câu trả lời cho một số vấn đề cấp bách, như là cô đang ở đâu và tại sao cô lại bị mang đến đây.

Philippa lên tiếng hỏi trước:

– Ừm, cháu biết bà, đúng không?

Người phụ nữ gạt đầu và đặt cái khay xuống bàn. Bà vận một bộ váy đầm một của khoảng bốn mươi năm về trước, một đôi bao tay viền đăng ten, và vài chuỗi ngọc trai mờ ỉn. Có bụi bám trên tóc bà, màu vàng ố trên răng bà, quá nhiều phấn trang điểm trên mặt bà, và không ít sự thất vọng hiện ra trong mắt bà.

Người phụ nữ trả lời:

– Đúng, chúng ta đã gặp nhau. Trong Giải vô địch Djinnverso tại New York. Tên tôi là Glumjob.

– À vâng, cháu nhớ rồi. Bà đi chung với Ayesha phải không?

Bà Glumjob trả lời với chất giọng đặc sệt vùng Nam Mỹ:

– Tôi là người hầu và bạn đường của Ayesha.

Philippa hỏi, giọng có phần tức tối:

– Vậy chắc bà có thể cho biết tại sao cháu lại bị bắt cóc mang đến đây. Và đây là đâu?

– Dĩ nhiên rồi, cô bé. Nhưng trước khi trả lời câu hỏi của cô, tôi

muốn nói trước là chuyện bắt cóc cô không liên quan gì đến tôi. Tôi không phải là kẻ thù của cô. Hy vọng cô sẽ nhớ đến chuyện này về sau. Tôi sẽ là bạn của cô nếu cô muốn, và tôi sẽ giúp cô nếu có thể. Miễn sao nó không mâu thuẫn với ước muốn của chủ nhân tôi, người mà cuộc sống của tôi phụ thuộc vào trong suốt bốn mươi lăm năm qua, là được.

Rồi cố mỉm cười, bà Glumjob hỏi:

– Mà cô đã khát chưa, con gái? Cô có muốn dùng chút nước táo không? Mẹ tôi đã dạy cho tôi công thức làm nước táo ngon nhất khu vực Bắc Carolina đấy.

Philippa yêu cầu:

– Không, cháu muốn có lời giải thích trước.

Chậm rãi ngồi xuống một trong những chiếc ghế có màu vàng y như màu răng mình, bà Glumjob nói:

– Vì cô chính là cô, nên hy vọng cô sẽ không yêu cầu tôi phải giải thích vì sao những chuyện kiểu này lại có thể là như vậy. Đơn giản chúng là vậy, vậy thôi.

Đưa mắt nhìn xung quanh phòng, bà gật đầu và bắt đầu giới thiệu:

– Tòa lâu đài này là phiên bản copy chính xác đến từng chi tiết của Tòa nhà Osborne, nơi Nữ hoàng Victoria đã ở suốt từ năm 1845 đến tận khi bà mất năm 1901.

– Chúng ta đang ở Anh à?

– Để tôi nói hết đã. Vì cũng là một người Anh, dĩ nhiên Ayesha luôn hâm mộ tòa nhà đó ngay từ lần đầu viếng thăm nó khi bà hãy còn là một cô bé con. Cho nên, nhiều năm sau đó, khi trở thành Djinn Xanh, Ayesha đã quyết định nếu phải sống một phần thời

gian ở Babylon – nơi chúng ta hiện đang đứng – bà muốn bên trong lâu đài của bà phải nhìn giống tòa nhà đó.

– Nhưng Babylon ở Iraq mà. Bà muốn nói với cháu là chúng ta thật sự đang ở đâu đó tại Iraq sao?

– Đúng là thế. Chúng ta đang ở ngay rìa ngoài một hệ thống hang động ngầm bí mật rộng lớn bên dưới mặt đất có tên gọi Iravotum.

Ngừng lại một chút, bà Glumjob hỏi:

– Chắc là cô đã nghe nói đến Vườn treo Babylon, đúng không? Ừm, nơi đây là Lâu đài treo Babylon, được Hoàng đế Nebuchadnezzar xây tặng Ishtar, một trong những Djinn Xanh tiên nhiệm của Ayesha. Nó được gọi là Lâu đài treo, vì thực tế trước đây nó từng được treo trên rìa một vách núi. Đây cũng là một trong những lý do khiến Ayesha muốn nơi này mang kiến trúc của triều đại Victoria Anh quốc. Bà ấy chẳng quan tâm gì đến độ cao mà. Nhưng nói chung, việc tòa lâu đài hiện nhìn như thế nào cũng không quan trọng lắm. Nơi đây là chỗ ở tâm linh của Djinn Xanh, và bà ấy năm nào cũng đến đây vào tháng Giêng để “làm khô người”.

Rồi khẽ nhếch miệng cười khẽ, bà Glumjob giải thích:

– Nói chung chúng ta hay gọi việc đó là thế. Cô thấy đấy, cô bé, quý bà lớn tuổi của chúng ta nổi tiếng là người có trái tim cứng như thép. Phải như vậy thì mới giữ hòa bình cho thế giới djinn được. Nhưng chính việc ở đây mới tạo được điều đó – mới làm bà ấy trở thành một cái bánh quy khó gặm như thế. Tôi không được phép cho cô biết điều đó được thực hiện như thế nào, nhưng tôi đoán nếu mỗi năm không đến đây một lần để làm khô người, Ayesha chắc sẽ trở

thành một bà già nhân nhượng như bình thường thôi. Nói vậy không có nghĩa tôi đổ tội cho bà ấy đâu nhé. Nếu biết được điều mà Ayesha biết, tôi nghĩ chắc tôi cũng giống bà ấy thôi. Philippa thắc mắc:

– Nhưng chính xác điều đó có liên quan gì đến cháu chứ?

– Tại sao à? Tôi ngạc nhiên khi nghe cô hỏi đấy. Hồi còn ở New York, tôi nghe nói cô có một cái đầu rất thông minh mà. Chắc giờ cô phải đoán ra lý do rồi chứ?

Philippa lắc đầu.

Bà Glumjob nhún vai:

– Sự thật là tôi cũng không biết rõ chuyện này lắm đâu. Nhưng theo như những gì tôi biết, có vẻ như Ayesha muốn cô trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo.

Philippa thảng thốt:

– Thật tức cười. Cháu mới có mười hai tuổi thôi mà.

– Có không ít ông vua và bà hoàng lên ngôi ngay khi còn được quần tã đấy, cô bé. Tuổi tác, hay nói đúng hơn là việc thiếu tuổi tác, chưa bao giờ được coi như một trở ngại lớn trên con đường quyền lực cả.

Philippa vẫn khẳng khái:

– Nhưng cháu không muốn chức vị đó. Đơn giản là cháu không muốn làm việc đó.

– Chuyện này cô phải trực tiếp nói với Ayesha, chứ nói với tôi thì cũng không ích lợi gì đâu. Nếu cô muốn, tôi có thể dẫn cô đến gặp bà ấy ngay bây giờ, và có lẽ bà ấy sẽ trả lời mọi vấn đề mà cô còn thắc mắc.

Philippa nói với vẻ cương quyết:

– Vâng, nhờ bà dẫn cháu đến gặp Ayesha. Cháu phải giải thích chuyện này càng sớm càng tốt. Cháu biết đây là một vinh dự rất lớn. Nhưng cháu chỉ đơn giản không sẵn sàng để nhận trách nhiệm như thế này.

Bà Glumjob dẫn Philippa ra khỏi phòng ngủ, băng qua vài hành lang dài ngoằng, và đi xuống những tầng cầu thang rộng lớn. Cả tòa lâu đài có vẻ vắng bóng người, tuy nhiên Philippa nhanh chóng có cảm giác nó bị ma ám: cô đã trông thấy một cái máy hút bụi tự di chuyển trong một căn phòng, và ngay nơi chân thang, cô đã băng ngang một tấm giẻ chùi bụi đang tự lau bóng hàng tay vịn bằng gỗ. Trông thấy vẻ mặt hốt hoảng thấy rõ của Philippa, bà Glumjob giải thích rằng những người hầu của Ayesha đều vô hình. Tất cả mọi người.

Bà nói với Philippa:

– Tôi là thành viên hữu hình duy nhất trong đoàn tùy tùng của Ayesha ở Babylon này. Người hầu vô hình luôn là những người hầu tốt nhất. Thỉnh thoảng người ta sẽ cảm thấy bị buộc phải nói chuyện gì đó với một người hầu nếu nhìn thấy họ. Nhưng với một người hầu vô hình, điều đó không còn cần thiết nữa. Quý bà lớn tuổi của chúng ta thích người hầu như thế: thỉnh thoảng người ta có thể nghe thấy họ, nhưng không bao giờ nhìn thấy họ.

– Nhưng những người đó, họ không ngại bị vô hình sao?

Bà Glumjob lắc đầu:

– Họ được trả công xứng đáng mà. Chỉ cần làm tốt công việc của họ thôi, và khi về nhà họ lại trở nên hữu hình. Thật sự là không sao đâu.

Philippa thoáng rùng mình:

– Cháu thì không thể nào quen với những người hầu vô hình được. Dù gì thì họ cũng là con người mà. Không, cháu không thể nào sống ở đây đâu.

Bà Glumjob trấn an:

– Cô không cần phải sống như vậy. Một khi tòa lâu đài này thuộc về cô, cô muốn biến nó thành thế nào cũng được: hiện đại theo chủ nghĩa tối thiểu, Gothic, hay phong cách thập niên sáu mươi, trường phái Rococo... nói chung là bất cứ phong cách nào cô thích. Thậm chí nếu muốn, cô có thể làm lại nó theo kiến trúc cổ đại nguyên thủy của nó cũng được. Không cần phải giống như thế này. Tôi chưa từng viếng thăm bên trong một cây đèn hay một cái chai djinn nào – Ayesha nói tôi sẽ không sống nổi – nhưng tôi tin là nguyên tắc cũng như nhau thôi.

Philippa vẫn lắc đầu quầy quậy:

– Cho dù nó trông giống khách sạn Four Seasons, cháu cũng không muốn sống ở đây.

Lờ đi lời phản đối của Philippa, bà Glumjob vẫn tiếp tục nói:

– Dĩ nhiên Ayesha có sức mạnh của bà. Tất cả những gì bà muốn, bà đều làm ra được. Cuốn sách mới nhất, bộ phim mới nhất, báo chí, thức ăn và rượu vang hảo hạng nhất. Đối với những thứ khác thì bà ấy phải hoàn toàn dựa vào tôi. Phải nói là tôi khá tự hào vì chúng tôi đã trở thành những người bạn thân thiết.

Không mang phong cách triều đại Victoria, căn phòng màu trắng không lò mà họ đi vào nhìn như thể được lấy trực tiếp từ một lâu đài dành cho hoàng hậu Ấn Độ. Bà Glumjob giải thích:

– Không chỉ là Hoàng hậu Anh quốc, Victoria còn là Nữ hoàng

của Ấn Độ. Điều đó được thể hiện trong kiến trúc căn phòng này. Nó được gọi là Phòng Durbar, tiếng Hindu nghĩa là một dạng tiệc. Tôi chưa bao giờ đến Ấn Độ, nhưng nghe nói đó là một nơi rất thú vị. Và tôi chắc cô sẽ đồng ý đây đúng là một căn phòng tráng lệ.

– Quê của bà ở đâu thế, bà Glumjob?

– Greenville, Bắc Carolina. Một ngày nào đó, tôi dự định sẽ quay về đấy.

– Bao lâu rồi bà chưa về thăm nhà vậy?

– Khoảng bốn mươi lăm năm rồi. Kể từ khi tôi bắt đầu làm việc cho Ayesha.

– Bốn mươi lăm năm chưa về thăm nhà sao?

Bà Glumjob khẽ gật đầu, có đôi chút dăm chiêu.

– Nhưng sao bà không xin nghỉ phép?

Họ ngồi xuống một cái ghế cạnh cửa sổ. Bên ngoài khung cửa sổ vẫn không có gì ngoài ánh sáng trắng mờ đục y như từ trong phòng ngủ nhìn ra.

Bà Glumjob cho biết:

– Làm công việc này thì làm gì có khái niệm nghỉ phép. Đó là một phần trong thỏa thuận giữa tôi với Ayesha khi tôi bắt đầu phụng sự cho bà ấy. Một điều kiện khác là tôi không bao giờ được hỏi xin tăng lương, cho nên ngay từ ban đầu, tôi được hỏi mức lương mong muốn của mình, và đó sẽ là mức lương cố định chừng nào tôi còn làm công việc này. Cho nên tôi đã đề nghị mức lương 15.000 đô một năm. Cô không biết đâu, vào thập niên năm mươi, 15.000 đô một năm là cả một gia tài đấy. Lúc đó tôi nghĩ thế là tôi yên tâm cả đời rồi. Dĩ nhiên, trong thời buổi này, 15.000 đô chẳng là bao. Nhưng tôi không dám hỏi xin Ayesha tăng lương, cũng như

không dám xin nghỉ phép.

– Sao bà không thử thương lượng lại hợp đồng với Ayesha?

Bà Glumjob lắc đầu:

– Không được đâu. Thứ nhất là vì Ayesha nổi tiếng có trái tim sắt đá. Bà ấy không bao giờ đồng ý. Ngoài ra, bà ấy đã hứa nếu tôi thực hiện đúng thỏa thuận ban đầu, một ngày nào đó, bà sẽ cho tôi ba điều ước. Giống y như trong truyện cổ tích ấy. Ba điều ước. Cô cứ thử tưởng tượng đi.

Rồi bà bẽn lễn mỉm cười:

– Tôi đã thử tưởng tượng rồi. Tưởng tượng ra những điều mà tôi sẽ ước một khi bà ấy ban ba điều ước cho tôi.

Philippa lắc đầu, cảm thấy hơi tội nghiệp cho bà Glumjob.

Bà Glumjob vẫn mỉm cười:

– Cô có thể lắc đầu tùy thích. Nhưng ngày ấy, chẳng có phép thuật gì ở Greenville cả. Chỉ có hiện thực. Mà phép thuật là tất cả những gì tôi ao ước. Có gì sai với điều đó không?

– Cái đó còn tùy thuộc vào việc bà nhìn nó như thế nào nữa. Nhưng với cháu thì có vẻ bà đã lãng phí cuộc đời mình rồi, bà Glumjob à. Mà lãng phí cho cái gì chứ?

Một giấc mơ. Thực tế mới là cái quan trọng.

Bà Glumjob nói:

– Cô nói thì dễ rồi. Cô là một djinn. Cô có thể làm bất cứ những gì mình muốn.

– Bà ấy nói đúng đấy.

Nghe tiếng nói từ phía trên vọng xuống, Philippa nhìn lên. Ayesha đang ngồi trong một gian phòng nhỏ gần giống phòng để

đàn ống trong nhà thờ.

Ayesha nói:

– Cháu có thể thay đổi thế giới xung quanh mình. Nhưng với bà ấy, hay với bất cứ mundane nào, thực tế chỉ là một cái cây hay một hòn đá. Thực tế chắc chắn không phải là thứ được tìm thấy trong trái tim của con người. Đó là phần mà họ dùng để ước. Trái tim của họ. Không phải cái đầu của họ, như những gì mà cháu sẽ phát hiện ra một khi hiểu thêm một chút về nơi này.

Philippa khẳng khái nói:

– Cháu không muốn hiểu về nơi này. Cháu muốn về nhà. Cháu thật sự rất vinh dự trước lời đề nghị của bà, Ayesha, nhưng nó không hợp với cháu.

Ayesha bước xuống cái cầu thang nhỏ. Bà mặc bộ váy đầm lụa có cổ cao diềm xếp nếp màu xanh lơ, và như mọi khi, bà có một cái túi xách khoác trên tay và một cái khăn tay trong tay áo.

Ayesha nói:

– Đây không phải là một lời đề nghị mà cháu có thể từ chối. Ta e rằng cháu không có quyền lựa chọn trong việc này. Ta đã bỏ hàng bao năm trời tìm kiếm một người xứng đáng thay thế ta một khi ta ra đi. Và giờ đây ta đã tìm được người đó. Khi ta rời khỏi thế giới này – một chuyện mà nhờ ơn trời, sẽ không lâu nữa đâu – cháu sẽ tiếp quản mọi chuyện. Philippa, cháu sẽ là Djinn Xanh của Babylon đời tiếp theo.

– Cháu sẽ trốn thoát. Bà không thể giữ cháu ở đây.

Cháu sẽ không để bà làm thế.

Ayesha thì thầm, giọng dịu dàng, nhưng như có thép trong đó, trong cử động quai hàm, và trong ánh mắt có thể xuyên thủng áo

giáp sắt của bà:

– Cháu sẽ trốn đi đâu chứ? Thậm chí cháu còn không biết mình đang ở đâu. Nếu biết, cháu sẽ không nghĩ đến chuyện chạy trốn đâu. Iraq là một nơi nguy hiểm, nhưng nó không thấm vào đâu so với những chướng ngại vật cháu có thể gặp phải tại Iravotum này.

– Ở đâu cơ?

Philippa chau mày. Cô đã nghe nói đến Iraq. Và cả Iran. Có ai lại không nghe về những đất nước này chứ? Nhưng cô chưa bao giờ nghe nói đến cái tên Iravotum cho đến khi bà Glumjob đề cập đến.

Nắm tay Philippa, Ayesha dẫn cô đến cạnh một trong những khung cửa sổ to lớn của Phòng Durbar. Bên ngoài vẫn là một màu trắng mờ đục, tuy nhiên khi Ayesha chạm vào lớp kính, màu trắng dần biến mất, và một khu rừng âm u, dày đặc hiện ra trước mắt Philippa.

Ayesha nói:

– Đó là Iravotum – nơi ở của những điều ước xấu xa và giận dữ. Khi con người ước một điều xấu, đây là nơi những điều xấu đó đến, với hy vọng sẽ được sửa chữa đúng. Mỗi sáng hôm nay thôi, ta đã thấy một đứa trẻ nửa người nửa chồn hôi ngay trước cổng. Mẹ của sinh vật tội nghiệp đó đã vô tình nói lớn “Ước gì tôi có một đứa con, dù nó có hơi giống chồn hôi cũng được”, ngay trong tầm nghe của một djinn. Và điều ước của bà đã trở thành hiện thực. Khi sinh con, bà đã nhận ra con của bà chính xác như những gì bà đã ước. Nửa người, nửa chồn hôi.

Rồi mỉm cười lạnh lùng, Ayesha kết luận:

– Hãy cẩn thận với những gì bạn ước. Điều ước của bạn có thể trở thành sự thật.

Philippa kinh ngạc hỏi:

– Djinn nào lại đi thực hiện một điều ước như thế chứ?

– Không phải djinn nào cũng tốt như chú Nimrod của cháu dậu, Philippa. Nhiều đồng loại của chúng ta thích chơi khăm mundane như thế. Nhưng công bằng mà nói, cũng không ít trường hợp một djinn tốt thực hiện điều ước mà không biết. Như giấc mơ của những djinn lớn tuổi chẳng hạn. Những quái vật bò ra từ đầu óc mơ ngủ của họ. Và thỉnh thoảng, những djinn trẻ tuổi, thiếu kinh nghiệm biến điều ước thành hiện thực với những kết quả còn tai hại hơn. Chúng ta gọi nó là “sự thực hiện điều ước theo tiềm thức”. Ta nghĩ chính bản thân cháu cũng có kinh nghiệm về chuyện này, đúng không?

Nhớ lại câu chuyện xảy ra trên chuyến bay từ New York đi London, Philippa gật đầu:

– Vâng ạ.

– Cháu sẽ tìm thấy tất cả điều ước dạng đó ở ngoài kia nếu cháu đủ ngu ngốc rời khỏi lâu đài và tìm kiếm chúng.

Rồi Ayesha chạm tay vào cửa sổ, và khung cảnh bên ngoài lại trở về một màu trắng mờ đục.

Philippa thắc mắc:

– Tại sao bà không giúp họ?

Ayesha trả lời:

– Ta không phải là người làm họ trở nên như thế. Vả lại, dù gì họ cũng không sống lâu ở đây. Ở ngoài đó, rồi tất cả bọn họ cũng trở thành thức ăn cho Optabellower, một quái vật hung dữ bò ra từ chính giấc mơ của Ishtar. Cho nên không cần thiết có sự can thiệp

của ta. Nhưng nói thẳng là chuyện gì xảy ra với họ hoàn toàn không quan trọng với ta.

Philippa tuyên bố:

– Đó là một trong những lý do tại sao cháu không bao giờ có thể thừa kế chức vị của bà. Cháu không giống bà chút nào. Cháu không phải là loại người có thể đứng nhìn người khác gặp nạn mà không cứu.

Vị Djinn Xanh mỉm cười:

– Không à? Cháu giống ta hơn cháu tưởng đấy, Philippa. Đó là lý do tại sao ta chọn cháu.

– Cháu không quan tâm cháu sẽ ở đây bao lâu, nhưng cháu sẽ không bao giờ độc ác như bà đâu.

– Không phải độc ác. Mà là không quan tâm. Hai cái đó khác biệt đấy.

– Với cháu, không quan tâm cũng xấu xa như độc ác.

Ayesha chỉ trả lời:

– Rồi chúng ta sẽ thấy chuyện gì xảy ra thôi. Nhưng may mắn là chúng ta sẽ không phải ở đây lâu trước khi trái tim cháu cứng như trái tim ta. Sau đó chúng ta có thể quay về biệt thự của ta ở Berlin. Cháu sẽ thích Berlin. Và rồi qua thời gian – ít nhất là khoảng thời gian còn lại của ta – cháu và ta có thể quen với nhau.

– Không đời nào. Cho dù bà có sống một ngàn năm như vẻ ngoài của bà đi nữa. Không đời nào cháu trở thành một người phụ nữ khủng khiếp như bà. Nhất là sau những chuyện xảy ra ở Giải vô địch Djinnverso. Chính là bà, đúng không? Chính bà đã dịch chuyển những con xúc xắc. Và chính bà đã điều khiển cháu phải thừa nhận làm một chuyện mà cháu không làm.

– À, cháu nói gần đúng thôi. Đúng là ta đã giải quyết cái hộp và những viên xúc xắc. Nhưng Izaak Balayaga mới là người núp trong cơ thể cháu để trả lời các câu hỏi của ta.

– Ồ, nhưng dám cá chính bà xúi anh ta làm vậy.

– Ồ, ta chẳng xúi nó gì cả. Ta chỉ ra lệnh cho nó thôi. Đó là sự khác biệt. Nó không có lựa chọn nào khác, nếu nó biết điều gì tốt cho nó.

– Nhưng tại sao kia chứ? Tại sao bà làm chuyện đó với cháu?

– Có một số lý do. Một phần là ta muốn thấy Mimi de Ghulle phản ứng như thế nào trước sự bề mặt của cháu. Để xem thử cô ta có thật sự đủ tư chất trở thành Djinn Xanh tiếp theo hay không. Và phải nói là ta không hài lòng chút nào về xử sự của cô ta. Nhưng lý do chính là ta muốn thử sức mạnh tính cách cháu. Và để xem thử liệu cháu, bất chấp chuyện đã xảy ra, có nhận nhiệm vụ mà Nimrod giao cho hay không. Để xem liệu cháu có cố gắng lấy lại quyển Grimore của Solomon vì lợi ích của toàn thể djinn hay không.

Rồi khẽ nhún vai, bà kết luận:

– Nói cách khác, ta muốn thử xem cháu có đặt lợi ích của người khác lên trên lợi ích của mình không? Và dĩ nhiên, đó là điều cháu đã làm, cô bé. Vì nếu không, giờ cháu đã không ở đây, đúng không?

Philippa hét lên:

– Đừng gọi tôi là cô bé. Tôi không phải là một đứa trẻ. Và làm ơn đừng có dạy đời tôi nữa, đồ phù thủy già. Đưa mắt sang bà Glumjob, Ayesha gật đầu tuyên bố:

– Tốt. Bắt đầu rồi đó.

– Cái gì bắt đầu hả?

Ngồi xuống một cái ghế, Ayesha khoanh tay lại với nhau và cho biết:

– Khu vườn Eden trước cũng không ở xa đây lắm. Phần lớn những người đã đọc qua câu chuyện về Adam và Eva đều nhớ có hai cái cây ở trong vườn: Cây Hiểu Biết Thiện và Ác, và Cây Sự Sống. Tuy nhiên trong một vài phiên bản khác của câu chuyện, người ta còn nhắc tới một cái cây thứ ba. Đó là Cây Đạo, hay còn được gọi là Cây Lý trí, hoặc Cây Logic. Ta thì thích gọi là cây Logic hơn, vì logic tồn tại bên ngoài ranh giới của Thiện và Ác. Logic chỉ cần quan tâm đến chính nó, Philippa à. Tất cả những thứ khác đều là vô nghĩa.

– Cái đó thì liên quan gì đến tôi chứ?

– Tất cả mọi thứ ở đây đều bị ảnh hưởng bởi Cây Logic. Không khí cháu ngửi đây mùi hương hoa của cây đó, nhất là vào thời điểm này trong năm, khi nó đang nở rộ. Chúng ta còn dùng tinh dầu hoa Cây Logic để nấu ăn. Và món nước táo của Glumjob được làm bằng những trái táo hái từ Cây Logic. Ngay cả nguồn nước của chúng ta cũng bị ảnh hưởng bởi rễ cây.

Philippa lắc đầu nguây nguậy:

– Tôi không tin bà đâu.

– Cháu yêu của ta, sao cháu không tự hỏi bản thân xem? Liệu cô bé ngoan ngoãn, lễ phép mà ta gặp ở New York trước đây có gọi ta là “mụ phù thủy già đàn độn” không? Ta nghĩ là không.

Philippa khẳng khẳng:

– Vậy thì tôi sẽ không uống thêm miếng nước táo nào cả.

– Có lẽ. Nhưng ngay cả djinn cũng cần hít thở, Philippa à. Ta chắc chắn không khuyên cháu ngừng thở rồi. Trừ khi cháu muốn tự

làm mình bệnh.

Quay lưng bỏ đi về phía cửa, Philippa bướng bỉnh tuyên bố:

– Thà tự làm mình bệnh còn đỡ hơn phải yêu quý bà. Ayesha bảo cô:

– Cháu muốn đi đâu thì tùy. Trong lâu đài hay ngoài vườn cũng được. Muốn gì thì cứ cầm điện thoại lên. Một trong những người hầu vô hình của chúng ta sẽ mang đến bất cứ thứ gì cháu cần. Nếu thấy một cánh cửa bị khóa, hãy hiểu rằng nó không phải để ngăn cản cháu, mà chỉ để bảo vệ cháu khỏi những thứ cháu có thể không thích, vì cháu vẫn còn trẻ và rất dễ bị hù dọa. Trên tất cả, hãy nhớ, cháu đang ở Iravotum, không phải ở Mỹ, và cũng không hoàn toàn ở Iraq. Bất chấp những gì cháu thấy, đây là một nơi rất lâu đời, lâu đời như những kim tự tháp, và cháu sẽ tìm thấy nhiều thứ kỳ lạ ở đây. Nhất là ở trong vườn. Vì thế hãy cẩn thận, cháu của ta. Hãy luôn luôn cẩn thận.



CHƯƠNG 12

Đường đến Baghdad

Quay trở lại Berlin, tại phòng của chú Nimrod ở khách sạn Adlon, trong khi John lăn quay ra ngủ vì quá kiệt sức, chú Nimrod và ông Rakshasas thức suốt đêm để nghiên cứu bản dịch bộ *Bellili Scroll* của ông Virgil Macreeby. Sáng hôm sau, John thức dậy với cảm giác khỏe khoắn hoàn toàn và, sau khi nạp thêm năng lượng từ khay đồ ăn sáng đồ sộ mà chú Nimrod đã đặt khách sạn mang lên tận phòng, cậu, ông Groanin, Alan và Neil cùng ngồi xuống lắng nghe kết quả nghiên cứu của hai vị djinn lớn tuổi. Có thể thấy rõ cả chú Nimrod và ông Rakshasas không lấy gì làm dễ chịu với kết quả này.

Chú Nimrod chậm rãi bắt đầu:

– Sau khi nghiên cứu bộ sách của Eno...

Ông Rakshasas giải thích thêm:

– Đó là người đã viết bộ *Bellili Scroll*. Quan tư tế của Bellili, vốn là người tiên nhiệm của Ishtar.

– John à, sự thật là chúng ta đã rút ra một số kết luận.

Và không phải kết luận nào cũng dễ chịu cả...

John giục giã:

– Chú cứ nói đi. Cơ hội cứu Philippa của chúng ta là gì? Ông Rakshasas gục gặc đầu và nói một cách bí hiểm:

– Con nai sừng tấm mà đi vào cửa hiệu bán nón thì chỉ tổ thu hút sự chú ý vào mình thôi.

John cúi kính rên rầm. Tất nhiên cậu luôn quý ông Rakshasas, nhưng có những lúc – và bây giờ là lúc như thế – cậu nghĩ vị djinn già không lên tiếng có lẽ tốt hơn.

Ông Rakshasas nói tiếp:

– Thành bé đi vào đúng vấn đề rồi đó. Một điều chắc chắn là cơ hội của *chúng ta* không tốt chút nào. Nhưng John, cơ hội của *cháu* lại có thể tốt hơn.

Chú Nimrod giải thích:

– Ý anh Rakshasas muốn nói là, chú sẽ không thể đi cùng cháu, John à. Chỉ cần chú xuất hiện trong phạm vi một trăm dặm của Iravotum và Lâu đài treo Babylon, Ayesha sẽ phát hiện và cho triển khai các biện pháp đối phó ngay lập tức.

Ông Groanin hỏi:

– Biện pháp gì mới được chứ?

Chú Nimrod trả lời:

– Tôi cũng không chắc lắm. Eno không nói rõ về chuyện này. Nhưng bù lại, cháu có hai lợi thế rất rõ ràng đấy John. Một là việc cháu với Philippa là anh em sinh đôi sẽ khiến Ayesha gần như không thể phát hiện ra cháu theo cách tương tự. Ayesha sẽ cho rằng bà cảm nhận sự hiện diện của cháu chẳng qua là vì Philippa ở gần bà thôi.

– Còn lợi thế thứ hai là gì vậy chú?

Ông Rakshasas trả lời thay:

– Đó là một con dao hai lưỡi. Đúng là việc yếu hơn Nimrod sẽ làm cháu khó bị phát hiện, nhưng không có nghĩa là không thể bị phát hiện.

– Ý anh Rakshasas là cháu sẽ không bị Ayesha phát hiện chừng nào cháu kiểm chế không dùng sức mạnh djinn của mình.

John cười như mếu:

– Ý mọi người là, cháu sẽ đi một mình, đến một trong những quốc gia nguy hiểm nhất thế giới, mà không có sức mạnh djinn nào bảo vệ?

Chú Nimrod gật đầu:

- Ừm, tóm lại là như thế.
- Thậm chí là không có lấy một cái ký gửi ước?

Chú Nimrod gật đầu buồn bã:

– Không có một ký gửi ước nào. John à, cháu không có nghĩa vụ phải làm chuyện này đâu. Cháu phải đối mặt với tình thế quá hóc búa, không còn gì phải nghi ngờ về chuyện đó. Có lẽ cháu nên cân nhắc lại. Sẽ không có ai, mà nhất là chú, nghĩ xấu về cháu nếu cháu không đi đâu.

John điềm tĩnh nói:

- Cháu sẽ đi.
- Nếu cháu nhất định vậy, anh Rakshasas sẽ đi cùng cháu. Nhưng chỉ với tư cách cố vấn thôi, vì anh ấy chỉ không bị phát hiện nếu ở yên bên trong cây đèn của mình. Và dĩ nhiên, Alan và Neil sẽ đồng hành cùng cháu.

Hai con chó đồng thanh sủa một tiếng rõ to. Và ông Groanin

cũng hắng giọng lớn tiếng nhắc khéo:

– Với tất cả lòng kính trọng của tôi, thưa ngài, nhưng hình như ngài đã quên một chuyện.

Chú Nimrod chau mày:

– Hử? Tôi không nghĩ vậy đâu, anh Groanin.

– Ngài đã quên tôi, thưa ngài. Tôi sẽ đi cùng cậu bé. Có thể tôi chỉ có một tay, nhưng tôi có thể tự lo cho mình. Xin nhắc lại là tôi có thể tự lo cho mình. Và như đã nói trước đây, không có gì mà tôi không làm cho hai đứa trẻ cả.

John cảm động quá chừng trước tình cảm của vị quản gia nhà chú Nimrod:

– Ôi, cháu cảm ơn ông, ông Groanin.

Chú Nimrod mỉm cười hài lòng:

– Đúng. Anh thật cao thượng, Groanin à.

Nhưng ông Groanin chỉ lắc đầu:

– Cao thượng à? Không đâu, thưa ngài. Chỉ là có tình người. Đúng thế, tôi nghĩ đó mới là từ chính xác. Có tình người. Đôi lúc djjinn các ngài quên mất con người chúng tôi có thể làm gì.

Alan sửa lớn, như thể nhớ ra nó đã có thể làm gì khi còn là người.

John hỏi:

– Nhưng Iravotum ở đâu vậy chú? Và làm cách nào để đến đó?

Chú Nimrod tuyên bố:

– À, bây giờ đến lượt tin tốt đây. Quan tư tế tối cao Eno đã cung cấp cho chúng ta một số mô tả cực kỳ chi tiết về cách đến đó, cách tác động đến lối vào, cũng như một vài hiểm nguy mà cháu có khả

năng gặp phải trong chuyến phiêu lưu dưới lòng đất xuyên qua vương quốc Iravotum bí mật. Ông ấy thậm chí còn vẽ một tấm bản đồ hướng dẫn những lối đi thuận tiện nhất.

– Chú vừa nói là “dưới lòng đất” sao?

John tự hỏi phải đối mặt với nỗi sợ không gian chật của mình như thế nào trong một hành trình như thế này. Dùng thuốc than để ngồi trong máy bay vài tiếng là một chuyện, còn đi dưới lòng đất lại là một chuyện hoàn toàn khác.

Chú Nimrod giải thích:

– Lâu đài treo Babylon và Iravotum – nơi ở của những điều ước xấu xa và giận dữ bao quanh lâu đài – nằm vài trăm dặm bên dưới mặt đất. Phù hợp cho một nơi cần sự kín đáo, bí mật. Vị trí thật sự của nó là ngay bên dưới tàn tích Babylon cổ đại, khoảng năm mươi dặm dặm về phía nam Baghdad. Eno không nói rõ làm cách nào Ishtar và những người tiền nhiệm của bà tìm được lối vào lâu đài. Nhưng ông ấy có mô tả chi tiết sự tồn tại của một lối vào bí mật thứ hai bên dưới tháp Babel cổ đại.

John ngạc nhiên:

– Nơi đó có thật à? Cháu cứ nghĩ đó chỉ là một câu chuyện phịa về việc rất nhiều người bỗng dưng nhận ra họ đang nói vài trăm ngôn ngữ khác nhau, và không thể nào hiểu được người khác nói gì.

Chú Nimrod cho biết:

– Babel là một nơi có thật, cháu ạ. Nó nằm khoảng một trăm dặm về phía bắc Babylon, tại một nơi gọi là Samarra. Vẫn còn một cái tháp tồn tại ở đó cho đến tận ngày nay. Eno có chỉ cho chúng ta cách tìm ra lối vào bí mật bên dưới cái tháp, cũng như cách từ đó đi

đến Iravotum. Theo như những gì viết trong bộ sách, có biển ngầm dưới đó, và một người lái thuyền sẽ chở cháu vượt biển.

Ông Groanin thốt lên:

– Ô!

Rồi ông đọc lên một đoạn thơ – việc làm ưa thích của ông:

Một mình băng qua phà

Với một xu lệ phí,

Người chờ đợi trên bến Lethe Xem anh thấy ai? Không phải tôi.

Rồi cười một cách dứt khoát, ông kết luận:

– Nói rồi đó, không phải tôi à nha.

John gật đầu nói:

– Ông Groanin nói đúng đó. Chuyện này sao có vẻ hơi nhuốm màu, ảm, Gothic quá vậy chú?

Dạo gần đây, mọi thứ có vẻ hơi bị rùng rợn sờn gai ốc quá, khiến cậu bắt đầu tự vấn về sứ mạng của một djinn. Có lúc cậu nửa muốn được quay lại New York và mặc cho Gordon Warthoff bắt nạt chẳng hạn, để có cảm giác là mình được sống bình thường. Mà nhắc đến chuyện bị bắt nạt, cậu lại nghĩ đến Philippa. Cậu chợt tự hỏi không biết Philippa có thật sự làm cho mấy hột mụn của Gordon biến mất được không, và liệu chuyện đó có làm thẳng nó trở thành một người tốt hơn không. Chắc chắn cậu sẽ biết được câu trả lời nếu cậu sống sót sau thử thách đang đặt ra trước mặt và quay trở lại trường cho học kỳ tiếp theo. Nhưng có một chuyện John hoàn toàn chắc chắn. Cậu nhớ trí thông minh và những lời khuyên của em gái cậu vô cùng. Không có cô ở bên cạnh, cậu như mất đi một phần cuộc sống.

Chú Nimrod nói:

– Gothic đâu mà Gothic? Nó là chỉ là chính nó thôi, John. Dù mundane có dùng Iravotum làm nền móng cho những thần thoại và truyền thuyết vô tận của họ, nó cũng chẳng quan trọng gì mấy với djinn chúng ta.

Rồi liếc nhìn đồng hồ đeo tay, chú tuyên bố:

– Đến giờ phải đi rồi đó. Chú sẽ dùng lốc gió đưa tất cả đến thủ đô Amman ở Jordan. Đó là nơi xa nhất chú có thể đi cùng mọi người.

John hỏi:

– Jordan là đất nước kế bên Iraq phải không chú?

– Ừ. Từ đó, chúng ta sẽ tìm một phương tiện di chuyển khác, “người” hơn một tí, để đưa bốn người vượt qua sa mạc Iraq.

Vài giờ sau đó, họ đăng ký phòng tại khách sạn tốt nhất thủ đô Vương quốc Jordan. Để John và ông Groanin lại một trong vô số nhà hàng của khách sạn, chú Nimrod và ông Rakshasas ra ngoài tìm phương tiện di chuyển phù hợp cho chuyến đi. Khách sạn này khá có tiếng với giới doanh nhân và báo chí Anh, Mỹ, vài người trong số đó cũng đang có dự định băng qua biên giới Jordan để đến Iraq. Nhưng từ những câu chuyện mà John nghe lỏm được trong khi đang gặm một cái bánh hamburger ngon lành, Iraq có vẻ nguy hiểm hơn cậu tưởng.

– Ta ghét chỗ này.

Ông Groanin phàn nàn trong khi đang múc một muỗng thức ăn trẻ em đưa vào miệng. Không tin tưởng gì lắm những món ăn được nấu bên ngoài nước Anh, ông Groanin đã mang theo một cái ba lô lớn đựng vài tá hũ thức ăn trẻ em tiệt trùng, thứ ông cho là món ăn an toàn duy nhất tại một quốc gia nóng bức. Nhưng dù thức ăn trẻ

em có an toàn đến đâu, John vẫn nghĩ thấy mà ghê khi một người trưởng thành lại đi ăn cái đồng nhóp nháp màu nâu nâu được gọi là Bánh Patê Với Cà-rốt Shepherd. Và John thà bị đau bụng còn hơn phải chén cái món Phó-mát Nấu Tỏi-tây Và Súplơ. Ngửi một tẹo mùi của nó thôi đã khiến cậu muốn bệnh rồi.

Ngoác miệng cạp món hamburger yêu thích, John tuyên bố:

– Ôi, ông không biết mình đã bỏ lỡ gì đâu. Một món ăn ngon bá cháy luôn.

Ông Groanin nhún vai:

– Nếu cháu muốn ăn liều thì cứ việc tự nhiên. Nhưng mà, sau khi làm việc với chú Nimrod của cháu suốt bao nhiêu năm qua, ta rút ra kinh nghiệm là djinn mấy người hầu như có thể ăn tất cả mọi thứ mà không sợ gì hết. Ta sẽ không nói hơn nữa. Ta chẳng muốn tự làm mình bị bệnh đâu. Nhưng nếu cháu tham khảo cuốn sách mà anh Rakshasas viết, cháu sẽ hiểu ý ta muốn nói gì liền.

Trong khi đó, chú Nimrod đã tìm ra người sẵn sàng chở John, ông Groanin cùng hai con chó (đó là chưa kể đến cái đèn chứa ông Rakshasas) vượt sa mạc đến Samarra. Và ngay tờ mờ sáng hôm sau, vào lúc 4 giờ, khi trời vẫn còn tối, người tài xế đã đứng đợi họ bên ngoài khách sạn cạnh một chiếc Mercedes mui kín to dùng chạy bằng động cơ diesel.

Khi người tài xế, một cậu bé tên Darius al Baghdadi, tự giới thiệu, ông Groanin phản nản:

– Ôi trời, vì Chúa, chỉ là một cậu bé thôi sao. Cậu bao nhiêu tuổi vậy, con trai?

Darius nhe răng cười và trả lời một cách đầy tự hào:

– Cháu mười hai tuổi, thưa ông.

– Cha cậu nghĩ gì mà lại cho cậu lái xe ở cái tuổi này vậy trời?

Darius nói:

– Cha cháu mất rồi. Giờ thì cháu lo cho cả gia đình.

Cháu lái xe rất tốt. Ông có thể yên tâm về điều đó.

Chú Nimrod giải thích:

– Tất cả những người tôi gặp đều nói Darius là một trong những tài xế giỏi nhất Iraq. Cậu ấy đến từ Baghdad và biết rõ đường băng sa mạc như lòng bàn tay.

Ông Groanin hỏi:

– Vậy còn hộ vệ? Cậu nói sẽ thuê một hộ vệ mà. Anh ta đâu rồi?

Darius lắc đầu nói:

– Không nên có hộ vệ. Chỉ tổ thu hút sự chú ý thôi. Hộ vệ sẽ làm người khác nghĩ chúng ta có gì đó đáng cướp. Tốt nhất không nên có hộ vệ.

Ông Groanin, vốn là người đảm nhận nhiệm vụ lái chiếc Rolls-Royce của chú Nimrod khi họ ở London, rầu rĩ cần nài:

– Ta ghét nơi này quá đi.

Darius cười:

– Ôi, ông sẽ thích Iraq thôi. Iraq là một quốc gia tốt. Và những người dân tốt.

Bắt tay cậu bé Iraq với ánh mắt hăm mộ và có hơi chút ghen tị vì có người mười hai tuổi lại được phép lái xe, John khen:

– Chiếc xe tuyệt nhỉ.

Darius đáp:

– Những chiếc Mercedes-Benz đều mạnh mẽ và đáng tin cậy, có

điều dịch vụ với đại lý của nó thì hơi tệ tí. Đây là xe của ba tớ. Chứ tớ thì thích xe Ferrari hơn.

John tán thành:

– Tớ cũng vậy.

Darius nói:

– Tớ muốn trở thành một tay đua xe chuyên nghiệp khi lớn lên. Tham dự giải Grand Prix. Như Michael Schumacher ấy. Schumacher là người hùng của tớ.

– Tớ cũng thích anh ấy lắm.

John gật đầu tán đồng, dù cậu thích xe Indy hơn giải Grand Prix.

Darius có một nụ cười rộng mở, và một cái đầu bự. Mái tóc đen dày của cậu phủ xuống mắt, trông giống một thành viên của ban nhạc The Beatles. Cậu vận quần jean, tay đeo đồng hồ Rolex bằng vàng giả, và mặc áo thun in chữ HASTA LA VISTA, BABY. Darius bảo chiếc áo thun là món quà của một quân nhân người Anh tặng cậu. Choàng quanh eo cậu là một bao súng ngắn nhưng không dùng để đựng súng mà để đựng tiền, và một bao kiếm bạc không đựng dao kiếm mà đựng một cặp kính râm. Darius có vẻ rất khoái Alan và Neil. Cậu bảo chẳng ai nghĩ đây là hai con chó Mỹ đâu. Nhưng John và ông Groanin thì cậu bắt đến một cửa hiệu bán đồ đàn ông Ả Rập gần khách sạn, để hai người phải mua áo thobe – áo sơ mi trắng dài đến tận mắt cá chân mà đàn ông Ả Rập hay mặc – và một cái bisht – áo trùm rộng choàng bên ngoài.

Darius giải thích:

– Tốt nhất là nên trông giống người Ả Rập khi đi lại. Như vậy nếu bọn trộm cướp có để mắt đến, chúng cũng nghĩ bọn ta chẳng có

gì đáng cướp.

Cảm thấy mình trông thật ngớ ngẩn trong bộ áo dài thông lòng, ông Groanin vắn lại Darius:

– Vậy còn cậu thì sao? Cậu ăn mặc đâu có giống dân Ả Rập.

Darius nhe răng cười:

– Đúng thế. Nhưng cháu là người Ả Rập chính cống mà. Nếu có rắc rối, cháu chỉ cần nói tiếng Ả Rập là chúng sẽ tha cho cháu. Nhưng nếu nghi ngờ hai người là người Anh hay Mỹ, chúng có thể tìm cách cướp đấy.

Ông Groanin khó nhọc nuốt nước bọt và nhượng bộ:

– Ồ, có lẽ cậu nói đúng.

John nói vu vơ:

– Ước gì cháu nói được tiếng Ả Rập nhỉ.

Có vẻ hôm nay là một ngày nóng. Nhiệt độ tối hôm trước vào khoảng 90 độ F^[16], và khí hậu sa mạc đã sưởi ấm xương cốt John, trả lại cho cậu sức mạnh djinn của mình. Cho nên, cậu chỉ vừa nói lên điều ước và thăm thì từ trọng tâm của mình, cậu đã nhận ra mình có thể nói tiếng Ả Rập.

Sau đó, khi nghe John nói tiếng Ả Rập và biết chuyện gì đã xảy ra, chú Nimrod nhắc:

– Cháu nên cẩn thận với những chuyện như thế này. Chuyện hoàn thành điều ước ấy. Nhớ nhé. Một khi vượt qua biên giới Iraq, cháu tuyệt đối không được dùng sức mạnh djinn. Không lại bị Ayesha phát hiện thì hỏng việc.

Rồi giao cho John một cái điện thoại cầm tay, chú dặn:

– Khi nào lên lại trên mặt đất, gọi chú ở Amman này nhé. Trước

đó chắc không có sóng để gọi đâu.

Cả Alan và Neil sửa lớn một tiếng trước khi nhảy phốc vào ghế sau xe.

Ông Groanin bắt tay chú Nimrod thật chặt và nói:

- Tạm biệt ngài.
- Tạm biệt anh Groanin. Và cảm ơn anh rất nhiều.

Viên quân gia người Anh trèo vào ghế sau xe. Ngồi xuống bên cạnh hai con chó giống Rottweiler, ông bắt đầu giở tờ báo *Daily Telegraph* của mình ra đọc.

John hỏi chú Nimrod:

- Chú sẽ làm gì trong khi tụi cháu ở Iraq?

Chú Nimrod nói:

– Đảm bảo là chú sẽ rất bận. Muốn ngăn Ayesha biến em cháu thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo, chúng ta phải tìm cho Ayesha một người thay thế phù hợp. Và phải tìm ra người đó càng sớm càng tốt.

- Chắc chẳng ai muốn nhiệm vụ đó đâu.

Chú Nimrod đáp:

– Không hẳn vậy. Một phần vấn đề ở đây là trái tim cứng như thép của Ayesha đã làm bà mất khả năng thuyết phục người khác. Bà ấy già rồi, lại đối xử với nhiều djinn không đúng cách. Nhưng khả năng ngoại giao của chú thì tốt hơn bà nhiều. Cho nên, chú hoàn toàn có thể thuyết phục người khác dễ hơn Ayesha.

- Vậy chú dự định tìm kiếm ở đâu?

– Chú sẽ thử vận may ở Monte Carlo xem sao. Đó là thủ đô của sự xui xẻo ở châu Âu, và ở đó có một người có thể phù hợp.

Chú Nimrod ôm John vào lòng thật chặt, rồi giả bộ xoa hai tay đầy hứng thú, nhằm giấu nỗi lo lắng khi phải đứng nhìn đứa cháu trai yêu quý đi vào chỗ hiểm nguy.

- Ừm, vậy tạm biệt cháu nhé, John. Và chúc cháu may mắn.
- Tạm biệt chú, chú Nimrod.

Nói rồi John nhanh chóng nhảy vào ghế trước chiếc Mercedes, để chú Nimrod không kịp nhìn thấy sự sợ hãi của cậu. Quay nhìn Darius, rồi liếc sang ông Groanin, cậu hỏi:

- Chúng ta mang đủ đồ chưa, ông Groanin?

Như bất cứ người quản gia giỏi giang nào, ông Groanin có cả một danh sách chi tiết.

– Điện thoại, sạc pin, hộp cứu thương, nước uống, trà đóng gói, đèn pin, dù, khăn ướt, thức ăn cho chó hiệu Mutt “n” Pooch – năm mươi sáu lon, giấy vệ sinh, thức ăn trẻ em – năm mươi sáu hũ, bánh bạc hà Kendall, sandwich Ả Rập... ta nghĩ vậy là đủ rồi.

John ngạc nhiên hỏi lại:

- Dù? Chúng ta mang theo dù làm gì ạ?
- Dĩ nhiên để phòng trời mưa rồi.

John xem chết sặc vì cười:

- Làm gì có mưa trong sa mạc hả ông.

Ông Groanin vẫn khẳng khẳng:

– Ta nghĩ kiến thức của cháu bị sai lệch rồi đó. Ở đâu mà chẳng có mưa. Và quan điểm của ta là cứ chuẩn bị trước không bao giờ thừa cả.

Từ bên ngoài cửa sổ xe, chú Nimrod hỏi với vào:

- Này, mọi người có quên gì không đấy?

Rồi chú đưa cho John quyển sách bọc da chứa bản dịch tiếng Anh bộ *Bellili Scroll* của ông Virgil Macreeby.

– Quyển sách của Eno đây.

John mỉm cười với chú:

– Vâng. Tụi cháu sẽ cần đến nó.

Bằng qua ngoại ô Amman, John gần như ngay lập tức nhìn thấy tấm biển thông báo Samarra cách đây 500 km, nghĩa là khoảng hơn 300 dặm. Một hành trình kéo dài chừng sáu đến bảy tiếng đồng hồ đang chờ họ phía trước. Hoặc có thể ít hơn, với vận tốc lái xe hiện tại của Darius. John nghĩ cậu bé người Iraq này có kỹ thuật lái xe thật tuyệt, nhất là khi cậu ta phải kê mông vài cuốn danh bạ điện thoại Baghdad để có thể nhìn được bảng đồng hồ xe. Chiếc Mercedes còn được điều chỉnh lại vài chỗ để Darius có thể lái nó dễ dàng hơn. Mỏm đánh của một cây gậy golf được buộc vào cần sang số, và chiều cao của bàn đạp chân được một thợ hàn lành nghề gia tăng bằng một loạt lon cà phê rỗng. Khi những tia nắng đầu tiên trong ngày bắt đầu rọi sáng, họ đã bon bon trên con đường xuyên sa mạc, xuyên qua những vùng đất vắng bóng cây, khô cằn như trên sao Hỏa. Đây cũng là nơi Darius bắt đầu đạp lún ga.

Ông Groanin phản nản:

– Cậu ta có cần phải chạy nhanh như vậy không?

Darius bật cười khanh khách:

– Yên tâm đi, cháu là một tay lái xịn mà.

Rồi chạm tay vào bức hình Michael Schumacher treo trên kiếng chiếu hậu như để lấy may mắn, Darius tiếp tục tăng tốc. Cậu nói:

– Thấy chưa? Rất nhanh. Giống như Schumacher, đúng không?

Ông Groanin dựa lưng vào ghế, rên rỉ thật to, rồi bắt đầu mở một hũ Thịt Heo Nướng với Nước Sốt Táo ra ăn để lấy lại tinh thần.

John hỏi Darius:

– Cậu lấy bằng lái xe khi nào thế?

Cậu bé Iraq cười khì khì:

– Ôi dào, bằng lái xe gì chứ? Tổ chả có bằng lái xe nào cả. Chỉ có một gia đình để lo thôi. Mẹ và bốn chị em gái.

Cần quái gì bằng lái xe chứ.

Ông Groanin lại rên to lần nữa. Cẩm tờ báo ra hai ngày trước của mình lên đọc, ông cố lơ đi chuyện đang xảy ra ở hàng ghế trước.

Xe của họ không phải là chiếc duy nhất hướng về phía Baghdad. Ngay khi rời khỏi Amman, đã có ba chiếc Range Rover trắng chạy sau đuôi họ, phía trên chở vài phóng viên, nhiếp ảnh gia phương Tây cùng những vệ sĩ vũ trang đầy đủ. Gật đầu với họ qua kiếng chiếu hậu, Darius vui vẻ quay sang hỏi John:

– Họ đang cố đuổi kịp chúng ta đấy. Cậu muốn tó cắt đuôi không?

Ông Groanin la lối:

– Ôi, Chúa ơi, không. Đi đông người chắc chắn an toàn hơn.

Darius lắc đầu:

– Ở sa mạc này thì không đâu. Có thể đông người đồng nghĩa với an toàn ở Anh hay Mỹ. Nhưng ở đây, đông người đồng nghĩa với mục tiêu chú ý đó. Cháu nghĩ tốt nhất chúng ta nên đi một mình.

Ông Groanin phản đối:

– Còn ta không nghĩ vậy. Mà sao chúng ta không thử ngừng lại

để xem họ có ngừng theo không? Có thể họ sẽ có tờ báo nào mới hơn tờ này cũng nên.

Darius nhún vai:

– Ok, sao cũng được. Mọi người là chủ mà. Nhưng tốt nhất là đợi đến Safawi hãy ngừng.

Trị trấn Safawi của Jordan là một trạm dừng xe, nơi tài xế của những chiếc xe đồ sộ có thể kiểm chút thức uống lạnh cùng một xiên thịt nướng kebab, hoặc một ổ bánh mì kẹp từ một trong nhiều quầy bán bánh trước mặt nhà. Darius quẹo xe khỏi đường quốc lộ và ngừng lại trước một trạm xăng dã chiến. Ba chiếc Range Rover bắt chước cậu, và một tốp nam nữ bước xuống. Một trong số họ, một phụ nữ với khuôn mặt xinh đẹp nhưng nghiêm nghị, tiến về phía John trong khi những người tài xế nạp thêm xăng và ông Groanin năn nỉ hỏi xin họ một tờ báo mới.

Người phụ nữ mặc một cái áo sơ mi đen, quần và ủng đi ngựa đen, áo jacket của lính phòng không màu đen, và một cặp mắt kính đen. Cô đeo vài cái máy ảnh quanh cổ, như cách mà các ca sĩ nhạc rap đeo huân chương, vòng cổ. Cô hỏi John:

– Em là người Anh à?

John trả lời:

– Người Mỹ ạ.

– Em làm gì ở ngoài này chứ? Đây không phải công viên trò chơi. Nơi này nguy hiểm lắm. Cái người một tay đằng kia là cha em hả?

– Không, ông ấy không phải cha em. Ừm, cảm ơn chị đã quan tâm, nhưng đừng lo lắng cho em. Em ăn mặc như một người Ả Rập. Em nói tiếng Ả Rập trôi chảy. Và em ngồi xe mang biển số Ả Rập.

Không giống chị. Em nghĩ em an toàn hơn nhiều so với chị đấy.

Người phụ nữ mỉm cười:

– Em nói đúng.

Cô giờ tay ra, và John vừa cẩn thận bắt tay cô vừa giới thiệu tên mình.

Người phụ nữ giới thiệu lại:

– Chị là Montana Retch. Làm cho tòa soạn báo *Beretta Press*. Chắc em có đọc một số bài báo chị viết nhỉ?

John lắc đầu:

– Ừm, không ạ.

– Cũng không sao. Mà này nhóc, em có phiền nếu chị chụp ảnh em không?

Nói chưa hết câu, cô Retch đã mở nắp đậy của một trong những cái máy ảnh đeo quanh cổ. Cô nói tiếp:

– Chả mấy khi tụi chị thấy một đứa trẻ người Mỹ ở quanh đây. Nhất là một đứa trẻ ăn mặc như em. Có phần giống nhân vật chính trong bộ phim *Lawrence ở Ả Rập* đấy chứ.

John mỉm cười, hơi phồng mũi tự hào. Giống nhân vật chính của *Lawrence ở Ả Rập* nghe cũng không tệ.

Cậu nói:

– Chị chụp đi. Cứ tự nhiên.

Liếc nhìn cậu qua ống kính máy ảnh, cô hỏi:

– À mà em đang đi đâu thế?

– Samarra ạ.

– Có chuyện quan trọng ở đó à?

John nói:

– Không có chuyện gì ở đó từ thế kỷ thứ bảy đến giờ cả. Đó là khi người Ba Tư chinh phục người Ma Rốc. Ít nhất đó là điều cuốn sách hướng dẫn du lịch Iraq nói.

Vẻ mặt hơi thất vọng, cô Retch nói:

– Ô, vậy hả? Mà chị chỉ tò mò hỏi vậy thôi. Con gái mà.

John quay lưng nhìn về phía sau khi ông Groanin huýt sáo gọi cậu rõ to, tay vẫy vẫy một tờ báo. Ở phía trạm xăng, Darius đã nạp đầy xăng cho chiếc Mercedes.

John bảo:

– Em phải đi rồi.

Cô Retch nói:

– Ồ. Rất vui được nói chuyện với em, John.

– Em cũng vậy, Retch. Chúc chị có một chuyến đi may mắn.

– Cảm ơn. Chị trông cậy vào lời chúc của em đấy nhé.



CHƯƠNG 13

Ngày châu chấu

Khoảng giữa trưa, họ tới biên giới Iraq. Ở không ít hơn sáu trạm kiểm soát, họ đã phải xuất trình hộ chiếu của mình cho nhân viên hải quan Jordan, rồi sau đó là cho nhân viên hải quan Iraq. Hộ chiếu Mỹ của John cùng vẻ ngoài nhỏ tuổi của cậu thu hút không ít sự chú ý, tuy nhiên cậu và ông Groanin vẫn bám sát câu chuyện mà chú Nimrod đã dựng ra cho họ – rằng ông Groanin đang dẫn John đến gặp người bà mà cậu chưa bao giờ gặp mặt. Sau vài tiếng đồng hồ giải thích và chờ đợi, cuối cùng họ cũng được phép tiếp tục cuộc hành trình.

Ở bên này biên giới Iraq, con đường cao tốc trông có vẻ tốt ngang ngửa những người anh em của nó ở Mỹ. Thành lan can chạy dọc theo chiều dài con đường, và cứ mỗi sáu mươi dặm, họ thậm chí còn thấy những cái bàn picnic bằng xi măng được che dù kim loại hằn hoi. Ở điểm dừng kế bên một cánh đồng ngô, họ ngừng lại để ăn trưa, và đó cũng là lúc ông Groanin phát hiện cái ba lô đựng thức ăn trẻ em của ông đã bị lấy cắp – có lẽ là tại một trong những trạm kiểm soát. Sau một hồi lục tìm khắp chiếc xe, họ nhận ra cái thùng lạnh chứa bánh sandwich kẹp nhân của John và Darius cùng với tất cả các lon thức ăn cho chó của Alan và Neil cũng không cánh mà bay.

Ông Groanin cầu nhàu:

– Hồng hết rồi. Giờ thì chúng ta biết làm sao đây?

John hỏi Darius:

– Ai lại đi trộm năm mươi sáu lon thức ăn cho chó chứ?

Darius cho biết:

– Một vài người Iraq rất, rất là nghèo. Họ có lẽ không từ chối cả thức ăn cho chó đâu. Chúng ta có thể kiếm ít thức ăn gần Fallujah. Tôi biết vài chỗ tuyệt lắm. Nhiều sandwich kẹp thịt. Nhiều thứ khác nữa.

Ông Groanin rùng mình:

– Thôi thôi, cảm ơn. Không khéo lại bị dãi đúng thức ăn cho chó của chúng ta cũng nên.

John chỉ tay vào cánh đồng ngô và gợi ý:

– Nè, chúng ta có thể kiếm đồ ăn ở đó.

Darius trả lời lại bằng tiếng Ả Rập:

– Mấy trái bắp đó còn non lắm, ăn sao nổi.

Vốn ghét món bắp ngô y như ghét món bông cải xanh, John bảo:

– Tôi đâu có nói đến bắp ngô. Không, tôi đang nghĩ đến một thứ khác cơ.

Theo cuốn *QBRG*, những djinn sống ở sa mạc thỉnh thoảng ăn món *jarad*, nghĩa là châu chấu và ấu trùng châu chấu (món này thậm chí còn được những djinn sành điệu coi như cao lương mỹ vị ấy chứ). Khi đọc về vụ này lúc còn ở khách sạn tại Amman, John đã nửa kinh sợ nửa hứng thú với món *jarad*. Khi đó, cậu không bao giờ nghĩ mình có thể ăn *jarad*. Nhưng hiện tại, khi đang ở giữa sa mạc nóng hầm hập với một cái bụng đói meo, cậu không còn cảm thấy

buồn nôn với ý nghĩ ăn thử món ăn đặc trưng djinn này. Cho nên, vũ trang với một cái giỏ đi chợ trên tay, cậu len vào cánh đồng bắp ngô để thử tìm châu chấu cũng như những ấu trùng đủ lớn để ăn.

Dịch châu chấu là một vấn đề nghiêm trọng cho nông dân ở đây, và con châu chấu đầu tiên John tóm được dài đến tám inch^[17] Dưới cặp mắt djinn đói mèm của John, con châu chấu giống hệt một miếng thịt vuông vức, và chỉ trong vòng chưa đầy mười phút, cậu đã hớn hở xách cái giỏ đầy căng ra bàn picnic, nơi Darius đã nhóm sẵn một đống lửa nhỏ để đun nước pha trà và cà phê.

Ông Groanin thiếu điều té xỉu vì hoảng sợ. Ông hỏi:

– Cháu không định ăn cái thứ này đấy chứ?

John giải thích:

– Theo cuốn *QBRG* thì món này ngon lắm. Ông biết không, trong Kinh thánh cũng có nhắc đến việc ăn châu chấu đấy. Châu chấu và mật ong thiên nhiên.

Nội nghĩ đến việc ăn châu chấu là đã thấy bệnh, ông Groanin rên rỉ:

– Có nhiều món được nhắc đến trong Kinh thánh mà ta và cháu chẳng muốn đụng tới đâu, John. Xin lỗi, nhưng ta thích món ăn của mình nằm yên trên đĩa khi đang ăn thôi.

Giữ chặt cái giỏ để đám tù nhân đang cựa quậy liên hồi của cậu không thể thoát được, John quay ngược ra xe để xin ý kiến ông Rakshasas, người vẫn ở yên trong cây đèn của mình, về cách làm món *jarad* tốt nhất. Và vị djinn lớn tuổi bảo cậu đầu tiên nên tìm cái gì đó để xiên mấy con châu chấu, giống như một cái que xiên thịt kebab. Nhìn xuống sàn xe, John phát hiện một thứ có vẻ thích hợp.

Cậu hỏi:

– Một cái cần gạt xe gãy được không ông?

Ông Rakshasas nói:

– Ồ, được chứ. Xiên chúng, nướng chúng trên lửa, rồi ngắt đi phần chân, đầu và ngực như cách cháu ăn món ghẹ ấy. Phần thân còn lại ăn sẽ ngon lắm đấy. Thật sự ta cũng muốn dùng món *jarad* với cháu lắm. Lâu rồi ta chưa được nếm lại món đó mà.

Nhưng rồi ông thở dài và nói:

– Nhưng tốt nhất ta nên ở yên trong đèn. Mất công Ayesha nhận ra thì mệt.

Sau khi nướng chừng sáu hoặc bảy con châu chấu bằng cái xiên đã chiến của mình, John giờ đang chuẩn bị ăn thử một con. Nghe theo lời hướng dẫn của ông Rakshasas, cậu ngắt chân và đầu nó ra. Darius và ông Groanin kinh hãi nhìn John đặt con châu chấu vào trong miệng và bắt đầu nhai, ban đầu từ từ rồi sau đó nhanh hơn khi cậu bắt đầu thích mùi vị của nó.

Cậu nhận xét:

– Mọi người biết gì không? Món này ngon lắm đấy. Gần giống vị trứng luộc pha tôm càng.

Ông Groanin quay mặt đi chỗ khác, tay ôm bụng như muốn ói đến nơi. Ông thều thào nói:

– Chắc ta bệnh mất.

Hai con Alan và Neil cũng đứng ngó, nhưng khác Darius và ông Groanin, chúng đang thèm nhở dãi món ăn đầy ngẫu hứng của John. Ngồi bẹp trên đất, chúng liên tục cựa quậy, liếm mỏ và rên ư ử như sắp chết đói đến nơi khi ngó John nuốt hết một con châu

chấu và đang chuẩn bị ăn con tiếp theo.

John hỏi tụi nó:

– Tụi mày muốn thử không? Hai con chó sữa lớn đồng ý.

John đưa cho Alan và Neil vài con châu chấu còn nóng hổi, rồi quay qua nướng thêm mấy con nữa. Quay qua nhìn hai bạn đường loài người của mình với ít nước sốt châu chấu chảy từ khóe miệng xuống cằm, cậu hỏi:

– Hai người thật không muốn thử một miếng à? Nhìn vậy chứ ngon lắm đó.

Ông Groanin nuốt nước miếng một cách khó nhọc và kiên quyết lắc đầu:

– Thôi khỏi, cảm ơn nhiều. Ta thà chết đói còn hơn.

Cho thêm một con châu chấu nữa vào miệng, John nhún vai:

– Tùy ông thôi. Ông muốn chết thì cháu sao cản nổi.

Ông Groanin xì một tiếng:

– Ai chết chưa biết à.

Nhưng Darius thì gật đầu:

– Ờ, có lẽ tớ thử một miếng vậy.

Nói rồi cậu rút một con châu chấu ra khỏi cái cần gạt xe giờ đã đen ngòm.

– Vậy mới được chứ.

John tán thành bằng tiếng Ầ Rập trôi chảy, rồi giúp Darius gỡ chân con châu chấu.

Darius gặm nhẹ vào thân con châu chấu, nuốt một cái rồi quay qua nhe răng cười với John:

– Cậu nói đúng. Món này được đó.

Tiếp tục ăn hết con châu chấu của mình, cậu hỏi:

– Ồ mà sao cậu nói tiếng Ả Rập hay thế? Rồi cái trò nói chuyện với cây đèn mới này nữa? Cậu có khả năng nói tiếng bụng à?

Rồi ăn tiếp một con châu chấu nữa, Darius nhận xét:

– Xém nữa tớ nghĩ đó là giọng nói của một djinn đấy. Và djinn đó có lẽ là nô lệ của cậu.

John nói:

– À, thật ra tớ chính là một djinn đấy.

– Cậu nói giỡn hả?

– Thiệt đó.

Darius gục gặc đầu hài lòng:

– Vậy thì tốt quá. Nếu có ai đó đến cướp, cậu có thể biến chúng thành châu chấu và chúng ta sẽ có món châu chấu nướng tiếp.

John nói:

– Rất tiếc là tớ không được phép sử dụng sức mạnh của mình. Cậu biết không, em gái tớ, Philippa, đã bị một djinn rất mạnh bắt cóc, và tớ đang đi giải cứu nó đây. Nếu tớ dùng sức mạnh của mình, djinn đó sẽ biết tớ đang ở đây, và sẽ mang em tớ đi giấu chỗ khác. Hoặc sẽ dùng sức mạnh của bà ấy chống lại chúng ta.

Chuyển qua tiếng Anh để ông Groanin cũng có thể hiểu, Darius nói:

– Tớ hiểu rồi. Vậy thì chúng ta chỉ còn cách hy vọng không gặp phải tên trộm cướp nào thôi. À nhưng có lẽ nên cầu không đụng độ Utug và Gigim thì hơn. Tớ chưa bao giờ gặp chúng, nhưng tất cả mọi người ở khu này đều biết chúng. Chúng là hai con quái vật lấy

sa mạc làm nhà. Chúng ta sắp phải băng qua lãnh địa của chúng đấy. Từ khi chiến tranh nổ ra đến giờ, chúng thường thường để yên cho mọi người.

Nhưng rồi cậu nhún vai nhận xét:

– Nhưng một djinn trẻ như cậu à? Ai biết được chúng sẽ làm gì nếu biết cậu ở đây, John. Có thể chúng sẽ đòi cậu cống nạp đồ cũng nên. Nghe bảo chúng thường làm vậy mà.

Ông Groanin hỏi:

– Chúng ta có đồ cống nạp gì không?

John nhún vai và quay sang hỏi ông Rakshasas. Ông trả lời:

– Đồ cống nạp cho quái vật thường là một bữa ăn ngon lành hoặc một kỳ hoa dị thảo nào đó. Hoặc có thể là một loại ngọc quý.

Ông Groanin gật đầu:

– Vậy thì tốt. Chúng ta có cả đồng ngọc ở đây.

Rồi lắc đầu chán chường, ông giục:

– Chúng ta đi thôi. Ở đây nữa mất công ta lại đổi ý muốn ăn thử mấy con bò lồm ngồm đó mất.

Một tiếng đồng hồ sau, họ băng ngang một hồ bom lớn nằm ngay giữa lòng đường cao tốc, và một cái xe chở lính bỏ hoang. Hai chiếc trực thăng bay vụt trên đầu họ, và ở phía xa, họ có thể thấy một cụm khói đen bốc lên từ một giếng dầu đang cháy. Mấy phút sau đó, Darius buộc phải quẹo tay lái về một bên để tránh một chiếc xe từ phía sau đang chạy xộc đến. John hét lên khi nhận ra một người đàn ông bên trong xe đang chĩa súng về phía họ.

Darius lập tức ngoặt tay lái về hướng ngược lại và đạp lún ga. Từ đằng sau, họ nghe vài tiếng súng nổ, và tiếng một thứ gì đó

bằng kim loại đập vào xe, nhưng cậu bé người Iraq vẫn giữ bình tĩnh, cũng như giữ nguyên chân cậu dưới sàn xe – hoặc ít nhất gần sàn xe nhất có thể. Phải sau mấy dặm nữa, cậu mới nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga, và điều khiển chiếc xe quẹo về phía một đám cọ thưa thớt, nằm cách mặt đường chừng trăm thước.

Thở dài nhẹ nhõm, cậu tuyên bố:

– May, chúng ta cắt đuôi bọn chúng rồi.

Ông Groanin hỏi:

– Tại sao không chạy nữa mà lại ngừng ở đây?

Darius trả lời:

– Vì chúng ta cần phải thay lốp xe, thưa ngài. Lủng lốp rồi. Chắc bị một viên đạn bắn trúng.

Ông Groanin gật đầu:

– Thôi kệ, của đi thay người, thế cũng may.

Darius ngừng xe đằng sau một đụn cát lớn để không ai chạy trên đường có thể thấy họ. Bước xuống xe, cậu dặn dò:

– Làm ơn đừng ai gây ồn ào nhé. Ở đây là ngay rìa khu vực của quái vật đấy. Trộm cướp cũng không ít đâu. Đáng lẽ không nên ngừng ở đây mới đúng.

Mấy giây kiểm tra sơ bộ sau đó chứng tỏ nghi ngờ của Darius là có cơ sở. Họ phải thay lốp xe nếu muốn đi tiếp. John hỏi:

– Tổ giúp được không?

Darius gật đầu:

– Được chứ. Cảm ơn.

Ông Groanin cũng xắn tay áo lên giúp, dù ông không giúp được gì nhiều vì chỉ có một tay. Trong khi đó, Alan và Neil đi dạo xung

quanh, làm những việc loài chó thường làm. Nhưng một phút sau đó, chúng đã sửa nhặng xị cả lên và đuổi theo một con cáo – cũng là một việc mà loài chó thường làm. John giận dữ gọi chúng ngừng lại:

– Tụi mày không nghe Darius nói gì hả? Đã bảo đừng gây ồn ào mà.

Con Alan cúi đầu liếm tay John như hối lỗi trước khi chạy đến đọc trang đầu tờ báo của ông Groanin, trong khi con Neil nhảy lên xe, bật radio lên ở mức âm thanh nhỏ, và dí tai vào sát một cái loa để nghe đài Baghdad.

Quan sát hai con chó, Darius nhận xét:

– Hai con chó của cậu thông minh thật đấy.

John đáp:

– Đó là vì chúng không thật sự là chó. Chúng là bác tớ đấy.

Rồi cậu giải thích cho Darius nghe việc mẹ cậu đã biến hai người bác độc ác thành hai con chó giống Rottweiler để trừng phạt âm mưu giết cha cậu của họ.

Darius nói bằng tiếng Ả Rập:

– Tớ cũng muốn biến người đã giết cha tớ thành một con chó.

Lấy cái giá đỡ xe ra khỏi thùng hành lý, cậu nhe răng cười với John:

– Có lẽ cậu có thể giúp tớ chuyện đó.

Nhớ lại cảm giác tội lỗi khủng khiếp khi bị buộc phải biến Finlay Macreeby thành chim cắt, một chuyện có lẽ sẽ làm cậu day dứt cả đời, John lắc đầu:

– Không, tớ không thể. Tớ không muốn làm chuyện đó. Với bất cứ ai.

– Tiếc nhĩ.

Vừa vặn ốc bánh xe, Darius vừa nhận xét:

– Nhưng nói thẳng nhé, tớ thật sự thấy làm djinn chẳng ích lợi gì nếu cậu không biến ai đó thành động vật. Đặc biệt là những người cậu ghét cay ghét đắng.

Đến giờ thì mặt trời đã bắt đầu lặn, và trong suốt thời gian làm việc với cái bánh xe, Darius không ngừng liếc nhìn sau lưng và lẩm nhẩm một câu thần chú Ả Rập chống lại hai con quái vật sa mạc cậu đã nhắc đến trước đó.

Chỉ tay vào cái gương chiếu hậu xe, Darius giải thích với ông Groanin:

– Utug và Gigim khét tiếng là thiếu lòng nhân từ và độ lượng. Nếu thấy chúng, phải dùng kính để phản chiếu hình ảnh của chúng liên, vì chúng sợ chính khuôn mặt chúng. Ừm, ít nhất đó là điều cha cháu bảo cháu.

Darius và John chỉ mới gỡ cái bánh xe hỏng ra và đang bắt đầu đặt cái bánh mới vào trong trục xe, thì cậu bé tài xế bỗng nhiên đứng bật dậy như thể nhìn thấy một cái gì đó rất đáng sợ. Không nói tiếng nào, Darius đưa tay chỉ về một sườn đồi, nơi có hai cái dáng kỳ lạ đứng lù lù ngược bóng nắng. Và ngay khi John nhìn theo hướng tay chỉ của Darius, hai con Alan và Neil đã hiện ra ngay bên cạnh cậu, miệng gầm gừ như thể cảm nhận được mối nguy đối với cậu chủ trẻ và bạn bè cậu.

Ông Groanin hỏi:

– Cái gì vậy?

Darius thì thào:

– Utug. Và Gigim. Những quái vật sa mạc. Thánh Ala ơi, nhìn chúng giống những con châu chấu khổng lồ ấy.

Nuốt nước miếng một cách khó nhọc, cậu lắc đầu sợ hãi với John:

– Thiếu sư phụ ơi, tổ sợ chúng ta đã chọc giận chúng rồi.

Đó là sự thật. Hai cái dáng bụi ngang ngửa một người đàn ông cao to đang đứng trên sườn đồi tuy có chân tay giống người, nhưng lại có đầu và cánh giống như những con châu chấu khổng lồ. Nhận ra chúng đã bị nhìn thấy, hai con quái vật bay vụt lên không trung với tiếng rù rù lớn khủng khiếp và nhắm thẳng về phía chiếc xe.

Chụp lấy cây đèn chứa ông Rakshasas từ ghế trước, John hét lớn:

– Có hai quái vật sa mạc đang hướng về phía chúng ta. Darius gọi chúng là Utug và Gigim. Cháu cũng không rõ đó có phải là tên thật của chúng không. Nhưng chúng có hình dáng của hai con châu chấu khổng lồ.

Từ bên trong cây đèn, ông Rakshasas trả lời vọng ra:

– Sau bữa tiệc *jarad* của cháu à? Đúng là không may rồi. Chúng sẽ không dễ tha thứ chuyện cháu xơi mất bạn bè của chúng đâu. Quái vật sa mạc nổi tiếng nóng tính, đó là lý do tại sao chúng sống ở sa mạc. Những sinh vật dữ tợn và nóng nảy thuần chủng, chẳng có lấy một cái xương biết điều nào trong người. Thôi đúng rồi, chúng sẽ sôi sùng sục với cháu đấy, John.

Nhìn lũ quái vật đang bay lại gần, John lo lắng giục:

– Ông nghĩ gì đi chứ? Cách đối phó với chúng ấy?

Nhưng đã quá trễ. Hai con quái vật sa mạc đã đáp xuống ngay trước mặt John, Darius và ông Groanin. Alan và Neil nhe răng gầm

gừ với hai con quái vật kinh tởm, nhưng John giữ chặt lấy dây xích cổ của chúng, vì cậu biết nếu tấn công hai con quái vật, chúng sẽ bị đánh chết ngay. Mô tả của Darius hoàn toàn chính xác. Utug và Gigim trông có vẻ không thêm biết “nhân từ”, “độ lượng” có nghĩa là gì. Không những thế, sự giận dữ dường như phát nhiệt ra ngoài thân thể chúng. Nhiệt độ bên ngoài ở vào khoảng 120 độ F^[18], nhưng đứng gần hai con quái vật, trời nóng như thể ai đó đang mở toang cánh cửa lò nướng. John nghĩ thầm, nếu cái nóng cộng thêm này đúng là từ sự giận dữ của hai con quái vật thì quả là họ đang gặp rắc rối to. Trong khi đó, ông Groanin luống cuống quay cái gương chiếu hậu để nó phản chiếu hình ảnh khủng khiếp của hai con quái.

Utug, con quái vật cao hơn, bật cười:

– Ê, tao nghĩ thằng cha đó đang muốn hù dọa chúng ta bằng chính hình ảnh phản chiếu của chúng ta kìa.

Giọng nói của nó trầm và khô khốc, nhưng chính tiếng cười của nó làm John nổi cả da gà – bắt đầu giống như một tiếng ho khô khè, rồi tiếp tục trong vòng vài giây mà không có lấy một hơi ầm nào.

Với một cái giọng khô khốc không kém, Gigim nhận xét:

– Đáng thương thật.

Giống như Utug, khuôn mặt châu chấu của Gigim, với một số nét giống người như ở miệng và cặp mắt to đùng, luôn ở trạng thái nhăn nhó vĩnh viễn. Ngộ nguây cặp râu trên đỉnh đầu tọc lóc màu nâu đậm của mình, nó chỉ tay vào ông Groanin và nói:

– Mà nhìn kìa, thằng chả chỉ có một tay.

Ném cái nhìn chế nhạo về phía John, Utug nói:

– Có khi thằng nhóc djinn kia đã bẻ gãy tay chả để xơi cũng nên. Giống như cách nó làm với những thằng bạn bay lượn của chúng ta. Cá là tao có thể ngửi thấy mùi chúng trong hơi thở của nó, cũng như nghe được tiếng chúng giãy giụa trong bụng nó. Để coi mày sẽ cảm thấy thế nào nếu bị xiên và nướng sống trên than đỏ, rồi bị nuốt trọn vào bụng nhé.

Gigim gầm gừ:

– Mày chưa hề nghe nói đến quyền động vật hả, ranh con? Ngay tại Iraq này cũng có đạo luật chống lại những kẻ tàn bạo như mày đấy.

John dũng cảm thanh minh:

– Thật sự tôi không biết những con châu chấu đó là bạn của hai ông. Nếu biết, tôi sẽ không bao giờ đụng đến chúng. Tôi thật sự xin lỗi.

Khói bốc ra từ hai vết lỗ tai nhỏ còn lại trên đầu như thể cơn giận của nó đang nóng lên từng giây, Utug nhếch mép cười khinh bỉ:

– Mày nghĩ chỉ cần xin lỗi là xong chuyện à? Để tao nói cho mày biết nhé, thằng ranh djinn: Châu chấu cũng có cảm giác đấy.

Gigim nói thêm:

– Không chỉ cảm giác. Quyền. Quyền được sống như bất cứ djinn hay con người nào.

Bước một bước dài về phía ông Groanin, Utug tuyên bố:

– Thằng mập này để tao. Tiếc là nó chỉ có một tay. Tao là khoái ăn tay nhất. Nhất là những ngón tay.

– Ồ, phần da trên ngón tay đúng là ngon tuyệt. Nhưng tao thì

lại khoái nhai đầu hơn. Nhất là những cái đầu nhiều tóc, như thằng nhãi loài người kia.

Những cơn lốc gió nhỏ quay quanh ngón chân Gigim, bắn tung bụi cát nóng hổi lên không trung, và làm mắt mũi John muốn chảy nước vì cay. Cậu hắt xì thẳng vào Gigim, và nước đờm của cậu văng trúng phần da ngực nâu bóng của con quái vật sa mạc như trái trứng sống rớt xuống chảo nóng.

Gigim nhăn nhó:

– Ô, thằng nhóc, mày lịch sự gớm nhỉ?

Utug xúi:

– Mày cứ xé xác nó ra từng mảnh cho tao. Cho chữa cái tội lão toét.

Alan và Neil sửa lớn.

– Nhai luôn mấy con chó. Tao ghét bản mặt xấu xí của tụi nó.

Ông Groanin hét lên với John:

– Làm gì đi chứ. Không thành thịt nướng cả lũ bây giờ.

John nói:

– Cháu không thể. Nếu cháu sử dụng sức mạnh của mình, Ayesha sẽ biết. Chúng ta sẽ không còn cơ hội cứu Philippa nữa.

Rên lên một tiếng đau đớn vì bị Utug chọc một ngón tay dài xương xẩu vào người, ông Groanin phản đối:

– Chúng ta mà chết thì cũng chẳng còn cơ hội cứu ai đâu. Ôi, tụi này là lửa hay sao chứ? Ngón tay của nó không khác gì một cái que cời lửa đỏ au ấy.

Darius nói với ông:

– Đúng thế. Cái nóng của nó thật quá khủng khiếp.

Nói rồi cậu cong lưng chạy thẳng vào sa mạc.

Gigim bật cười khò khè:

– Ô tốt. Xử xong đám này chúng ta có thể đi săn thẳng nhóc đó. Tao khoái món ăn của tao biết chạy. Vậy vui hơn.

Rồi chọc một ngón tay nóng đỏ vào John, nó hỏi:

– Sao mày không chạy luôn đi? Hoặc tốt hơn sao mày không thử tự cứu mình bằng sức mạnh của mày? Cứ tự nhiên. Thử đi chứ.

Nhìn cách nó cười đầy giễu cợt, John nghĩ cho dù có dùng sức mạnh djinn của mình, chưa chắc cậu đã chặn được hai con quái vật.

Utug nhận xét:

– Một thằng nhãi hỉ mũi chưa sạch thì làm được gì. Ha ha ha.

Gigim nhe răng cười phụ họa:

– Đúng thế. Nhóc tí ướt nhẹp như vừa mới thay tã. Ha ha ha.

Chính từ “ướt nhẹp” làm John nghĩ đến một chuyện. Liếc nhìn lên trời, John mơ hồ hy vọng một đám mây sẽ xuất hiện phía trên hai con quái vật sa mạc và “hạ hỏa” chúng bằng một trận mưa. Nhưng ngay khi ý nghĩ ấy xuất hiện trong đầu cậu, nó thật sự xảy ra. Một đám mây lớn hình linh xuất hiện ngay trên đầu hai con quái vật, và chỉ trong tích tắc sau đó, trời bắt đầu đổ mưa. Đây cũng không phải là một cơn mưa bình thường, mà là một cơn mưa gió mùa mini làm cả bọn ướt như chuột lột chỉ trong mấy giây. Hai con quái vật bật ré lên thảm thiết.

Gigim hét toáng lên:

– Kêu nó đi đi. Kêu nó đi đi.

John quá ngạc nhiên với sự cố đột ngột này nên chẳng thể nói gì. Phải mất mấy giây, cậu mới hỏi lại:

– Kêu cái gì đi?

Hơi nước bốc lên nghi ngút khắp người con Utug, và làn da nó bắt đầu chuyển từ nâu sang xanh. Utug lắp bắp:

– Con nguyên tố nước của mày chứ còn cái gì nữa. Làm ơn kêu nó đi đi. Tao không đung vào nước nhiều năm rồi. Đau lắm. Tao không chịu được đâu.

Và trước khi John kịp nói thêm tiếng nào, hai con quái vật đã bỏ chạy thục mạng. Đám mây lớn đuổi theo chúng sát gót và vẫn tiếp tục trút mưa lên đầu chúng.

Bật cười, John hy vọng con nguyên tố nước sẽ theo chúng ít nhất là một hoặc hai ngày nữa. Và nó đã làm đúng vậy.

Ông Groanin nhận xét:

– Chưa bao giờ ta nghĩ sẽ được thấy một đám mây có viền bạc bên ngoài đấy. Nhưng có hay không, nó vẫn thật hữu dụng. Mà nó từ đâu ra vậy? Cháu gọi nó ra à?

Ông Rakshasas cũng lên tiếng hỏi tương tự từ trong cây đèn của mình. Tuy cũng ngạc nhiên không kém ông Groanin, nhưng điều ông Rakshasas quan tâm bây giờ là việc Ayesha nhận ra John đang ở Iraq.

John lắc đầu:

– Không phải cháu làm đâu. Thậm chí cháu còn không nói từ trọng tâm của mình mà. Và cháu cũng không cảm thấy có sức mạnh nào thoát ra khỏi người khi trời bắt đầu mưa.

Ông Groanin nhún vai:

– Sao cũng được. Ta đã bảo thể nào chúng ta cũng cần đến dù mà lại.

Nhưng đến giờ thì John đã đoán được chuyện gì xảy ra. Cậu kể cho ông Rakshasas nghe về Dybbuk và con nguyên tố nước mà nó đã lừa John và Philippa tạo ra khi còn ở New York. Cậu kết luận:

– Chắc là nó vẫn luôn theo cháu từ đó đến giờ.

Ông Rakshasas nói:

– Trong trường hợp này, thật may là không ai trong chúng ta nghĩ đến việc thu hồi con nguyên tố. Đó mới là cách xử lý đúng đối với một con nguyên tố. Và cháu nói đúng đó, John. Cháu không cần dùng đến sức mạnh djinn để xua con nguyên tố lên hai con quái vật sa mạc kia. Chỉ cần cháu nghĩ đến việc đó là đủ để nó xuất hiện. Và bởi vì con nguyên tố này vốn đã tồn tại độc lập với cháu, chắc chắn Ayesha sẽ chẳng để ý gì đến nó đâu.

John lột bộ đồ ướt nhẹp của mình ra để vắt nước. Ông Groanin bắt chước cậu. Rồi nhìn về hướng Darius đã chạy trốn, ông bảo:

– Ok, giờ chúng ta đi tìm Michael Schumacher để còn lên đường tiếp nào. Và, vì Chúa, cháu làm ơn đừng đụng đến con châu chấu nào nữa nhé. Ta không muốn chạm nọc con quái nào khác nữa đâu.



CHƯƠNG 14

Nhật ký của Philippa Gaunt

NGÀY MỘT

Mình quyết định sẽ viết quyển nhật ký này để đỡ buồn trong thời gian bị Ayesha giam lỏng trong tòa lâu đài kỳ lạ dưới lòng đất của bà ấy...

Nói là nói vậy, chứ thật sự nhìn kích cỡ của tòa lâu đài này, chính mình nhiều lúc còn không tin nổi nó nằm dưới lòng đất. Với cái bầu trời kỳ lạ bên ngoài, thật khó để tưởng tượng bên dưới mặt đất lại có thể tồn tại một nơi như thế này.

... Dù gì đi nữa, mình vẫn hy vọng quyển nhật ký này sẽ giúp mình đếm được thời gian mình sống ở đây, cũng như giúp mình kiểm soát xem liệu mình có thật sự thành kẻ đầy lý trí và trái tim sắt đá hệt Ayesha hay không - Ayesha bảo đó là chuyện sẽ xảy ra nếu mình ở lại đây đủ lâu. Nhưng dù có thể từ chối uống món nước táo làm từ trái Cây Logic của bà Glumjob, mình chẳng thể nào bắt bản thân ngừng hít thở bầu không khí đầy mùi hương của cái cây ấy. John sẽ làm gì trong tình huống như vậy nhỉ? Có thể anh ấy sẽ phản ứng sai. Nhưng chắc chắn đó sẽ là một phản ứng dứt khoát. Mình có cảm giác anh ấy không ở xa nơi này lắm, và chắc chắn anh sẽ tìm cách giải cứu mình. Hy vọng mình không nghĩ sai.

Sau khi gặp Ayesha ở phòng Durbar, mình giận lắm, và một cảm giác gì đó có phần hoang dại len lỏi vào trong người mình. Mình đã chạy lên xuống cầu thang liên tục, đã đá vào tường và gân cổ hét hết cỡ. Được một lúc thôi, vì sau đó tự nhiên mình cảm thấy tuyệt vọng quá. Trở về phòng, mình ngồi xuống và bắt đầu suy nghĩ xem nên làm gì bây giờ. Khởi nói cũng biết, sức mạnh djinn dường như bỏ mình đi chơi mất tiêu. Nhưng nếu nó trở lại, và mình thấy mặt thẳng nhãi Izaak Balayaga đó, thì là mình sẽ biến hắn thành một con rái cá mỗ vệt, một trong những động vật hữu nhũ nguyên thủy nhất từng tồn tại trên trái đất. Một con vật vừa độc - cái cửa tấm độc ở chân sau của nó có thể giết chết một con chó chứ chẳng chơi - vừa nhìn ngu thậm tệ, cái con đó sẽ hợp với hắn lắm.

Ồ mà nhân tiện nói luôn, việc đá vô tường và để lại dấu vết trên đó làm mình chết khiếp ấy chứ. Tự nhiên thấy một cái giẻ ướt và một xô nước xà phòng tự động lau chùi cái vết dơ đó, thử hỏi ai lại không hết hồn chứ. Chắc phải mất một thời gian mới quen nổi với những người hầu vô hình ở đây.

Quyết định đầu tiên của mình là cố thu thập tất cả thông tin về Ayesha và Lâu đài treo Babylon (mình vẫn chưa thấy nó được treo như thế nào, và treo ở đâu), vì chúng có thể giúp mình đánh lừa bà ấy. Cho nên mình đã đến cái thư viện to đùng ở tầng trệt lâu đài. Mình đã khá hài lòng khi tìm thấy quá trời sách viết bằng tiếng Anh - có cả hàng dãy kệ sách tiếng Anh ấy chứ - cùng những cuốn tạp chí Anh, Mỹ số mới nhất. Những quyển sách viết về vô số đề tài khác nhau, như là về Ngôi nhà Osborne thật sự. Cũng có không ít cuốn viết về Lâu đài treo Babylon nguyên thủy, và mình quyết định sẽ nghiên cứu chúng cẩn thận. Trong khi mình đang lựa vài cuốn để mang về phòng đọc, Ayesha bước vào thư viện. Bà ấy chào

mình với thái độ nồng ấm - hoặc chí ít là nồng ấm nhất trong khả năng của bà ấy, và mình có thể đảm bảo với bạn rằng nó chẳng nồng ấm là bao.

Bà ấy lịch sự bảo mình:

– Cháu tìm được đến đây là tốt lắm. Ta chắc chắn có nhiều thứ trong này làm cháu hứng thú và có thể giúp cháu tiêu thời gian.

Chẳng muốn Ayesha để ý đến những quyển sách về lâu đài mà mình định đọc, mình đã mỉm cười đáp lại để lái sự chú ý của bà sang hướng khác. Cần phải cư xử thật cẩn thận để không “đánh thức” mối nghi ngờ của bà ấy khi nhận ra mình đang thu thập thông tin cho kế hoạch đào thoát. Cho nên mình nói:

– À, hồi trước ở trường cháu vẫn thường ghé thăm thư viện.

Và với vài cuốn sách và tạp chí cấp trong tay, mình rời khỏi phòng, để Ayesha lại với đồng tạp chí của bà.

Khi đã ở một mình trong phòng, mình lật sơ qua mấy cuốn tạp chí, rồi bắt đầu đọc kỹ những cuốn sách mà mình đã chọn. Một cuốn trong số đó trông có vẻ rất hữu dụng: đó là một bản hướng dẫn đường đến Lâu đài treo Babylon và Iravotum, được viết bởi Eno, quan tư tế tối cao của Ishtar, hay còn gọi là Bellili. Eno đã mô tả nhiều chi tiết có ích. Ví dụ như sự tồn tại của Bocca Veritas, có nghĩa là “cái miệng của sự thật”. Theo những gì Eno viết thì đó là một thứ sẽ trả lời tất cả mọi câu hỏi với độ chính xác tuyệt đối. Vấn đề duy nhất ở đây là Eno không nói rõ cái Bocca Veritas đó ở đâu, cho nên mình chắc sẽ phải đi tìm nó trong lâu đài. Nếu một thứ như thế thật sự tồn tại, thì nếu có câu hỏi đúng, mình có thể thu được câu trả lời cho kế hoạch đào thoát của mình.

* * *

NGÀY HAI, NỬA ĐÊM

Mình đã bỏ hết cả ngày hôm nay để vừa lo tìm kiếm cái BV, vừa lảng tránh bà Glumjob, người cứ lẻo đẻo đi theo như con cún để cố bắt chuyện với mình. Mình nghĩ bà ấy cô đơn. Nhưng mình không thể cho phép bản thân tin tưởng bà. Nhất là khi mình đang tìm cách trốn thoát.

Một sớm nọ, mình rảo bước vào khu vườn mà chắc chắn là rất khác với khu vườn Nữ hoàng Victoria từng đi dạo, và mình cam đoan khu vườn này chính là khu vườn bao quanh tòa lâu đài nguyên thủy vì: ít nhất một mặt của khu vườn này là cả trăm tầng khác nhau trải dần xuống một bề mặt vách đá cao vút, với tầng vườn này xây chồng lên tầng vườn khác. Có lẽ Vườn treo Babylon nguyên thủy nhìn cũng giống như vậy.

Ở phía bên kia ngôi nhà là một bãi cỏ theo phong cách Ăng lê với một cái cổng. Và đằng sau cái cổng đó là “tài sản” của Iravotum, một khu rừng trông có vẻ bất khả xâm phạm. Cái cổng bị khoá lại, và quá cao để mình có thể trèo qua. Và mình cũng chẳng đủ can đảm khám phá thêm, vì có những thứ nhìn như thể những sinh vật to lớn đáng sợ ẩn nấp trong rừng. Tuy không thể thấy, mình vẫn có thể nghe được tiếng của chúng, lớn và dữ gấp đôi tiếng một con voi đực.

Quay lại vấn đề, mình đang dạo quanh một trong những tầng vườn treo ở phía bên này ngôi nhà, thưởng thức mùi hương hoa nhài và oải hương nồng nàn, thì tình cờ đi ngang qua một cánh cửa gỗ to bằng cái lò sưởi, ở trên bức tường gạch. Nghĩ rằng cái BV có

thể giấu ở đây, mình đã thử mở cửa. Nó bị khoá, tuy nhiên tiếng vặn tay cầm ở cửa dường như đã đánh thức một thứ gì đó, vì mình có thể nghe được một tiếng nói yếu ớt vọng ra từ đằng sau cánh cửa. Nhìn quanh, mình cố tìm một cái gì đó để phá cửa, vì cái tay cầm trông khá cũ kĩ. Và với vài cú đập bằng một hòn đá, mình đã mau chóng mở được cửa. Đằng sau nó là một cái xà lim nhỏ xíu, và bị khoá trên bức tường ẩm thấp của xà lim là một cái chai bằng đồng kỳ dị với cổ chai dài khoằm. Mình rất tò mò, vì cái chai trông giống một con nhím - gai nhọn chĩa tua tủa khắp bề mặt ngoài của chai, làm mình gần như không cầm nó lên được. Gần như, chứ không phải là không thể. Thận trọng cầm cái chai lên, mình nghe có một giọng nói vọng ra từ bên trong chai.

Cái giọng nói ấy bảo mình:

- Thả ta ra.
- Người là Bocca Veritas - giọng nói của sự thật à?

Giọng nói trả lời:

- Có thể.

Mình bảo với nó:

- Nghe chẳng có vẻ gì là một câu trả lời chính xác cả.
- Ok, không, ta không phải Bocca Veritas. Ta chỉ là một tù nhân ở đây, giống như người.
- Không hẳn giống ta. Dù gì thì ta vẫn đang tự do đi dạo quanh khu vườn đáng yêu này, còn người thì bị kẹt cứng trong một cái chai xù xì đầy gai nhọn mà vài giây trước còn bị khoá trong một xà lim bé tẹo.

Giọng nói mà bây giờ mình nhận ra giống giọng của người Pháp bảo:

– Nhưng dù gì thì người vẫn là một tù nhân.

Mình hỏi nó:

– Sao người nói vậy?

– Vì người đã bảo người không hẳn là một tù nhân giống ta. Nếu không phải là một tù nhân, người sẽ không nói thế.

– Người nói đúng.

– Nếu người thả ta ra, ta sẽ giúp người trốn thoát.

– Ta chẳng thấy người có thể giúp gì được cho ta, khi thậm chí bản thân mình người còn chưa cứu được.

– Người nói đúng. Tuy nhiên, người nghĩ xem, việc ta ở đây như thế này không phải cho thấy người nhốt ta đã tốn nhiều công sức để đảm bảo ta ngồi yên một chỗ sao. Nếu không bị nhốt trong cái chai này, và khoá trong cái xà lim này, ta đã trốn thoát từ lâu rồi.

Mình nói:

– Có thể điều người nói là sự thật. Nếu lý do duy nhất cho việc nhốt người trong chai là để ngăn người trốn thoát. Một lý do khác cho việc nhốt người ở đây có thể đơn giản chỉ là giam giữ để trừng phạt người thích đáng.

Giọng nói trả lời:

– Thật đáng buồn, nhưng điều người nói đúng là sự thật. Chỉ có điều nó tồi tệ hơn người nghĩ nhiều. Không chỉ nhốt ta ở đây, Ayesha còn bắt ta chịu đựng một hình phạt khác nặng nề hơn. Ta buộc phải đeo một cái mặt nạ sắt vĩnh viễn.

– Người không thể gỡ nó ra à?

– Thực tế thì nó giống như một cái mũ hơn. Một cái mũ gắn liền với vòng cổ có khoá móc bằng kim loại choàng quanh cổ ta, và

Ayesha là người giữ chìa khoá duy nhất của nó.

– Thật kinh khủng.

Mình nói, và bắt đầu cố vặn mở cái nút chặn ở cổ chai. Với mấy cái gai tua tua khắp thân, việc đó chẳng dễ dàng gì. Đổi cách xưng hô, mình trấn an:

– Tôi sẽ cố hết sức giải thoát cho ông. Kẻ thù của Ayesha là bạn của tôi. Mà ông tên gì nhỉ?

– Ravioli Poussin.

Đến giờ thì mình đã tìm ra cách mở chai và, không cảm thấy lo sợ gì một djinn với cái tên như Raviolo Poussin, mình kéo cái nút chặn ra khỏi cổ chai. Vài giây sau, khi đám khói màu xanh rêu hơi hám cực kỳ (mình nghĩ, bị giam lâu như thế trong một cái chai, không hơi mới là lạ đấy) đã quang đi và quá trình hoá thể của Ravioli Poussin đã hoàn tất, một người đàn ông với dáng vẻ dễ làm người khác nổi da gà hiện ra trước mặt mình. Ông mặc chiếc áo choàng dài bằng da đen với hai ống tay áo dài thông che kín cả bàn tay, một cái áo sơ mi trắng với cái cổ áo hình cánh dựng cao làm cho cái đầu của ông nhìn to bè ra, một cái thắt lưng cao bồi màu đen làm cặp giò ông trông cụt ngắn, và một cái cà vạt đen. Ngay khi ông ta hiện ra, mình nhận thấy ông ấy chẳng đeo cái mặt nạ sắt nào cả.

Mái tóc dài trắng toát của ông buộc đuôi ngựa sau lưng, và ông đeo một cặp kính đen bụi tởm chẳng.

Thế có Chúa là đến giờ phút này mình đã nhận ra mình bị lừa mất tiêu rồi, nhưng mình vẫn hỏi ông ta như một đứa ngu:

– Cái mặt nạ sắt của ông đâu rồi?

Nở một nụ cười tàn bạo làm lộ ra hàm răng sắc lẹm và hơi thở

hôi ngoại hạng, gã Poussin bảo mình:

– Ta không đeo mặt nạ sắt bao giờ. Ta chỉ đeo những thứ gì màu đen. Vậy mới hợp với trái tim ta chứ.

– Tôi hiểu.

Mình cần trọng gặt đầu để tìm cơ rời khỏi chỗ này càng sớm càng tốt.

Nhưng vừa đưa một ngón tay vỗ vỗ vào má vừa uốn lưng như một con mèo, gã nói:

– Không, ta không nghĩ người hiểu gì cả. Khi Ayesha nhốt ta trong chai, bà ấy lấy hết sức mạnh của ta. Sức mạnh có thể giúp cuộc sống của ta trong chai dễ chịu hơn. Tất cả những gì bà ta cho ta là một cái giường, một cái ghế, và một cuốn sách lấy từ thư viện của bà. Một cuốn sách duy nhất cho tất cả những năm tháng ta mắc kẹt trong cái chai hôi hám này. Và người biết đó là cuốn gì không?

Mình nhún vai:

– À, ờ, tôi hy vọng đó là một cuốn sách dài.

Giật cái mũi ủng nhỏ kiểu Cuba xuống đất thành thịch như một đứa trẻ hờn dỗi, Poussin cho biết:

– Là cuốn **Người đàn ông mang mặt nạ sắt** của Alexandre Dumas. Ta đã phải đọc cuốn sách tệ hại đó cả trăm lần chứ chẳng ít. Nhiều đến nỗi giờ ta có thể đọc thuộc lòng cả cuốn.

Gập những ngón tay đeo dây nhẫn vào trước ngực, trông gã gần giống một thầy tu khi tiếp tục nói:

– Trong năm năm đầu bị giam giữ, ta đã tự hứa với bản thân sẽ làm nô lệ vĩnh viễn cho bất cứ ai giải thoát ta. Và trong năm năm

sau đó, ta đã thề sẽ hủy diệt bất cứ kẻ nào giúp ta ra khỏi cái chai này.

Kết thúc câu nói, Poussin lại mỉm cười, và lần này, hơi thở của gã hồi đến nỗi làm mình xém ngất xỉu. Sao Ayesha cầu thả thế, lại quên cho gã một cái bàn chải và một hộp kem đánh răng?

Gặm ngón tay một cách phẫn khích, Poussin nói tiếp:

– Đoán xem người xuất hiện vào thời điểm nào nào? Ngay vào ngày cuối cùng của năm năm thứ hai. Và người biết không, ta rất mừng vì người là một djinn nữ. Ta ghét djinn nữ. Có trách thì người cứ đi mà trách Ayesha ấy.

Kiểu cười của gã Poussin làm mình lạnh cả xương sống, và cặp mắt gã sáng rực lên như một hòn than nóng khi gã túm lấy cánh tay mình trước khi mình kịp bỏ chạy.

– Đầu tiên ta sẽ biến người thành một con chuột. Rồi ta sẽ tự biến mình thành một con mèo để có thể thưởng thức niềm vui được vờn đuôi người trước khi ta giết người.

Đến lúc này thì mình đã quyết định mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đối đầu trực tiếp với Ravioli Poussin. Phải đánh lừa gã, như thể mình và gã đang chơi Djinnverso.

Với trái tim đánh lô tô không ngừng trong lồng ngực, mình bảo:

– Phải nói ông đúng là djinn gốc ghêch nhất mà tôi từng gặp đấy. Bởi nếu tôi là một người trong suốt mười năm qua không có gì độc ngoài cuốn **Người đàn ông mang mặt nạ sắt**, thì điều đầu tiên tôi muốn nghe sẽ là một câu chuyện mới. Thực tình là tôi muốn có người kể cho tôi nghe câu chuyện mới đến mức tôi đặt chuyện đó ưu tiên hàng đầu, trước việc cạo râu, đánh răng, cắt tóc, và biến một kẻ tầm thường thành một con chuột.

Rồi nhún vai ra vẻ bất cần dù rằng đang sợ chết đi được, mình kết luận:

– Nhưng ai mà biết được, có khi ông lại thích cuốn **Người đàn ông mang mặt nạ sắt** cũng nên. Sao lại không nhỉ?

Cuốn sách đó tuyệt quá mà.

Poussin thiếu điều gầm lên:

– Tuyệt cái quái gì? Ta nghĩ ta sẽ chết nếu phải đọc cuốn sách khủng khiếp đó một lần nữa.

Rồi kéo mình lại gần - gần đến nỗi mình có thể ngửi thấy mùi hơi thở biến thành pho mát xanh trong miệng gã - Poussin hỏi:

– Người có biết câu chuyện hay nào không?

Mình trả lời với giọng tự tin nhất có thể:

– Biết chứ. Tôi là một đứa trẻ mà. Cả đời tôi gắn liền với những câu chuyện. Được cha mẹ kể chuyện cho nè, nghe đọc truyện trên radio nè, đọc truyện trong hiệu sách và thư viện gần nhà nè. Tôi ấy à? Tôi là Nữ hoàng Kể chuyện của Đại lộ Madison. Mà ông biết Đại lộ Madison là gì không? Đó là trung tâm kể chuyện của thủ đô kể chuyện thế giới. New York là tất cả những câu chuyện.

Chấp nhận thách đố ngầm của mình, Poussin nói:

– Được. Vậy kể cho ta nghe một câu chuyện. Và nếu câu chuyện đó đủ hay, ta sẽ không giết người. Thế nào?

Mình bảo:

– Tốt thôi. Sao ông không kiếm chỗ nào thoải mái để ngồi nhỉ?

Vị djinn khủng khiếp mà mình đã ngu ngốc thả ra, người này giờ chỉ toàn đứng, lập tức ngồi xuống một băng ghế đá ở giữa hai bụi oải hương và khoanh hai tay lại với nhau đầy mong đợi.

– Vậy tôi bắt đầu kể nhé. Ngày xưa ngày xưa...

Mình bắt đầu nói, trong khi đầu hoạt động hết công suất để nghĩ ra một câu chuyện nào đó có thể kéo dài vài tiếng đồng hồ, vì dù sao thì cũng có khả năng ngay khi mình nói “... và họ sống hạnh phúc bên nhau mãi mãi”, gã Poussin sẽ lấy đó làm lý do để giết mình. Rõ ràng sẽ tốt nhất nếu kéo dài câu chuyện càng lâu càng tốt, vì mình không nghĩ Poussin sẽ dám giết mình trước khi câu chuyện kết thúc. Vấn đề duy nhất ở đây là mình vốn không giỏi gì khoản kể chuyện hay viết lách. Ở trường, người ta không coi trọng nó bằng khả năng sắp xếp các sự kiện với nhau theo thứ tự, như thể các sự kiện mới là điều cần thiết trong cuộc sống, trong khi trên thực tế, mọi người đều biết đúng ra phải là điều ngược lại. Cho nên mình đã không thể kể một câu chuyện có sẵn nào. Nhưng cũng may mình là một người hay đọc sách. Câu chuyện của mình bắt đầu như một sự giao nhau giữa **Oliver Twist** và **Những kỳ vọng** (cả hai cuốn sách đều của Charles Dickens) nhưng có thêm mắm thêm muối chút ít để thoả mãn vị thính giả khó chịu của mình, đặc biệt là những pha đấu kiếm kiểu như trong **Người đàn ông mang mặt nạ sắt**, vì nếu không Poussin chắc sẽ ngáp dài và tỏ ra mất hứng. Mình đã hy vọng là sau một lúc, Ravioli Poussin sẽ ngủ gật, hoặc bảo mình là gã cần nghỉ chừng năm phút - đủ thời gian để mình trốn thoát. Nhưng may mắn đã không đến với mình, và sau sáu giờ kể chuyện liên tục, mình buộc phải ngừng lại lấy hơi.

Bực bội kéo kéo mấy cái lông mọc dài trên mu bàn tay, gã Poussin nói:

- Ta hy vọng đó không phải là kết thúc của câu chuyện.
- Không. Tôi chỉ muốn uống một cái gì đó thôi. Cổ họng tôi khô

hết rồi.

Đưa tay chỉnh mắt kính, Poussin đe dọa:

– Thế giờ người muốn có một cái cổ họng bị khô hay một cái cổ họng bị cắt đứt đây?

– Ấy, bình tĩnh chứ. Câu chuyện mới chỉ bắt đầu thôi.

Poussin, người có thói quen rợn người là dùng dao bấm cạo ghét khỏi những cái móng tay dài ngoẵng và cạo ráy tai, móc một cục ráy tai to bằng cục đường ra khỏi lỗ tai trái và quăng nó vào bụi rậm. Rồi chỉ tay về phía đằng sau lưng mình, gã nói:

– Có một cái vòi nước trên tường để mấy người làm vườn sử dụng đó. Mà có thể uống nước ở đó nếu muốn.

Đứng dậy và đi về phía bức tường, mình thấy đúng là có một vòi nước bằng đồng ở đó. Và sau khi uống một vốc nước, mình nhận ra còn có một cái cầu thang dẫn xuống đâu đó bên dưới (ít nhất mình cho là vậy) gần như vô hình. – Này, nhanh lên chứ.

Poussin rống lên, và sau khi thấy mình liếc xuống cái cầu thang, gã nói thêm:

– Nếu người muốn biết thì cái Bocca Veritas mà người hỏi hỏi này ở dưới đó đó. Và nếu bây giờ người đứng trước mặt nó, nó sẽ nói với người rằng nếu câu chuyện không tiếp tục trong mười giây nữa, người có thể vĩnh biệt tương lai của mình đi.

Ngồi xuống trước mặt Poussin lần nữa, mình nói:

– Ông phải biết kiên nhẫn chút chớ.

Gã gào lên:

– Kiên nhẫn? Đừng có nói với ta về kiên nhẫn. Sau mười năm ở trong cái chai đó, ta đã có quá đủ kiên nhẫn cho cả đời rồi.

Cho nên mình lại phải tiếp tục kể chuyện.

Tám tiếng nữa trôi qua, và trông Poussin vẫn chẳng có dấu hiệu buồn ngủ hay mệt mỏi gì cả. Đến giờ phút này thì mình đã quá kiệt sức, và bắt đầu quăng các màn đấu kiếm vào câu chuyện chỉ để giữ cho bản thân còn tỉnh táo.

Những chuyện như thế này thì John tốt hơn mình nhiều.

Rồi, ngay khi mình nghĩ không còn tiếp tục được nữa, Ayesha xuất hiện trong vườn, theo sát sau lưng là bà Glumjob. Có vẻ như một trong những người làm vườn vô hình đã trông thấy tình cảnh khốn khổ của mình và đi thông báo cho Ayesha việc Ravioli Poussin thoát ra khỏi chai. Trông bà có vẻ rất giận dữ - với mình và với Poussin, kể giờ đang lạy lục van xin tha tội. Nhưng sau khi nghe mình giải thích chuyện gì đã xảy ra, chuyện mình bỏ gần cả ngày kể chuyện cho Poussin nghe để ngăn gã không giết mình, Ayesha bật cười lớn.

– Có lẽ chuyện này sẽ dạy cháu lần sau không đi loanh quanh giải thoát những djinn không quen biết, những kẻ được nhốt trong chai vì sự an toàn của người khác. Dù tên Ifrit này có muốn cũng không thể làm gì được cháu. Ở lâu đài này, ta là người duy nhất sử dụng được sức mạnh djinn. Giờ thì hẳn chẳng có sức mạnh nào. Và hẳn biết rõ điều đó.

Mình ngạc nhiên nói:

– Nhưng ông ấy bảo sẽ giết tôi. Ông ấy bảo sẽ biến tôi thành một con chuột, rồi tự biến thành một con mèo để săn tôi và vờn tôi trước khi giết tôi.

Ayesha lại bật cười:

– Hẳn mà có thể biến cháu thành một con chuột thì chắc bà

Glumjob đây cũng có thể.

– Vậy à?

Mình trừng mắt giận dữ nhìn Ravioli Poussin, người giờ đây đang quỳ gối van xin Ayesha tha thứ. Gỡ mắt kính ra, gã nài nỉ:

– Làm ơn đi Ayesha. Làm ơn đừng trừng phạt tôi.

– Ta sẽ không trừng phạt người...

Ayesha nói, rồi chỉ tay vào mình, bà nói tiếp:

-... mà Philippa sẽ trừng phạt người.

Mình lắc đầu trong mấy giây khi cố nghĩ ra hình phạt dành cho Poussin. Bình thường thì mình thuộc tuýp người dễ tha thứ, và trong hầu hết mọi trường hợp, mình sẽ bảo bà ấy bỏ qua mọi chuyện. Nhưng một cái gì đó trong lòng mình cứng lại khi nghĩ đến việc mình đã khốn khổ như thế nào bởi tên djinn người Pháp này - có thể đó là vì mình cảm thấy mình như một con ngốc khi đi tin vào lời nói dối của Poussin - đã khiến mình mở miệng đề nghị với Ayesha:

– Tôi nghĩ bà nên bắt ông ấy đọc cuốn **Người đàn ông mang mặt nạ sắt**. Đọc lớn tiếng. Và bằng tiếng Anh.

Ayesha nói với Poussin:

– Người sẽ làm vậy.

Chuyện đến đây thì vẫn ổn. Chỉ không ổn với những gì bà nói tiếp sau đó:

– Và khi người đọc to cuốn sách đó xong, người sẽ bắt đầu đọc to nó lần nữa. Và cứ như thế. Cho đến hết đời.

Tiếng hú tuyệt vọng của Ravioli Poussin bị cắt ngang giữa chừng khi gã đột ngột bị xích vào cái ghế lớn, một tay bị khoá chặt trong

găng tay bằng sắt. Hàn vào chiếc găng tay là một bản copy khổ lớn của cuốn **Người đàn ông mang mặt nạ sắt**. Và gã hoàn toàn không có sức mạnh ngăn mình đọc lớn:

“Trong khi mọi người có mặt ở cung điện còn mãi bận rộn nói chuyện xã giao, một người đàn ông bí mật bước vào trong căn nhà ở phía sau Place de Grève. Lối vào chính của căn nhà nằm ở Place Baudoyer. Khá to lớn với những khu vườn vây quanh, nó được che giấu khỏi những ánh mắt tò mò bởi các cửa hiệu làm dụng cụ trên đường Rue Saint- Jean. Đá, tiếng ồn và màu xanh bao phủ nó như thể một xác ướp nằm trong ba lớp quan tài.”

Ayesha đã quay lưng bỏ đi, với bà Glumjob theo sát sau lưng.

Vội vã chạy theo bà, mình hỏi:

– Bà không nghĩ trừng phạt như vậy là hơi quá sao?

Ayesha lơ mình đi.

Mình bảo bà:

– Được, khi nào tôi trở thành Djinn Xanh, tôi sẽ hủy bỏ hình phạt đó. Tôi sẽ thả ông ta đi. Và tôi sẽ làm điều đó ngay khi bà chết.

Bà vẫn làm lơ. Cảm thấy bức bối, mình cay cú nói thêm:

– Và nhìn bà tôi nghĩ việc đó sẽ không lâu nữa đâu.

Một lần nữa, mình lại cư xử không giống mình chút nào. Mẹ mà biết mình nói như thế với một người già như Ayesha, chắc mẹ sẽ kinh hồn hoảng vía.

Lần này thì Ayesha ngừng lại và nhìn mình với ánh mắt tò mò. Bà hỏi:

– Cháu nghĩ việc đó sẽ không lâu như thế nào hả, con gái? Ta sẽ

chết khi nào?

Mình nhún vai:

– Tôi không biết. Nhưng tôi đoán sẽ sớm thôi, nếu bà phải gấp rút mang tôi đến đây như thế này.

Mỉm cười lạnh lùng, bà bảo:

– Đi với ta. Có một thứ cháu cần được thấy.

Mình theo Ayesha vào trong nhà và đi lên tháp đồng hồ. Có cả một mê cung cầu thang phức tạp trong đó, một mê cung mà nếu không có Ayesha, mình chắc chắn sẽ không thể nào vào hay ra được. Ở trung tâm mê cung, Ayesha chỉ cho mình xem một cái lò sưởi kim loại cao bằng con hươu cao cổ. Chính giữa lò là một bụi cây cao chừng sáu mươi phân, nở hoa đủ màu sắc từ tím nhạt tới trắng. Bụi cây phát ra mùi hương rất nồng, gần giống mùi vỏ chanh, nhưng điều làm mình tò mò hơn cả là việc một ngọn lửa xanh dịu cháy bập bùng xung quanh bụi cây mà lại có vẻ không gây tổn hại gì đến bụi cây. Cái lò sưởi kim loại cao to được đánh dấu với những vạch lường thông thường như một cây thước, và sau khi nhìn kỹ hơn, mình có thể nhận ra ngọn lửa xanh bao quanh bụi cây như một vòng hào quang đã có thời chạm đến tận đỉnh lò sưởi.

Ayesha nói với mình:

– Trong số tất cả những sinh vật sống trên trái đất, Djinn Xanh Babylon là người duy nhất biết chính xác khi nào mình sẽ chết. Ngọn lửa xanh này chính là linh hồn của ta, con gái ạ. Ngọn lửa djinn cháy bên trong cháu, còn với ta sẽ cháy ở đây, bên ngoài, và cũng là mức độ sức mạnh của ta. Hay nói chính xác là sức mạnh suy giảm của ta. Đã từng có lúc ngọn lửa chạm đến tận trần nhà, và cuộc sống khi đó dường như là bất tận. Còn giờ đây, như cháu

đang thấy, nó gần như chẳng còn cháy nổi. Mỗi năm, ta đến đây, nhìn vào bông hoa nhỏ này, và biết chính xác đến từng giây phút thời điểm cái chết của ta gõ cửa. Vì thế đừng nói về cái chết của ta một cách vu vơ như vậy, cô bé. Nếu cháu muốn biết khi nào chuyện đó xảy ra, cháu chỉ cần đến đây và tự kiểm tra.

Rồi đẩy mình về phía trước, bà bảo:

– Đi đi. Xem đi.

Với cảm giác sợ hãi bóp chặt dần trái tim, mình nhìn kỹ vào các vạch đo lường và nhận ra độ cao của ngọn lửa xanh cho thấy cuộc sống của Ayesha chỉ còn vài tháng nữa thôi. Và trong khi mình nhìn, Ayesha giờ bàn tay vào trong ngọn lửa, giống như cách một người nhúng tay vào hồ nước trong một ngày hè nóng bức.

Mình hỏi:

– Nó không nóng à?

– Không, con gái. Không phải với chúng ta. Không phải với những hậu duệ của thần đèn.

Rồi Ayesha dẫn mình đến bên dưới một cầu thang xoắn ốc bằng vàng. Bà nói:

– Ngọn lửa djinn của linh hồn cháu ở trên đó, Philippa. Khi nào đã sẵn sàng, cháu có thể leo lên những bậc thang này và khám phá xem chính xác cháu còn sống bao lâu nữa.

Mình thẳng thốt nói:

– Bà không có gợi ý nào đỡ kinh khủng hơn sao? Tôi không nghĩ có gì tệ hơn việc biết được cái chết của chính mình. Làm sao bà có thể sống hạnh phúc nếu biết chính xác khi nào bà sẽ chết chứ? Thà không biết còn dễ chịu và thanh thoi hơn nhiều.

Ayesha chỉ mỉm cười:

– Cháu chỉ nói theo cảm xúc nhất thời thôi, Philippa. Khi cháu đã ở đây đủ lâu, tận hưởng đủ mùi hương và trái cây của Cây Logic, cháu sẽ nghĩ khác. Rồi cháu sẽ nhận ra những thuận lợi trong việc biết được chính xác thời gian sống của mình.

Cảm thấy sợ hãi, mình chạy một mạch về phòng, nơi một lúc sau, mình ngồi xuống và viết thêm vào cuốn nhật ký này.

Mình đã bắt đầu nhận ra làm djinn cũng có cái hại của nó. Nhưng bất chấp việc đã xảy ra hôm nay, mình sẽ vẫn quay lại khu vườn. Giờ đây, khi đã biết có thể tìm thấy “cái miệng của sự thật” ở đâu, mình quyết tâm sẽ tìm ra cách thoát khỏi nơi này.



CHƯƠNG 15

Tháp Babel

Ngay khi John và ông Groanin tìm được Darius và thông báo cho cậu biết hai con quái vật sa mạc đã chạy trốn, họ nhanh chóng hoàn tất việc thay lớp xe và tiếp tục lên đường.

Vừa điều khiển xe chạy với tốc độ chậm vì trời đã tối, Darius vừa nhận xét:

– Đánh bại được hai con quái vật dữ tợn đó thì chắc cậu phải là một djinn vĩ đại lắm. Tổ cú nghĩ chắc phen này chúng ta toi đời rồi.

Ông Groanin gật gù:

– Hai chúng ta có cùng một ý nghĩ.

Alan và Neil sửa một tiếng lớn, như thể muốn nói, “Thật ra là bốn người chúng ta cùng nghĩ vậy”.

John nhún vai:

– Sự thật tổ chẳng phải là djinn vĩ đại gì đâu. Phần lớn thời gian tổ còn không biết mình đang làm gì ấy chứ. Em tổ mới là người thông minh. Nó là đứa thật sự có tài trong hai anh em tổ. Nói về djinn thì nó rành hơn tổ nhiều.

Darius lắc đầu và trả lời bằng tiếng Ả Rập:

– Tổ biết cậu muốn nói gì, John à. Nhưng tổ cũng biết chỉ có

những djinn thật sự vĩ đại mới nói về bản thân mình một cách khiêm tốn như thế. Chỉ có những djinn vĩ đại và dũng cảm mới dám đến một nơi nguy hiểm như Iraq để giải cứu em gái, bất chấp việc không được dùng đến sức mạnh đặc biệt của mình.

Phải 8 giờ hơn họ mới đến được ngoại ô Samarra, một nơi không có gì nhiều ngoại trừ vài cây cọ và mấy căn nhà màu bùn đất tàn tạ bởi bom đạn.

Khi họ lái vào trong thị trấn, Darius cho biết:

- Samarra một thời từng là thủ đô của người Caliphs. Nhưng nó đã bị bỏ hoang hơn một trăm năm trước. Giờ đây chỉ có quân đội và các nhà khảo cổ học mới đến đây.

Cuối cùng thì họ cũng đến được nơi mà mình đang tìm kiếm: tòa tháp hình xoắn ốc của Samarra. Với sự tự tin của một hướng dẫn viên du lịch giàu kinh nghiệm, Darius cam đoan với họ rằng tòa tháp này được xây dựng ngay tại vị trí của Tháp Babel nguyên thủy, và với cùng một kiểu dáng thiết kế. Cậu khẳng khẳng khẳng định:

- Cùng một nền móng đấy. Ít nhất đó là điều cha tớ bảo tớ.

Đây cũng là nơi mà theo quan tư tế tối cao Eno, họ có thể tìm thấy lối vào bí mật của vương quốc dưới lòng đất Iravotum. Tuy nhiên, ngay khi trông thấy tòa tháp, họ lập tức phải đối mặt với một rắc rối khác: một doanh trại quân đội Mỹ đóng quân quanh tòa tháp hình xoắn ốc, và trông nó có vẻ khó thâm nhập hơn bất cứ lối vào bí mật nào. Khu doanh trại nằm sau vài lớp hàng rào kẽm gai và vài trăm ngàn bao cát.

Ông Groanin cầu nhàu:

- Hồng hét rồi. Giờ chúng ta phải làm sao đây?

John đề nghị với một cái nhún vai:

- Tìm cách vào trong lớp hàng rào kẽm gai chứ sao giờ.

Ông Groanin nói:

- Có phải trại của hướng đạo sinh ở đó đâu chứ. Và ta không nghĩ họ mong có khách đến thăm. Đặc biệt là những vị khách ăn mặc như chúng ta.

Darius ngừng xe lại ở một khoảng cách an toàn, và họ cùng chăm chú nhìn kỹ khu doanh trại, cố nghĩ ra một cách gì đó.

John nhận xét:

- Máy bộ đồ kiểu Ả Rập này không thành vấn đề.

Nói rồi cậu lột bỏ hai lớp áo bisht và thobe của mình ra khỏi người. Bên trong cậu vẫn mặc bộ quần áo phương Tây bình thường. John nói:

- Và lại cháu có hộ chiếu quốc tịch Mỹ mà. Có lẽ chúng ta nên đến đó và nhờ giúp đỡ là được.

Darius nói:

- Tôi không có hộ chiếu quốc tịch Mỹ.
- Tôi biết. Nhưng tôi nghĩ cậu sẽ muốn ở lại coi chừng xe. Để bảo đảm không ai trộm nó ấy mà.

Darius gật đầu:

- Cũng đúng ha. Thế tôi ở lại coi xe vậy.

Ông Groanin cho biết:

- Ta cũng không có hộ chiếu quốc tịch Mỹ.
- Nhưng ông có hộ chiếu quốc tịch Anh, lo gì. Mỹ với Anh là đồng minh mà.

Ông Groanin lâu bầu với cái giọng không có vẻ gì là tin tưởng:

– Ồ, đồng minh. Ít nhất thì chúng ta được dạy là thế. Nhưng sẽ giải thích thế nào về việc gã tài xế người Anh một tay và cậu nhóc mười hai tuổi người Mỹ lang thang tại một trong những quốc gia nguy hiểm nhất thế giới đây?

John gợi ý:

– Chúng ta có thể nói rằng ông là người bảo hộ của cháu. Điều đó có nghĩa ông là người phải đứng ra nói chuyện với họ đấy, ông Groanin. Chúng ta sẽ bảo họ rằng bà của cháu sống ở Baghdad và đang bị bệnh nặng. Nặng đến nỗi sợ không qua khỏi ấy. Và bà chưa bao giờ gặp mặt cháu. Điều đó giải thích sự có mặt khẩn cấp của cháu ở đây. Chúng ta sẽ nói rằng đã thuê một tài xế chở đến Baghdad, nhưng được nửa đường thì bị bỏ rơi. Ông Groanin gật đầu:

– Nghe cũng có vẻ lọt lỗ tai đó. Nhưng cứ cho là chúng ta mò được vào bên trong doanh trại đi. Rồi làm sao nữa?

Suy nghĩ trong giây lát, John nói:

– Để coi, có thể cách này xài được. Ông còn nhớ khi Darius lần đầu nghe cháu nói chuyện với ông Rakshasas ở bên trong đèn không? Lúc đó, cậu ấy đã tưởng cháu là người có tài nói tiếng bụng. Sao ông không thử giả vờ làm một người biết nói tiếng bụng nhỉ? Ông sẽ biểu diễn với một cây đèn có một djinn bên trong. Dĩ nhiên djinn đó là ông Rakshasas. Càng tốt hơn vì ông Rakshasas có thể sử dụng thư viện bên trong cây đèn của mình để trả lời tất cả mọi câu hỏi trên thế giới. Cho nên, ngoài việc biểu diễn khả năng nói tiếng bụng, ông còn có thể đóng vai Ông-Biết-Tuốt nữa.

Ông Groanin thắc mắc:

– Nhưng việc đó thì giúp ích được gì cho chúng ta chứ?

– Ông có thể tổ chức một buổi biểu diễn phục vụ quân đội. Trong khi họ xao lãng, cháu sẽ kiểm tra quanh trại với bản đồ của Eno. Để xem cháu có thể tìm thấy lối vào bí mật hay không.

Ông Groanin lầm bầm:

– Nghe chẳng ổn chút nào cả.

John khẳng khẳng:

– Dĩ nhiên sẽ ổn mà. Với sự hỗ trợ của ông Rakshasas, chắc chắn ông sẽ là người biết nói tiếng bụng giỏi nhất thế giới.

Nãy giờ chăm chú lắng nghe từ bên trong cây đèn của mình, ông Rakshasas nói vọng ra:

– Ý kiến tuyệt đó.

Họ chào tạm biệt Darius, cậu bé chúc họ may mắn và bảo sẽ chờ họ tại Nhà hàng Kebabylon ở ngay bên ngoài thị trấn, một quán ăn do người chị họ thứ hai của mẹ Darius điều hành. Cậu nói:

– Nó ở trên đường dẫn đến Baghdad ấy. Tối là thấy ngay thôi. Tất cả đồ đạc trong quán đều màu tím và trên tường có cả một bức hình Michael Schumacher bị tổ chảng luôn. Dì Lamoore, em họ thứ hai của mẹ tớ, còn hâm mộ Michael hơn cả tớ ấy chứ.

Tòa tháp Samarra nằm giữa một vùng đất trống rộng lớn, bằng phẳng và cằn cỗi. Đằng sau lớp hàng rào kẽm gai, bao cát là vài tá xe tăng, xe chở lính, cùng khoảng hai mươi cái lều Quonset đặc trưng của quân đội Mỹ nằm tùm lại quanh tòa tháp. Giữa lớp hàng rào kẽm gai là một cổng vào với hai chốt kiểm soát được rọi đèn sáng trưng và canh gác bởi một ụ súng máy suốt 24/24.

John, ông Groanin và hai con chó tiến về cái cổng. Tại đây, ông

Groanin, người hoá ra lại có năng khiếu diễn kịch bẩm sinh, thuật lại câu chuyện khó tin của họ cho hai lính gác mặt non choẹt nghe. Hai lính gác không nói gì mà chỉ lịch sự lắng nghe với thái độ cảnh giác, cho đến khi ông Rakshasas từ bên trong cây đèn ông Groanin cầm trên tay giả vờ làm tiếng nói của ông Groanin và thách thức họ kiểm tra kiến thức của mình.

Một trong hai người lính lên tiếng:

– Ok, được thôi. Tôi đến từ New Mexico. Ông thử nói về thủ đô của nó xem.

Nhằm kéo dài thời gian để ông Rakshasas có thể tìm thông tin từ bộ bách khoa toàn thư *Encyclopedia Britannica* của mình, ông Groanin nói:

– Dễ ợt. Đáng lẽ cậu phải hỏi câu nào khó hơn mới đúng.

Rồi giơ cao cây đèn, ông tuyên bố:

– Nhưng hãy để vị thần bên trong đèn trả lời câu hỏi của cậu.

Ông Rakshasas nói:

– Thủ đô của New Mexico là Santa Fe. Đó là thủ đô có người sinh sống lâu đời nhất của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Với dân số 70.000 người, nó đồng thời nằm cách mặt nước biển 7.000 feet.^[19]

Người lính đặt câu hỏi thừa nhận:

– Khỉ thật, tôi thậm chí còn không biết nhiều như thế.

Ông Groanin được thể năn nỉ:

– Nếu chúng tôi có thể trú tạm ở đây đêm nay thì tốt quá. Chứ thật sự chúng tôi không còn chỗ nào khác cả. Hoặc nếu cậu không nhận tôi, chắc cậu cũng không nỡ từ chối giúp thằng bé này chứ. Dù gì thì nó cũng là công dân Mỹ mà.

Người lính đầu tiên nói:

– Tôi sẽ thông báo cho trung úy. Để xem bà ấy quyết định thế nào.

Bên trong cái lều Quonset to nhất, trung úy Kelly Sanchez lắng nghe câu chuyện của ông Groanin. Bà là một phụ nữ xanh xao, gầy gò với mái tóc màu đỏ cắt ngắn và những quầng thâm bên dưới đôi mắt màu xanh lá. Liếc nhìn ông Groanin với vẻ không hài lòng, bà hỏi một cách nghiêm nghị:

– Ông nghĩ gì mà lại mang trẻ con đến một nơi như thế này? Ông không thấy như vậy là quá liều lĩnh sao?

Ông Groanin nói:

– Tôi biết tại sao bà lại nghĩ vậy. Nhưng thằng bé này có thể nói tiếng Ả Rập trôi chảy. Mẹ nó, em gái cùng cha khác mẹ của tôi, là người lai Mỹ - Ả Rập mà.

Nữ trung úy thở dài nhượng bộ:

– Thôi được, hai người có thể ở lại đây một đêm. Nhưng chỉ một đêm thôi nhé. Sáng mai, tôi sẽ cho người thu xếp đưa cả hai đi Baghdad, nếu đó thật sự là nơi hai người muốn đến.

– Cám ơn bà.

Ông nhìn John và mỉm cười. John mỉm cười đáp lại.

Ông hỏi:

– Tin tốt phải không John?

John trả lời:

– Phải ạ. Cháu cám ơn bà rất nhiều, thưa trung úy.

Ông Groanin nói tiếp:

– Như đã nói, tôi là một chuyên gia nói tiếng bụng. Tôi rất vui

lòng được biểu diễn phục vụ mọi người như một lời cảm ơn mọi người đã cho chúng tôi tá túc đêm nay. Tôi đã biểu diễn tại nhiều hộp đêm trên khắp châu Âu và Mỹ. Sao bà không thử nhỉ, trung úy? Bà có thể hỏi vị thần trong đèn bất cứ điều gì bà muốn.

Vị trung úy hỏi:

– Thế hỏi xin ba điều ước được không?

Ông Rakshasas đáp:

– Kỳ công phép thuật tốn nhiều thời gian lắm. Nhưng tôi rất vui lòng để bà kiểm tra giới hạn kiến thức của mình.

Trung úy Sanchez nói:

– Thôi được. Tôi đã từng học toán ở đại học trước khi gia nhập quân đội. Vậy ông có thể cho tôi biết đường cong hình lá Descartes là gì không?

Ông Groanin lập lại:

– Đường cong hình lá Descartes. Người có nghe rõ không, hỏi vị thần trong đèn?

Ông Rakshasas trả lời:

– René Descartes, sinh ngày 31 tháng Ba năm 1596 tại La Touraine, nước Pháp. Mất ngày 11 tháng Hai năm 1650 tại Stockholm. Nhà toán học và triết học người Pháp. Đường cong hình lá Descartes là một đường cong xác định bởi phương trình:

$$x^3 + y^3 = 3axy$$

– Giải quá.

Trung úy Sanchez khen, và lần đầu tiên từ khi gặp John và ông Groanin, bà mỉm cười:

– Có lẽ ông nói đúng. Nó có thể có ích cho những chàng trai ở

đây. Anh nghĩ sao, Trung sĩ?

Vị trung sĩ đứng ngay sau lưng John trả lời:

– Vâng, thưa Trung úy.

Bà Sanchez hỏi:

– Trong vòng một tiếng được không?

Ông Rakshasas trả lời:

– Sao lại không nhỉ?

Bà Sanchez mỉm cười lần nữa:

– Tốt. Rất tốt.

Một người lính dẫn John, ông Groanin và hai con chó đến một cái lều Quonset nhỏ hơn, nơi họ được sắp xếp cho ở qua đêm, nhưng sau đó người lính ở lại đứng gác ngoài cửa. Đó là chuyện họ không lường tới khi lên kế hoạch.

John nhận xét:

– Anh ta cứ đứng bên ngoài như thế này thì chẳng dễ gì ra vào đâu.

Gật đầu về phía cái bản đồ mà John chăm chú nghiên cứu này giờ, ông Groanin hỏi:

– Mà cháu đã có khái niệm gì về vị trí của cái lối vào bí mật đó chưa?

John cho biết:

– Có vẻ như nó ở phía Bắc của toà tháp, ngay đằng sau cái lều tắm ấy.

Thở dài một tiếng, ông Groanin bảo:

– Vậy thì chỉ còn một giải pháp duy nhất. Chắc là cháu phải đi

đến Iravotum mà không có chúng ta rồi.

– Ý ông là cháu phải tự đi một mình à?

– Dĩ nhiên cháu sẽ mang theo Alan và Neil. Nhưng đừng chờ ta và anh Rakshasas. Với cái cậu lính gác ngoài kia, có lẽ cháu chỉ có một cơ hội duy nhất để đi xuống cái lối vào bí mật ấy thôi. Tốt nhất cháu nên nắm lấy cơ hội này khi còn có thể.

Ông Rakshasas nói:

– Anh Groanin nói đúng đấy John. Đây có thể là cơ hội duy nhất của cháu.

Rất ghét ý nghĩ bỏ rơi John, ông Groanin đành nói:

– Mà người chỉ có một tay như ta đi chung có khi còn gây trở ngại cho cháu cũng nên. Ta muốn nói, người chỉ có một tay sẽ làm cháu bị chậm lại, chàng trai ạ. Mà cháu cũng không cần đến sự giúp đỡ của ta đâu. Những gì cháu thể hiện từ đầu chuyến đi đến giờ đã chứng minh cháu can đảm hơn nhiều so với những kẻ to xác và lớn gấp đôi tuổi cháu. Nếu có ai đó có thể giải cứu em gái cháu, thì đó chính là cháu, John à.

Ôm trọn John vào lòng, ông Groanin đưa tay quệt nước mắt và nói:

– Chúc may mắn, con trai của ta. Và hãy nhanh trở về nhé. Chúng ta sẽ cùng Darius đợi cháu ở Nhà hàng Kebabylon. Phải không, anh Rakshasas?

Người djinn già đồng ý:

– Đúng thế, chúng ta sẽ đợi.

John hỏi:

– Nhưng ông sẽ giải thích với Trung ý Sanchez như thế nào khi

bà ấy phát hiện cháu biến mất khỏi doanh trại vào ngày mai?

– Ta sẽ bảo bà ấy rằng dạo này do nóng quá nên cháu cư xử hơi kỳ quặc, và cháu đã chạy đâu đó mất tiêu rồi. Và ta sẽ nán lại quanh vùng để chờ cháu xuất hiện. Chắc là chúng ta sẽ ổn với bà Lamoor ở Nhà hàng Kebabylon thôi.

Rồi nhặt cây đèn chứa vị djinn già lên, ông nói:

– Chúng ta đi thôi, anh Rakshasas. Đến giờ biểu diễn rồi. Để quân đội chờ là không nên đâu.

Người lính gác ngoài cửa dẫn họ đến lều giải trí, nơi buổi biểu diễn của họ sẽ diễn ra, nhưng đi được khoảng nửa đường, hai con chó và John – khoác theo một cái ba lô nhỏ đựng quyển sách của Eno, một cái xẻng con, đèn pin, chai nước, và vài thanh Hershey mà Trung úy Sanchez đã tặng cho John – lảng lạng tách đoàn.

Nhẹ nhàng chuồn về phía lều tắm, John bảo hai con chó:

– Giờ chỉ còn ba chúng ta thôi đó nhe.

Cái lều tắm dựa lưng vào một bệ đỡ lớn mà từ đó toà tháp Samarra được xây lên. Bên trong lều có vài cái nhà xí, vài vò hoa sen, một dãy bồn rửa, cùng vài tá rổ đựng đầy đồ dơ. Sàn nhà được lát bằng những tấm ván kê chéo nhau để tránh cho những cái chân ướt không bị dính cát. Tất cả mọi thứ đều đơn giản nhưng thiết thực.

Thò đầu và vai qua một phần vạt lều đằng sau mấy cái rổ đựng đồ, John soi đèn pin dọc theo phần đáy tháp. Một cái đầu sư tử nhỏ được khắc trên tường đánh dấu vị trí, chính xác như những gì Eno miêu tả. Cậu thông báo với hai con chó:

– Đây rồi. Chúng ta đang ở ngay phía trên lối vào bí mật của Iravotum.

Dời cái rổ đựng đồ qua một bên và nhấc một tấm ván lên, John mặt đối mặt với một sàn cát cứng ngắc. Họ sẽ phải đào nó, và John ngay lập tức nhận ra cái xuồng nhỏ mà cậu mang theo sẽ chẳng giúp ích được gì. Cũng may một người lính nào đó đã để quên túi trên móc đồ, phía trong có một xẻng đào hào loại có thể gấp lại được. Mượn tạm cái xẻng, John bắt đầu hì hục đào. Từ đây, cậu có thể nghe được tiếng ông Groanin “làm nóng” không khí với vài câu nói đùa gượng gạo, nhưng thật ngạc nhiên là những người lính lại có vẻ thích chúng. Có điều đào chưa được bao lâu, John đã nghe có tiếng người đi vào trong lều nên phải vội vã kéo hai con chó núp vào trong một cái rổ đựng đồ gần đó.

Bên trong rổ, John có thể nghe được tiếng khoảng nửa tá lính đi vào trong phòng tắm, cởi bộ áo giáp và quân phục của mình ra, và rồi hò reo vui vẻ khi bước vào dưới làn nước ấm. Nếu cậu cũng được tắm một cái thì hay biết mấy. Với lớp áo sơ mi dính bết vào người vì mồ hôi, John ước gì mình đã nghĩ đến việc đi tắm trước khi tiếp tục nhiệm vụ giải cứu của mình.

Một lúc sau thì người lính cuối cùng cũng bước ra khỏi lều và John lại có thể thở bình thường. Mở cái nắp rổ ra, cậu đứng dậy và nói với hai con chó:

– Ổn rồi. Tìm lối vào thôi.

Cầm cái xẻng đào hào lên, John lại tiếp tục nhiệm vụ đào hào cao cả của mình, cho dù cậu vẫn còn nghi ngờ những gì Eno viết: rằng lớp cát che giấu một cái tay cầm hình sư tử mà cậu chỉ cần cầm nó và nói từ bí mật là cánh cửa bên dưới sẽ mở ra. Nếu những gì Eno viết là sự thật thì đó chỉ là khởi đầu của những trở ngại mà John sẽ phải đối mặt. Vị quan tư tế tối cao đã viết về “bảy người

bảo vệ”, sáu trong số đó John cần phải “phục tùng không điều kiện”. Đáng báo động hơn là hướng dẫn nghiêm ngặt của Eno rằng “kẻ thâm nhập bắt buộc phải giết chết người bảo vệ thứ bảy mà không chút lưỡng lự, hoặc sẽ phải đối mặt với sự thất bại hoàn toàn của tham vọng bí hiểm của mình” – với trường hợp của John, có nghĩa là cậu sẽ thất bại trong việc tìm đường đến Iravotum.

Ngừng tay trong giây lát để nghỉ lấy sức, John lắng nghe tiếng ông Groanin tiếp tục “trình diễn”. Những người lính có vẻ rất khoái ông. Họ vỗ tay hưởng ứng nồng nhiệt khi, có vẻ như, ông trình diễn một tiết mục nói tiếng bụng khác, lần này là vừa đọc lại một bài thơ vừa uống cạn một chai bia.

Rồi John lại một lần nữa bắt tay vào công việc đào bới, cho dù đến giờ cậu đang bắt đầu mất lòng tin vào kế hoạch của mình. Cái từ bí mật để mở cửa nghe như thể nó chỉ tồn tại trong một câu chuyện cổ tích xưa như trái đất nào đó. Hoặc như thể nó là một từ do ông Macreeby bịa ra. Nhưng ngay khi ý nghĩ đó vừa xẹt qua đầu John, cái xẻng đụng vào một thứ gì đó bằng kim loại. Vọc tay vào trong cát, John kéo lên một cái vòng bằng đồng nặng chịch có hình dáng như đầu sư tử. Cái tay cầm nối liền với một sợi xích dẫn xuống lớp cát bên dưới chân cậu.

– Ồ, chắc là nó rồi. Bắt đầu thôi.

Rồi cậu thâm thì cái từ bí mật, dù không kỳ vọng mấy là nó sẽ hoạt động:

– Mở ra, Simsim.

Không có gì đáng kể xảy ra, ngoài việc cả lớp cát đổ sụp xuống hố và biến mất vào trong bóng tối. Không chắc đây có phải là kết quả của cái từ bí mật hay không, John soi đèn pin xuống hố. Nhìn

thấy một cánh cửa sập hình tròn bên dưới chân mình, cậu nhẩy xuống rồi nói vọng lên với Alan và Neil, vẫn đang ngồi ở phía trên hố:

– Có một cái cửa dưới này.

Dạng chân ra hai bên cửa, John giữ chặt cái tay cầm hình đầu sư tử và bắt đầu kéo xích. Cánh cửa sập rỉ sét nhấc lên được chừng mười phân, nhưng phải mất thêm độ năm hoặc mười phút nữa cậu mới có thể mở toang nó ra.

Dựa cánh cửa vào thành hố, John bật đèn pin lên và soi vào đường hầm bằng đá cũ kỹ bên trong. Nhưng có vẻ cậu không cần thiết phải làm vậy nữa, vì bằng một cách nào đó cả đường hầm được thắp sáng, như thể đó là kết quả của việc mở cửa. Cậu nhận xét:

– Có lẽ khí oxy từ bên ngoài tràn vào đã làm điều này.

Quay lên trên, cậu giục hai con chó nhẩy xuống trước khi kéo tấm ván che lại, để phòng trường hợp ai đó tìm thấy cái hố và quyết định khám phá thử. John thật chẳng muốn có một tốp lính theo đuôi sau lưng chút nào. Rồi cầm ba lô lên, cậu bước qua cánh cửa sập. Nghiến chặt răng vì nỗi sợ không gian chật ủa vào lòng, John móc một viên thuốc than ra uống, và ba người bạn họ bắt đầu lần theo lối đi xoắn ốc dẫn xuống dưới. John nhanh chóng kết luận nó có cùng kiểu thiết kế như tòa tháp Samarra. Dần dần, cậu nhận ra phần dưới mặt đất lớn hơn nhiều so với phần trên mặt đất, gần giống như một tầng băng trôi. Nó khiến cậu tự hỏi không biết cả tòa tháp này đã có thời ở phía trên mặt đất hay không. Trong trường hợp đó, có vẻ như nó bị ngang ngửa những tòa cao ốc chọc trời ở New York bây giờ. Treo trên những bức tường của đường hầm

là một hệ thống đuốc sáng cháy đều với ánh lửa màu tím kỳ lạ.

Cậu nói lớn tiếng:

– Không biết ai trông coi những ngọn đuốc này nhỉ?

Gần như ngay lập tức, cậu cảm thấy một điều kỳ lạ nhất: cậu đang nói bằng một ngôn ngữ mà chính cậu cũng không nhận ra. Cậu biết mình đang nói gì, chỉ có điều khi những từ ngữ thoát ra khỏi miệng cậu, chúng trở nên xa lạ. Và không chỉ với cậu. Cả Alan và Neil đều không hiểu cậu nói gì – cậu có thể nhận ra điều đó khi con Neil dùng chân vẽ ký hiệu dấu hỏi lên lớp bụi cát trên đường, và con Alan rên lên ư ử.

– Lạ thật.

Cậu lại nói lớn, nhưng dĩ nhiên những từ thoát ra khỏi miệng cậu hoàn toàn xa lạ. Và phải mất một hoặc hai giây sau, cậu mới nhận ra mình đang chịu ảnh hưởng của cái mà Eno gọi là “hiệu ứng Babel”. Theo như câu chuyện trong Kinh Cựu ước, đó là việc người ta bỗng dưng không hiểu tiếng nói của nhau và bắt đầu nói bằng những ngôn ngữ khác nhau.

Cậu cố giải thích với hai con chó:

– Đừng lo. Trong bộ *Bellili Scroll*, Eno có nói chuyện này sẽ xảy ra. Nó liên quan đến việc có mặt ở vị trí nguyên thủy của Tháp Babel.

Ngoại trừ việc cả Neil và Alan vẫn không hiểu cậu đang nói gì, phải mất vài phút, John mới nhận ra mình đang nói tiếng của người Lakota Ấn ở Bắc Mỹ, hay còn được biết đến như tiếng Sioux. Cậu biết được điều đó vì dạo gần đây, cậu có xem một chương trình truyền hình về một bà lão Lakota dạy các diễn viên nói tiếng của mình. Cảm giác này không đến nỗi khó chịu lắm, và John tự trấn

an mình rằng Eno có nói hiệu ứng Babel chỉ là tạm thời thôi.

Nhưng một lúc sau, cậu và hai con chó gặp phải một thứ khác khó chịu hơn trên con đường xoắn ốc. Đó là một người đàn ông ngực trần to lớn vận quần lụa và xách theo một thanh kiếm. Cho dù có Alan và Neil bảo vệ, John vẫn thấy rõ họ sẽ không thể nào vượt qua người đàn ông mà không bị thương nặng hay bị giết ít nhất một người.

John cố phân bua:

– Xin ông bình tĩnh. Đây chỉ là một sự hiểu lầm thôi.

Cháu không có ý xấu gì đâu. Thật đó. Tên cháu là John.

Ông là ai?

Nhưng với tiếng Sioux Lakota, những gì phát ra khỏi miệng cậu nghe giống như “Xon bin tih. Dii la mou hiel tho. Chaong coy xagi da. Thao. Te chaua John. On lai?”

Người đàn ông mang kiếm nhẹ nhàng cười với John – với cậu đó như một nụ cười đe dọa – mặc dù có thể thấy rõ ông không hiểu lấy một từ mà cậu nói. John nhanh chóng tra cứu lại cuốn sách của Eno để tìm xem mình phải làm gì tiếp theo, phòng trường hợp cậu bỏ sót chi tiết nào đó. Nhưng bản dịch của Macreeby đã nói rõ: “Cuộc sống đã dạy chúng ta rằng chỉ có những ai thật sự quyết tâm mới thành công. Để tìm kiếm, trước tiên người phải biết khiêm nhường. Vì thế, người phải phục tùng sáu trong số bảy người bảo vệ, vô điều kiện, hoặc chuyển đi của người sẽ vĩnh viễn thất bại. Sáu lần người sẽ phải phục tùng bất cứ những gì người đối đầu, cho dù chúng có vẻ khủng khiếp và chết người như thế nào”.

Eno nói không quá. Người đàn ông mang kiếm trước mặt họ nhìn quá khủng khiếp và chết người. Dù có muốn chống cự, John

cũng không biết mình có thể làm gì.

Cậu bảo hai con chó:

– Ok. Không thử sao biết.

Cậu nói thốt ra khỏi miệng cậu nghe giống như “Ol. Khog thuo bit.”

Cúi đầu thật thấp, John từ từ bước về phía người đàn ông mang kiếm. Để đảm bảo, vừa đi cậu vừa cúi chào nhiều lần và lập đi lập lại từ “colapi”, tiếng Lakota nghĩa là “bạn”.

Khi đến gần người đàn ông, John cảm thấy một bàn tay nặng nề đặt lên vai và đẩy cậu quỳ xuống đất. Cậu nuốt nước bọt cái ực khi người đàn ông im lặng lùi lại một bước và giờ kiếm lên. Lưỡi kiếm loé sáng trong ánh đuốc, và John có thể cảm thấy nó chạm thế nào vào gáy cậu khi người kiếm sĩ chuẩn bị chém. Sao cậu có thể phục tùng chuyện này chứ? Tất cả bản năng trong người cậu hét lớn rằng nếu cậu cứ tiếp tục quỳ dưới đất như thế này, cậu sẽ phải nói lời vĩnh biệt với cái đầu của mình. Làm sao có thể coi việc phục tùng của cậu là một thuận lợi, khi nó dẫn đến cái chết của chính cậu? Lỡ Macreeby đã dịch sai thì sao? Có khi nào Eno viết rằng cậu không nên phục tùng, và Macreeby đã bỏ quên cái từ trọng tâm đó?

Alan và Neil găm gờ khi cánh tay lực lưỡng của người đàn ông đưa thanh kiếm lên cao sau lưng. John bảo chúng ngồi yên và nhắm chặt mắt lại. Khi người đàn ông vung lưỡi kiếm về phía cổ John, cậu thầm thì bằng tiếng Lakota:

– Baong nhe, co, no dn do.

Câu đó có nghĩa là “Bảo trọng nhé, cổ, nó đến đó!”



CHƯƠNG 16

Bên ngoài phạm trù Thiện — Ác

Bạn biết không, bất cứ djinn nào được hỏi cũng sẽ nói với bạn rằng, không có gì là tình cờ hay ngẫu nhiên trong cuộc sống này. Khi vũ trụ được tạo ra, con người được trao cho quyền cai trị trái đất, thiên thần quyền cai trị thiên đường, và djinn quyền cai trị Sự May mắn – vốn là tương tác của hai cái kia. Rất nhiều trò chơi mang tính may rủi mà mundane trên khắp thế giới yêu thích được tạo ra bởi những djinn xấu, như là tộc Ifrit, để vừa tiện hành hạ con người thường xuyên, vừa đỡ tốn sức của chúng, vì tộc Ifrit là những djinn rất lười biếng. Nhưng cũng có không ít djinn tốt dành trọn cuộc đời để chống lại sự xui xẻo tạo ra bởi các trò cờ bạc. Một trong những djinn tốt đó là Edwiges, Vị Djinn Lang Thang, người quyết định phá hủy các sòng bạc bằng cách phát minh ra những hệ thống nguyên tắc bài bạc có thể dùng để đánh bại các trò may rủi. Vấn đề duy nhất là, vì djinn phe tốt bị cấm không được kiếm tiền từ bài bạc, Edwiges buộc phải tặng không khám phá của mình. Và vì có rất ít mundane dám mạo hiểm tiền bạc vào một hệ thống mà họ không mất đồng nào vẫn có được, chỉ có vài người áp dụng thành công khám phá của Edwiges.

Chú Nimrod tìm thấy bà Edwiges ở những bậc thang bên ngoài sòng bạc Belle Epoque xinh đẹp của thành phố Monte Carlo. Bà có

dáng vẻ của một phụ nữ lục tuần lập dị với tính khí hơi thất thường, gần giống như một bà dì lớn tuổi được con cháu yêu quý. Và trên thực tế, vì thường được Edwiges đối xử tốt, chú Nimrod từ nhỏ đến giờ vẫn thường gọi bà là dì Edwiges, dù bà không có quan hệ họ hàng gì với chú. Bà mặc một bộ đầm phồng hình búp hoa, và như thường lệ, trông bà có vẻ hơi đãng trí – một chuyện chẳng giúp ích gì cho việc tạo dựng lòng tin của mundane vào hệ thống bài bạc của bà. Nhưng bên dưới vẻ ngoài của một bà cô chưa chồng và lảm cẩm đó lại là một bộ não toán học thiên tài. Có thể bà sẽ không thể nói cho một viên cảnh sát nghe địa chỉ và số điện thoại của mình, nhưng nếu có ai đó hỏi về Định Lý Cuối Fermat, bà có thể vừa nướng bánh vừa trả lời ro ro.

Ngạc nhiên khi thấy chú Nimrod, bà vui vẻ kêu lên:

– A, Nimrod.

Trùi mền ôm bà vào lòng, chú Nimrod chào:

– Chào dì.

Liếc nhìn chồng booklet^[20] bà đang cầm trên tay, chú hỏi:

– Cháu xem được không ạ?

Bà đưa cho chú một cuốn. Mở nó ra, chú đọc lớn trang tiêu đề:

“Một hệ thống cụ thể giúp đánh bại tính may rủi trong trò cò quay Rulet nguy hại, những hành động chính xác có thể làm giàu ngay lập tức cho người sử dụng có suy nghĩ.”

“Lưu ý: Cần phải có kiến thức cơ bản về thuyết xác suất, định luật Newton và nguyên lý điều hoà nhiệt độ.”

Bà Edwiges cho biết:

– Ta gọi nó là Hệ Thống Ba Phút. Nếu biết dùng nó, một

mundane có thể biến 500 đô la thành 23 triệu đô la chỉ trong ba lần quay rulet.

Chú Nimrod hỏi:

– Nhưng làm vậy chẳng phải càng cổ vũ mundane đánh bạc sao dì?

– Chỉ trong thời gian ngắn thôi. Nếu có nhiều mundane sử dụng hệ thống của ta, các sòng bạc sẽ bị lỗ nặng, rồi thể nào cuối cùng cũng phải đóng cửa. Ta đã tính rồi.

Chỉ cần khoảng sáu người sử dụng hệ thống của ta là đủ.

Rồi bà thở dài:

– Đáng buồn là việc phân phát một phương thức rất dễ hiểu này lại không dễ dàng gì. Mundane chẳng khi nào chịu tin một thứ họ được tặng miễn phí cả.

Họ cùng băng qua đường để đến quán Café de Paris gần đó, nơi chú Nimrod gọi hai ly cà phê và ít đồ tráng miệng.

Bà Edwiges hỏi:

– Thế ngọn gió nào đưa cậu đến Monte Carlo thế, Nimrod? Du lịch à?

Chú trả lời:

– Được vậy thì đỡ, dì ạ. Cháu đến đây vì một chuyện có liên quan đến djinn chúng ta. Dì biết không, Ayesha đã bắt cóc cháu gái cháu, Philippa. Có vẻ như bà ấy định biến cô bé thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo.

– Philippa? À đúng, ta có thể thấy tại sao Ayesha muốn cô bé. Một djinn duyên dáng, thông minh, và xuất sắc trong trò Djinnverso. Có vẻ nó nắm rõ các nguyên lý toán học đằng sau một

trò chơi sử dụng bảy viên xúc xắc tám mặt. Nhưng Philippa vẫn còn là một đứa con nít mà. Nó quá nhỏ để trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo. Nó xứng đáng được tận hưởng cuộc sống trước khi buộc phải gánh những trọng trách to lớn trên lưng. Không, đáng lẽ phải là một người khác. Một người đã thấy được cuộc sống. Một người như cái cô nàng de Ghulle khó chịu. Chẳng phải cô ta rất thêm được trở thành Djinn Xanh sao? Lúc nào cô ta chẳng nói với mọi người rằng cô ta đã nhận được vị trí đó rồi.

Chú Nimrod bảo bà:

– À, chuyện đó cháu cũng biết. Nhưng cháu lại nghĩ Ayesha đã chọn Philippa một cách gấp gáp chỉ để loại bỏ cơ hội trở thành Djinn Xanh của Mimi de Ghulle.

– Mimi đúng là một cô ả không lấy gì làm tốt đẹp. Nhưng cậu nghĩ xem, cô ta có thể phương hại gì đến ai khi lãnh vị trí đó chứ? Một khi trở thành Djinn Xanh, Mimi sẽ ở bên ngoài phạm trù Thiện và Ác. Lúc đó thì việc cô ta đến từ bộ tộc nào cũng đâu còn quan trọng nữa.

– Bình thường thì đúng là việc Djinn Xanh đến từ bộ tộc djinn Thiện hay Ác không quan trọng. Nhưng trong trường hợp này thì có đấy, dì ạ. Rất quan trọng là đẳng khác.

– Tại sao?

– Gần đây, cháu vừa sở hữu được một bản copy của bộ *Bellili Scroll*.

– Hử? Nhưng ta nghĩ đó chỉ là truyền thuyết thôi chứ.

– Cháu cũng từng nghĩ vậy. Nhưng cháu đã mua được một bản từ Virgil Macreeby.

– Tên đại bịp ấy à? Nó có phải đồ thật không đó?

– Đồ thật đấy, dì ạ. Và cháu đã biết được một chuyện thú vị. Thú vị và phiền hà. Ngoài việc chỉ cách vào Iravotum, quan tư tế tối cao Eno của Bellili còn mô tả làm thế nào mà một djinn vô đạo đức có thể hủy hoại quy trình thông thường mà một djinn trải qua để đạt đến trạng thái nằm ngoài phạm trù Thiện và Ác. Hình như sự vô cảm đối với Thiện và Ác đó được tạo ra khi tiếp xúc với Cây Logic. Hay nói chính xác là với trái và hương hoa của nó.

Bà Edwiges thừa nhận:

– Ta cũng hay thắc mắc về chuyện đó đấy.

Chú Nimrod nói tiếp:

– Tuy nhiên, theo Eno, nếu nước ép trái Cây Logic được lọc lại và để lên men rượu, ảnh hưởng của nó sẽ mạnh lên gấp nhiều lần, và sự vô cảm đối với Ác bị chặn lại. Nói một cách khác, chúng ta có thể sẽ có một djinn mạnh như Ayesha nhưng lại vô cảm chỉ với Thiện.

– Sao cậu lại nghĩ khả năng đó có thể xảy ra, Nimrod?

– Khi Macreeby bán cho cháu bản dịch của hần, hần cho biết đã bán một bản cho một djinn khác. Mimi de Ghulle. Lúc đó, cháu nghĩ điều đó không quan trọng gì. Nhưng sau khi đã đọc kỹ cuốn sách, cháu đã biết được tại sao Mimi cần nó. Để nếu được chọn, cô ta có thể làm sai lệch nghi thức Djinn Xanh, và sử dụng quyền lực của mình cho lợi ích cá nhân. Nếu chuyện đó xảy ra, cán cân sức mạnh sẽ bị phá hủy, và sự hỗn mang sẽ thống trị thế giới lần nữa.

Bà Edwiges thở hắt ra:

– Ôi trời, thật tệ hại. Cứ nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra nếu Mimi de Ghulle kiếm cách trở thành Djinn Xanh là ta không khỏi rùng mình. Cô ta sẽ có được quyển Grimoire của Solomon, và khái niệm

về cân bằng sức mạnh sẽ hoàn toàn bay vèo ra cửa sổ. Khả năng trói buộc các djinn khác bằng ý chí của Djinn Xanh sẽ biến cô ta thành một nhà độc tài thực sự.

Rồi lắc đầu một cách lo lắng, bà Edwiges nói tiếp:

– Mimi là một người đầy tham vọng quyền lực. Và cô ta sẽ không dừng lại ở đó đâu. Chắc chắn cô ta sẽ tìm cách để con gái mình – mà con nhỏ tên gì nhỉ?

– Lilith ạ.

– À đúng, Lilith. Một đứa trẻ hỗn xược. Chắc chắn Mimi sẽ tìm cách để nó trở thành Djinn Xanh tiếp theo. Và chúng ta sẽ có cả một đế chế của de Ghulle ở Babylon trong tương lai.

Chú Nimrod cắn môi nói:

– Cháu chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó. Nhưng dì nói đúng. Dì nghĩ chúng ta phải làm gì bây giờ đây?

– Phải chặn cô ta lại, Nimrod. Đó là điều chúng ta phải làm. Ý ta là, chúng ta không thể để Ayesha biến Philippa thành Djinn Xanh đời tiếp theo, và chúng ta cũng không thể cho phép Mimi de Ghulle tiếp nhận vị trí đó. Mimi sẽ là một lựa chọn rất tồi tệ. Đặc biệt là khi cô ta biết cách làm sai lệch nghi thức Djinn Xanh theo hướng có lợi cho mình như cậu nói. Vấn đề duy nhất ở đây là, nếu không phải là Philippa lẫn Mimi de Ghulle, vậy sẽ là ai? Cậu biết gì không, Nimrod? Cậu sẽ phải tìm ra một người phù hợp. Một djinn nữ, dĩ nhiên rồi. Và là một người chắc chắn sẽ không sử dụng vị trí Djinn Xanh cho lợi ích của riêng mình.

Chú Nimrod mỉm cười:

– Vâng, cháu đồng ý với dì. Và đó cũng là lý do cháu có mặt ở Monte Carlo. Cháu đang nghĩ dì là người phù hợp nhất.

– Ta ấy à? Sao cháu lại có ý nghĩ kỳ lạ vậy? Ta hoàn toàn không phù hợp chút nào.

Choàng tay qua vai bà Edwiges, chú Nimrod nói:

– Vô lý. Cháu thấy dì phù hợp nhất đó. Dì độc thân, thông minh, lớn hơn một trăm tuổi, có kinh nghiệm làm việc vì cộng đồng cả đời. Và hơn tất cả, dì là một người tốt. Trên thực tế, cháu không nghĩ có ai khác phù hợp với công việc này bằng dì.

Bà Edwiges mỉm cười lại:

– Cậu nghĩ thế thật à?

Bà tiếp tục mỉm cười một lúc, nhưng rồi đột ngột nụ cười của bà tắt ngấm và bà lắc đầu nói với chú Nimrod:

– Nhưng ta không thể làm việc đó. Đặt bản thân bên ngoài phạm trù Ác là một chuyện. Nhưng đứng bên ngoài phạm trù Thiện lại là một chuyện khác. Ta không thích trở thành như thế chút nào. Và ta còn có công việc của mình nữa. Ta đã quá bận rộn với nó rồi. Ta cũng muốn giúp cậu lắm, Nimrod. Thật đó. Ta luôn quý cậu mà. Ngay từ khi cậu còn là một nhóc djinn. Nhưng có cả trăm lý do khác nhau để ta không thể làm việc đó. Và chỉ vì hiện giờ ta chỉ nghĩ ra được hai lý do trong số đó, không có nghĩa những lý do khác không quan trọng.

Chú Nimrod kiên nhẫn gật đầu. Chú sớm biết một buổi nói chuyện vốn không đủ để thuyết phục bà Edwiges trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo, mà cần nhiều hơn nữa. Tuy nhiên, nhìn cuốn booklet nhỏ trong tay, chú đột ngột nảy ra một ý.



CHƯƠNG 17

Người bảo vệ thứ bảy

Sau vài giây dài như thế kỷ, John hé mở một mắt rồi hai mắt, đưa tay sờ quanh cổ và thử nuốt nước bọt một cái. Nhẹ cả người khi nhận ra cái đầu của cậu vẫn còn dính với cổ, John chậm rãi liếc nhìn xung quanh. Người đàn ông mang kiếm đã biến mất. Cái gì đó đã chạm vào cổ mình chắc chắn không phải là lưỡi kiếm rồi. Hay đúng là hiểm? Vuốt nhẹ đằng sau gáy, nơi lưỡi kiếm vừa mới chạm vào trước đó, ngón tay trở của cậu có dính ít máu. Sau khi nuốt nước bọt cái ực và tăng hắng một tiếng – như thể muốn kiểm tra xem mọi bộ phận trong cái cổ yêu dấu có còn hoạt động bình thường hay không – John khẽ lắc đầu và quay sang Alan và Neil. Hai con chó vẫn đang nằm rạp trên mặt đất với hai chân trước che mắt như sợ không dám nhìn cảnh cậu chủ của chúng bị toi đời.

– Ê, hai đứa.

Cậu gọi chúng, và khá hài lòng khi nhận ra mình đã trở lại nói bằng tiếng Anh bình thường.

– Mọi chuyện ổn rồi. Người đàn ông cầm kiếm đã biến mất. Và cái đầu tao vẫn còn nguyên đây.

Hai con chó nhảy bật dậy và chạy tới liếm rồi rít khắp mặt và tay John.

Đưa tay xoa xoa lỗ tai hai con chó và ôm chúng, cậu trấn an:

– Tao nghĩ mấy vụ phục tùng đó chỉ được cái nhìn kinh dị thôi, chứ thực chất chẳng có gì đâu. Dù cảm giác thì cứ y như thật ấy. Đúng là hơi kỳ quặc, nhưng đến giờ tao vẫn còn nhớ cảm giác lưỡi kiếm chạm vào gáy đấy.

Rùng mình một cái, cậu nhe răng cười:

– Cứ y như khi đi cắt tóc ấy.

Alan sửa một tiếng lớn và chạy lại kiểm tra một cái gì đó nằm trên mặt đất. Chính là thanh kiếm.

Nhặt thanh kiếm lên và quét nhẹ nó lên ngón tay cái, John có thể thấy rõ nó là thật. Rất sắc là đằng khác. Cậu vung thanh kiếm trong không trung vài lần, lòng vẫn không chắc việc mà cậu đã cảm nhận trước đó là ảo giác hay thực tế. Liệu sáu người bảo vệ còn lại có thật như người cậu vừa gặp hay không? Để chắc ăn, cậu quyết định xách thanh kiếm theo.

Họ tiếp tục đi xuống con đường xoắn ốc, nhưng đi chưa được năm hay mười phút gì đó, họ đã đụng độ một kỵ binh Ả Rập đóng bộ đen thui từ đầu, chân, đến cả cái mạng che mặt. Con ngựa, cũng màu đen nốt, giậm chân bồn chồn bên dưới người cưỡi nó khi ông chĩa cây thương của mình về phía John, cậu chạm vào mũi thương và nhận ra nó cũng thật như thanh kiếm.

Người kỵ binh ra lệnh bằng tiếng Ả Rập:

– Vạch ngực ra.

May phước là John hiểu được tiếng Ả Rập. Dù vậy, cũng giống như với tên đao phủ cầm gươm trước đó, cậu vẫn không lấy gì làm thoải mái trong việc phục tùng mũi thương sắc lẹm trước mặt. Nhưng cậu cũng không nghĩ mình có thể làm được gì: một cậu nhóc

với một thanh kiếm to dùng làm sao đấu lại một kỵ binh mang thương.

Cho nên John làm như được bảo, lòng thầm cầu nguyện cú đâm của cây thương sẽ không chết người như của thanh kiếm. Cởi nút áo sơ mi, cậu vạch trần ngực ra, rồi nhìn người kỵ binh phi ngựa ngược về phía sau vài thước, trước khi vòng ngược lại. Một giây sau đó, ông chĩa mũi thương về phía John rồi thúc ngựa phóng tới.

– Ổ yên đó, Alan, Neil.

John hét lên với hai con chó, rồi thầm thì một lời cầu nguyện, cậu nhắm mắt lại.

Lần này, cậu thậm chí cảm nhận được mặt đất rung chuyển dưới chân mình và ngửi được mùi ngựa xộc thẳng vào cánh mũi, trước khi hé một mắt nhìn thử. John nhận ra cậu đang tấp mình trong một đám mây bụi tạo ra từ vó ngựa nhưng vẫn còn sống sờ sờ, trong khi người kỵ binh cùng con ngựa của ông thì không thấy đâu.

Alan thở hắt ra một tiếng nhẹ nhõm, rồi ho sù sụ vì bụi bay vào cuống họng. Neil thì chỉ lúc lắc đầu vài cái rồi một mình nằm xuống nhìn cậu chủ trẻ của nó kiểm tra ngực mình trước khi cài nút áo lại.

Vẫn còn run rẩy vì sợ hãi, John bảo chúng:

– Theo những gì Eno viết thì tao còn phải phục tùng bốn người bảo vệ nữa trước khi giết người thứ năm. Thiệt sự, tao hy vọng đó là tên gốc đã nghĩ ra mấy cái trò phục tùng ngớ ngẩn này. Chỉ tổ làm người khác đứt dây thần kinh chứ chẳng chơi.

Ôm đầu Alan vào sát ngực mình, cậu gượng gạo cười:

– Mà nghe thử đi, Alan. Trái tim tao đánh lô tô như con chim nhỏ cố bay ra khỏi lồng ấy. Chắc là đến cuối ngày hôm nay, bọn ta

sẽ biết trái tim của tao có còn nguyên vẹn hình thù hay không. Mà biết đâu được, có khi mục đích chính của tất cả chuyện này là thế cũng nên.

Rồi John can đảm tiếp tục tiến xuống con đường xoắn ốc, nơi mà chẳng bao lâu sau, cậu buộc phải phục tùng một cung thủ, người bắn một mũi tên không thật sự trúng cậu; rồi một đồ vật to con, người nhắc bổng cậu lên để nghiền nát cậu trong lòng bàn tay của ông nhưng lại không thật sự nghiền nát cậu. Đến thử thách thứ năm – cái đòi hỏi John đặt đầu mình vào miệng một con sư tử – thì cậu đã thiếu điều nguyên rửa những người bảo vệ ngấm dưới đất này.

Bước qua ngọn lửa thở ra từ miệng một con rồng phun lửa, cậu nhận xét với hai con chó:

– Thử thách nhiều thế này để làm gì nhỉ? Tao thấy ba lần là đủ rồi. Ý tao là, sau ba lần là chúng ta đã biết rốt cuộc sẽ chẳng có gì xảy ra mà.

Nhưng với việc hoàn thành sáu trong số bảy thử thách của mình, tinh thần John gần như đã kiệt quệ. Giờ bảo cậu giết một con châu chấu còn khó, chứ nói gì đến việc giết thứ đang chờ cậu ở ngã quẹo tiếp theo của con đường – dù thứ đó là gì. Và, đầy căng thẳng sau những thử thách vừa phải trải qua, John cố thu hết can đảm để đối mặt với người bảo vệ cuối cùng. Cậu bảo với Alan và Neil:

– Tao nghĩ tao sẽ không thật sự giết cái gì đâu. Giống như tao không thật sự bị giết từ nãy đến giờ vậy. Tụi mày nghĩ sao?

Hai con chó sủa lớn thể hiện ý tán đồng, nhưng thật sự trong lòng chúng đang hy vọng, nếu John buộc phải giết một cái gì đó, thì

cái đó sẽ là một con bê sống để chúng có thể nhâm nhi ít thịt tươi. Bởi, vì là chó, chẳng con nào ngần ngừ như chủ nhân loài người của chúng trong việc giết chết một sinh vật sống khác – ít nhất là một sinh vật không thuộc loài sâu bọ.

Nhưng không gì có thể chuẩn bị tinh thần cho John đương đầu với cái mà cậu trông thấy ở ngã quẹo tiếp theo của con đường. Vì ở đó, cao gần một mét sáu, mặc bộ vét kẻ sọc hiệu Badoglio yêu thích và đôi giày hiệu Cascio Ferro tốt nhất của ông – ông thậm chí còn mặc cái áo sơ mi mà John và Philippa đã mua tặng ông nhân dịp Giáng sinh – là cha ruột của John.

Cha cậu chào:

– A, John. Gặp con ở đây tốt quá.

John ngạc nhiên:

– Cha? Cha làm gì ở đây vậy?

– Không, con đang làm gì ở đây vậy?

Alan và Neil chạy về phía người em trai của chúng, nhưng ngay khi chúng định nhảy lên liếm mặt ông theo cái cách chúng vẫn làm khi còn ở nhà – cái cách thường khiến ông Gaunt gỡ mắt kiếng ra lau vì khi đứng trên chân sau, cả hai con chó đều cao ngang ngực ông – chúng đột ngột khựng lại. Rồi chúng lùi xa khỏi người đàn ông đang đứng trên đường, miệng gầm gừ một cách lo lắng, như thể cảm thấy có điều gì đó không ổn ở đây. Liếc nhìn John, hai con chó sủa mấy tiếng, và cậu không cần hỏi chúng cũng biết người đàn ông trước mặt không phải – không thể nào – là cha của cậu. Tuy biết vậy, nhưng...

– Sao cha đến được đây vậy?

– Một câu hỏi hay. Chính cha cũng không biết rõ.

Thường thì đó là một câu trả lời khá ổn. Nhưng sau những gì cậu đã trải qua ở sáu thử thách trước, John không tin tưởng lắm vào những gì cậu đang nhìn thấy, rằng cha cậu thật sự đang ở đây. Dĩ nhiên là trừ khi tất cả các thử thách trước chỉ nhằm để đánh lạc hướng cậu về độ thực tế của người bảo vệ cuối cùng này. John đi về phía cha mình và đặt một tay lên vai ông. Cái áo vét ông đang mặc may từ len casomia, đúng như bình thường. Và loại nước hoa yêu thích của cha cậu. Ngay cả viên kẹo bạc hà Beezer trên đầu lưỡi ông Edward Gaunt nhìn cũng hợp lý: ông Gaunt luôn ngậm hai hay ba viên Beezer sau khi hút xì gà. Nếu đây chỉ là một sản phẩm từ trí tưởng tượng của John hoặc một loại ảo giác nào đó, thì nó cũng chính xác như cái đồng hồ bằng vàng trên tay cha cậu. Tất cả những chi tiết đó làm John nhận ra, giờ cậu không thể dám kiếm giết chết người đàn ông này chừng nào cậu còn chưa chắc chắn một trăm phần trăm rằng ông chỉ là một kẻ giả mạo, hoặc một thứ gì đó không hề tồn tại.

Cậu cẩn thận hỏi:

- Chaa nè?
- Gì thế John?
- Cha còn nhớ cái tượng Nữ thần Tự do bằng vàng trên bàn làm việc của cha không? Ừm, con đã lỡ tay làm gãy cái tay cầm đuốc của nó. Đó chỉ là một tai nạn thôi cha à. Thiệt đó. Con đã định nói với cha về nó lâu rồi.

Con có dùng keo dán nó lại, nhưng con không giỏi mấy chuyện đó lắm. Con thật sự xin lỗi.

Đó là một tình huống cậu đã định sửa sai ngay khi có thể, nhưng rồi chú Nimrod đã xuất hiện và nhờ cặp sinh đôi giúp chú lấy lại

cuốn Grimoire của Solomon. Cậu không có lý do gì để bào chữa cho việc làm hư bức tượng cả. Cậu không thể nói cậu đã làm hư nó như thế nào, rằng cậu đã cầm nó một cách bất cẩn, giả vờ như cậu vừa được trao giải Academy Award, và cái tay cầm đuốc đã đột ngột đứt ra. Vì Chúa, cái bức tượng ngu ngốc đó trị giá đến 25.000 đô, và John thật sự không nghĩ cha cậu sẽ vui vẻ khi biết chuyện. Giống như việc cha sẽ chẳng vui gì nếu biết cậu đến Iraq. Dù gì thì ông cũng chỉ đồng ý cho John và Philippa đi với chú Nimrod đến Istanbul và Đức thôi.

– Thật sự con không biết tại sao nữa. Tự nhiên dùng một cái nó gãy luôn. Như việc đồ đạc thỉnh thoảng bị hư ấy.

Rồi nhún vai, cậu nói:

– Con xin lỗi.

– Không sao đâu, con trai. Cha hiểu mà. Không phải lỗi của con đâu. Dù gì thì nó cũng chỉ là một món đồ trang trí bình thường thôi.

Và Edward Gaunt nở nụ cười khoan dung, hiền hậu nhất của ông với John. Ông không la mắng hay đe dọa cấm túc John, cũng chẳng tuyên bố cắt tiền tiêu vặt của cậu trong sáu tháng. Và điều đó không giống ông Gaunt thật sự chút nào. Ít nhất là ông Gaunt hiện hữu trong mùa đông. Philippa vẫn thường buộc tội cha mẹ mình lo cho đồ đạc và các tác phẩm nghệ thuật của họ hơn là lo cho con cái, và dù John biết điều đó không hoàn toàn đúng, cậu vẫn chắc rằng người cha thật của cậu thế nào cũng cho cậu nghe một bài giảng mô-ran dài một giờ. Ngay cả khi họ đang ở đây, tại Iraq, cha cậu chắc chắn vẫn tức giận như thường.

– Cha à? Con chỉ muốn cha biết là con không có ghét bỏ gì cha

hết, cha nhé?

Ngay khi đang nói, John đã cầm kiếm đâm vào cái người có hình dáng giống như cha cậu như lời hướng dẫn nghiêm ngặt của Eno: “Kẻ thâm nhập bắt buộc phải giết chết người bảo vệ thứ bảy mà không chút lưỡng lự, hoặc sẽ phải đối mặt với sự thất bại hoàn toàn của tham vọng bí hiểm của mình”. John không chắc từ “bí hiểm” nghĩa là gì, nhưng cậu có thể chắc chắn rằng nếu không làm đúng theo hướng dẫn của Eno đến từng câu chữ, cậu sẽ không bao giờ được gặp lại em gái – ít nhất là đứa em mà cậu biết và yêu quý.

Nhưng nếu John nghĩ rằng thanh kiếm của cậu sẽ xuyên qua không khí, cậu đã lầm. Qua cán cầm của thanh kiếm, cú đâm của cậu có cảm giác thật đến rợn người. Còn tệ hơn nữa là việc cái người giống hệt cha cậu hét lên một tiếng kinh hoàng, như thể ông thật sự bị đâm chết. Và ông cũng không biến mất như những người bảo vệ khác. Thay vào đó, ông ngã gục mặt xuống đất và nằm im lìm giữa một vũng máu. Máu nhìn quá ướt, quá thật và quá đỏ.

John hét lên.

Cậu rên rỉ:

– Mình đã làm gì thế này?

Ném thanh kiếm qua một bên, John vội vã quỳ xuống bên cạnh nạn nhân của cậu. Lòng còn cào như muốn ói đến nơi, cậu lo đến phát điên rằng mình đã làm một chuyện khủng khiếp. Trong đầu cậu giờ đây không ngừng bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng Eno đã sai lầm hoặc, như trước đây, bản dịch của Virgil Macreeby đã sai lầm. Ngay trong cái chết, người đàn ông này trông vẫn giống hệt cha của John.

– Không, không, không, làm ơn không, chuyện này không thể

xảy ra được.

Với đôi tay run rẩy, cậu gõ cặp mắt kiếng của người chết ra và xếp nó vào trong túi áo ngực của ông, nơi cậu tìm thấy một hộp xì gà đựng một điếu Manyana Grand Cru. Tại sao ảo ảnh của Edward Gaunt lại mang theo cả một điếu xì gà nhãn hiệu yêu thích của cha cậu chứ?

Cậu nài nỉ:

– Cha? Làm ơn tỉnh dậy đi cha. Con không có ý đó mà.

Nhưng với lượng máu đổ tràn trên đất và màu sắc gương mặt của ông, có thể thấy rõ người đàn ông đang nằm trên mặt đất đã không còn cứu chữa được nữa rồi. John nhắm nghiền mắt lại, khi những giọt nước mắt đầu tiên bắt đầu lăn ra khỏi mắt và rơi xuống khuôn mặt trắng bệch của người chết.

John gần như phát điên lên vì tuyệt vọng và hối hận. Bất chấp những chứng cứ cho thấy điều ngược lại ở những thử thách trước, giờ đây cậu hoàn toàn chắc chắn rằng cậu vừa giết chết cha ruột của mình. Cậu nói trong nước mắt:

– Con xin lỗi. Cha ơi, con xin lỗi.

Không thể nào trấn an John rằng đó không phải là cha cậu, Alan và Neil cố kéo cậu rời khỏi cái xác nhưng thất bại. Trong suốt mấy phút, John vẫn quỳ gối bên cạnh cha cậu với đôi mắt nhắm nghiền.

Rồi Neil sửa lớn vài tiếng. Mở mắt ra, John nhìn thấy cái xác trông như thật mấy giây trước giờ đã biến mất.

John lắc đầu và thở một cách khó khăn. Nhận ra rốt cuộc đó cũng chỉ là một ảo ảnh, cậu mỉm cười yếu ớt với Neil. Dù thế, cậu cũng biết rằng cậu sẽ không thể nào cảm thấy thoải mái về chuyện đã xảy ra, cho đến khi cậu có thể vòng tay qua vai người cha thật

sự của cậu và ôm ông thật chặt.

Vừa mới chạy đi do thám đoạn đường phía trước, Alan giờ chạy ngược về với sự hào hứng thấy rõ trong từng bước chân. Nó sửa lớn vài tiếng, rồi ngậm lấy tay áo John kéo mạnh để giục cậu đứng dậy.

John nói:

– Ok. Ok. Biết rồi. Tao đến đây.

Theo chân hai con chó xuống dưới con đường và vòng qua ngã queo tiếp theo trên đoạn hầm xoắn ốc vòng quanh phần tháp Samarra nằm dưới mặt đất, John đột ngột hiểu rõ tại sao con chó lại kích động như thế: Con đường đã kết thúc, và họ đang mặt đối mặt với một cái cửa tháp trên tường. Cao cỡ một cái bàn, cánh cửa được đóng bằng một loại gỗ nhiều năm tuổi với những cái đinh màu đen. Trên cửa là một cái tay cầm sắt to dùng màu đen có hình đầu một người đàn ông với bộ râu thắt bím và những lọn tóc quăn ôm lấy khuôn mặt. Nhưng điều đáng chú ý ở cái tay cầm này là cái lưỡi bằng sắt của người đàn ông bị kéo ra khỏi miệng và đóng đinh vào cánh cửa. John nghĩ đó là một kiểu thiết kế khá ấn tượng, nếu không muốn nói là đầy ý nghĩa – như thể ai đó, Eno chẳng hạn, muốn cảnh báo bất cứ người nào nghĩ đến việc sử dụng tay cầm này không bao giờ được tiết lộ những bí mật nằm phía bên kia cánh cửa.

Eno chỉ cung cấp ít thông tin về cánh cửa. Và sau những thử thách vừa rồi, cũng dễ hiểu khi John lo lắng về việc đụng đến cái tay cầm. Iravotum nằm ở bên kia cánh cửa, nhưng cậu sẽ không ngạc nhiên gì nếu có một con hổ bảy đầu đang chờ cậu. Hoặc một thứ gì đó tệ hơn thế mà hiện giờ cậu không thể nghĩ ra.

Cậu hỏi hai con Alan và Neil đang đánh hơi cánh cửa này giờ:

– Tụi mày nghĩ sao? Ê mà tao mới nghĩ ra một chuyện.

Lỡ nó bị khoá thì sao nhỉ?

Và trên thực tế, đúng là cánh cửa bị khoá. Phải mất vài phút, John mới khám phá ra cậu có thể gỡ cái đinh ra khỏi cái lưỡi sắt, và sau khi được giải phóng, cái lưỡi có thể được nhắc lên. Và cánh cửa vốn chỉ có một chốt đơn giản đã dễ dàng được mở ra.

– Hay nhỉ.

John nhận xét, rồi cậu kéo cánh cửa về phía mình, cúi người và bước qua.

Không giống như con đường thấp đuốc hình xoắn ốc đã dẫn họ đi vòng quanh phần thân bị chôn vùi của tháp Samarra, tại đây, hơn trăm mét dưới lòng đất hoặc có thể hơn, ở phía bên kia cánh cửa, thật khó để tin rằng họ đang ở dưới lòng đất. Trong mấy giây, John và hai con chó không thể làm gì khác ngoài đứng há hốc mồm kinh ngạc.

Một đại dương trải dài trước mặt họ với từng đợt sóng nhẹ nhàng vỗ lên bờ cát vàng óng ả. Một luồng gió nhẹ luồn vào trong tóc John, mang theo vị mặn và sự trong lành của biển. Nhưng điều làm cậu thật sự ngạc nhiên không phải là kích cỡ của đại dương, thậm chí không phải ngọn gió đang xáo động bề mặt trống trải của nó, mà là việc cậu có thể phóng tầm mắt nhìn khắp mặt biển nhờ vào một ánh sáng trắng mờ nhạt đặc biệt, một thứ ánh sáng không tỏa nhiệt làm cậu liên tưởng đến ánh điện. Và xem xét không trung phía trên đầu mình, John được gợi nhớ tới những phim tài liệu mà cậu đã xem trên ti vi về bắc cực quang, hay còn được gọi là ánh sáng phương Bắc. Hiệu ứng toàn diện của một thế giới trong lòng một thế giới khác.

Cậu cố thử hình dung ra sự kiện địa lý nào có thể giải thích được sự tồn tại của vùng đất dưới lòng đất này. Nhiều năm trước, cậu đã từng viếng thăm hệ thống hang động khổng lồ ở Kentucky cùng cha mẹ. Nhưng nếu đem so với những gì cậu đang thấy, nó chỉ như một cái hang thỏ. Ngay cả cái hang động lớn nhất thế giới cũng không có khí hậu và ánh sáng của riêng nó.

Sau bảy thử thách vất kiệt cả sức khoẻ và tinh thần, sự ngạc nhiên thú vị mà John cảm thấy hiện giờ có vẻ đã giúp cậu khôi phục hoàn toàn năng lượng. Có lẽ đó là vì bầu không khí trong lành, khoẻ khoắn với mùi và vị khác hẳn so với bầu không khí đầy mùi xăng mà cậu đã quen hít thở trên mặt đất.

Hít hít mép nước một lúc, Alan quay qua nhìn John như muốn hỏi, “Giờ chúng ta làm gì đây?” Búng hai đồng 25 xu trên tay, John nói với nó:

– Eno có nhắc đến một con thuyền.

Theo như những gì viên quan tư tế tối cao đã viết, cậu cần đưa cho người lái thuyền hai đồng xu, tuy ông không nói rõ là nên dùng đơn vị tiền tệ nào. Chú Nimrod bảo chuyện đó có lẽ không quan trọng.

John nói tiếp:

– Có điều chẳng thấy bóng dáng con thuyền nào cả.

Nhưng ngay khi John đang nói, con Neil, vốn có đôi mắt tinh hơn Alan và cậu chủ trẻ của nó, và này giờ mãi mê nghiên cứu đường chân trời vô định – vì cũng như việc không ai có thể nói chính xác mặt đất trên đầu họ nằm ở đâu trên mặt đất dưới chân họ, không ai có thể nói chính xác đâu là nơi mặt biển kết thúc và bầu trời dạ quang kia bắt đầu – bỗng sủa lớn khi nó trông thấy một

cái gì đó xuất hiện trên mặt nước xa xa.

Nhìn theo hướng ánh mắt của con chó, John hỏi:

– Gì thế Neil? Mà nhìn thấy gì à?

Sủa lớn một tiếng, Neil phóng vào trong làn nước vỗ bờ. Và gần như ngay lập tức, nó kêu lên ăng ẳng và chạy ngược trở ra vì, như John khám phá sau đó, nước biển khá nóng. Cậu nhận xét:

– Thế nào có mây ở đây. Đó là những đám mây hơi nước.

Rồi liếm ngón tay mà cậu vừa nhúng thử xuống nước, cậu kết luận:

– Ngoài việc đó ra thì nước này uống được. Uống là chúng ta không mang theo túi cà phê ăn liền nào. Nước đủ nóng mà.

Không bao lâu sau, John đã có thể xác định vật thể trên mặt nước là một dáng người đứng thẳng trên mũi thuyền và đang chèo về phía họ với một mái chèo dài duy nhất, giống như một người chèo thuyền đáy bằng ở Venice. Tuy nhiên, phải đến khi chiếc thuyền đã cập bến, cậu mới nhận ra người lái thuyền chỉ là một người máy làm bằng đồng.

John ngáp ngừng hỏi:

– Ừm, xin chào. Không biết ông có thể chở tụi tôi băng qua biển để đến lâu đài của Djinn Xanh Babylon không ạ?

Vừa nói, cậu vừa giơ ra hai đồng 25 xu mà cậu mang theo, lòng lo rằng chúng không đủ. Nhưng người lái thuyền chỉ im lặng nhận lấy hai đồng xu vào lòng bàn tay bằng đồng của mình, rồi chỉ vào vài cái ghế trên mạn thuyền. John và hai con chó nhanh chóng trèo vào trong thuyền.

Với sức mạnh như siêu nhân, người lái thuyền bằng đồng cao lớn

đẩy cái thuyền ra khỏi bờ và, chỉ trong vài phút, họ đã băng qua làn nước nóng với một tốc độ mà nếu không phải do người lái thuyền bằng đồng kỳ lạ nắm tay chèo thì không thể nào có được. Và chẳng bao lâu sau, họ đã không còn nhìn thấy bờ.

Gõ thử vào lớp gỗ sồi của chiếc thuyền, John nói với hai con chó:

– Tao hy vọng cái thuyền này đủ chắc. Chứ tao ghét phải bơi lấm. Năm phút ngâm mình trong thứ nước này, chắc tao thành con tôm hùm luộc luôn quá.

Nói là nói vậy, chứ thật ra cậu lo cho Alan và Neil nhiều hơn. Là một djinn, cậu không nghĩ làn nước biển nóng hổi này có thể ảnh hưởng gì đến cậu, nhưng với hai con chó thì cậu không dám chắc.

Một tiếng trôi qua, rồi một tiếng nữa, và sau một lúc, John ngủ thiếp đi và mơ về một thứ gì đó dễ chịu. Cậu quên nó ngay lập tức khi mở mắt ra lần nữa và nhận ra cuối cùng họ cũng đã nhìn thấy một cái bờ có phủ cây cối ở đằng xa. Alan và Neil nhúc nhích người không yên trên thuyền, vì chúng đang nôn nóng được làm cái việc mà loài chó thường làm khi tìm thấy một cái cây thích hợp sau mỗi chuyến đi.

Quay sang người lái thuyền, John lịch sự gật đầu cảm ơn:

– ông thật là tử tế. Nếu không có ông, tôi không chắc tụi tôi có thể làm được gì.

Người lái thuyền vẫn không nói gì.

Vẫn cố gắng để bắt chuyện với người lái thuyền, John hỏi:

– Mong đây không phải là một câu hỏi đường đột, và tôi không có ý gì xấu đâu, vì dù gì trái đất cũng được tạo ra từ tất cả mọi vật liệu mà, đúng không? Nhưng chính xác thì tại sao ông lại làm bằng đồng vậy?

Người lái thuyền không thể nói. Có thể thấy rõ điều đó. Nhưng, như việc ông có thể chèo thuyền, ông cũng có thể chỉ tay, và ông đã làm vậy. Ngừng chèo thuyền trong giây lát, người lái thuyền chỉ một ngón tay dài bằng đồng của mình về phía bầu trời trên đầu họ để trả lời câu hỏi của John, trước khi tiếp tục công việc. John gật đầu một cách lịch sự, và phải mất vài giây sau, cậu mới hiểu được hành động của người lái thuyền có ý nghĩa gì. Vì chỉ có một người lái thuyền làm bằng đồng mới có cơ may sống sót với chuyện xảy ra sau đó.



CHƯƠNG 18

Nhật ký của Philippa Gaunt

(TIẾP THEO)

DĨ NHIÊN, mình phải giấu kỹ cuốn nhật ký này, đề phòng bà Glumjob, Ayesha, hay một trong những người hầu của bà phát hiện ra nó và huỷ đi. Bởi vì, ngoài việc giúp mình biết được thời gian mình bị nhốt ở đây, nó còn là phương tiện giúp mình xem xét lại những gì mình đã nói và làm, để nhận ra những thay đổi của bản thân mình. Những thay đổi mà Ayesha đã nói đến. Những thay đổi từ việc hít thở không khí ở đây và uống nước - dù mình đã không còn uống món nước táo của bà Glumjob nữa. Những thay đổi từ việc ở gần Cây Logic.

Mình đã nhìn thấy cái cây đó, và phải nói thật là cũng chẳng có gì đáng kể. Nó được trồng trong một căn phòng đặc biệt của lâu đài, và trông giống một cây sồi cổ đại hơn là một cây cho trái táo, dù có táo trên cây. Nhưng có một điều chắc chắn là nó có ảnh hưởng nào đó đến mình. Nếu không như vậy, làm sao có thể giải thích điều mình nói với bà Glumjob trong bữa sáng nay chứ?

Với cặp mắt mơ màng và cái giọng uể mị không chịu được, bà ta cứ lải nhải mãi về việc bà sẽ ước những gì trước khi quay về Greenville, Bắc Carolina (tất nhiên là sau khi Ayesha đã đi đến cây

đèn vĩ đại trên trời rồi). Toàn là những điều ước tầm thường. Nhưng nói chung là sau khi phải ngồi chịu trận lắng nghe cả buổi, mình đã liếc bà ta với ánh mắt ác độc nhất của mình và bảo rằng một khi “con mụ dơi già kia” chết, mình sẽ đuổi theo và xích một con nguyên tố lên bà Glumjob.

Mình tuyên bố một cách cay nghiệt:

– Một con nguyên tố lửa. Con đáng ghét và dối trá nhất.

Và nó sẽ bám theo bà cả đời.

Dĩ nhiên không chỉ thế. Nhưng mình quá xấu hổ để có thể viết lại những điều khủng khiếp mà mình đã nói với bà Glumjob tội nghiệp, khiến bà ấy bỏ chạy khỏi bàn ăn trong nước mắt. Ayesha thì có vẻ chẳng để tâm gì đến những điều mình nói với người hầu và bạn đồng hành của bà. Mình nghĩ có lẽ vậy là bình thường với một người đứng ngoài phạm trù Thiện - Ác như bà. Nhưng dù gì, nó cũng làm như mình đang nói với bà rằng có vẻ như, thay vì trở thành một người logic, mình đang trở thành một đứa bé xấu xa.

Bà bảo mình:

– Ở giai đoạn đầu thì chuyện đó bình thường thôi. Logic có thể là một vị chủ nhân khó tính, Philippa à. Cho đến khi cháu học được cách hoà hợp với nó, trí óc cháu sẽ đẩy logic của một vấn đề đến kết luận tối cao của nó trong một hành động tuyệt đối. Thỉnh thoảng điều đó có thể sẽ rất khó chịu. Cháu xem bà Glumjob như một trong những chướng ngại cản trở cháu thoát khỏi đây, vì thế cháu sẽ muốn chướng ngại đó biến mất.

Cho dù điều Ayesha nói có là sự thật hay không, mình cũng không nghi ngờ gì việc mình đang dần trở thành một người có trái tim cứng như đá. Một người như Ayesha. Và điều đó làm mình sợ

hải. Nhưng mình có thể làm được gì chứ?

* * *

NGÀY BA

Thật sự là mình không biết rõ mình đã ở đây bao lâu, vì ánh sáng ban ngày dường như kéo dài vô tận, trong khi bóng tối dường như chẳng hề tồn tại. Có thể thời gian ở đây chạy chậm như thời gian bạn biến thể và sống trong một cái chai hay một cây đèn. Có lẽ, theo cùng một cách tương tự, Lâu đài treo Babylon và Iravotum tồn tại bên ngoài không gian và thời gian ba chiều thông thường. Eno không nhắc gì về những vấn đề này trong cuốn sách của ông, nhưng vì ông ta viết nó vài ngàn năm trước, mình không nghĩ một quan tư tế cổ đại của Bellili có thể biết được những thứ như thuyết tương đối hay vật lý học thiên thể.

Nói chung là, đã có hai lần mình đi ngủ khi trời còn sáng, và thức dậy khi nó vẫn còn sáng. Mình có hỏi bà Glumjob về chuyện này, nhưng sau những gì mình nói với bà ngày hôm qua, bà từ chối nói chuyện với mình. Dĩ nhiên mình không thể để yên chuyện đó mà không nói vài câu tệ hại khác với người đàn bà khốn khổ đó. Và kỳ lạ là, lần này, mình thật sự cảm thấy một thứ gì đó cứng lại bên trong lòng mình - như thể trái tim mình, hay bất cứ cái thứ gì bên trong cơ thể một người và làm họ quan tâm đến cảm xúc của người khác, đã cuộn tròn lại thành một nắm đấm nhỏ. Một cảm giác thật sự rất kỳ lạ. Tuy nhiên...

Ừm, nó cũng không đến nỗi tệ. Mình thấy việc có thêm một ít logic trong cuộc sống thật ra cũng có cái lợi của nó đấy chứ. Ví dụ

như, mình bắt đầu hiểu ra một chuyện quan trọng rằng, tất cả mọi thứ trên thế giới đều chỉ là một vấn đề hoàn toàn không đáng quan tâm đối với một thứ cao hơn: Đôi lúc một vật chỉ là chính bản thân nó, và chẳng có nghĩa lý gì khi phán xét nó đúng hay sai.

Tuy vậy, mình vẫn ước gì John sẽ đến. Hiện giờ mình đã cảm thấy anh ấy rõ hơn. Nó làm mình nghĩ rằng linh cảm mà mình có được khi bắt đầu viết cuốn nhật ký này - rằng anh ấy đang đến giải cứu mình - là đúng. Có vẻ như anh ấy đang ở gần mình hơn mình nghĩ. Và dĩ nhiên đó cũng là một trong những lý do mình phải giấu cuốn nhật ký này trong phòng. Nếu mình không làm thì Ayesha không cảm nhận được sự hiện diện của anh ấy. Hoặc nếu có, có lẽ bà ấy nhầm lẫn sự hiện diện của anh ấy với mình vì tội mình là anh em sinh đôi.

* * *

TỐI NGÀY BA

Đã hai lần mình quay lại khu vườn để kiểm tra cái cầu thang mà theo gã Poussin, sẽ dẫn mình đến Bocca Veritas - cái miệng của sự thật. Nhưng cả hai lần bà Glumjob đều ở đó chăm sóc mấy bông hồng. Tuy nhiên hôm nay, bà Glumjob đâu không thấy, chỉ còn mỗi Poussin tội nghiệp vẫn đang bị trói chặt vào ghế, miệng không ngừng đọc lớn Người đàn ông mang mặt nạ sắt. Trước khi chạy xuống cầu thang bí mật, mình ngừng lại và xin lỗi gã, một việc mà theo mình là khá rộng lượng nếu xét đến những gì gã đã làm với mình.

Mình bảo với gã:

– Yên tâm đi ông Poussin, ông sẽ không phải ở đây vĩnh viễn đâu. Khi nào tôi thành Djinn Xanh, tôi sẽ xoá bỏ hình phạt này cho ông.

Poussin mỉm cười yếu ớt, nhưng vẫn không ngừng đọc lớn. Có vẻ như gã không được phép nói bất cứ thứ gì khác.

“Vẫn còn cảm thấy băn khoăn về cuộc đối thoại giữa mình và Hoàng đế, d’Artagnan tự hỏi bản thân liệu chàng có thật sự còn làm chủ các giác quan của mình hay không; liệu mọi chuyện có thật sự xảy ra ở Vaux; liệu chàng, d’Artagnan, có thật sự là đội trưởng lính ngự lâm và Fouquet thật sự là chủ lâu đài mà Hoàng đế Louis XIV hiện đang ở...”

Để người đàn ông tội nghiệp lại với số phận không may của gã, mình chạy nhanh xuống cầu thang với hy vọng sẽ tìm thấy cái BV bên dưới.

Bên dưới cầu thang là một hang động được chiếu sáng mờ mờ. Ánh sáng ở phía cuối hang có vẻ mạnh hơn một chút, nên mình đã đi về hướng đó, nơi một cuộc gặp gỡ kinh khủng đang chờ đợi mình. Vì ở đó, nằm trong một hốc tường trông như một bình hoa là một cái đầu người với đôi mắt ngay lập tức hé mở khi cảm nhận được sự hiện diện của mình. Nó nhìn thẳng vào mình không chớp với ánh mắt sáng như hai đốm lửa nhỏ. Nhìn cái đầu trọc lóc, tóc với lớp da còn lại trên đầu đã chuyển sang màu sắc và chất liệu như da thuộc, mình không thể mô tả gì về sinh vật gớm guốc này ngoài việc nó từng là một cái đầu đàn ông.

– Hỏi câu hỏi của cô đi.

Cái đầu lên tiếng trước, mặc dù đôi môi - hay cái một thời được coi là đôi môi - gần như không cử động làm mình xém phải nhìn

xung quanh để chắc không có ai đang chơi khăm mình. Tuy nhiên giọng nói phát ra khá phù hợp với cái đầu - như một thứ trồi lên từ một cái hố sâu thẳm, đen ngòm. Trước hoàn cảnh khốn khổ của cái đầu, mình bỗng cảm thấy rất ngại khi hỏi về rắc rối của chính mình.

Mình hỏi cái đầu:

– Ông là ai? Sao ông lại ở đây?

– Ta từng có một cái tên. Charles Gordon. Nhiều người gọi ta là Gordon Trung Quốc, dù ta sinh ra tại London. Ta từng là một vị tướng trong quân đội Anh. Hơn một trăm năm trước, ta đã bị kẻ thù bắt giữ, rồi giao lại cho vài phù thủy và những kẻ thờ quái vật. Chúng đã nhét ta vào một thùng dầu vừng, chỉ chứa lại đầu, và nhốt ta ở đó trong bốn mươi tuần. Trong suốt thời gian đó, những nghi lễ ma quái ghê tởm không thể tả đã được thực hiện. Và thịt của ta bắt đầu rời khỏi xương. Cuối cùng, đầu ta bị tách rời khỏi thân, và bỏ vào một cái hộp bạc lớn. Trong nhiều năm, ta bị trưng bày ngoài chợ như một món đồ có khả năng tiên tri. Rồi Ayesha đã giải cứu ta và để ta ở đây, nơi mà từ đó đến nay, ta được tận hưởng một chút cảm giác yên bình trong cái lạnh của hang động này. Vì ta không thể nào được chôn cất. Vì ta không thể chết. Đó là ta. Đó là lý do tại sao ta ở đây. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

Mình nói:

– Thật kinh khủng. Không ai có thể làm gì khác sao?

Không còn hy vọng nào khác sao?

Gordon trả lời:

– Tất cả hy vọng đều sụp đổ. Và hy vọng mà ta từng mơ tưởng đến cuối cùng cũng chỉ là một giấc mơ. Hy vọng không là gì ngoài

một quá khứ mà ta đã lãng quên từ lâu.

Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

– Tôi có thể làm gì cho ông không?

Cái đầu của Gordon Trung Quốc im lặng trong vài giây, trước khi trả lời:

– Ta muốn được hút xì gà một lần nữa. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

– Vậy tôi sẽ kiếm cho ông một điếu.

Ít nhất mình cũng làm được điều đó. Chạy ngược vào trong nhà, mình lấy một điếu xì gà khỏi cái hộp giữ ẩm lớn trên bàn thư viện. Giống như việc uống cà phê, Ayesha thường thích hút một điếu xì gà sau buổi tối.

Quay trở lại hang động, mình đặt điếu xì gà vào giữa đôi môi bị kéo căng của Gordon, châm thuốc, và nhìn vẻ thoả mãn hiện rõ trên khuôn mặt ông.

Gordon bảo mình:

– Đã lâu lắm rồi ta mới được hút xì gà.

– Chú Nimrod của tôi thường bảo hút thuốc lá có hại cho con người. Và chỉ djinn mới nên hút thuốc.

Rồi cân nhắc cẩn thận, mình mỉm cười nói tiếp:

– Nhưng trong trường hợp này, tôi không nghĩ nó có hại gì cho ông. Ông ở đây bao lâu rồi?

– Chính xác là một trăm hai mươi năm. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật. Nhưng cô biết không, Philippa, trong suốt ngàn ấy năm, cô là người đầu tiên hỏi ta câu hỏi đó.

– Câu hỏi nào cơ?

– Cô đã hỏi ta, cô có thể làm gì cho ta không. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

– Làm sao ông biết tên tôi?

– Cũng như việc ta biết tất cả mọi chuyện thôi. Ta là cái miệng của sự thật. Đó là mục đích của ta. Để nói sự thật của mọi vấn đề. Đó là lý do cô ở đây, không phải sao?

Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

– Nếu ông biết về tôi, vậy ông cũng biết về John, anh trai sinh đôi của tôi.

– Đó không phải là một câu hỏi.

– Có phải anh trai sinh đôi của tôi, John, đang đến giải cứu tôi?

– Đúng thế. Câu hỏi của cô...

– Anh ấy hiện đang ở đâu?

– Gần. Rất gần. Nhưng cậu ta đang gặp nguy hiểm.

Câu hỏi của cô đã được...

– Nguy hiểm gì?

– Là Rukhkh. Câu hỏi...

– Rukhkh là ai? Hoặc là cái gì?

– Rukhkh là một con chim ăn thịt khổng lồ. Nguy hiểm đối với tất cả mọi người, chỉ trừ người già và người tự phụ, vì chắc chắn tóc của bất cứ ai ăn thịt chim Rukhkh con sẽ không bao giờ bị bạc. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

– Liệu anh tôi có thoát không? Làm ơn đi ông Gordon, làm ơn nói cho tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra với anh ấy.

– Tôi không thể nói trước chuyện chưa xảy ra, vì ở Iravotum này

không có hiện tại cũng như không có quá khứ. Mọi người đều như vậy, trừ chính bản thân Djinn Xanh. Ở đây chỉ có hiện tại. Câu hỏi của cô đã...

Mình giận dữ hỏi:

– Tại sao ông cứ phải nói như đánh đố vậy chứ?

– Bởi vì hiện tại cũng chỉ là một câu đố như tương lai. Và bởi vì lời giải cho câu đố của cuộc sống trong không gian và thời gian nằm ngoài không gian và thời gian. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

Mình đã lo đến chết đi được khi nghe nói John đang gặp nguy hiểm. Nhưng mình có thể làm gì được chứ? Mình còn không có sức mạnh để giúp chính mình, chứ nói gì đến giúp anh ấy. Hay mình có? Mình chợt nhận ra mình chỉ cần hỏi Gordon Trung Quốc để tìm ra câu trả lời chính xác.

– Tôi có thể giúp anh ấy không?

– Cặp sinh đôi luôn luôn có thể giúp nhau, dù là djinn hay con người. Điều ước của cặp sinh đôi luôn được thực hiện, đặc biệt là đối với khí hậu. Đó là lý do tại sao cặp sinh đôi thỉnh thoảng được gọi là “những đứa con của bầu trời”. Chính bởi sức mạnh bí mật đó. Câu hỏi của cô đã được trả lời...

– Ông có thể vui lòng cho tôi biết điều đó giúp tôi đối phó với Rukhkh như thế nào không?

– Rukhkh là một con chim. Một con chim bay trong không trung. Cô thấy đó, bầu khí quyển của Iravotum là một thứ rất nhạy cảm. Trong vài ngàn năm nay, nó đã trở nên không thể dự đoán được, không giống như bầu khí quyển trên mặt đất. Là trẻ sinh đôi, cô có thể tác động đến bầu khí quyển đó bằng hơi thở trong cơ thể

cô, cũng như bằng chuyển động bàn tay cô. Nói cho ngắn gọn là cô có thể tạo ra một ngọn gió. Loài chim, dù là những con to lớn, không thích gió. Cho nên, cô phải đi đến chỗ cao nhất trong vườn và thổi về phía đường chân trời. Nó sẽ giúp cô đối phó với Rukhkh. Nhưng cô phải nhanh lên. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

– Cảm ơn ông, Gordon Trung Quốc. Ông đã giúp tôi rất nhiều.

Mình cảm ơn, rồi quay lưng định chạy khỏi hang.

– Nhưng cô vẫn còn một câu hỏi nữa, không phải sao?

– Đúng thế. Sao ông biết?

– Vì ta là cái miệng của sự thật. Đó là mục đích của ta.

Để nói sự thật. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật. – Tại sao Ayesha lại chọn tôi? Đó là điều tôi thật sự muốn biết.

– Vì cô là cháu ngoại của Ayesha, dĩ nhiên rồi. Câu hỏi của cô đã được trả lời đúng sự thật.

Nghe nói đến đây, mình hét lên một tiếng, nhưng mình không còn thời gian để hỏi thêm nữa. Mình chân chừ ở đây thêm một giây là thêm một giây mạng sống của John bị nguy hiểm. Nên mình đã chạy đến tầng vườn cao nhất của khu vườn treo, ở đó mình hít một hơi thật sâu và thổi mạnh về phía đường chân trời, thậm chí còn vẫy vẫy tay về phía đó để thêm hiệu quả. Mình đã làm thế suốt hai mươi phút liền, cho đến khi mặt mình gần như chuyển sang màu xanh vì thiếu không khí. Rồi mình quay về phòng và viết tất cả mọi chuyện này vào nhật ký và để nghiên ngẫm những gì Gordon Trung Quốc đã nói với mình về Ayesha.



CHƯƠNG 19

Người điên trên cỏ

Đòn tấn công xuất hiện mà không một lời báo trước. Một phút trước, người lái thuyền bằng đồng còn đang chèo thuyền băng qua làn nước bốc hơi nghi ngút, một phút sau, John và hai con chó đã phải cúi rạp người xuống lòng thuyền khi một con chim to ngang ngửa một con Quetzalcoatlus tiền sử (loài thần lằn ngón cánh lớn nhất) vụt bay ngang qua, nhắm thẳng vào đầu họ với một cái mỏ dường như có thể dễ dàng xé toạc một bên sườn chiếc Boeing 747. Chỉ có người lái thuyền bằng đồng là còn đứng thẳng trên mũi thuyền. Ông thẳng tay đập mạnh mái chèo vào con chim khổng lồ, làm một cái lông của nó rơi xuống trúng đầu John.

Trong khi con chim bay đi chỉ để vòng lại và tấn công lần nữa, John nhận ra cái lông của nó to bằng cánh gà con. Con chim có thể quắp một con voi lên dễ dàng như một con cú quắp một con chuột đồng. Gầm gừ như một con cá sấu châu Mỹ, con chim khổng lồ lại vụt xuống, và người lái thuyền lại cầm mái chèo đập nó. Giờ đây thì John đã hiểu tại sao người lái thuyền được làm bằng đồng. Vì không có người lái thuyền loài người nào có thể chịu được cái mỏ và móng vuốt của sinh vật hung tợn đang đe dọa họ. Nhưng với mỗi cú vung mái chèo của người lái, con thuyền lại chòng chành dữ dội dưới chân ông, và John nhận ra họ có thể bị lật thuyền và rơi tõm

xuống nước bất cứ lúc nào. Đó là điều làm cậu lo lắng nhất. Ngay cả khi cậu có thể chịu đựng được độ nóng như núi lửa của nước biển – cậu cũng không chắc lắm về điều đó – hai con chó sẽ không thể nào sống sót.

Trong đợt tấn công thứ ba, con chim khổng lồ chộp lấy cái thuyền trong móng vuốt của nó và có lẽ đã nhấc bổng cái thuyền lên khỏi mặt nước nếu Alan và Neil không nhảy lên cầm răng vào cặp giò xù xì vảy của nó. Rít lên một tiếng lớn, con chim khổng lồ thả cái thuyền ra và, đập mạnh cặp cánh to đùng bay cao lên không trung, với Alan và Neil vẫn đang ngoạm chặt chân nó.

John hét lên với hai con chó:

– Thả ra! Thả ra đi, không tội mày chết hết đó.

Có lẽ hai con chó cũng định thả ra, nhưng ngay giây tiếp sau đó, một luồng gió mạnh mẽ từ đất liền bỗng thổi tới và đẩy giạt con chim ra xa cái thuyền. Có thể thấy rõ nếu giờ Alan và Neil thả chân con chim ra, chúng chắc chắn sẽ toi mạng trong làn nước nóng hổi.

John hét lên với chúng, lần này là ngược lại với mệnh lệnh mới này:

– Giữ chặt! Giữ chặt lấy nó, không tội mày chết hết đó.

Bất chấp cơn đau ở chân, con chim tiếp tục quay lại tấn công chiếc thuyền, nhưng một lần nữa, cơn gió thổi nó ra xa. Cuối cùng cũng chấp nhận thất bại, con vật đập cánh và bay thẳng về phía đất liền cùng với Alan và Neil. Hàm răng của hai con chó vẫn cắn chặt vào chân con chim.

John giục người lái thuyền:

– Đuổi theo chúng.

Đặt mái chèo về lại cọc chèo, người lái thuyền một lần nữa đẩy

thuyền tiến về phía trước. Quỳ gối trong lòng thuyền, John dán chặt mắt vào bóng con chim đang nhỏ dần nơi đường chân trời. Rồi ngay khi nó vừa bay đến bờ, John nghĩ mình vừa thấy hai con chó thả nó ra và rơi thẳng xuống bãi cát bên dưới.

Cậu nói gấp:

– Nhanh lên! Làm ơn nhanh lên!

Và trước sự ngạc nhiên của John, người lái thuyền thật sự nghe lời cậu. Ông chèo thuyền nhanh hơn trước, và họ băng qua khoảng cách nửa dặm giữa họ và bờ biển chỉ trong vài phút.

Đến giờ này thì trái tim của John đã nhảy thẳng lên cuống họng cậu. Lo đến phát ốm, cậu không ngừng nói đi nói lại với bản thân rằng, lớp cát sẽ giúp giảm bớt sức va chạm của cú ngã. Nhưng khi họ tiến lại gần và nhìn thấy hai thân hình bất động, John bắt đầu nghĩ rằng chỉ có phép lạ mới cứu được hai con chó.

Khi chiếc thuyền chỉ còn cách bờ mười thước, John nhảy bổ xuống nước và chạy đến nơi Alan và Neil đang nằm dài trên bờ biển. Thân thể hai con chó cách nhau chừng một mét, và John thấy cả hai đều còn thở. Nhưng chỉ là thở thoi thóp. Ngay khi chạm vào chúng, cậu nhận ra điều mình sợ nhất đã trở thành hiện thực: hai con chó sẽ không bao giờ đứng dậy được nữa. Nước mắt cậu trào lên.

Alan ngừng thở trước, rồi đến Neil. Quỳ chính giữa chúng, lần đầu tiên John cảm thấy mình thật đơn độc trong cuộc đời. Bất cứ những sai lầm nào mà hai người bạn đồng hành của cậu đã phạm phải khi còn là con người đã được bù đắp đầy đủ, hoặc thậm chí còn hơn thế, với sự trung thành trước sau như một và lòng dũng cảm của chúng. Không ai có được hai người bạn tốt hơn thế.

Người lái thuyền đứng nhìn John nhưng không rời khỏi thuyền của mình. Cuối cùng, John nói:

– Chúng đi rồi.

Rồi cậu nằm xuống bên cạnh thân thể hai con chó. Sau ảo ảnh về những gì xảy ra với cha mình, việc này có lẽ đã vượt quá sức chịu đựng của cậu. Tự hỏi sao mình không chết luôn đi cho xong, cậu vùi mặt vào trong cát và cố chùi sạch những giọt nước mắt đang chảy giàn giụa trên mặt. Nếu loài đà điểu thật sự vùi đầu trong cát, cậu nghĩ mình biết lý do tại sao. Đôi lúc người ta quá đau khổ để có thể đối mặt với thế giới. Cuối cùng, khi không còn chút nước mắt nào sót lại trong cơ thể, John ngồi dậy và buồn bã nhìn hai thân hình nằm bên cạnh cậu, hy vọng rằng cái chết của chúng cũng chỉ là ảo ảnh, như của cha cậu. Nhưng xác hai con chó vẫn còn nguyên trên cát.

Rồi cậu băn khoăn có nên chôn hai con chó không. Chỉ có điều cậu không có gì để đào. Cái xẻng đào hào cậu đã để lại trên mặt đất. Cho nên cậu kiểm hai tán cỏ và phủ lên hai con chó, trong lòng thầm nghĩ có lẽ Philippa sẽ biết phải làm gì với chúng một khi cậu tìm thấy cô. Dù sao thì rất có khả năng hai đứa sẽ phải quay lại lối này, vì Eno đã không nghĩ đến việc đưa ra chỉ dẫn về một lối thoát nào khác để ra khỏi Iravotum.

Theo bản đồ của vị quan tư tế, cậu đã gần đến nơi. Lâu đài chỉ còn cách đây vài dặm, và tất cả những gì cậu phải làm là đi dọc theo một con đường xuyên qua khu rừng bất khả xâm phạm trước mặt là sẽ đến được cổng lâu đài. Dĩ nhiên, đó không phải là một chuyến dạo chơi trong công viên. Eno đã đề cập đến những nguy hiểm khác ở phía trước, và gợi ý rằng những ai nghĩ đến việc đi

trên con đường này cần coi chừng rắn rết. Cho nên, rút con dao Swiss Army của mình ra, John hì hục dẫn cho mình một cây gậy đi đường dài. Tạm biệt hai con chó, cậu vuốt nước mắt và đặt chân lên con đường.

Gần như ngay lập tức, cậu trông thấy một con chim xinh đẹp đậu trên nhánh cây gần đó. Đó là một con chim cắt, và bản năng cho John biết đó chính là con trai của Virgil Macreeby, Finlay, người mà John chịu phần lớn trách nhiệm cho bộ dạng đầy lông vũ hiện giờ của nó. Có lẽ sẽ có cách trả thẳng bé về hình dáng ban đầu của nó. Gỡ cái ba lô ra, John cắt ra một mảnh vải độn lớn. Quấn nó quanh cổ tay, cậu giờ tay lên và gọi con chim:

– Finlay, đến đây nào!

Không chút lưỡng lự, con chim giang cánh lướt trong không trung và đậu lại trên tay John.

Đưa tay vuốt cái đầu nhỏ nhắn của con chim, John nói:

– Chúng ta thỏa thuận nhé. Nếu mày giúp tao, tao sẽ giúp lại mày. Ngay khi tìm được em gái, tao sẽ tìm mọi cách có thể để biến mày lại thành người. Được không?

Con chim cắt rít lên một tiếng và cúi đầu xuống.

John bảo nó:

– Từ giờ trở đi, mày rít một tiếng có nghĩa là đồng ý, còn hai tiếng có nghĩa là không nhé. Mày có thể làm mất cho tao. Như Horus ấy. Mày có thể bay trên những cái cây và cảnh báo cho tao những nguy hiểm phía trước. Quan trọng hơn, mày có thể làm bạn tao nếu muốn, vì tất cả bạn của tao giờ đã chết hoặc bị bỏ lại rồi.

Con chim cắt rít lên một tiếng rồi nhảy lên phần dây lưng trên ba lô của John để cậu có thể rảnh tay khi đi.

Đi tiếp chừng một dặm, con đường mở ra, và John đứng trước một con lộ rộng lớn với hai hàng vại bằng đất nung xếp ngay ngắn hai bên lối đi. Mỗi cái vại to như một cánh cửa, hình dáng như chiếc chuông úp ngược, và được đặt trên một kim tự tháp nhỏ bằng cát. Tự hỏi không biết trong vại có gì, cậu bảo Finlay bay lên trên nhìn thử, vì bản thân cậu không đủ cao để nhìn vào phía bên trong chúng. Bay lên cao, Finlay lượn lơ trên một, rồi hai cái vại. Có vẻ như chúng chứa đầy dầu. Thỏa mãn rằng những cái vại không gây nguy hiểm gì cả, nó quay lại lưng John.

– Mà có thấy gì không? Ý tao là, thấy gì nguy hiểm không?

Finlay rít lên hai tiếng, nghĩa là “không”, và cảm thấy an tâm, John tiếp tục bước tới. Tuy nhiên, vẫn để tâm điều cảnh báo rần của Eno, cậu vừa đi vừa thận trọng gõ gõ con đường phía trước như một người mù. Bằng cách này, cậu nhanh chóng nhận ra lời cảnh báo của Eno không phải là thừa, vì con đường đặt bẫy treo. Mỗi cái vại chỉ chứa một lớp dầu mỏng ở phía trên. Bên dưới lớp dầu là một cái nắp đập, và ẩn dưới cái nắp đập là một con rắn. Rung động từ bước chân của John, hoặc có thể là do cây gậy, khiến kim tự tháp bằng cát đổ cái vại đầu tiên đổ sập, đẩy cái vại ngã xuống phía trước mặt cậu làm nó nứt ra như một trái trứng, và từ đó nở ra một con rắn dài đến mười lăm mét. Nếu John còn nghi ngờ gì về độ nguy hiểm của con rắn, cậu đã nhanh chóng nhận được câu trả lời. Chộp lấy cây gậy đi đường bằng cái hàm to cỡ yên ngựa của mình, con rắn quăn người quanh thân gậy và bẻ nát nó như một que diêm, trước khi rít lớn và dán mắt vào John.

Trông thấy mất con rắn, không chút chần chừ, Finlay bay vụt về phía nó. Móng vuốt giương căng, nó tấn công cái đầu con rắn với sự dữ tợn không kém con Rukkh mà John đã gặp trên biển. Đó là cơ

hội cho John chạy thoát. Trong khi con rắn khổng lồ còn mãi lo ngăn con chim cắt bé xiu gan dạ khỏi móc mắt nó ra, cậu phóng hết tốc độ và đến được cuối con đường cách đó khoảng nửa dặm mà không bị sút mẻ gì. Ở đó, cậu ngồi bệt xuống đất và, dựa lưng vào một thân cây, nghỉ lấy sức. Vài phút sau, Finlay, thiếu mất vài sợi lông đuôi, đuổi kịp cậu. Có vết máu trên móng vuốt của nó.

John uống một ít nước rồi nhắm mắt lại. Và trong sự tĩnh lặng của cây cối, cậu dần cảm nhận được có một thứ gì đó khá lớn đang chuyển động ở khu rừng trước mặt. Ban đầu cậu nghĩ có thể đó là một con rắn khổng lồ khác, hoặc thậm chí là con Rukkh. Thả Finlay bay lên một cành cây để đảm bảo an toàn cho nó – vì dù có bay trên không, cây cối ở đây cũng quá rậm để nó có thể nhìn thấy những gì bên dưới tán cây – cậu quyết định im lặng trườn đến, theo kiểu bò bốn chân của người Ấn, để xem đó là gì.

Ở rìa một khoảng trống, John nằm sấp bụng xuống mặt đất và chờ đợi. Cậu chắc chắn rằng dù thứ đó là gì, nó cũng vừa ở đây vài giây trước. Cậu thấy hơi vô lý là một sinh vật lớn như vậy lại có thể di chuyển nhanh thế. Nhưng rồi một cái gì đó chuyển động trước mặt cậu. Một thứ gì đó gần như vô hình, nhưng không hoàn toàn thế, vì không khí xung quanh nó dường như rung động, tạo cho nó một hình dáng mơ hồ. Rồi dần dần, John nhìn ra nó như một hồn ma – một hồn ma to lớn, có lẽ là của người khổng lồ, vì nó cao như một cái cây và to như một ngôi nhà. Cứ mấy phút một lần, hồn ma lại rên rỉ và nổ tanh tách với một luồng điện màu xanh lục, làm cho hình dáng như người của nó trở nên rõ hơn trong giây lát.

Thật chậm rãi, John lôi cuốn sách của Eno ra và phát hiện rằng, trong khi vị quan tư tế chỉ nói mơ hồ, Virgil Macreeby đã cho thêm một phần ghi chú đặc biệt trong bản dịch của ông để giải thích cụ

thể hơn về cái mà John đang nhìn thấy:

Không chỉ những điều ước vội vàng, giận dữ, độc ác và vu vơ bị hút về Iravotum. Trong phần phụ lục cuốn sách của mình, cái mà hiện nay chỉ còn tồn tại một phần không đáng kể, viên quan tư tế tối cao đã đề cập đến việc, ngoài những điều ước nói trên, Iravotum còn là nơi đến của những điều ước chưa được thực hiện của con người – những điều ước chưa và không bao giờ có thể trở thành hiện thực. Eno nhận xét rằng năng lượng của những điều ước chưa được thực hiện này tập trung lại thành một sức mạnh siêu nhiên lớn hơn mà ông gọi là Optabellower, hay Optabelua. Dịch sơ ra thì đó là “quái vật ước”. Nghe đồn là thực thể đó, nếu nó có thể được mô tả như một thực thể, xuất hiện lần đầu từ trí óc mơ ngủ của Ishtar, khi bản thân bà ước được Nebuchadnezzar xây tặng một cái đền thờ. Đây có thể là lý do giải thích câu nói quen thuộc trong giới djinn rằng, “hãy cẩn thận với những gì bạn ước”.

Ngước lên nhìn cái sinh vật màu xanh lục gần như vô hình trước mặt, và lắng nghe tiếng rên rỉ nhỏ nhoi thoát ra từ bên trong thân hình mờ đục vô hình đáng của nó, John tự hỏi liệu đây có phải là cái mà Macreeby đề cập đến hay không. Cậu quyết định phải thử nghiệm một cái cho chắc ăn. Bỏ từ trọng tâm ra khỏi đầu trong giây lát – để phòng Ayesha cảm nhận được sức mạnh của cậu – John ước một cách mãnh liệt nhất có thể rằng Alan và Neil sẽ sống lại.^[21]

Điều ước thử nghiệm của John có tác động ngay lập tức. Một luồng điện xanh dương như nổ lách tách dọc theo bề mặt sinh vật, và John có thể thề là nó đã to hơn một chút. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây chính là quái vật ước. Và dù không biết chính xác tại sao, nhưng cậu cảm nhận được nó rất nguy hiểm. Tuy nhiên, khi quay lưng lại định chuẩn đi chỗ khác, John bỗng đối mặt với một người

đàn ông có vẻ ngoài kỳ lạ cũng đang bò trên bốn chân như cậu. Sự giống nhau chỉ dừng lại tại đó, vì người đàn ông này trần như nhộng và ướt nhẹp bởi những giọt sương trên đám cỏ mà ông bò qua. Đó là chưa nói đến đám cỏ ông đang ăn. Lông mọc khắp người ông như lông vũ, và móng tay, móng chân mọc dài như móng vuốt chim. Xém nữa là John đã hét toáng lên vì sợ hãi, nếu người đàn ông ăn cỏ không đặt một bàn tay rắn chắc, hơi rình lên miệng cậu và im lặng lắc đầu, cho đến khi John gật đầu ra hiệu cậu sẽ không la to nữa. Sau vài giây, người đàn ông bỏ tay ra và nhẹ nhàng bò đi.

John bò theo ông. Khi họ đã ở một khoảng cách có vẻ đủ an toàn, người đàn ông dừng lại và ngồi xuống trước mặt John. Cặm cùi thất bím chòm râu dài của mình, ông thỉnh thoảng bứt lên một nhúm cỏ và cho vào cái miệng xanh lè của mình mà nhai nhồm nhoàm như một con bò đười. Ông không tỏ vẻ gì là muốn lên tiếng trước.

Cuối cùng John hỏi:

- Ông là ai?
- Ta là Hoàng đế. Cầu cho hoà bình đến với cậu vạn lần.
- Hoàng đế gì cơ?

Người đàn ông nhún vai:

- Chỉ là hoàng đế thôi.

Rồi vừa ăn thêm một nhúm cỏ, ông vừa chìa vài cọng ra mời John. Cậu từ chối:

- Ô, cảm ơn, nhưng cháu không ăn đâu. Nó làm cháu bị đầy hơi mất.

Rồi cậu mỉm cười với ông theo cái cách thân mật thông thường của mình, như thể cậu đang đón chào một cậu bạn học mới ở trường. Vài phút sau, Finlay bay vụt xuống lưng John trước ánh

mắt thích thú của vị hoàng đế ăn cỏ.

Không ai nói gì suốt cả mấy giây sau. Trong thời gian đó, John bắt đầu nghiên ngẫm xem người đàn ông này có phải là một hoàng đế thật sự không. Ăn cỏ, không cắt tóc và móng tay, móng chân, di chuyển bằng cách bò – John không nghĩ đó là cư xử bình thường của một vị hoàng đế. Nhưng ở Iravotum này, dường như không có gì là không thể. Và dù sao đi nữa, thậm chí các vị hoàng đế cũng có lúc nổi điên. Vị hoàng đế này nhìn có vẻ hơi man man, nhưng được cái ông không có vẻ nguy hiểm.

Cậu hỏi:

– Cái thứ mới nãy ấy, nó là quái vật ước phải không ông?

Vị hoàng đế nhe răng cười:

– Ồ. Quái vật ước.

– Nó nguy hiểm không?

– Rất nguy hiểm. Tất cả mọi thứ đến Iravotum đều có một điều ước. Một điều ước rất mãnh liệt. Điều ước được chỉnh sửa đúng, bằng một cách nào đó. Hoặc điều ước được giải trừ. Hoặc có thể là điều ước được trở thành hiện thực. Nhưng quái vật ước tiếp thêm năng lượng từ chúng. Nó ăn thịt chúng, và quan trọng hơn là điều ước đã đóng lên chúng.

Vị hoàng đế vỗ vào ngực một cách đầy ý nghĩa với một nắm tay đầy lông của mình.

– Điều đó làm nó trở nên mạnh mẽ. Rất mạnh mẽ.

Rồi chỉ tay vào Finlay, ông nhún vai buồn bã:

– Con chim của cậu sẽ bị ăn thịt nếu nó ở đây đủ lâu. Cả cậu nữa. Chỉ là vấn đề thời gian thôi. Nếu không muốn thế thì phải

đừng ước gì. Nhưng ta hỏi cậu, ai có thể làm được điều đó chứ? Ai có thể tự mãn nguyện với chính mình?

Vị hoàng đế bỏ một nhúm cỏ nữa vào trong miệng và bắt đầu nhai nhồm nhoàm. Rồi ông đánh rắm thật lớn, kéo dài đến gần ba mươi giây, và nó dường như làm ông hạnh phúc.

Bật cười ha hả, John nhìn ông với ánh mắt khâm phục.

Cậu nhận xét:

– Ông tài thế. Còn ông thì sao, hỡi bệ hạ? Ý cháu là, ông có thấy mãn nguyện không?

Ợ hơi một cách vui vẻ, hoàng đế nói:

– Ồ, mãn nguyện lắm. Ta không ước điều gì cả. Hình phạt của ta chỉ là vậy. Đó là lý do tại sao ta còn sống đến giờ. Bởi vì ta không có một điều ước nào trong thế giới. Tất cả những thứ ta cần đều ở đây. Nhiều nước để uống. Nhiều cỏ ngon lành để ăn. Một vị hoàng đế còn cần gì khác nữa?

John gật đầu một cách lịch sự:

– Cháu cũng không biết đâu. Nhưng nếu đó là cái ông thích thì quá tốt cho ông rồi. À mà ông đã ở đây bao lâu rồi nhỉ?

Hoàng đế nghĩ ngợi trong vài giây:

– Một thời gian dài. Để xem. Ta có đánh dấu lên một cái cây gần đây, để phòng trường hợp có ai đó hỏi ta câu hỏi này. Dù cậu là người đầu tiên.

Ông bò vào bụi cây thấp, với John và Finlay theo sát phía sau. Đi được một quãng ngắn, hoàng đế dừng lại tại một khu đất trống nhỏ và tự hào chỉ về phía một cái cây có khắc vài trăm vạch trên thân. Ông tuyên bố:

– Nó đây này. Có chính xác hai trăm năm mươi vạch trên thân cây. Ta nghĩ mỗi vạch tượng trưng cho một năm.

Rồi tìm thấy một cụm cỏ có vẻ ngon lành, hoàng đế bứt nó lên và lại bắt đầu ăn.

Đến lúc này thì John nhận ra thực tế có vài cái cây khác cũng có dấu vạch tương tự trên thân. Cậu thử đếm chúng. Có tất cả mười cái cây với hai trăm năm mươi vạch, và một cái chỉ mới có 65 vạch. Quai hàm cậu như muốn rớt ra ngoài khi cậu làm phép tính.

– Đừng nói với cháu là ông đã ở đây 2.565 năm rồi chứ?

Và thình lình, John ngờ ngợ nhận ra mình biết vị hoàng đế này là ai.

Hoàng đế gật đầu nói với cậu:

– Một thời gian dài. Rất dài so với một người từ bên ngoài như cậu. Nhưng không phải ở đây. Không phải ở Iravotum.

John thắc mắc:

– Nhưng ông không bao giờ thử trốn thoát sao?

Hoàng đế lắc đầu:

– Để đi đâu chứ? Ta có mọi thứ ta cần ở đây. Rất nhiều cỏ tươi ngon lành để ăn.

Rồi ông đánh rắm lần nữa.

John chỉ nói:

– Vâng, cháu có thể thấy và nghe được ông mãn nguyện như thế nào.

Hoàng đế nở nụ cười xanh lè của mình, rồi mơ màng nhìn lên những đỉnh cây.

John đổi đề tài:

- Cái Lâu đài treo Babylon có ở gần đây không ông?
- Ý cậu là Lâu đài Ishtar ấy à?

John gật đầu. Hoàng đế nói:

- Ừ. Rất gần.

John thì thầm:

- Cháu cần đến đó.
- Tất cả những ai đến đây đều muốn đến Lâu đài Ishtar. Nhưng ở đó họ không giúp cậu đâu.
- Ông không hiểu đâu. Cháu không cần họ giúp. Em gái cháu đang bị giam ở đó. Cháu muốn vào đó, mang em cháu ra, rồi về nhà ở New York. Đó là một thành phố. Một thành phố lớn. Lớn hơn Babylon.

Đôi mắt hoàng đế sáng lên khi nghe nhắc tới Babylon. Ông hỏi:

- Lớn hơn cả Babylon vĩ đại à? Thật không?
- Thật chứ.
- Những tòa nhà ở đó cao không?
- Cao hơn cả núi ấy chứ.
- Ta cũng muốn thấy thành phố vĩ đại của cậu lắm.

John nói:

- Vậy chúng ta thỏa thuận nhé, thưa bề hạ? Ông giúp cháu vào Lâu đài của Ishtar, và cháu sẽ dẫn ông đến New York.

Hoàng đế gật đầu:

- Có một lối vào đó. Không ai biết nó ngoài ta. Ta sẽ dẫn cậu đến đó. Rồi cậu sẽ dẫn ta đến New York. Đúng không?

John suy nghĩ về điều đó trong vài giây. Có đủ hạng người ở New

York. Ai mà thêm chú ý đến một người đàn ông ăn cỏ trong khu Công viên Trung tâm chứ? Dù đó là một người có móng tay, móng chân dài như hoàng đế. Một số tỷ phú dầu mỏ ở Texas còn cư xử lập dị hơn ấy chứ. Ngoài ra, với một bộ móng tay, móng chân được cắt sửa đàng hoàng, một mái tóc đúng mô đen, một chuyến shopping ở đại lộ Madison, và một chuyên gia dinh dưỡng giàu kinh nghiệm – hay nói ngắn gọn, một ít sức mạnh djinn – hoàng đế có thể lột xác hoàn toàn.

Nên John bảo:

– Đi thôi. Trước khi cái thứ đó đi tìm chúng ta.



CHƯƠNG 20

Thằng nhóc tên John

Philippa đã ngừng viết nhật ký. Việc đó giờ không còn ý nghĩa gì nữa. Những suy nghĩ trước đây của cô bỗng trở nên quá tầm thường, nếu không muốn nói là đáng xấu hổ. Nhưng dù sao, cô cũng quyết định không đốt bỏ cuốn nhật ký đi. Xét về một khía cạnh nào đó, nó giúp cô mua vui, như cách người ta vẫn thường lưu giữ lại những món đồ khi nhỏ. Thay vì giấu mình trong phòng viết nhật ký, Philippa giờ đây dành phần lớn thời gian đến thư viện đọc sách của các triết gia nổi tiếng như Aristotle, Plato, Kant, và Wittgenstein, hay chơi Djinnverso với bà Glumjob và Ayesha.

Đến lúc này, việc Ayesha là bà ngoại của cô được Philippa coi như một chuyện đương nhiên. Nó giải thích sự dễ tâm đặc biệt của Ayesha vào cô. Nó đồng thời giải thích cuộc tranh cãi giữa Ayesha và bà Gaunt tại khách sạn Pierre ở New York mà Philippa đã tình cờ trông thấy, cũng như lý do tại sao mẹ cô lại lảng tránh đề cập đến nó sau đó. Và có lẽ nó giúp Philippa hiểu được lý do tại sao cả mẹ cô và chú Nimrod không bao giờ nhắc đến bà ngoại – Philippa luôn nghĩ là bà đã mất. Và rõ ràng nó cũng giải thích nét tương đồng giữa mẹ cô và Ayesha mà giờ cô mới nhận ra: sự quyến rũ của nét quý phái xen lẫn nghiêm nghị. Cô chỉ ngạc nhiên là tại sao mình không nhận ra điều này ngay từ đầu thôi. Hoặc tại sao không

ai đề cập đến nó với cô. Có thể thấy rõ Layla là con gái của Ayesha. Và thông minh hơn nhiều so với chú Nimrod, cũng như Philippa thông minh hơn nhiều so với anh trai John của cô.

Ông anh tội nghiệp. Không có cô, thế nào cậu cũng gặp rắc rối cho coi. Nhưng không có nghĩa cô quan tâm đến cậu nhé. Họ hàng chỉ tổ gây phiền toái thôi. Phiền toái và xấu hổ. Cũng không có nghĩa cô nhớ gì về John, ngoại trừ việc cậu chỉ như một bức tranh biếm họa khủng khiếp về cô. Đặc biệt là khuôn mặt cậu. Cố rắng nặn óc, cô cũng không thể nhớ được nó hình thù như thế nào. Ví dụ như màu mắt cậu. Chẳng biết cậu có mái tóc màu đỏ như cô không nhỉ? Hay là tóc đen? Và cô chợt nhận ra đã bao lần cô cứ phải tự nhắc đi nhắc lại trong đầu về những điểm tốt của ông anh trai mới có thể chịu nổi sự hiện diện của cậu.

Còn cha cô, ông Edward, thà đừng nghĩ đến còn hơn. Đó là điều làm cô cảm thấy xấu hổ nhất. Một mundane mà là cha cô à? Thật là! Bà mẹ tội nghiệp của cô nghĩ cái quái gì thế không biết? Ông thậm chí còn chẳng đẹp trai nữa. Trên thực tế, ngay cả khi đem so với các mundane, ông còn quá tầm thường là đằng khác.

Có điều cô chẳng bao giờ nói ra những suy nghĩ đó. Than thở về gia đình với Ayesha thì có ích gì chứ? Chẳng để làm gì cả. Cũng không thể thay đổi được gì. Không phải là bây giờ. Và cô cũng chẳng có hứng mở miệng nói với bà Glumjob. Để làm gì chứ? Mà chính Philippa cũng phải tự hỏi, rốt cuộc giữ bà Glumjob lại để làm gì chứ? Cô không thể nào hiểu nổi tại sao một người thông minh, có giáo dục và suy nghĩ logic như Ayesha lại chọn một thứ giun dế như Glumjob làm người hầu và bạn đồng hành của mình. Còn cô á, cô sẽ chọn một người thông minh hơn để làm bạn đồng hành một khi trở thành Djinn Xanh. Mà nhắc mới nhớ, sao cô cứ phải chờ lâu

quá, trong khi sức mạnh tinh thần của Ayesha rõ ràng đang giảm sút thấy rõ. Không thì sao lại có chuyện thất bại trong việc trục xuất Iblis đến Sao Kim được chứ?

Philippa biết được Ayesha đã trả mười triệu đô la cho Bull Huxter để hắn tống cái hộp trong có đựng cái chai nhốt tên Ifrit đáng ghét vào tàu thăm dò vũ trụ *Wolfhound* đến sao Kim. Tuy nhiên, theo như báo chí đưa tin thì hệ thống tên lửa chở tàu thăm dò *Wolfhound* hiện vẫn còn nằm yên trong Trung tâm Không gian Pháp ở Guiana. Nghe nói là do lỗi kỹ thuật gì đó.

Hoặc ít nhất đó là những gì được viết trên báo. Nhưng điều đáng quan tâm hơn ở đây là việc Bull Huxter đã hoàn toàn biến mất cùng với cái hộp đựng Iblis và tiền của Ayesha. Tệ hơn nữa, cái may mắn kể ở Iravotum – dùng để đo mức độ may mắn trên thế giới, cả tốt và xấu – hiện đang cho thấy một giai đoạn cực kỳ xui xẻo ở phía trước. Sự điều bình – trạng thái cân bằng hợp lý giữa sự may mắn và sự xui xẻo đã không còn. Ít nhất là trong thời điểm hiện tại. Ayesha tuyên bố điều này rất phù hợp với việc Iblis đang lớn mạnh trở lại, và dốc sức trả thù.

Philippa mĩa mai:

– Và lỗi là của ai chứ? Đáng lẽ bà không nên giao phó một nhiệm vụ djinn quan trọng như thế cho một mundane như Bull Huxter. Chắc chắn hắn đã khám phá ra cái gì ở bên trong hộp. Và nghĩ rằng hắn có thể đạt được một thỏa thuận nào đó với Iblis. Tự do khỏi cái chai đổi lấy ba điều ước chẳng hạn. Sao bà không tống đại hắn vào một căn phòng nào đó trong cái nhà cũ mèm này? Dù gì ở đây cũng đâu khác gì trên sao Kim. Tuyệt hơn là tiết kiệm được mười triệu đô chứ ít ỏi gì.

Ayesha nhận xét:

– Cháu có vẻ hơi quá quan tâm đến chuyện này đấy, Philippa.

– Tôi không quan tâm mới là lạ đấy. Bộ bà quên chính tôi là người đã giúp chú Nimrod bắt giam Iblis sao? Dù tiếp xúc với hắn không được bao lâu, tôi có mù mới không nhận ra hắn là một djinn xấu xa như thế nào. Chỉ cái loại ấy mới dám chơi thần chú *vindicta* với chú Nimrod, ông anh John của tôi, và, quan trọng hơn cả, là với chính tôi. Nên đương nhiên tôi phải quan tâm đến chuyện hắn biến mất chứ.

Ayesha nói:

– Cháu nói hơi quá rồi đấy, con gái.

– Trong Giải Djinnverso, tôi đã đấu một trận với Rudyard, thằng con út của Iblis. Nó thậm chí còn không thèm nói chuyện trực tiếp với tôi đấy, Ayesha. Đến tổ mà nó còn tổ gián tiếp qua ông Bunyip giám khảo mà. Tin tôi đi, nếu ánh mắt có thể giết người thì tôi chết lâu rồi.

Rồi lắc đầu, Philippa kết luận:

– Thế nào cũng rắc rối. Bà cứ nhớ lời tôi đi. Rất nhiều rắc rối là đằng khác.

– Ta nghĩ ta mới là người phán quyết chuyện đó, con gái, không phải cháu.

Philippa phì cười:

– Ồ, đúng rồi. Bà mới là người phán quyết mà. Và nhìn xem điều đó đã đưa chúng ta đến đâu. Tôi không yêu cầu đóng thay vở diễn của bà, Ayesha, nhưng nếu tôi phải làm chuyện đó, bà nên cố để nó giống như bà biết mình đang làm gì chứ.

Ayesha cắn môi im lặng trong vài giây. Nhưng khi Philippa bắt đầu lầm bầm chửi bà trong cuống họng, bà trở nên bức mình thật sự, vì dù già đến đâu, Ayesha luôn có một cái tai cực thính. Sự bất kính này – bà không nghĩ ra từ gì khác để gọi nó – đã đi quá mức chịu đựng của một djinn như Ayesha, một người ghét sự cư xử không phải phép ngang ngửa sự thể hiện cảm xúc ra ngoài.

– Philippa, cháu làm ơn về phòng đi. Và ở đó cho đến khi nào thái độ tệ hại của cháu được cải thiện.

Nhanh chóng nhảy bật dậy khỏi cái ghế sofa, Philippa tuyên bố:

– Có mời tôi cũng chả thêm ở lại đây.

Cô quay lưng đi thẳng ra cửa, rồi ngừng lại một giây và xác xược nói thêm:

– Nếu tôi cư xử tệ hại, thì chính bà là người đã biến tôi thành như thế. Với cái cây Logic ngu xuẩn và cái lâu đài xấu xí tẻ ngắt của bà.

Đến giờ thì Philippa đã bật cười khanh khách, và không kìm được, cô thông thêm một câu sỉ nhục bà Glumjob cho sướng miệng:

– Đó là chưa kể đến quả mận già khô đét đồng hành của bà. Glowworm, hay một cái tên ngu ngốc tương tự nào đó.

Ayesha nghiêm giọng ra lệnh:

– Cháu rời khỏi đây ngay cho ta.

– Rất vui lòng.

Sập mạnh cánh cửa sau lưng với một tiếng rầm lớn để nhấn mạnh suy nghĩ của mình, Philippa bắt đầu ngúng nguẩy đi dọc theo hành lang về phòng, cảm thấy thật sự hả hê.

Ban đầu cô không thích căn phòng của mình một chút nào, và

nghĩ nó quá to, quá cầu kỳ. Nhưng giờ cô cảm thấy khá hài lòng về nó. Nhìn đâu cũng thấy lụa là, vàng và cẩm thạch. Và cô thích cách làm vô hình ở đây. Không thể nào bắt lỗi logic của Ayesha trong việc lựa chọn người hầu được. Có lẽ đây là một trong những vấn đề hiếm hoi mà Philippa hoàn toàn đồng ý với vị Djinn Xanh. Xét cho cùng, người hầu là một dạng phiên toái cần thiết cho phần lớn những người ở vị trí của Ayesha. Nhưng phiên toái thì muôn thuở vẫn là phiên toái – hoặc ít nhất là khi họ hiện hình. Còn bây giờ, khi đã quen nhìn thấy – hay đúng hơn là gần như nhìn thấy – phòng cô được lau chùi, hút bụi, giường được dọn dẹp, và hoa được thay bởi những người hầu vô hình, Philippa không thể nào tưởng tượng mình có thể sống khác thế. Đáng tiếc là bà Glumjob không vô hình luôn cho xong.

Qua một ngã quẹo trên hành lang, Philippa bỗng đối mặt với một thằng nhóc cực kỳ dơ bẩn và xộc xệch. Quắc mắt nhìn thằng nhóc, đặc biệt là đôi tay thô kệch và đôi giày dính đầy bùn đất của nó, cô đoán chắc nó là một người hầu vừa đột ngột hiện hình trong giây lát. Có thể là một thằng nhóc đánh giày. Ngoại trừ việc đó thì đâu có người hầu nào dám nói chuyện với cô. Chắc chắn là như vậy.

– A, chào.

Thằng nhóc toét miệng cười với Philippa, nhưng nụ cười của nó trở nên ngượng nghịu trước ánh mắt băng giá của cô.

Cô hỏi nó:

– Người muốn gặp Ayesha à?

Thằng nhóc cúi cần nói:

– Dĩ nhiên không.

– Vậy thì nhóc, làm xong việc rồi thì biến, chứ cái thảm mà đôi

giày của người đang giẫm lên và làm bắn đất tiền lẫn đó.

Thằng nhóc hỏi:

– Ai thêm quan tâm đến nó chứ. Có chuyện gì với em vậy?

Cô lạnh lùng nói:

– Chẳng có chuyện gì với ta cả. Ta không phải là kẻ nhìn giống như vừa bị lôi qua hàng rào.

John đáp:

– Thì đúng là anh mới bị lôi qua hàng rào đó thôi. Nôm na là vậy. Và đó là vì anh đã có một hành trình khiếp khùng để đến được đây. Philippa, anh đây mà. John nè. Em không nhận ra anh sao? Anh đến để giải cứu em khỏi ngôi nhà tệ hại này.

Vừa nói, John vừa cố nắm lấy tay em gái, nhưng cô giật tay qua một bên như sợ hãi. Cô nói:

– Nói cho đúng, cái ngôi nhà tệ hại mà người gọi chính xác là một lâu đài. Và đó có lẽ là lý do tại sao trông người rất lạ quẻ ở đây, nhóc con, với những cái móng tay dơ bẩn và mái tóc dính đầy cỏ của người. Một lâu đài đó, nghe thủng chưa nhóc? Nữ hoàng Victoria đã chết ở đây.

– Chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả.

John chau mày khó chịu. Cậu đã không tính đến trường hợp này. Đúng là cô trông giống em gái cậu, ăn mặc cũng giống nó, và thậm chí cách nói năng cũng có phần giống, nhưng thái độ lại như một người hoàn toàn khác. Đứa con gái xác xược này cư xử như không biết cậu là ai vậy. Cậu cau kinh bảo:

– Và đừng có gọi anh là “nhóc con”. Anh là anh trai John của em, cô phù thủy nhỏ ạ.

Philippa cười:

– Trời, nghe tình cảm dữ.

Cố gắng làm lơ trước thái độ của cô, John nói tiếp:

– Và anh đến đây để mang em về nhà.

Đẩy John ra, Philippa mỉm cười một cách khinh bỉ:

– Người đã nói điều đó rồi, nhóc con. Có khi người cần chùi lại lỗ tai mình, sau khi đã cạo hết đất khỏi mấy cái móng tay găm ghieếc kia. Đây là một lâu đài. Và giờ nó là nhà ta. Nó và những lâu đài khác của Ayesha. Nhìn nó xem. Hoàn tráng phải không? Phòng ngủ của ta rộng bằng cả một cái sân tennis. Ta ngủ trên nhung lụa và dùng bữa với những chiếc đĩa nạm vàng, nên điều gì làm người nghĩ ta muốn quay về cái hộp bé tẹo ở New York mà người gọi là nhà đấy?

Rồi cô đẩy mạnh cậu lần nữa:

– Trả lời ta thử xem, nhóc con. Nếu người có thể.

John ngược lên cái cầu thang tráng lệ và chùm đèn treo khổng lồ. Cậu nhìn khắp lượt những món đồ cổ xinh đẹp và những bức tranh đắt giá. Cha cậu cũng có một vài món đồ hay hay, nhưng chúng không là gì so với những thứ có ở đây. Và cậu đột nhiên cảm thấy bẽ mặt như một con chó bị thất sủng, như thể sự khinh bỉ của cô là hoàn toàn có cơ sở. Thật sự cậu chưa bao giờ nghĩ đến điều đó, nhưng ngôi nhà của cậu dường như trở nên quá nhỏ sau khi cậu đã thấy nơi này. Cậu bắt đầu cảm thấy nhà cậu thật tầm thường, như thể nó không còn xứng đáng với Philippa nữa. Như thể cô đã bỏ cậu lại sau lưng mất rồi.

Cậu đã quá trễ sao? Em cậu đã thay đổi vĩnh viễn sao?

Philippa vẫn lạnh lùng nói:

– Muốn khóc thì cứ khóc đại đi nhóc. Nhìn người như sắp khóc đến nơi ấy.

John phản đối:

– Không, anh không có.

Đẩy cậu lần thứ ba, cô tuyên bố một cách đắc thắng:

– Ô, có đấy.

John vẫn khẳng khái:

– Đã nói là không mà. Và đừng có đẩy anh nữa, không em sẽ hối hận đấy.

Philippa bật cười:

– Người có thể làm được gì ta chứ?

Rồi cô đẩy cậu lần thứ tư, kèm theo tiếng gọi “nhóc con” đầy chế giễu.

John phải quay đi nếu không chắc cậu sẽ phang em gái mình mất. Như mọi cặp anh trai và em gái khác, họ không ít lần oánh nhau ra trò. Thậm chí có lần cô còn đá đít cậu. Nhưng cậu cảm thấy thật chẳng đúng chút nào nếu phải đi một chặng đường dài đến đây chỉ để đánh cô. Và đó chính xác là điều mà cậu giờ rất muốn làm. Cậu phải giữ chặt lấy cái bàn ở giữa hành lang chỉ để ngăn bàn tay cậu không cuộn lại thành một nắm đấm vào mồm để dạy cho cô một bài học mà cô đáng nhận.

Cậu lầm bầm:

– Tại sao chứ, con bé phù thủy hư hỏng kia?

Đúng, tại sao kia chứ? Đặc biệt là sau những khó khăn cậu đã phải gánh chịu để tìm em gái. Mà đâu phải chỉ có cậu. Alan và Neil

đã hy sinh mạng sống của mình vì cô, vậy mà tất cả những lời cảm ơn chúng nhận được là thế này.

Vẫn cười nhạo cậu, Philippa quay lưng lại và bắt đầu đặt chân lên cầu thang.

– Thằng nhóc ngu xuẩn.

Cô còn nói nhiều câu thô tục khác nữa. Chúng làm John càng lúc càng cảm thấy mình thật dốt nát và ô nhục – một cảm giác mà cậu không bao giờ nghĩ sẽ có sau khi hoàn thành nhiệm vụ gần như là bất khả thi của mình. Philippa hình như không còn quan tâm đến suy nghĩ của cậu. Trong lòng cô, mọi thứ đã khô cạn, sau khi uống nước trái cây Logic và hít thở hương hoa gây nghiện của nó. Khô cạn và cứng ngắc, như một mảnh đất trong mùa hạn hán.

John quyết định đã đến lúc làm mềm mảnh đất đó. Cậu rút những bông hoa trong cái lọ lớn trên bàn và ném chúng xuống thảm. Rồi cậu cầm cái lọ đầy nước lên và, trước khi Philippa biết được chuyện gì đang xảy ra, cậu chạy theo cô trên vài bậc thang và đổ thẳng nước lên đầu cô với tất cả sự giận dữ.

Cậu nói:

– Đây. Đây là điều mà tao nghĩ về mày.

Philippa hét lên một tiếng lớn khi gần cả galông nước đổ xuống khắp người cô. Và trong khoảnh khắc, cô đứng trơ như đá, trong một trạng thái bị sốc hoàn toàn khi thành linh nhận ra cô đang ở đâu và cô đã gần trở thành cái gì. Và cuối cùng, cô dường như thật sự nhận ra người đứng trước mặt mình là ai. Nhưng John vẫn còn quá cáu giận với cô để nhận ra điều đó.

Mạnh tay ném thẳng cái lọ xuống sàn cho nó vỡ tan thành nhiều mảnh, cậu nói tiếp:

– Và đây là điều tao nghĩ về cái thảm ngu ngốc và cái lọ dở hơi của mày.

Philippa vui mừng nói:

– John, anh đấy à? Cuối cùng anh cũng đã đến.

Rồi liếc nhìn xung quanh, cô hỏi thêm:

– Mà sao em lại ở đây vậy?

Nắm chặt vai em gái, John cười:

– Phil? Em nhận ra anh sao?

– Dĩ nhiên em phải nhận ra anh chứ, ông anh ngốc.

Rồi ôm chặt lấy anh trai mình, cô vừa khóc vừa cười vì vui sướng. Cô cũng ho và thối phì phì vài tiếng, vì một ít nước trong lọ đã lọt vào lỗ mũi và chảy xuống cuống họng cô. Cho nên John đã đưa cho cô cái bình nước mà cậu mang theo trong ba lô. Vừa đủ để làm loãng và trung hòa ảnh hưởng của Cây Logic. Một giây sau khi uống, một chất nhờn màu đen trông như có độc ứ lên miệng cô, rồi tràn xuống cằm và cổ.

Đoán là thứ nước John mang theo có tác dụng tốt với cô, Philippa đón lấy cái bình từ tay anh mình và uống cạn. Nhiều chất nhờn màu đen khác tràn ra khỏi miệng cô, và với từng phần logic dần biến khỏi người cô, những phần người trước đây của Philippa bắt đầu được hồi phục, cho đến khi cô nắm lấy tay John và hỏi:

– Có cách nào thoát ra khỏi đây không anh?

– Dĩ nhiên là có chứ.

– Vậy chúng ta đi thôi.

John dẫn Philippa đi xuống khu hầm với hệ thống hành lang mà cô đã thăm dò nhiều lần trước đây. Cô bảo cậu:

– Chúng ta đi đâu vậy? Không có gì dưới này đâu. Em đã tìm kiếm rồi.

Không để tâm đến những gì cô nói, John tiếp tục dẫn cô xuống một lối đi cũ kỹ hơn nhiều, dường như dẫn đến một ngõ cụt. Khi đến bức tường cuối lối đi, cậu rút cây đèn pin Maglite của mình ra và rọi vào một số nét chữ khắc trên lớp vữa trát gần trần lối đi. Đưa cây đèn pin cho Philippa, cậu bảo:

– Giữ cây đèn pin giùm anh cái.

Rồi đứng lên một cái ghế mà cậu đã đặt sẵn trước đó để phục vụ cho chủ đích này, cậu miết ngón tay dọc theo những nét chữ. Cậu miết đến đâu, những nét chữ bỗng chuyển thành vàng và tỏa sáng đến đó. Và Philippa thấy được nó bao gồm khoảng bốn chữ, tuy cô chịu không nhận ra được đường nét và ngôn ngữ của chúng. Ngay khi ngón tay John miết xong nét chữ cổ đại cuối cùng, bức tường biến thành một cánh cửa.

Bước xuống khỏi cái ghế, John nói:

– “Những Ngón Tay Chuyển Động viết. Và viết xong, lại chuyển động”. Hoặc ít nhất đó là những gì chúng ta nên làm nếu có óc phán đoán một chút.

Philippa nhận xét:

– Thiệt em không biết điều gì kỳ quái hơn. Cái cửa bí mật này, hay việc anh trai em vừa trích thơ.

– Ủa, đó là thơ à?

– Chứ còn gì nữa. Bài *Rubáiyát của Omar Khayyam* đó.

– Vậy hả? Thế mà anh cứ tưởng đó là một thứ vớ vẩn anh đọc đâu đó trên báo chứ.

Philippa nhe răng cười:

– Thật tốt khi được gặp lại ông anh ngốc của em.

Khi cả hai bước qua cánh cửa, John nói:

– Đến giờ mọi chuyện đều có vẻ ổn. Hy vọng hoàng đế vẫn còn ở đây để dẫn chúng ta ngược ra khỏi mê cung.

– Hoàng đế? Hoàng đế nào cơ?

John nhún vai:

– Anh cũng không chắc tên ông ấy là gì. Không chắc lắm. Mà ráng đừng sợ khi gặp ông ấy nhé. Nhìn hơi kinh, hành động hơi kỳ quặc, nhưng thật ra ông ấy khá được đó. À, sẵn nói luôn, chúng ta sẽ mang ông ấy về cùng.

Ông ấy muốn thấy New York mà.

Sau khi gặp vị hoàng đế ăn cỏ và biết được ông bao nhiêu tuổi, Philippa nói với John rằng cô nghĩ ông có thể là Hoàng đế Nebuchadnezzar.

John đáp:

– Anh cũng nghĩ vậy. Nebuchadnezzar Đệ Nhị. Hoàng đế cổ đại của Babylon.

Sự hào hứng thấy rõ của hoàng đế khi nghe cái tên càng khẳng định suy nghĩ của John và Philippa là chính xác. Nuốt cái ực búi cỏ mà ông nhai nãy giờ, hoàng đế nói:

– Hoàng đế Nebuchadnezzar Đệ Nhị, đúng thế. Hoàng đế của Babylon, đúng thế. Đó là điều mà suốt bao nhiêu năm qua ta ráng nhớ ra.

Rồi ông mời Philippa một nhúm cỏ. Dĩ nhiên là cô lịch sự từ chối:

– Không ạ, cảm ơn bộ hạ.

Hoàng đế giục:

– Đi đường này nè. Và đừng có lang thang chỗ khác.

Cái mê cung này phức tạp lắm. Mấy lối đi dài cả dặm ấy.

Mê cung phía trước họ là tập hợp của những mê lộ tạo bằng những hàng rào cây trần cao hơn hoàng đế khoảng gần một mét. Nhưng khó có thể nói rõ điều đó, vì hoàng đế luôn di chuyển bằng cách bò bốn chân. Điều đó có nghĩa là tiến độ đi của họ khá chậm. Nhất là khi hoàng đế dường như luôn giữ một tay trên tường khi đến một giao lộ, và luôn quẹo với bàn tay không bao giờ rời hàng rào. Bằng cách đó, Philippa có thể hiểu được làm sao ông biết rõ đường đi nước bước trong mê cung.

Vừa đi, hoàng đế vừa hỏi cặp sinh đôi về New York:

– Có vườn treo ở đó không?

Nghĩ đến khu vườn trên mái nhà của khu căn hộ phía đối diện nhà cậu, John nói:

– Có. Cũng một dạng như thế.

– Và nhiều cỏ để ăn?

– Dĩ nhiên.

John trả lời, đầu hình dung đến Công viên Trung tâm. Rồi cậu nhớ rằng khi họ rời khỏi New York, công viên vẫn còn ngập trong lớp tuyết dày cỡ chục phân, nên nói tiếp:

– Trên thực tế, hiện giờ có lẽ không có nhiều cỏ đâu. Trời mới bắt đầu tuyết khi tụi cháu rời khỏi đó mà. Nhưng vào mùa xuân, mùa hè, và mùa thu thì có ổi cỏ cho tất cả mọi người.

Hoàng đế Nebuchadnezzar nhìn có vẻ kém hào hứng hẳn về việc rời khỏi Iravotum. Trông thấy thế, John vội trấn an:

– Nhưng tội cháu có thể lo được chuyện đó. Tội cháu là djinn mà. Cháu và em gái cháu. Có tội cháu, ông muốn bao nhiêu cỗ cũng có. Mà ông biết không, nếu ông chán việc ăn chay, ông không thể chọn thành phố nào để sống tốt hơn New York đâu. Tất nhiên đây chỉ là một gợi ý thôi, thưa bề hạ, nhưng có Chúa biết được, ông mà không thử món thịt bò hun khói tẩm gia vị là chết nửa cuộc đời đấy. Hoặc món bò hầm bia đen. Cứ tin cháu đi, bụng ông sẽ no đến mức muốn nổ tung luôn.

Nghe đến đó, hoàng đế đánh rắm một lần nữa. Philippa phải nói thêm:

– Đây là cách nói tượng hình thôi ông.

Rời khỏi mê cung, hoàng đế bứt lấy một nắm cỏ và cho vào miệng. Vừa nhai, ông vừa đưa mắt nhìn xung quanh với vẻ mặt ngờ vực. Từ một cái cây gần đó, Finlay bay xuống đậu lên vai John. Khi cậu vừa định giới thiệu con chim cắt cho em gái, hoàng đế bỗng ra hiệu cho họ giữ im lặng.

John liếc nhìn khu rừng xung quanh. Những tàng cây vẫn im lìm, và không có gì cho thấy có vật thể sống nào ngoài họ ở đây, chứ đừng nói đến việc họ đang bị săn đuổi.

Cậu thầm thì hỏi hoàng đế:

– Cái gì vậy? Có gì đang săn chúng ta sao?

Hoàng đế trả lời:

– Optabellower. Quái vật ước.



CHƯƠNG 21

Quái vật suy nghĩ

Ở sâu bên trong rừng thẳm, một cái gì đó cựa quậy.

Một tiếng nổ rầm rắc có thể nghe được của dòng điện chạy vang lên, theo sau là tiếng rên rỉ lớn. Và rồi mặt đất rung chuyển như thể ở đâu đó giữa những đám cây, một sinh vật to lớn đang di chuyển.

Nói cho Philippa nghe về con quái vật ước, John dặn:

– Ráng đừng ước cho nó biến mất nhé. Chỉ tỏ giúp nó tìm ra chúng ta thôi. Mà trên thực tế, đừng ước gì cả là tốt nhất.

Philippa thì thầm nói lại:

– Cái đó nói dễ hơn làm. Anh biết năm mươi phần trăm suy nghĩ đều dính đến một điều ước mà.

Hoàng đế đề nghị:

– Hay hai người tách riêng đi. Để chia nhỏ điều ước ra. Như thế con Optabellower sẽ khó xác định vị trí của chúng ta hơn.

John cương quyết lắc đầu:

– Không đời nào. Khó lắm tụi cháu mới tìm được nhau.

Thà liều một phen còn hơn.

Những cái cây lại run lên lần nữa. Vị hoàng đế nói gấp:

– Vậy thì tốt nhất hai người *đừng* ráng nghĩ gì. Nó đến gần rồi đó.

Philippa gợi ý:

– A, đúng rồi. Chúng ta có thể nghĩ về toán học. Một định đề toán học không thể hiện suy nghĩ hay mong ước cá nhân nào. Nó chỉ là một khái niệm đã được chứng minh. Con quái vật ước không thể phát hiện ra chúng ta nếu chúng ta làm toán trong đầu.

Dù sẽ rất khó cho John để buộc suy nghĩ của cậu tập trung vào việc làm toán mà không ước gì được làm một cái khác, cậu cũng đồng ý rằng đây là một giải pháp tốt. Có lẽ là hơn cả tốt, nếu người nghĩ ra nó là đứa em gái song sinh của cậu. Cho nên, khi Philippa chọn cách giải một vài phương trình bậc hai trong đầu, John bắt đầu nhẩm lại bảng cửu chương 13, 14, 15, 16, 17 và 18. Và trong một lúc, cả khu rừng im lìm như chết, cho thấy con quái vật ước đang khó khăn để xác định vị trí của họ. - Mười chín lần mười bảy là... ờ... ba trăm hai mươi ba.

John tự lảm bảm trong đầu. Với cái não mệt nhoài vì phải hoạt động hết công sức để đánh đu với mấy con số, cậu nhận ra mình không thể trụ lâu hơn nữa. Con quái vật ước này giờ không mạnh động gì, nhưng thái độ cảnh giác cao độ của Hoàng đế Nebuchadnezzar cho thấy nó vẫn ở đâu đó gần đây. Cậu phải nghĩ ra một kế hoạch nào đó tốt hơn, nếu không họ sẽ bị kẹt ở đây mãi. Thành linh cậu nảy ra một ý. Dời Finlay xuống tay, cậu nhìn thẳng vào mắt con chim cắt và nói:

– Nghe này, Horus, người có mắt phải là mặt trời và mắt trái là mặt trăng. Tao cần mày giúp một chuyện.

Finlay vỗ cánh như muốn nói tôi-đang-nghe-đây, hăm hở được

làm một cái gì đó có ích cho cậu bé djinn để có thể tìm được sự tự do của mình.

John nhấn mạnh:

– Nhưng mà nguy hiểm lắm nhé.

Ngẩng cao đầu lên không trung, Finlay rít nhẹ một tiếng, như thể muốn trấn an với John rằng nó dư sức làm được bất cứ việc gì cậu muốn giao, dù chúng có nguy hiểm đến đâu.

– Tao cần mày đánh lạc hướng con quái vật ước. Tao cần mày lượn lơ phía trên đầu nó, chỉ ở ngay ngoài tầm với, và ước lớn rằng mày được biến lại thành một cậu bé. Trong khi mày làm việc đó, tao và em gái tao sẽ tận dụng cơ hội chạy ra bờ biển, và đợi mày ngoài đó. Mày thấy sao?

Finlay rít lên một tiếng ngắn và, ngay khi John nhấc tay lên trên đầu cậu, nó lập tức cất cánh và ước thật mãnh liệt được trở lại làm người. Ngay khi quay lại hình dáng ban đầu của mình, thể nào nó cũng trả thù cha nó – sẽ cho cha nó nếm mùi y như nó. Nếm mùi như thế nào thì nó hiện vẫn chưa nghĩ ra, nhưng chắc chắn chúng sẽ làm cha nó ngủ cũng gặp ác mộng.

Thoáng thấy bóng dáng mờ ảo của con quái vật, Finlay bay vút xuống, đầu không ngừng ước hết công suất. Và, cảm nhận được điều ước mãnh liệt của con chim cắt, con quái vật ước đứng dậy với một tiếng rống lớn kỳ dị khủng khiếp, và cố chụp lấy con chim với đôi tay không hình dạng của nó. Tính toán sai kích cỡ và tầm với của con quái vật, Finlay mém nữa là bị dính cú tóm chết người đó. Biết chắc luồng điện chạy quanh người con quái vật sẽ hút hết tất cả sức mạnh của nó, Finlay bay cao hơn một chút và tiếp tục ước hết công suất.

Ngay khi Finlay bay lên không trung, hoàng đế dẫn John và Philippa chạy ngược ra khỏi khu rừng rậm rạp của Iravotum. Vì những lý do mà khỏi nói chắc ai cũng biết, ông tránh con đường chính ra. Lần theo một lối mòn mà chỉ có hoàng đế mới nhận ra, chẳng mấy chốc họ đã đứng trên bờ cát vàng ở ngay rìa cái biển hồ.

Một sự ngạc nhiên đang chờ họ ở đó. Đến giờ, John đã kể cho Philippa nghe về cái chết của Alan và Neil. Cậu định sẽ cho cô thấy hai con chó lần cuối, rồi nhờ cô giúp chôn cất chúng trước khi lên thuyền. Nhưng không có bóng người lái thuyền, cũng như xác của Alan và Neil. Hai con chó không còn ở dưới tán cọ mà John đã phủ lên chúng trước khi đi.

Philippa hỏi lại:

– Anh có chắc chúng chết rồi không vậy?

John trả lời:

– Làm sao anh làm được chứ.

– Có thể người lái thuyền đã mang chúng đi. Hoặc một người nào đó.

John nghĩ có lẽ đó là lời giải thích hợp lý nhất. Cậu không muốn nhắc đến con rắn khổng lồ hoặc con Rukhkh với Philippa, nhưng hiện giờ cậu đang nghĩ đến khả năng cơ thể hai người bạn trung thành của cậu có lẽ đã bị ăn mất. Cũng tại cậu cả, sao lại không che giấu chúng cẩn thận hơn chứ.

Tự khiển trách bản thân đã quá bất cẩn, John bước xuống lớp sóng đang nhẹ nhàng vỗ về bờ cát, giống y lúc trước, và lo lắng tìm kiếm bóng dáng người lái thuyền ở phía đường chân trời.

Một giọng đàn ông vang lên:

– Ông ấy sẽ xuất hiện ngay thôi.

Ngạc nhiên vì cái giọng này quá giống người New York để có thể là hoàng đế, John quay lại và trông thấy hai người đàn ông đang đi về phía cậu. Cả hai đều đóng bộ vét doanh nhân, và cũng chẳng ai thật sự cao lớn. Một trong số họ mang kiếng, và nhìn có phần giống cha John.

Người đàn ông mang kiếng hỏi:

– Cháu không nhận ra chúng ta sao?

Người đàn ông còn lại ngắt lời:

– Vì Chúa, làm sao chúng có thể nhận ra chúng ta được chứ? Chúng chưa thấy chúng ta bao giờ mà. Ít nhất là không phải hình dáng này.

Người đàn ông đầu tiên tùm tùm cười:

– A, cậu nói đúng.

– Dĩ nhiên em phải nói đúng rồi.

Rồi người đàn ông không mang kiếng, người trông cũng hơi giống người kia, chỉ về phía đường chân trời và tuyên bố:

– À, thuyền của chúng ta đang đến kìa.

Người đàn ông mang kiếng nhận xét:

– Mắt cậu xem ra vẫn tinh như cũ nhỉ, Neil.

Quai hàm John muốn rớt thẳng xuống mắt cá chân.

Cậu hồi hộp hỏi:

– Bác Neil? Bác là bác Neil của cháu phải không?

– Còn ai trồng khoai đất này nữa, cậu nhóc.

Rồi bác Neil giang tay ôm lấy John, trong khi bác Alan ôm chặt

lấy cô cháu gái của mình, người đang lập cập hỏi với giọng như không tin vào chính mình:

– Bác Alan? Thật sự là bác sao?

Bác Alan gật đầu:

– Ừ, bác đây. Dù bác không ngại để nói với cháu rằng, thật tuyệt khi được đi trên hai chân trở lại. Bác sẽ không nhưng nhớ việc đi trên bốn chân đâu.

Nước mắt chảy dài trên khuôn mặt đầy bụi cát, John mếu máo:

– Cháu cứ nghĩ hai bác chết rồi.

Bác Alan bảo:

– Các bác cũng nghĩ vậy. Rớt một cú cao thế cơ mà.

Bác Neil lắc đầu:

– Đừng nhắc em nhớ về chuyện đó nữa. Đến giờ mà lưng em vẫn còn ê ẩm đây này.

Bật cười hạnh phúc, John hỏi:

– Chuyện gì đã xảy ra thế? Sao hai bác trở lại thành người được vậy?

Bác Neil nhún vai:

– Đừng hỏi bác. Bác còn chẳng nhớ rõ chuyện gì xảy ra sau khi con chim quái quỷ đó bay đi với hàm răng bác găm chặt vào giò nó mà. Vài giờ trước, khi thức dậy dưới một đồng lá, hai bác chỉ thành linh nhận ra mình không còn là chó nữa. Vậy thôi.

Bác Alan bảo:

– Layla có lẽ sẽ giải thích được chuyện này. Nếu cô ấy ở đây. Dù gì thì cô ấy cũng là người biến các bác thành chó mà. Đó là sự trói buộc hay điều ước của cô ấy, hoặc bất cứ cái gì mà cô ấy gọi nó.

Rồi khẽ lắc đầu, bác nói thêm:

– Nhưng chúng ta đáng bị trừng phạt như thế. Sau những gì chúng ta đã làm, hoặc đã cố tình làm với cha các cháu.

John liếc nhìn phía đường chân trời, nơi cái dáng đứng trên mũi thuyền không thể lẫn được của người lái thuyền bằng đồng giờ đã hiện rõ.

Trong khi đó, bác Neil tiếp lời bác Alan:

– Từ đó trở đi, không có ngày nào mà bác không ước phải chi mình đừng làm chuyện đó. Bác thật lòng ước các bác đã không làm thế.

Bác Alan gật đầu tán đồng và nói:

– Bây giờ, điều ước lớn nhất của bác là khi gặp lại, cha các cháu sẽ tha thứ cho các bác. Bác không ước gì khác ngoài...

Hoàng đế hét lên:

– Không. Đừng nói thế. Đừng ước bất cứ điều gì!

Nhưng đã quá trễ. Cách bờ biển khoảng một trăm thước, đằng sau những tán cây, một tiếng gậy lớn, kéo theo là một tiếng rống và tiếng điện xẹt báo hiệu cho John và Philippa là con quái vật ước đang đuổi theo họ một lần nữa. Một hoặc hai giây sau đó, Finlay, lại thiếu thêm một vài cọng lông đuôi nữa sau cuộc đụng độ với con Optabellower, bay vụt xuống và chập choạng hạ cánh xuống tay John. Nó rít lớn và đập cánh liên hồi theo một cách mà nó hy vọng sẽ giúp truyền tải cho họ thông điệp khẩn cấp. Nhưng không cần đợi nó nhắc, John đã vội vã hét lớn giục người lái thuyền nhanh tay lên. Và trước sự ngạc nhiên của mọi người, người lái dò đường như tuân lệnh. Chèo nhanh hơn trước, ông vượt qua khoảng cách mấy trăm thước giữa chiếc thuyền và bờ chỉ trong chưa đầy một phút.

Nhưng không phải trước khi con quái vật ước hiện ra từ những tàng cây và bắt đầu di chuyển một cách chậm mà chắc về phía nhóm người đứng lơ nhố gần mép nước. Con quái vật chỉ còn cách họ chưa đầy năm mươi thước khi cuối cùng cái thuyền cũng chạm bờ và tất cả mọi người lập tức nhảy lên thuyền – tất cả, ngoại trừ hoàng đế, người kê bờ vai lông lá mạnh mẽ của mình vào mũi thuyền và phụ người lái thuyền bằng đồng đẩy thuyền rời khỏi bờ cát.

Khi thuyền đã bắt đầu có thể trôi tự do, John hét lớn với hoàng đế:

– Nhanh! Nhảy lên đi ông!

Nhưng Hoàng đế Nebuchadnezzar đã lùi lại bờ trên bốn chân như một con ngựa lo lắng. Bắt được ánh mắt sợ hãi của John, ông mỉm cười và giơ một bàn tay lông lá lên vẫy chào tạm biệt. John lại hét lên lần nữa và chỉ tay vào con quái vật ước đang tiến đến gần hoàng đế.

Hoàng đế hét lớn với cậu:

– Không sao đâu. Nó sẽ không hại ta. Giống như ta đã nói đó, John. Ta không có điều ước gì cả. Và ta nghĩ cỏ ở đây chắc xanh hơn nhiều so với phía bên kia biển.

Hoàng đế nói thêm vài điều gì đó, nhưng giọng của ông chìm lỉm trong tiếng rống giận dữ của con quái vật ước khi nó nhảy xổ xuống mép nước. Giờ đây, khi cả John, Philippa, bác Alan, bác Neil và Finlay giờ đều liều mạng ước được rời khỏi bờ biển càng nhanh càng tốt, con quái vật điên tiết lên trước viễn cảnh trốn thoát của họ. Nhưng nhiệt độ của nước biển dường như ngăn nó đuổi theo họ, và chẳng mấy chốc, tay chèo nhịp nhàng và hơi hả của người lái

thuyền đã bỏ lại đằng sau con quái vật được tạo bởi suy nghĩ vô thức của Ishtar với tiếng gầm bất lực của nó.

Philippa thở dài nhẹ nhõm:

– Ôi chao, xém chết.

Lo lắng liếc nhìn bầu trời, John bảo:

– Chúng ta chưa thoát hẳn đâu. Trên đường đến đây, tụi anh đã bị một con chim khổng lồ tấn công.

Philippa nói liên:

– À, chắc đó là con Rukhkh chứ gì. Em đã nghe cảnh báo về nó.

Rồi cô kể cho John nghe về Gordon Trung Quốc cùng cái miệng sự thật của ông, và việc cô đã tạo ra ngọn gió như thế nào để giúp xua đuổi con chim đi.

John không có lòng dạ nào để nói với cô rằng ngọn gió của cô không phải chỉ đẩy con chim đi, mà còn kéo theo cả Alan và Neil.

Tuy nhiên, con Rukhkh không hề xuất hiện. Bác Alan và bác Neil bảo chuyện đó không có gì đáng ngạc nhiên, nếu xét tới vết thương mà họ đã “thân tặng” cho con chim.

Bác Alan tự hào tuyên bố:

– Bác cá là còn lâu nữa con vật đó mới có thể đứng mà không chột dạ nghĩ đến các bác. Mà cái chân của nó cũng mắc cười thật đó. Mùi vị y như phô mai. Phô mai nướng.

Rồi nhăn mặt, bác nhổ nước bọt qua mạn thuyền:

– Đến giờ ta vẫn còn cảm thấy cái vị đó. Khủng khiếp thật.

Vài tiếng sau, cái thuyền cập vào bờ biển bên kia. Sau khi chào tạm biệt người lái thuyền bằng đồng (không may là họ đã quên cảm ơn cái thuyền, và cái mũi thuyền mà họ giờ khám phá ra có khả

năng nói chuyện đã không ngần ngại mà thẳng thừng chê họ thô lỗ), họ chui qua cánh cửa thấp trên tường và bắt đầu hành trình ngược lên con đường xoắn ốc vòng quanh phần thân dưới đất của tháp Samarra. Và dần dần, khi họ đã lên gần đến mặt đất và nhiệt độ trở nên ấm hơn, Philippa bắt đầu cảm thấy một ít sức mạnh djinn của cô đang quay trở lại.

Bác Alan bỗng nhớ ra một chuyện:

– Nè, có ai nghĩ đến việc sẽ giải thích thế nào về sự xuất hiện đột ngột của chúng ta giữa doanh trại quân đội chưa?

Rồi quay sang nhìn John, bác nói:

– John, cháu là người duy nhất trong số chúng ta mà cái bà Trung úy Sanchez đó đã gặp. Bác không nghĩ bà ta sẽ lấy làm dễ chịu khi tìm thấy ba kẻ lạ mặt cùng một con chim cắt tại một khu vực nhạy cảm cấm vào đâu.

John nói:

– Cháu cũng đang nghĩ về chuyện đó đây.

Bác Neil bảo:

– Vậy thì cháu phải nghĩ nhanh lên đi, cháu trai. Bác không khoái chuyện bị nhốt ở xà lim Iraq và chờ họ nghĩ ra sẽ làm gì với chúng ta đâu.

Bác Alan gợi ý:

– Bác nghĩ đã đến lúc bọn trẻ các cháu triệu hồi thẩm thần, hay một thứ gì đó tương tự.

John lắc đầu:

– Tội cháu không được sử dụng sức mạnh djinn cho đến khi chúng ta về đến Jordan. Chú Nimrod đã cản dận kỹ lưỡng về điều

đó. Mà giờ thật sự cháu đuối lắm rồi. Bảo cháu biến ra một miếng lót ly còn khó, chứ nói gì đến một tấm thảm thần.

Philippa thì gáp ngấn gáp dài:

– Cháu cũng vậy. Chẳng biết không khí dưới kia là cái thứ không khí gì mà làm cháu kiệt sức luôn.

Bác Neil lâm bầm:

– Nhà ngục ời, chúng ta đến đây.

John nói:

– Khoan đã. Có thể chúng ta không thể sử dụng sức mạnh djinn. Nhưng điều đó không có nghĩa chú Nimrod không thể làm gì đó.

Giờ thì họ đã ở ngay bên dưới cánh cửa dẫn lên khu lều tắm.

Rút cái điện thoại di động của mình ra, John kiểm tra xem có nhận được tín hiệu gì không. Rồi vẫy nó trước mặt hai người bác của mình, cậu tuyên bố:

– Cháu có ý này.

Không dễ gì thuyết phục Edwiges trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo, nhưng chú Nimrod tin rằng mình có thể làm được. Biết Edwiges khó có thể từ bỏ nhiệm vụ làm sập tiệm mấy sòng bạc ở Monte Carlo của bà, chú Nimrod đã giúp bà tìm ra một nhóm người sẵn sàng mạo hiểm tiền bạc để sử dụng hệ thống của bà. Trong quán Café de Paris, đối diện một sòng bạc lâu đời nổi tiếng, chú Nimrod và bà Edwiges đã tình cờ gặp được một nhóm tám phụ nữ Anh lớn tuổi đang trong tour du lịch Côte d’Azur bằng xe buýt do giáo hội tổ chức. Bà Edwiges xem ra rất được lòng họ, và với kỹ năng giao tiếp ngoại hạng của chú Nimrod, họ nhanh chóng hứng thú với việc dùng thử hệ thống cờ quay rulet của bà.

Tám phụ nữ đến từ thị trấn Cheltenham mỗi người bỏ ra 50 euro tiền mặt để mua số lượng đồng chip trị giá 500 đô tại câu lạc bộ giải trí lâu đời và đi thẳng đến bàn cò quay rulet. Tại đây, như được hướng dẫn, họ đứng im nhìn cò quay quay mười ván mà không đặt cược gì, cẩn thận ghi lại kết quả, và rồi đặt cược dựa theo lời khuyên trong quyển booklet của bà Edwiges. Ván đặt cược đầu tiên giúp họ thắng được 18.000 đô. Ván thứ hai là 648.000 đô. Và ván thứ ba mang đến cho họ con số khó tin 23.328.000 đô. Họ có lẽ sẽ tiếp tục thắng ván thứ tư, vì giờ đây họ đã hoàn toàn tin hệ thống của bà Edwiges không thể nào thất bại, nếu không phải vì người quản lý sòng bạc quyết định đóng cửa sòng suốt ngày hôm đó. May cho ông, vì ván thứ tư sẽ mang đến cho tám phụ nữ 839 triệu đô, và sòng bạc sẽ không tránh nổi việc phá sản. Hoặc có lẽ là cả Monte Carlo phá sản. Nhưng dù sao thì bà Edwiges đã tuyên bố hoàn toàn hài lòng với kết quả này, và không lâu sau đó, chú Nimrod đã thuyết phục được bà đồng ý trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo. Bà cùng chú Nimrod cuối lốc gió của chú về Amman, Jordan, nơi chú dự định sẽ liên lạc với Ayesha ngay khi nhận được tin Philippa đã được giải thoát từ John.

Chú Nimrod và bà Edwiges đang ở trong tiền sảnh khách sạn thì chú nhận được cuộc gọi của John. Sau khi chúc mừng John và nói cho cậu biết chú nhẹ nhõm thế nào khi biết cậu và Philippa đều an toàn, chú Nimrod thừa nhận vẻ ngỡ ngàng:

– Nếu Alan và Neil đã trở lại thành người, vậy chắc chắn Ayesha sẽ cảm nhận được sức mạnh của chị Layla. Bởi vì chỉ có sức mạnh của chị ấy mới có thể phục hồi hai người đó về nguyên trạng. Trong trường hợp này, chuyện cháu có dùng sức mạnh djinn hay không cũng không còn quan trọng nữa. Ngoài ra, chắc chắn đến giờ

này Ayesha phải biết Philippa đã trốn thoát rồi chứ. Đóng chú vào chai đi, nhưng chú thấy hơi lạ khi bà ấy không tìm cách ngăn hai đứa rời khỏi Iravotum đấy. Nhưng tốt nhất hai đứa cũng nên cẩn thận, phòng trường hợp bà ấy đang lên kế hoạch nào khác.

John nói với chú:

– Chú nói tội cháu có thể dùng sức mạnh djinn đúng không? Nhưng cháu đuối quá rồi, chú Nimrod. Thậm chí cháu còn chẳng nhớ được bao lâu rồi mình chưa ngủ nữa. Nếu giờ muốn làm một cái bánh hamburger biến mất, tất cả những gì cháu có thể làm là ăn luôn nó đi cho xong. Một lần chú ơi. Cả Philippa cũng vậy. Nhưng cháu có một ý này. Chỉ có điều cháu cần đến sự giúp đỡ của chú, chú Nimrod.

* * *

Trung úy Sanchez đang hí hục đánh bóng đôi giày của bà thì một nữ hạ sĩ bước vào lều và thông báo họ đang cần đến sự có mặt khẩn cấp của bà trong khu lều tám. Đón bà ở đó là hai người đàn ông mặc vét đen, kèm theo hai đứa trẻ và một con chim săn mồi.

Bà hỏi viên trung sĩ đang đứng canh bộ năm bất hợp pháp này:

– Cái quái gì xảy ra ở đây thế?

Viên trung sĩ cho biết:

– Tôi phát hiện họ chui lên từ một cái hố trong lòng đất đằng sau mấy cái rổ đựng đồ dơ. Hai quý ngài này nói họ là đặc vụ CIA.

Bác Neil nói:

– Đúng thế, Trung úy. Và chúng tôi đang thực hiện một nhiệm

vụ bí mật quốc gia ở đây.

Trung úy Sanchez gần như không thể kìm nổi sự giận dữ. Vì, dù là quân nhân hay không, đây cũng là khu vực phòng tắm phụ nữ. Bà hỏi bác Alan:

– Có lý do gì mà đặc vụ CIA lại chui vào một cái hố trong lòng đất bên dưới phòng tắm phụ nữ chứ? Và hai đứa trẻ này là sao?

Bác Alan nói:

– Tôi rất tiếc, nhưng đó là bí mật quốc gia không thể tiết lộ.

– Khỉ gió.

Rồi nhận ra John, bà nói thêm:

– Khoan, chờ đã. Tôi biết cháu, đúng không? Cháu là đứa trẻ đã đến đây với người đàn ông một tay biết nói tiếng bụng.

Bác Neil cắt ngang lời bà:

– Trung úy, bà có máy tính ở đây không?

– Dĩ nhiên có.

Dưới sự canh gác nghiêm ngặt, bác Alan, bác Neil, John và Philippa đi theo viên trung úy đến phòng làm việc của bà Sanchez, nơi bác Alan bảo bà đăng nhập vào trang web của CIA.

Khi trang web CIA đã hiện ra trên màn hình laptop, trung úy Sanchez hỏi:

– Giờ thì sao?

Bác Neil hướng dẫn:

– Cuối trang. Phần Liên lạc chúng tôi. Chọn định dạng email. Và trong phần tin nhắn, đánh vào tên Alan và Neil Gaunt. Trang web sẽ nhận ra tên của chúng tôi và tự động gửi lại thông tin xác định chúng tôi là ai, cũng như tính chất nhiệm vụ mà chúng tôi

đang thực hiện.

Bà Sanchez vốn không ưa gì gián điệp, dù đó có là gián điệp bên phe bà, tuy nhiên bà vẫn nhún vai và làm theo hướng dẫn của bác Neil. Làm trong quân đội tốt nhất là thế.

Cách đó mấy ngàn dặm, tại hệ thống máy tính chủ của CIA ở Washington, email của trung úy Sanchez nhanh chóng được nhận và, nhờ vào tài xử trí của chú Nimrod – đổi lấy việc chú Nimrod ban cho ông ba điều ước, một người bạn cũ của chú tại đây đã đánh vào máy tính vài dòng hồ sơ điệp vụ vốn không hề tồn tại trước đó – một câu trả lời tự động ngay lập tức được gửi đi.

“Alan và Neil Gaunt là hai đặc vụ nằm vùng hiện đang hoạt động trên chiến trường Iraq. Nhiệm vụ: tìm kiếm hai đứa trẻ, bí danh John và Philippa, người hiện đang được đặt trong vòng nghi vấn về việc liên quan đến một chương trình vũ khí bí mật. Anh/chị có nhiệm vụ đáp ứng tất cả mọi đề nghị giúp đỡ của hai Đặc vụ Gaunt nói trên để hoàn thành nhiệm vụ của họ.

Lệnh từ Phó Cục trưởng Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA)”

Sau khi đọc xong tin nhắn từ CIA, Trung úy Sanchez liếc nhìn John và Philippa với vẻ mặt không tin thấy rõ.

– Đặc vụ Gaunt, phải nói là những đứa trẻ này trông quá nhỏ để có thể liên quan đến một chuyện như thế.

Ý tôi là, chúng hết đám trẻ con bình thường thôi mà.

Rồi nghĩ ngợi một lát, bà nói thêm:

– Ngoại trừ con chim cất trên vai cậu bé. Cái này thì đúng là hơi bất thường.

Bác Neil mỉm cười với bà:

– Thoạt nhìn thì chúng giống trẻ em bình thường, nhưng tin tôi đi, chúng hoàn toàn không bình thường đâu.

Quay qua John, bác gợi ý:

– Nhóc, sao cháu không cho bà ấy thấy khả năng của mình nhỉ?

John gạt đầu. Chĩa ngón tay trỏ vào một cái cốc trên bàn làm việc của viên trung úy, cậu nói:

– Nhìn kỹ cái cốc cà phê đó nhé.

Rồi cậu khẽ thăm thì “ABECEDARIAN” trong cuống họng. Với sức mạnh gần cạn kiệt, cậu chỉ định làm cái cốc biến mất. Nhưng John đang mệt, rất mệt, nên thay vào đó, cậu làm cả cái cốc vỡ tan thành từng mảnh vụn. Cái cốc vốn chứa đầy cà phê, và việc cà phê văng tung tóe khắp nơi càng tăng tính thuyết phục cho câu chuyện của họ. Ngay lập tức, trung úy Sanchez quyết định phải hợp tác đảng hoàng với bác Alan và bác Neil.

Bà trầm trồ:

– Ô, nếu không thấy tận mắt, chắc tôi cũng không tin chuyện này có thể xảy ra. Hai đứa nhỏ này, chúng cứ như từ truyện tranh bước ra ấy.

Bác Alan nhắc bà:

– Như tôi đã nói, đây là bí mật quốc gia. Điều bà vừa thấy chưa từng xảy ra. Những đứa trẻ này chưa từng ở đây. Bà chưa từng nghe nói về chúng tôi. Hiểu không?

Ông nhìn thẳng vào trung úy Sanchez, người gạt đầu một cách nghiêm chỉnh:

– Vâng, thưa ông. Hãy nói ông cần tôi làm gì.

Bác Neil nói:

– Tốt. Đây là chuyện bà có thể giúp. Chúng tôi cần một chiếc xe jeep có thể đưa chúng tôi đến Nhà hàng Kebabylon ở thị trấn Samarra này.

Viên trung úy cho biết:

– Tôi đã dẫn người đàn ông một tay đến đó. Ông ta nói tên mình là Groanin. Ông ta đã xuất hiện cùng cậu bé này ở đây khoảng một hay hai ngày trước.

– Giáo sư Groanin à? Ông ấy cũng là một trong số họ.

Trung úy Sanchez nhận xét:

– Thảo nào ông ta có thể làm cái trò nói tiếng bụng đó.

Bác Alan nói:

– Bà sẽ ngạc nhiên nếu biết ông ấy có thể làm gì đấy, madam. Nhưng bà có thể không cần bận tâm đến ông ấy nữa. Chúng tôi sẽ chăm sóc Giáo sư Groanin chu đáo.



CHƯƠNG 22

Khẩu Magnum Opus

Ở nhà hàng Kebabylon, có vẻ như không ai thấy phiền với việc ông Groanin không chịu ăn món thịt xiên kebab do chị họ của mẹ Darius, bà Lamoor, chuẩn bị. Darius đã nói với bà Lamoor rằng, vì lý do tôn giáo cũng như ăn kiêng, ông Groanin hiện không thể ăn gì khác ngoài mấy gói MRE mà quân đội đã tặng cho.

Bà Lamoor nhận xét:

– Nếu là dì, thà đi ăn châu chấu còn hơn phải nhai cái thứ vớ vẩn ấy.

Thầm mỉm cười khi nhớ đến món *jared* mà cậu đã cùng ăn với John, Darius gật đầu:

– Cháu cũng vậy.

Với Darius, chỉ những ai thích mùi vị nhựa dẻo mới ăn nổi mấy cái gói MRE ấy.

MRE, viết tắt của Thức-ăn-sẵn-sàng-để-ăn^[22], là một dạng khẩu phần ăn độc lập chứa đầy đủ các món cho một bữa ăn. Đựng trong một cái bao mềm, nó được tiệt trùng kỹ lưỡng như mấy hũ thức ăn em bé, và có thời hạn sử dụng đến tận ba năm. Trước khi rời khỏi doanh trại quân đội ở Samarra, ông Groanin, người mà tiết mục Ông-Biết-Tuốt nói bằng tiếng bụng được hoan hô nhiệt liệt, đã

được tặng một hộp gồm mười hai bao MRE. Với việc những hũ thức ăn trẻ em mà ông mang theo bị trộm sạch, khỏi nói cũng biết ông Groanin hạnh phúc chừng nào trước món quà đó. Ông đang bận rộn dùng thiết bị hâm nóng bao MRE mà không cần dùng đến lửa để chuẩn bị bữa ăn đầu tiên của mình thì một người mà ông ngờ ngợ nhận ra thò đầu qua cánh cửa nhà hàng để nhìn vào trong. Đó là một trong những phóng viên mà họ đã gặp trên đường đến Amman, và ông nhớ cái quần da và cái áo khoác đen thui mà cô đang mặc hơn là khuôn mặt cô.

Cô phóng viên nở một nụ cười vui vẻ với ông:

– À, chào. Không phiền nếu tôi ngồi chung chứ?

Chỉ vào cái ghế nhựa màu tím phía đối diện, ông Groanin bảo:

– Cứ tự nhiên.

Ngồi xuống ghế, cô hít hít không khí vài cái và hỏi:

– Mùi thơm quá. Cái gì thế?

Ông Groanin giới thiệu:

– Quân đội gọi nó là MRE. Nó cung cấp khoảng 1.250 calo, chưa kể đến một phần ba lượng vitamin và khoáng chất cần thiết trong ngày mà vị Tổng quân y Hoa Kỳ khuyên dùng đó. Ngon lành và tiết trùng như lý luận của một chính trị gia. Cô biết không, bụng tôi rất nhạy cảm, nên tôi không thể nào ăn nổi thức ăn lạ. Mà cô muốn ăn thử không? Loại nào? Tôi còn mấy bao đây.

Người phụ nữ nói:

– Không, cảm ơn.

Ông Groanin nhún vai:

– Không cần khách sáo thế. Hay cô dùng ít bánh sô-cô-la hạnh

nhân mềm nhé? Ngon lắm đó.

– Ừm, thôi được. Tôi sẽ thử.

– Tinh thần vậy mới được chứ. Mà cô phải ăn nhiều vào, cô gái. Ồm quá đó.

Ông Groanin lục lọi trong cái hộp đựng mấy bao MRE – cũng là nơi ông cất cây đèn chứa ông Rakshasas – một hồi lâu mới tìm được mấy cái bánh sô-cô-la hạnh nhân. Đưa cho người phụ nữ, ông nói:

– Chúng đây. Chén đi.

Nữ phóng viên đóng bộ đồ da từ trên xuống dưới gỗ lớp giấy gói của một cái bánh sô-cô-la hạnh nhân ra và cắn thử một miếng. Cô nhận xét:

– Ông nói đúng. Ngon thật.

Rồi đưa mắt nhìn những người đang ngồi ở phía bên kia nhà hàng, bên dưới một bức poster to dùng hình Michael Schumacher mỉm cười, cô hỏi:

– Họ không phiền sao? Ý tôi là, đây dù gì cũng là một nhà hàng kebab. Nếu ăn MRE, ông sẽ không mua kebab. Ông Groanin lắc đầu:

– Họ không phiền đâu. Thật sự là những người này dễ thương lắm. Rất hiếu khách. Rất tốt bụng. Bà Lamoor là một báu vật thật sự ấy chứ. Không có gì là phiền phức với bà ấy cả. Và nếu không vì có cái bụng yếu, thể nào tôi cũng ăn ở đây. Chắc trăm phần trăm đó. Ngoài ra, tôi đã trả tiền lưu trú cho họ trong khi chờ anh bạn trẻ của tôi xuất hiện. Cô biết rồi đó. Cái cậu bé đi chung với tôi đó.

– Ô, thế cậu ấy đi đâu rồi?

Thấy không có lý do gì để nói sự thật với người lạ, ông Groanin

chỉ bảo:

– À, đi xem mấy khu di tích thôi. John vốn rất quan tâm đến khảo cổ học mà.

– Vậy có an toàn không? Ý tôi là, dù gì cậu ấy cũng là một đứa trẻ thôi mà.

– Người như John dư sức bảo vệ mình. Cô cứ tin tôi đi, cô...?

– Montana Retch. Tôi là một nhiếp ảnh gia.

Rồi cô chìa tay ra. Ông Groanin bắt tay cô và tự giới thiệu:

– Còn tôi là Groanin. Harry Groanin.

– Chắc ông biết các bức ảnh của tôi nhỉ?

Ông Groanin thành thật trả lời:

– Ừm, thật ra là không. Trừ khi ảnh của cô có đăng trên tờ *Daily Telegraph*.

Cô Retch hỏi:

– Thế chuyện tìm em gái cậu ấy sao rồi?

Ông Groanin nhúm mày hỏi:

– Chuyện gì cơ?

– Thì John bảo em gái cậu ấy đang lang thang đâu đó mà.

– Nó nói với cô thế à?

Rồi ông Groanin nhún vai:

– Chắc con bé cũng xuất hiện sớm thôi.

– Ông là gì của họ? Chú bác gì à?

– À, tôi làm việc cho chú của bọn trẻ. Chính xác thì là tài xế kiêm quản gia cho quý ông ấy. Ở London.

Cô Retch mỉm cười một cách gượng gạo:

– Ô, tôi chưa gặp một quán gia thật sự bao giờ. Ông có phiền nếu tôi chụp ông một bức không?

– Nếu cô muốn, madam, nếu cô muốn. Dù tôi thật không hiểu tại sao cô lại muốn chụp ảnh gã một tay khốn khổ như tôi.

Cô Retch bảo ông:

– Ông cứ khiêm tốn quá, ông Groanin. Ông thật sự là một người đàn ông dễ nhận diện. Và chất giọng Anh quốc của ông nghe thật hay.

Nói rồi cô nhặt cái túi đựng máy ảnh của mình lên, lựa một cái, và bắt đầu chụp.

Ông Groanin luôn miệng phản đối:

– Ôi, phí phạm phim quá. Tất cả các bức hình chụp tôi. Tôi nói, phí phạm phim quá.

Nói thì nói vậy, nhưng ông vẫn mỉm cười và cảm thấy hơi phồng mũi tự hào.

Cô Retch khẳng định với ông:

– Ô không. Không phí phạm phim chút nào đâu.

Và cô chỉ nói đúng sự thật, vì không có một cuộn phim nào trong máy ảnh của cô.

Montana Retch không có hứng thú gì trong việc chụp ảnh ông Groanin. Cũng giống như việc cô không hề có chút hứng thú với việc chụp ảnh. Nếu kém hài lòng hơn một chút với việc cô bảo ông là “dễ nhận diện”, (trong cuộc sống, một người đàn ông phải luôn cảnh giác khi một người phụ nữ mô tả ông là “dễ nhận diện”), có lẽ ông Groanin sẽ nhận ra cô Retch thậm chí còn không nghĩ đến việc gỡ nắp đậy máy ảnh ra. Bởi vì cô Retch không phải là một nhiếp

ảnh gia. Cô là một thợ săn djinn chuyên nghiệp, được Mimi de Ghulle thuê để tìm Philippa Gaunt.

Nhưng đó không phải là điều tệ nhất. Việc tìm kiếm một djinn – vốn là một việc khó xơi đối với mundane, đòi hỏi sự khéo léo cực độ và lòng dũng cảm phi thường – chỉ là một nửa yêu cầu của Mimi đối với tay thợ săn djinn này. Vì Mimi là một djinn tộc Ghulle thực thụ với một trái tim đen tối y như chú Nimrod nghĩ. Bất chấp cố gắng chinh phục lòng tin của Ayesha không ngừng, Mimi luôn biết hy vọng trở thành Djinn Xanh của mẹ đòi hỏi những quyết định liều lĩnh, táo bạo hơn. Kết quả là hai trong số ba điều ước của Montana Retch – phí thuê thợ săn djinn của Mimi de Ghulle – chỉ có nếu cô giết được người mà Mimi xác định là trở ngại lớn nhất trên con đường trở thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo của mẹ. Và Mimi đã ký hợp đồng để Montana Retch giết chết Philippa Gaunt ngay khi mẹ nghe được tin từ Izaak Balayaga rằng Ayesha sẽ chỉ định Philippa là người nối nghiệp bà – một quyết định mà con gái của Mimi, Lilith, nhiệt liệt ủng hộ. Nó nói:

– Con ghét con bé đó. Con chỉ ước được ở đó để tận mắt chứng kiến Philippa Gaunt nhận được bài học thích đáng của nó.

Nhưng việc tìm và trói buộc được một djinn là nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm. Muốn giết djinn – dù chỉ là một djinn trẻ như Philippa – còn khó hơn nhiều. Tuy nhiên, đối với Montana Retch, phần thưởng khi hoàn tất công việc đáng để cô mạo hiểm. Điều ước đầu tiên trong phí ba điều ước của cô hiện đang ngoan ngoãn nằm chờ cô trong một két sắt nhỏ tại Ngân hàng Suchard & Lindt ở Zurich, Thụy Sĩ. Tiền mặt. Hàng tấn tiền mặt. Nhiều hơn số tiền mặt mà người nhân viên ngân hàng Thụy Sĩ phụ trách cái két sắt đó từng thấy trong đời. Đủ tiền mặt để mua cả một quốc gia châu

Phi nhỏ nhỏ nào đó, hoặc một vùng đất ở đó. Montana Retch đang háo hức chờ đến lúc được tiêu tiền, sau khi công việc ở đây kết thúc. Cô là một phụ nữ biết kiên nhẫn. Làm cái nghề như cô bắt buộc phải vậy. Và cô đã quyết định cách dễ nhất để tìm ra Philippa là bám theo người anh sinh đôi của cô bé, John. Đó là lý do tại sao cô có mặt ở Samarra, hỏi thăm khắp nơi, và cuối cùng là lần theo dấu vết của ông Groanin đến tận cái nhà hàng Kebabylon nằm trên con đường dẫn đến Baghdad này.

Cô ngừng chụp ảnh ông Groanin và đặt cái máy ảnh vào lại trong giỏ, ngay phía trên khẩu súng lục ổ quay Magnum Opus to lớn mà cô thường dùng để triệt hạ nạn nhân của mình. Kinh nghiệm đã dạy cho Montana Retch rằng, cách tốt nhất để giết chết một djinn là bắn họ với viên đạn nhanh nhất có thể. Với những khẩu súng ngắn nhỏ hơn, cô bóp cò chỉ để phát hiện ra mục tiêu của cô đã hóa thể ngay trước khi viên đạn rời khỏi nòng được chừng một mét. Tuy nhiên, họ sẽ không thể làm thế với một khẩu Magnum Opus. Viên đạn bắn ra từ nó di chuyển với tốc độ nhanh hơn 900m/giây. Bất lợi duy nhất trong việc sử dụng thứ vũ khí này là trọng lượng: bạn không thể nhặt một khẩu Magnum Opus, mà phải nhấc nó lên. Với trọng lượng lên đến 5 pound^[23], nó nặng ngang ngửa một quả tạ. Phần lớn mọi người dùng Magnum Opus để săn gấu xám Bắc Mỹ, nhưng với Montana Retch, đó là vũ khí ưa thích của cô. Cô gọi khẩu súng là djinnvigilator, “kẻ phòng hộ djinn”.

Cô bảo với ông Groanin:

– Ông rất ăn ảnh đấy.

Người quản gia một tay mỉm cười. Lâu lắm rồi mới có một người phái nữ tặng ông một lời khen như vậy.

Cô Retch vẫn ngồi trước mặt ông khi, nửa tiếng sau, John bước qua cánh cửa nhà hàng, theo sát sau lưng là em gái cậu, một con chim cắt, và hai người đàn ông mà ông Groanin không nhận ra. Để ghi lại phút sum họp ồn ã và đầy hạnh phúc của họ, cô Retch chọn một cái máy ảnh khác và đưa lên ngang mắt, giả vờ chụp thêm vài bức. Nhưng đây là một cái máy ảnh mà cô Retch biết cách sử dụng. Đó là máy ảnh nhiệt lượng, dùng để phát hiện nhiệt độ phát ra từ một đồ vật hay một thân hình. Những người có kiến thức đều biết djinn có thân nhiệt nóng gấp đôi mundane.

Ôm chặt Philippa vào cái bụng bự của mình, ông Groanin nói:

– Ôi, Philippa. Cháu đây rồi.

John giới thiệu:

– Ông Groanin, cháu muốn ông gặp bác Alan và bác Neil của cháu.

– Cháu không định nói điều ta đang nghĩ đấy chứ?

– Chính xác như ông nghĩ đấy.

Bắt tay bác Alan và bác Neil, những người giống như ông đều có thân hình hiện lên màu vàng trong cái máy ảnh nhiệt lượng của cô Retch, ông Groanin chào:

– Rất vinh hạnh được gặp hai anh. Tôi nói, thật sự rất vinh hạnh được gặp hai anh.

Cô Retch nở một nụ cười dễ chịu để đáp trả lại cái gật đầu chào của John. Cái đầu mà, giống như cái đầu của em gái cậu, được đánh dấu đỏ trong kính ngắm của cái máy ảnh, tượng trưng cho nhiệt độ nóng. Cô thầm nghĩ trong đầu rằng cậu thật là một đứa trẻ dễ thương, và thật tiếc khi cô phải giết cả cậu. Giết chết đứa djinn em gái mà chữa lại thằng djinn anh trai thì chỉ tổ rắc rối về

sau.

Bước đến ôm chầm lấy John, Darius vui vẻ nói:

– Thật tuyệt khi được gặp lại cậu.

Bỏ cái máy ảnh nhiệt lượng vào trong cặp, bàn tay cô Retch đặt lên phần tay cầm bằng nhựa của khẩu súng lục ổ quay mạ kiềem. Trong khi ông Groanin ôm John và Philippa tự giới thiệu mình với Darius, cô Retch dùng ngón tay cái mở phần hộp đạn ra và kiểm tra lại năm viên đạn dài đang nằm ngay ngắn trong năm ổ đạn. Hải lòng khi thấy mọi thứ đã sẵn sàng, cô đóng nắp lại, tháo chốt an toàn, và nhắc khẩu súng tựa lên lớp đồ da màu đen của mình. Cô đã tính toán sẵn trong đầu là, nếu John dịch về bên trái vài chục phân, cậu sẽ đứng ngay trước Philippa, và cô có thể bắn trúng cả hai chỉ với một phát đạn.

Mải tập trung vào công việc của mình, Montana Retch không nhận ra một người phụ nữ dáng cao lớn, quý phái vừa hiện ra trong bóng tối đằng sau lưng cô. Nếu cô nhìn người phụ nữ này thông qua kính ngắm của cái máy ảnh nhiệt lượng, thân hình của bà sẽ phát lên màu đỏ chói. Đỏ như thân hình hai đứa con sinh đôi của bà. Vì vị djinn này không ai khác hơn ngoài Layla Gaunt, người mà sự xuất hiện đột ngột và không báo trước tại nhà hàng Kebabylon là kết quả của việc bà cảm nhận được chuyện đã xảy ra với Alan và Neil.

Không có djinn nào không cảm nhận được cái chết của người mà họ đã biến thành động vật. Và thật may cho bác Alan và bác Neil là, vào hơn một thập kỷ trước, khi biến họ thành chó, bà Gaunt đã nghĩ đến việc để hình phạt của họ chỉ kéo dài trong khoảng thời gian sống dưới lột động vật của họ. Như thế thì khi cuộc sống loài

chó kết thúc, bác Alan và bác Neil sẽ có thể tiếp tục cuộc sống loài người của họ. Bà là một djinn như thế.

Dĩ nhiên, bà Gaunt cũng cảm nhận được khi hai con chó Alan và Neil chết cùng một lúc. Và điều đó có nghĩa cặp sinh đôi đang gặp rắc rối thật sự. Vì cho đến giờ phút này, bà – dù gần như không còn liên hệ gì đến thế giới djinn – qua hệ thống thông tin ngầm đã nghe được chuyện Ayesha bắt cóc Philippa. Layla Gaunt đã phá lời thề vĩnh viễn không dùng sức mạnh djinn của mình, và lập tức rời New York trên một cơn lốc gió cực mạnh để cấp tốc đến gặp Ayesha.

Bà Gaunt không nhìn thấy khẩu súng trong tay cô Retch. Không thấy ngay lập tức. Bà còn đang mãi nhìn cặp sinh đôi và thầm thở phào nhẹ nhõm khi thấy các con mình không sao. Một lý do khác khiến bà Gaunt không nhận ra khẩu súng của cô Retch là một giọt nước mắt đang dâng lên trong mắt bà. Giọt nước mắt của sự hối hận, bởi chỉ có bà Gaunt biết được chính xác lý do Ayesha không truy đuổi Philippa. Đó là vì bà Gaunt đã chính miệng đồng ý thay thế con gái mình.

Chính bà sẽ trở thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo, sau khi Ayesha chết.

Giờ thì bà Gaunt đã biết rõ đó luôn là ý định của Ayesha, ngay từ cuộc gặp mặt của họ tại khách sạn Pierre ở New York, khi Ayesha bảo với bà Gaunt rằng, Ayesha muốn bà trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo. Khi đó, bà Gaunt đã từ chối, một quyết định mà Ayesha có lẽ đã biết từ trước cuộc gặp. Nhưng bà Gaunt hoàn toàn không nghĩ đến khả năng Ayesha có thể lạnh lùng đến nỗi bắt cóc cả Philippa để làm áp lực với bà. Bà Gaunt đã đánh giá thấp Ayesha – thật đau đớn khi nhận ra điều đó. Còn đau hơn khi nghĩ đến việc chính mẹ ruột của bà lại có thể làm như thế với con gái

mình. Nhưng giờ hồi hận thì cũng không ích gì. Và, ít nhất là hiện giờ, thỏa thuận giữa bà với Ayesha sẽ được giữ bí mật.

Nâng cái nòng súng 15 inch^[24] của khẩu Magnum Opus lên ngang đầu Philippa, cô Retch ra lệnh:

– Không ai được cử động.

Đó là câu nói cuối cùng của Montana Retch, vì ngay khi từ cuối cùng rời khỏi miệng cô, một ánh sáng xanh lóe lên và một tiếng bùm lớn nổ ra, làm trong một giây, tất cả mọi mundane trong phòng đều nghĩ cô Retch đã bóp cò. Chỉ có John và Philippa là biết rõ chuyện gì đã xảy ra, vì việc sử dụng sức mạnh djinn khi giận dữ luôn đi kèm với cái mùi nồng nặc của lưu huỳnh, một khoáng chất có trong cơ thể của djinn.

Văng khỏi cái bàn nhựa màu tím, khẩu súng lục ổ quay nặng 5 pound rơi xuống sàn nhà hàng trong một chuỗi những tiếng loảng xoảng lớn. Rồi mọi người bắt đầu nhận ra sự việc: thứ nhất, cô Retch đã hoàn toàn biến mất; thứ hai, một con mèo màu xám đang nằm ở vị trí mà cô đứng trước đó; và thứ ba, bà Gaunt đã thành linh xuất hiện.

– Mẹ!

Philippa reo lên, và chạy vội đến chỗ bà Gaunt, nhanh hơn một giây so với ông anh đang mệt đứ người của cô.

Trìu mền ôm cặp sinh đôi vào lòng, bà nói:

– Chào các con.

Nhặt khẩu súng lên, ông Groanin thử ước lượng sức nặng của nó bằng cánh tay duy nhất của mình. Ông lầm bầm:

– Cô Retch? Đừng nói với tôi là cô ấy định...

Bà Gaunt nói:

– E là vậy, anh Groanin à.

Đá mở cái túi của cô Retch và trông thấy cái máy ảnh nhiệt lượng, bà gật đầu nói tiếp:

– Chuẩn bị đồ nghề kỹ như thế này thì cô ta chỉ có thể là một thợ săn djinns chuyên nghiệp. Và là một sát thủ.

– Nhưng cô ta có vẻ thân thiện thế cơ mà. Một người dễ mến.

Rồi liếc nhìn lại khẩu Magnum Opus trên tay, ông Groanin chợt nhận ra cô Retch nghiêm túc như thế nào.

Ông hỏi:

– Ai thuê cô ta làm chuyện này chứ? Ayesha sao?

Bà Gaunt nói một cách chắc chắn:

– Không, không phải bà ấy. Là một người khác.

Philippa hỏi:

– Vậy là ai mới được?

Bà Gaunt nói:

– Giờ thì mẹ chưa dám nói chắc, nhưng mẹ cũng có một số phỏng đoán riêng.

Bà Gaunt thật sự không biết rõ ai đứng đằng sau vụ ám sát này, trừ khi bà bỏ công đảo ngược thần chú và biến cô Retch lại thành người. Nhưng việc đó có vẻ phiền phức quá. Và lại, có lẽ tốt nhất bà không nên biết, ít nhất là trong lúc như thế này.

Philippa hỏi:

– Đó là lý do mẹ đến đây à? Vì mẹ biết tội con có thể gặp nguy hiểm?

Mẹ cô gật đầu:

– Ừ. Mẹ đoán có chuyện không ổn đang xảy ra khi cảm nhận được cái chết của Alan và Neil. Cũng may là mẹ đã đến kịp lúc để ngăn chặn người phụ nữ kia lại.

Philippa nhận xét:

– Dù là ai và đã định làm gì, bây giờ cô ta cũng chỉ là một con mèo rất dễ thương.

Bế con mèo lên và xoa nhẹ đầu nó, cô hỏi:

– Chúng ta nuôi nó được không mẹ? Mẹ ừ đi. Nhất là giờ, khi chúng ta không còn con chó nào. Mẹ biết con luôn muốn nuôi mèo mà.

Bà Gaunt gật đầu:

– Ừ, được thôi con yêu. Nếu con muốn thế.

Rồi liếc nhìn bác Alan và bác Neil, bà mỉm cười ấm áp:

– Theo như kinh nghiệm của mẹ thì những vật nuôi từng là người đều là thú cưng tốt.

John cho biết:

– Nếu không có hai bác ấy, con sẽ không thể ở đây.

– Mẹ biết chứ, John.

Bước đến bắt tay bác Alan và bác Neil, bà Gaunt nói:

– Cảm ơn các anh. Em hy vọng các anh không giận gì em.

Bác Alan bảo:

– Giận dỗi gì chứ, Layla. Nói thiệt nhé, làm chó cũng có nhiều cái hay của nó.

Rồi nhìn ông Groanin, bác nhún vai nói:

– Thiệt đó. Cái gì cũng có lúc của nó mà.

Bác Neil nói thêm vào:

– Ngoại trừ lúc John cố đổi tên chúng ta thành Winston và Elvis.

Bà Gaunt mỉm cười:

– Anh Gaunt sẽ mừng lắm khi gặp lại các anh cho coi.

Gần giống như em. Anh nhớ các anh lắm.

Bác Neil khẳng định với bà:

– Layla à, tội anh xứng đáng với hình phạt đó mà. Và anh có thể cam đoan với em là tội anh đã học được bài học của mình rồi.

Liếc nhìn con mèo trên tay Philippa như thể rất muốn rượt đuổi nó, bác Alan nói:

– Nhưng phải nói là anh rất mừng khi em biến tội anh thành chó chứ không phải mèo. Nếu phải là mèo thì chắc anh chết mất. Anh ghét mèo lắm.

Bác Neil cười:

– Ôi, cái đó là con chó trong người anh đang lên tiếng đấy, Alan.

Và bác đã nói đúng. Vì dù đã biến thành người, sẽ luôn có một phần nhỏ bên trong họ vĩnh viễn là chó.

Vừa cù lét con mèo dưới cằm, John vừa hỏi:

– Chúng ta gọi nó là gì bây giờ? Con mèo ấy. Đâu có gọi nó là cô Retch được.

Ông Groanin lên tiếng:

– Tên đầu của cô ta là Montana. Dĩ nhiên chúng ta cũng không thể dùng tên đó. Chẳng có con mèo Anh lông ngắn chấm bạc nào lại

tên Montana cả.

Rồi suy nghĩ trong giây lát, ông gợi ý:

– Có lẽ phải là một cái tên giữ được một phần tên thật. Một cái tên giống cái. Và quan trọng nhất là một cái tên đúng kiểu Anh quốc để phù hợp với giống mèo này. A, nghĩ ra rồi. Sao không gọi nó là Monty nhỉ? Lấy theo cái tên của một đại tướng người Anh nổi tiếng.

John gật đầu:

– Monty à? Được đấy.

Rồi cậu quay qua hỏi mẹ:

– Như vậy có nghĩa mẹ quay lại với “công việc” gia đình à?

Bà Gaunt mỉm cười. Không muốn phá hỏng bầu không khí hạnh phúc với sự thật của lý do bà đến Iraq, bà chỉ nói:

– Đúng thế, con trai. Dù muốn hay không. Con thấy đấy, dựa theo Những quy luật Baghdad, khi một djinn tuyên bố từ bỏ sức mạnh của mình, những djinn khác bắt buộc phải tôn trọng quyết định đó và không được đụng đến cô ta. Tuy nhiên, nếu djinn đó phá bỏ lời thề không sử dụng sức mạnh của mình, cô ta không còn có thể trông chờ những djinn khác tôn trọng lời thề đó lần nữa. Cũng như cô ta không thể thề lần thứ hai. Vả lại, có thể thấy rõ giờ mà mẹ không sử dụng sức mạnh của mình thì quá nguy hiểm. Và dù mẹ có tôn trọng lời thề của mình, những djinn khác, đặc biệt là những djinn của các bộ tộc đối nghịch, cũng không tôn trọng nó. Không cần tôn trọng nó.

Philippa nhận xét:

– Cha sẽ không vui với chuyện này cho coi.

– Phải, con yêu, cha con sẽ không vui về gì đâu. Nhưng phải vậy thôi. Giờ chuyện đó không thể thay đổi nữa rồi. Nhưng mẹ chắc ông sẽ hiểu, sau khi mẹ giải thích chuyện gì đã xảy ra. Cha con là người hiểu biết mà. Đó là một trong những lý do mẹ lấy ông.

Vẫn còn bị ám ảnh bởi ảo giác giết cha, John hỏi lại:

– Nhắc mới nhớ, cha thế nào rồi, mẹ?

Bà Gaunt nói:

– Vẫn khỏe, con ạ.

– Thiệt không mẹ? Cha vẫn khỏe phải không?

– Thiệt mà. Mẹ mới gặp cha con hôm qua. Cha gửi lời chào con đấy, con yêu.

John thở dài nhẹ nhõm. Rồi cậu nói:

– À, xem quên. Phải gọi cho chú Nimrod thôi. Không chú ấy lại lo.

Bà Gaunt tán thành:

– Ừ phải. Và cũng đến lúc chúng ta phải đi rồi đó. Ở nhà, cha con đang bắt đầu đứng ngồi không yên đấy.

Ông Groanin than thở:

– Tôi không tưởng tượng nổi làm sao tất cả chúng ta có thể nhét vừa vào trong cái xe đó. Giờ có đến bảy người mà. Tám nếu tính luôn Finlay.

Bà Gaunt lắc đầu:

– Không cần dùng xe đâu. Tôi đã để một cơn lốc gió chờ sẵn ngoài sa mạc rồi.

John nói:

– Ôi, tốt quá. Chứ con hiện giờ chẳng làm được việc đó đâu. Việc tạo ra lốc gió ấy.

Philippa thừa nhận:

– Con cũng quá kiệt sức để thử.

Bà Gaunt nói với con gái:

– Chắc là Ayesha đã đặt một *djinnhibitor* lên con. Một phép trói buộc ngăn không cho con sử dụng sức mạnh để chống lại bà ta. Con cần thời gian để nó mất hẳn đi, con yêu.

Đặt một tay lên vai cậu bé tài xế người Ả Rập, John nói:

– Nhưng con muốn làm gì đó cho Darius và mẹ cậu ấy. Cuộc sống của cậu ấy vất vả lắm, mẹ ơi. Phải lái taxi để nuôi cả gia đình, khi bản thân cậu ấy mới có mười hai tuổi thôi.

Bà Gaunt nói:

– Được rồi, mẹ sẽ lo cho gia đình cậu ấy được sống đầy đủ. Như thế, Darius sẽ có thể quay lại trường học.

Darius nhăn mặt:

– Ôi, trường học ấy à?

John bật cười và chỉ tay vào tấm poster trên tường:

– Darius chỉ thích một loại trường duy nhất. Trường đào tạo các tay đua xe Thể thức 1. Giống như Schumacher.

Bà Gaunt đồng ý:

– Tốt thôi. Khi nào Darius đủ tuổi, mẹ sẽ sắp xếp cho cậu ấy vào học trong một trường đào tạo đua xe. Nhưng từ đây cho đến lúc đó, cậu ấy vẫn phải đến trường học bình thường. Được không, Darius?

Darius mừng như bắt được vàng. Ngay cả với viễn cảnh quay lại trường học. Cậu hỏi John:

– Nhưng cậu không thể giúp tớ thêm một chuyện nữa à? Việc biến kẻ giết cha tớ thành một con mèo ấy? Hay chó cũng được. Với tớ thì chó, mèo như nhau cả. Chỉ cần hấn biến thành động vật là tớ khoái lắm rồi.

John cười:

– Không. Nhất định không.

Nhưng yêu cầu của Darius đã làm John nhớ lại lời hứa của mình với Finlay chim cắt. Nắm lấy tay mẹ để mượn sức mạnh của bà, John thầm thì từ trọng tâm của mình, và con chim cắt nhỏ biến lại thành một cậu bé. Và đó là một chuyện tốt, vì con chim cắt và con mèo này giờ đang lờm nhau theo một cách không lấy gì làm dễ chịu.

– Cảm ơn rất nhiều.

Finlay người chỉ kịp thốt lên cảm ơn, trước khi ợ phần còn lại của con chim sẻ – bữa ăn cuối cùng của Finlay chim cắt – ra sàn nhà hàng.

John hào hứng nói với cậu:

– Cần đi nhờ không, Finlay? Tụi này có thể thả cậu ở London nếu muốn. Ông Groanin sống ở đó với chú Nimrod của tớ. Hiện giờ thì chú ấy đang đợi chúng ta ở Amman. Đó là nơi tụi này sẽ đi. Mà cậu đã cưỡi lốc gió bao giờ chưa, Finlay? Vui lắm đó.



CHƯƠNG 23

Kết thúc ở Guiana

Ngay khi nghe chị gái mình, Layla Gaunt, thông báo việc Ayesha đã tìm được người khác ngoài Philippa để làm Djinn Xanh đời tiếp theo, chú Nimrod lập tức đoán được chuyện gì đã xảy ra: rằng bà Gaunt đã tình nguyện nhận công việc đó, để Philippa được buông tha. Thật đúng với tính cách sẵn sàng hy sinh vì người khác của bà. Và chú cảm thấy tự hào hơn bao giờ hết về chị mình. Nhưng, vì hai đứa cháu sinh đôi, người mà chú rất mừng được gặp lại, cũng như vì sự tôn trọng của chú dành cho chị, chú quyết định không nói gì. Ngay cả khi cặp sinh đôi đề cập đến vấn đề này trong bữa ăn xế trưa tại khách sạn của họ ở Amman.

Philippa nói:

– Không biết ai sẽ làm Djinn Xanh đời tiếp theo bây giờ nhỉ?

Tránh ánh mắt của chị gái, chú Nimrod nói như không biết gì:

– À, chú nghĩ chắc Ayesha sẽ tìm ra người khác thôi.

Ngay lúc này, Philippa cũng đang tránh không muốn nhắc đến khám phá của cô – rằng Ayesha là bà ngoại cô, và là mẹ ruột của Layla và Nimrod. Thậm chí đến giờ cô còn chưa kể việc đó với John. Nên cô chỉ nói:

– Thật ra cháu cũng thấy có phần tội nghiệp bà ấy. Ý cháu là

Ayesha ấy. Làm Djinn Xanh Babylon chắc là đơn độc lắm.

Không biết chuyện bà Edwiges cùng đến Amman với chú Nimrod để tình nguyện nhận vị trí đó, John hỏi bà: - Bà không muốn nhận vị trí đó sao, bà Edwiges?

Bà Edwiges, người cũng đã đoán được ai là người Ayesha chọn, gượng gạo mỉm cười và lắc đầu:

- Ồ không, John, không phải ta. Ta đã quá bận với công việc của mình rồi. Trên thực tế, ta đang trên đường đến Cairo. Để đối phó với mấy cái sông bạc ở đó.

Chú Nimrod nói:

- Có lẽ cháu sẽ đi với dì, dì Edwiges. Mới sớm hôm nay, cháu đã nhận được một cú điện thoại từ anh Creemy, người giữ nhà cho cháu ở Cairo, cũng như thay cháu trông coi cái may mắn kế mà cháu để ở đó. Anh ấy bảo hiện giờ cái may mắn kế đang lệch đi thấy rõ về phía xui xẻo. Cháu nghĩ mình nên về tự kiểm tra trước khi tìm ra nguyên nhân tại sao.

Philippa lên tiếng:

- Cháu nghĩ cháu có thể giúp chú biết chuyện gì đang xảy ra.

Bà Gaunt ngạc nhiên hỏi:

- Con biết sao Philippa? Làm cách nào con biết?

Cô giải thích:

- Trong thời gian ở chung với Ayesha, con có nghe chuyện Bull Huxter đã biến mất cùng cái hộp nhốt Iblis. Cái hộp mà đáng lẽ phải được đặt lên tên lửa đi sao Kim ấy.

Chú Nimrod thốt lên:

- Biến mất? Ý cháu nói biến mất là sao?

Philippa cho biết:

– Cả cháu và bà Ayesha cùng rút ra kết luận rằng Bull Huxter đã đánh lừa Ayesha. Rằng hắn đã chuồn đi cùng với số tiền của bà ấy. Đó là chưa nói đến việc có lẽ hắn định lợi dụng Iblis. Mọi người biết rồi đó. Ba điều ước để đổi lấy tự do cho Iblis.

Chú Nimrod nói:

– Ôi trời. Cháu đang nói với chú rằng, trong khi chúng ta thông thả nhà nhả ngồi đây dùng bữa trưa, một djinn không ngại xài *vindicta* đang chạy rông ngoài đường à?

Philippa im lặng gật đầu.

– Vậy sao cháu không nói ngay?

Cảm thấy hơi buồn vì bị trách, Philippa nói:

– Thì cháu đang nói cho chú biết đây. Chú biết không, cháu nghĩ chú nổi giận với cháu như vậy là hơi quá đấy. Nhất là sau những gì cháu phải trải qua dưới tay bà ngoại ruột của cháu.

Philippa nghĩ mọi người sẽ phải xôn xao trước tiết lộ của mình. Nhưng cô đã lầm.

Đứng dậy khỏi bàn, chú Nimrod nói:

– Thôi, giờ không phải lúc tính đến chuyện đó. Vấn đề này quan trọng hơn nhiều. Chúng ta phải tìm ra Bull Huxter. Càng nhanh càng tốt.

Bà Gaunt cho biết:

– Chị nghĩ chị biết hắn ở đâu. Edward đã nói chuyện với hắn trên điện thoại ngày hôm kia. Hắn đang ở French Guiana. Tại một nơi tên là Kourou.

Chú Nimrod tuyên bố:

– Chúng ta có thể đi ngang qua đó trên đường đến New York.

Quay sang Finlay, chú ngập ngừng nói:

– Xin lỗi nhé, Finlay. Nhưng ta sợ chuyến bay quay về Anh của cháu sẽ phải dời lại ít lâu. Chúng ta cần phải đến French Guiana gấp. Cháu thấy đó, có một djinn rất nguy hiểm tên Iblis...

Finlay cắt lời chú:

– Không sao đâu, chú Nimrod. Dù gì cháu cũng không muốn quay về Anh mà.

Nimrod nhỏ nhẹ nói:

– Nghe này, Finlay. Ta chắc mình có thể giúp cháu và cha giải tỏa mâu thuẫn mà. Khi chuyện đó xảy ra, cha cháu đang nóng giận. Giờ có thời gian suy nghĩ kỹ hơn, ông ấy chắc đang hối hận về những điều đã nói.

Finlay thừa nhận:

– Sự thật là lúc đó cháu cũng quá hỗn với ông ta. Cháu không phải là một đứa con tốt. Nhưng chỉ vì ông ta là một người cha tệ. Vả lại, cháu cũng đã nói chuyện với bà Edwiges, và bà đã đồng ý dẫn cháu cùng đi đến Cairo. Với sự giúp đỡ của bà, cháu sẽ cố kiếm đủ tiền để hoàn tất việc học. Cháu sẽ kiếm việc làm thêm trong một thời gian ngắn, rồi tụi cháu sẽ dùng tiền lương của cháu để kiếm tiền.

Bà Edwiges nói:

– Đúng thế. Ta tin là Finlay và ta sẽ rất hợp rơ với nhau. Nếu cậu ấy bám sát hệ thống của ta.

Chú Nimrod lưỡng lự nói:

– Cháu không chắc mình đồng ý với việc đó à. Đánh bạc không

phải là một việc tốt.

Finlay khẳng định nói:

– Ôi, nhưng đó có phải đánh bạc đâu chú. Không phải là với hệ thống này. Bà Edwiges đã nói cho cháu nghe về nó. Đánh bạc mang tính may rủi. Nghĩa là chú có thể bị thua tiền. Nhưng với hệ thống này, nó không phải là đánh bạc. Nó là một phép tính xác định.

Đã tận mắt chứng kiến những gì xảy ra với sòng bạc tại Monte Carlo, chú Nimrod khó có thể tranh cãi lại logic của cậu bé. Vả lại, chú cũng không có thời gian để phản đối.

John nói với Finlay:

- Chúc may mắn. Cho tớ xin lỗi về chuyện đã xảy ra nhé.
- Quên chuyện đó đi. Làm chim cắt cũng ồi cái vui mà.

John tán thành:

- Chứ còn gì nữa! Sống cực ấy chứ!

Galibi Magaña là một cậu bé người French Guiana, khoảng chừng mười tuổi (dù cậu không thật chắc chắn về điều đó), làm nghề bốc rác tại một bãi rác lớn gần thủ đô Cayenne. Chỉ là một trong gần một trăm đứa trẻ sống ở bãi rác này, Galibi thỉnh thoảng phải làm việc liên tục đến sáu hoặc bảy tiếng một ngày, tìm ra những thứ người ta đã vứt đi mà cậu có thể bán lại để kiếm vài xu. Cậu làm việc với đôi tay và đôi chân để trần, cũng chẳng có mặt nạ, mặc dù rác thải rất nguy hiểm. Đôi lúc cậu còn ngủ ngay tại bãi rác. Phần lớn thời gian cậu tìm kiếm xương bò, lon nước, nhựa tổng hợp, giấy, và vỏ chai bằng nhựa dẻo, nhưng một ngày nọ, cậu tìm được một cái hộp kim loại sáng loáng nhìn khác hẳn so với những thứ thường thấy ở bãi rác. Cậu nghĩ nó được làm bằng nhôm và rất có giá. Tuy nhiên, vẻ đẹp của cái hộp không sánh vào đâu so với cái

nằm bên trong nó – một cái chai thủy tinh. Hoàn toàn không phải thứ người ta hay vứt đi.

Khi Galibi tìm thấy cái hộp và cái chai thủy tinh nhỏ bé, cậu không nói với ai về chúng. Có lý do để cậu phải giữ im lặng. Lý do thứ nhất là bởi cậu sợ ai đó sẽ ăn trộm chúng. Cả cái hộp và cái chai thủy tinh đều quá đẹp – đặc biệt là cái chai. Khi cậu giơ nó lên trước ánh mặt trời, ánh sáng bao phủ lấy cái cổ chai hình trụ dài khiến cậu liên tưởng đến những tên lửa vũ trụ mà thỉnh thoảng cậu vẫn thấy phóng lên từ trung tâm không gian gần đó ở Kourou. Bất cứ đứa bạn nào của cậu cũng sẽ ghen tị với cậu về một cái chai như thế. Nhưng lý do thứ hai, lý do quan trọng hơn, khiến cậu không kể với ai là việc có một giọng nói bên trong chai thủy tinh – một giọng nói nói chuyện với cậu – và Galibi sợ bị đám bạn chê cậu khùng hoặc bảo cậu ngừng làm việc. Không thì làm sao cậu giải thích chuyện giọng nói bên trong chai chứ?

French Guiana nằm ở Nam Mỹ, và Galibi, một đứa trẻ mù chữ và không được đến trường, chưa bao giờ nghe nói đến thần đèn hay djinn, càng không biết đến truyền thống ban tặng ba điều ước của djinn khi được ai đó thả ra khỏi chai hay đèn. Cho nên, cậu thà nghĩ mình bị điên còn hơn tin vào chuyện giọng nói nhỏ xíu bên trong chai có thể, như nó đã hứa, giúp cậu làm một cú đổi đời. Hoặc thậm chí là ba cú đổi đời.

Còn nếu cậu không bị điên, vậy thì cái giọng trong chai có thể là kayeri, một quái vật nguy hiểm thường xuất hiện ở những nơi có nhiều kiến, mà dĩ nhiên bãi rác nào cũng có cả tỉ kiến.

Đó là vấn đề mà Iblis tộc Ifrit đang gặp phải, vì hắn chính là djinn bị nhốt trong cái chai thủy tinh: làm cách nào thuyết phục một người không biết gì về *Đêm Ả Rập*, Aladdin, hay mấy câu

chuyện cổ Trung Đông nhằm nhí, rằng hắn có thể ban cho cậu một ân huệ. Hoặc thậm chí cả ba ân huệ.

– Chắc chắn cậu phải biết câu chuyện về các vị thần đèn chứ.

Iblis nói một cách nhẹ nhàng, dù hắn đang tức điên lên với bản thân vì dùng chữ “thần đèn”, vốn là một từ mà cái giống mundane ngu dốt thường dùng để gọi djinn^[25]. Không có djinn nào lại đi sử dụng cái từ hạ cấp đó cả.

– Chắc chắn cậu phải thấy nó trong các bộ phim, hoặc trên ti vi rồi chứ.

Lần này thì Iblis xem nữa tự căn lười khi nhắc đến ti vi. Hắn ghét ti vi nhất đời. Nếu có thể, hắn sẽ phá hủy hết tất cả các loại ti vi trên thế giới. Nhưng vì không thể, nên hiện hắn chỉ có thể làm nhiều sóng hoặc can thiệp vào việc tiếp sóng các chương trình mà bọn mundane lúc nào cũng chúí mắt vào coi. Iblis đã không ít lần tự nghĩ bọn mundane này thật đúng với cái tên trần tục (mundane còn có nghĩa là trần tục) của chúng khi đi yêu cái thứ như ti vi.

Galibi nói với Iblis:

– Cháu không có ti vi. Và cháu cũng chưa bao giờ nghe nói đến Aladdin hay vị thần đèn nào cả.

Iblis lại xem căn lười lần nữa. Sao hắn lại xui đến mức bị một thằng nhóc dốt đặc chưa bao giờ nghe nói đến djinn nhạt được chứ? Nhưng dù sao vậy cũng coi như tiến bộ so với gã mundane cuối cùng sở hữu cái chai. Một thằng ngu bẩm sinh tên Bull Huxter, người mà Ayesha đã trả mười triệu đô để tống hắn lên tàu thám hiểm sao Kim *Wolfhound*. Iblis đã nghĩ hắn gặp may khi Huxter trốn đi với số tiền của Ayesha, và, thay vì đặt cái hộp lên con tàu vũ trụ, đã giữ nó trong thùng xe. Iblis đã cho rằng gã Huxter đó làm

thế vì biết cái hộp chứa một djinn mạnh mẽ, và muốn kiếm chác ba điều ước như thông thường. Nhưng rốt cuộc Huxter, kẻ bán không gian trọng tải trên tàu vũ trụ gấp ba lần so với không gian thực tế, không hề có khái niệm gì về thứ đựng trong hộp, và cũng không có ý định mở nó ra. Tệ hơn nữa, Huxter là một gã điếc đặc vì đã ở gần các cuộc phóng tên lửa quá nhiều, nên dù có cầm cái hộp trên tay hắn cũng không thể nào nghe được tiếng Iblis. Ít nhất thằng nhóc con này còn nghe được tiếng hắn nói, dù hiện nó vẫn chưa tin tưởng hắn.

Nhưng Iblis là một gã thông minh. Rất thông minh.

Cố xóa đi nỗi sợ quái vật mà hắn có thể cảm thấy ở thằng bé, Iblis nhẹ nhàng giải thích:

– Ta không phải là quái vật, Galibi ạ. Ta là một nhà khoa học, và một thí nghiệm của ta bỗng trở chứng. Không phải là một con quái vật. Mà là một người gặp tai nạn và bị thu nhỏ. Nhưng dù sao, ta cũng hoàn toàn hiểu được nỗi lo của cậu. Nếu cậu sợ ta là quái vật, cậu không cần phải mở cái chai ra. Tất cả những gì cậu phải làm là giao cái chai này cho một người sẽ tưởng thưởng cậu hậu hĩnh vì đã đem cái chai trở về an toàn. Tất cả những gì cậu phải làm chỉ là gọi một cú điện thoại trả tiền sau tới New York thôi. Mà cậu có biết điện thoại trả tiền sau là gì không, Galibi?

– Không.

– Ta sẽ cho cậu số điện thoại, và khi cậu gọi, người ở đầu dây bên kia sẽ trả tiền. Ta sẽ chỉ cậu cần nói gì. Người cậu gọi sẽ đến đây và đưa cho cậu rất nhiều tiền. Một phần thưởng xứng đáng như ta đã hứa. Chỉ đơn giản vậy thôi.

– Lỡ người đó cũng là quái vật như ông thì sao?

Iblis nói:

– Galibi à, ta phải nói bao nhiêu lần nữa thì cậu mới hiểu đây? Ta không phải là một kẻ xấu. Ta là người tốt.

Nói thì nói vậy, nhưng ngay lúc này, Iblis đã nghĩ đến số phận khốn khổ và thảm khốc mà hắn sẽ tổng cho thằng bé ngay khi hắn được tự do. Cả gã Bull Huxter nữa, vì cái tội điếc, ngay khi hắn bắt được gã. Và dĩ nhiên, sự tàn bạo thật sự của Iblis sẽ dành riêng cho Nimrod và hai đứa nhóc djinn chết tiệt đã tổng hắn vào cái nhà tù thủy tinh này.

Galibi nói:

– Ông có thể là một kayeri.
– Kayeri là gì? Cậu nói thử ta xem nào.
– Ông phải cẩn thận với chúng vào mùa mưa, và phải coi chừng chúng xuất hiện ở những chỗ có kiến.

Iblis thở dài:

– Galibi, ta không phải là kayeri gì gì đó đâu. Ta ghét mưa. Và ta cũng không ưa gì kiến, ngoại trừ ăn chúng.

Trong một giây, Iblis nghĩ hắn đã phạm sai lầm. Với phần lớn bọn con nít mundane, ý nghĩ ăn kiến sẽ làm chúng cảnh giác và nghi ngờ có một điều gì đáng ngờ với giọng nói trong chai. Nhưng Galibi là một đứa bé nhà nghèo. Rất nghèo. Và đôi lúc, một nhúm kiến có thể được xem như một nguồn bổ sung protein hữu dụng.

– Ông cũng thích ăn kiến à?

Nhận ra sự hứng thú trong giọng nói của thằng bé, Iblis, với đúng bản chất thiên tài độc ác của djinn tộc Ifrit, lập tức chớp lấy cơ hội.

– Dĩ nhiên rồi. Đặc biệt là những con kiến bọc sô-cô-la.

Gần như nín thở vì kinh ngạc, Galibi hỏi lại:

– Sô-cô-la? Thật không ông?

Iblis nói:

– Thật chứ. Chúng ngon tuyệt. Thử ngon nhất mà ta từng ăn đấy.

Thằng bé mơ màng nói:

– Cháu cũng muốn được ăn thử.

– Galibi, cậu bé của ta, nếu cậu gọi cho con trai ta, Rudyard, như ta hướng dẫn, ta hứa cậu sẽ được ăn kiến bọc sô-cô-la thỏa thích. Chừng nào cậu còn ăn được.

Về phía Bắc là biển Đại Tây Dương đầy nhóc cá mập sát thủ. Còn về phía Nam là rừng mưa nhiệt đới, nơi cơn lốc gió của chú Nimrod hạ cánh xuống sau chuyến bay kéo dài mười tiếng đồng hồ. Chui ra khỏi rừng cây, John và Philippa, chú Nimrod và bà Gaunt, bác Alan và bác Neil, ông Groanin và Monty, và cây đèn chứa ông Rakshasas mặt đối mặt với hàng rào điện bao quanh Centre Spatial Guyanais, hay còn được biết đến với cái tên Trung tâm Không gian French Guiana. Nằm cách Đảo Ma Quỷ, nơi mà người Pháp một thời từng tống tù nhân của họ ra đấy, chừng vài dặm và được canh giữ bởi Quân đoàn Lê dương Pháp – một phần của quân đội Pháp, nổi tiếng khắp thế giới bởi thái độ hành xử công bằng và lịch thiệp của mình – Trạm không gian CSG đứng sừng sững như một pháo đài bất khả xâm phạm. Với tất cả mọi người, ngoại trừ năm djinn và ba bạn đồng hành mundane của họ.

Bác Alan nhận xét:

– Tôi không nghĩ họ sẽ thích chuyện có bảy người ngoại quốc cùng một con mèo tự dưng xuất hiện bên trong trạm không gian của họ đâu. Nơi này được coi là khu vực cấm xâm nhập mà. Ý tôi là, chúng ta cần phải cẩn thận ở đây. Không khéo lại ăn đạn thì khổ. Hoặc bị chém bay đầu.

Bằng cách thâm thì “QWERTYUIOP”, chú Nimrod đã cắt đứt năng lượng của cái hàng rào điện và lắp đặt vào nó một phiên bản Khải Hoàn Môn mini để họ có thể băng qua an toàn, nếu không muốn nói là đẹp mắt.

Bác Alan bảo với chú:

– Họ sẽ không thích chuyện này đâu. Nhìn có vẻ mạo phạm sao ấy. Giống như chúng ta đang chế nhạo họ.

Chú Nimrod khẳng định:

– Nói nhảm không. Sao họ lại không thích Khải Hoàn Môn được chứ? Nó được Napoleon xây dựng không lâu sau chiến thắng ở Austerlitz. Và đây là bản copy hoàn hảo theo đúng tỉ lệ một phần mười bản gốc đấy nhé. Tuy nhiên, tôi đồng ý với anh về chuyện chúng ta không phải người Pháp. Có lẽ tôi nên vào đó một mình. Tôi nói được tiếng Pháp hoàn hảo, nên chắc không ai để ý đến tôi mấy đâu.

John chế giễu:

– Trong bộ dạng thế này à?

Chú Nimrod liếc nhìn xuống người. Một cột đèn báo hiệu dừng lại trông còn không đỏ bằng chú. Vết đỏ, áo sơ mi đỏ, cà vạt đỏ, giày đỏ, khăn tay đỏ, và cả đôi vớ cũng đỏ. Chú nhe răng cười:

– À, cháu nói đúng. Có lẽ như vậy sẽ tốt hơn. QWERTYUIOP.

Trong chớp mắt, chú Nimrod đã đứng trước mặt họ trong bộ quân phục đại tướng của Quân đoàn Lê dương Pháp. Với cái mũ kê-pi trắng, đôi găng tay trắng, và hai ngù vai đỏ chói, nhìn chú thật nổi bật.

Chú hỏi:

- Mọi người thấy thế nào.

Bà Gaunt bảo:

- Beaus Geste. Rất là sành điệu.

Chú cười với bà:

- Chúc em may mắn đi nào.

Rồi giơ tay chào một cái theo đúng kiểu con nhà binh, chú thẳng bước qua Khải Hoàn Môn để tìm khu chỉ huy của trung tâm không gian.

Những người khác ngồi xuống và chờ chú quay lại.

Sau một lúc, John hỏi mẹ:

- Có thật Djinn Xanh là bà ngoại của tụi con không?
- Đúng thế, con yêu.
- Sao trước đây mẹ không nói gì cả?

Bà Gaunt thở dài:

– Vì mẹ không muốn nói về nó. Mẹ đã rất buồn khi bà chọn làm Djinn Xanh thay vì chăm sóc cho mẹ và chú con. Ừm, ít nhất thì đó cũng là suy nghĩ của mẹ khi đó.

Philippa hỏi:

- Lúc đó mẹ và chú còn nhỏ không? Khi bà đi ấy.
- Lớn hơn một chút so với hai đứa bây giờ thôi. Không phải lớn

lắm.

Rồi ngừng lại trong giây lát, bà nói tiếp:

– Có lẽ đó là một trong những lý do mẹ quyết định từ bỏ làm djinn.

John thắc mắc:

– Nhưng tại sao bà làm vậy? Tại sao bà bỏ con của mình lại?

– Mẹ nghĩ có lẽ bà nghĩ đó là việc mà bà phải làm.

Philippa nhận xét:

– Có lẽ là giống như lý do bà bắt cóc con.

– Ừ, có lẽ thế.

Philippa nói tiếp:

– Mà Ayesha cũng không thật sự là người xấu. Nhưng cũng chẳng thể nói bà là người tốt được. Bà chỉ...

Ngâm nghĩ mấy giây để tìm ra cách giải thích phù hợp nhất, cô nhún vai nói:

– Cuộc sống không phải lúc nào cũng đi theo những cách hợp lý. Đôi lúc, làm một việc sai lầm cũng quan trọng như làm một việc đúng đắn. Đó là cái khiến cuộc sống trở nên thú vị. Con nghĩ, nếu sống đời mình theo một cách khác thì chẳng khác nào phủ nhận nó.

Im lặng. Bà Gaunt mừng khi thấy chú Nimrod quay lại, vì bà sẽ không phải trả lời Philippa. Chú đang lái một chiếc xe nhà binh vừa mượn được từ một sĩ quan Pháp cấp thấp.

Chú gọi họ bằng tiếng Pháp:

– Allons y. Ý ta là, mọi người nhảy lên xe nào.

Sau khi trèo vào chiếc APC^[26], Philippa hỏi:

– Giờ chúng ta đi đâu đây chú?

Chú Nimrod cho biết:

– Khách sạn Hotel des Roaches. Ở Kourou, cách đây chừng một hay hai dặm gì đó. Có vẻ như Bull Huxter đang bị giam lỏng. Người Pháp đã sa thải hắn khi phát hiện ra hắn nhiều lần rao bán gian lận không gian trọng tải trên tên lửa của họ. Họ đã rất giận dữ, nhưng đồng thời, họ muốn giữ mọi chuyện im lặng, naturellement^[27]

John hỏi:

– Làm sao chú tìm được những thông tin ấy?

Chú Nimrod đáp:

– Làm một đại tướng trong quân đội Pháp thế mà hay. Những người lính sẽ nói cho cháu nghe tất cả những gì cháu muốn biết. Thậm chí họ còn nhường cả xe thiết giáp nếu được bảo ấy chứ.

Họ tìm thấy Bull Huxter trong một tình trạng khốn khổ ở khách sạn Hotel des Roaches. Hắn đang bị sốt, nhưng sau khi tắm nước lạnh và uống cạn một tách cà phê đặc, hắn đã nói cho họ điều họ cần biết: nơi hắn đã bỏ cái hộp mà Ayesha đã đưa. Và đó là đích đến tiếp theo của họ. Bãi rác thải khổng lồ gần Cayenne.

Họ đã ngửi thấy cái mùi của nơi này ngay trước khi nhìn thấy nó, một cái mùi ghê tởm có thể làm con người ta phải nôn ọe. Nhưng nó vẫn chưa thấm vào đâu, họ còn sốc hơn khi khám phá ra có đến gần một trăm đứa trẻ kiếm sống ở đây, vật lộn giành ăn với hàng tá chim biển, những con xem chỗ này như một trạm thức ăn nhanh trong ngày.

John thì thào:

– Tuổi thơ như thế này thì thật kinh khủng quá.

Bà Gaunt bảo con:

– Hầu hết trẻ em ở các nước nghèo không có được một tuổi thơ đáng hoàng, con ạ. Chúng không được đến trường. Thay vào đó, chúng phải đi làm ngay khi có thể để phụ giúp gia đình.

Lắc đầu một cách buồn bã, bà cho biết:

– Ngay khi trở về New York, mẹ sẽ làm gì đó để giúp những đứa trẻ này.

Trong khi đó, chú Nimrod đã tập hợp tất cả những đứa trẻ bới rác trong bãi lại và, nói bằng tiếng Pháp, chú treo giá năm mươi đô la Mỹ cho bất cứ thông tin nào có liên quan đến một cái hộp bằng bạc có hình dáng như những gì chú mô tả sau đó.

Những đứa trẻ quay sang nhìn nhau – John và Philippa nhận thấy chúng có vẻ lo sợ gì đó – nhưng cuối cùng, thu hết can đảm, một cậu bé tên Herbin đã dẫn họ đến chỗ cái hộp mà họ đang tìm kiếm. Chú Nimrod lập tức mở nó ra, và đúng như chú dự đoán, cái chai nước hoa nhỏ bé đựng bên trong đã biến mất.

Chú Nimrod nói với Herbin rằng cái hộp này có chứa một chai thủy tinh rất quý giá làm từ Ai Cập, và chú sẽ trả thêm năm mươi đô Mỹ nữa nếu có thể tìm được nó. Ban đầu, Herbin ngần ngừ không muốn nói gì thêm. Nhưng rồi cậu thú nhận đã thấy thằng Galibi bạn cậu giấu một cái chai như vậy vào hôm qua. Là khi nghe nhắc đến cái tên Galibi, những đứa trẻ còn lại bỗng trở nên rất căng thẳng. Vài đứa thậm chí còn bắt đầu thút thít khóc. Chú Nimrod biết đó không phải là một dấu hiệu tốt.

Chú hỏi cậu bé lấm lem mặt mày đứng bên cạnh mình:

– Galibi giờ ở đâu? Ta cần nói chuyện với cậu ấy gấp.

Với vẻ mặt đau đớn, Herbin trả lời:

- Nó biến mất rồi.
- Có phải đó là lý do các bạn khác đang khóc không?
- Vâng ạ. Chúng nghĩ nó đã trở thành nạn nhân của tà thuật.
- Tà thuật? Cháu đang nói cái quái gì thế?

Herbin cho biết:

– Cháu không phải là người tin vào những thứ như thế. Nhưng rõ ràng là Galibi đã biến mất. Tất cả những gì còn lại chỉ là hình nhân của nó.

Chú Nimrod bảo:

- Nếu được, ta muốn xem cái hình nhân đó, được không?

Herbin dẫn chú Nimrod và mọi người đến một ngôi đền nhỏ ở ngay rìa bãi rác, nơi rất nhiều vật thể khác nhau được đặt phía trước một cái thập tự giá thô sơ. Trong số đó có bức tượng một cậu bé cao chừng sáu mươi phân trông giống y như thật. Cậu bé nhìn khoảng mười một tuổi, đi chân đất, mặc một cái quần jean rách te tua và chiếc áo thun ngắn tay lem luốc.

Herbin nói:

– Cháu không biết bức tượng này làm bằng gì. Nhưng nó nặng lắm. Và giống y như Galibi. Nhất là cặp mắt. Ông thấy không? Chúng dường như bám theo ông đấy. Đó là lý do tại sao tụi cháu ở đây đều sợ nó.

Móc ra một cái đèn pin nhỏ trên móc chìa khóa, chú Nimrod rọi đèn vào cặp mắt của bức tượng. Nhận ra đồng tử của cặp mắt bức tượng co lại trước ánh đèn, chú chặc lưỡi nói:

- Đúng là giống y như người thật.

Rồi quay sang bà Gaunt, chú nói bằng tiếng Anh để không làm Herbin hoảng sợ:

– Đây đúng là nó.

John trố mắt hỏi:

– Chú muốn nói, đây chính là cậu bé mất tích đó?

– Không nghi ngờ gì nữa.

Một cách vô thức, chú Nimrod thuận tay nhặt một thứ gì đó ra khỏi miệng bức tượng. Ban đầu chú chỉ nghĩ nó là một cục đất, nhưng khi đã cầm trong tay, chú nhận ra nó là một loại bọ bọc trong sô-cô-la.

Philippa hỏi:

– Gì vậy chú?

Ngửi thử con bọ với vẻ ngờ vực, chú Nimrod tuyên bố:

– Có vẻ như là một con kiến bọc sô-cô-la. Và có vẻ như nó chứa một loại chú hình nhân, một phép trói buộc của djinn mà nếu ăn phải, cháu sẽ teo nhỏ dần trước khi biến thành một hình nhân như thế này.

Philippa thốt lên:

– Tội nghiệp cậu ấy quá. Chú Nimrod, mẹ, chúng ta phải giúp cậu ấy mới được.

Bà Gaunt buồn bã nói:

– Chúng ta có thể làm gì chứ? Đây là việc của Iblis. Sức mạnh của hắn, và phép trói buộc của hắn. Không ai khác ngoài hắn có thể giải trừ nó. Thần chú djinn là vậy, Philippa à.

Philippa quay ánh mắt van nài sang chú Nimrod, nhưng chú mệt mỏi lắc đầu:

– Mẹ cháu nói đúng đó. Chỉ những kẻ như Iblis mới có thể làm một chuyện tồi tệ như thế với người đã giải thoát hần. Không ban ba điều ước, mà biến họ thành một hình nhân sống như thế này.

Ông Groanin thảng thốt:

– Sống ư? Cậu không định nói với tôi là, thằng bé này có thể nghe và nhìn thấy chúng ta ngay lúc này chứ?

Chú Nimrod gật đầu:

– E rằng đó chính xác là điều tôi muốn nói.

John nói:

– Chắc chắn chúng ta phải làm được gì cho cậu ấy chứ.

– Không, trừ khi chúng ta tóm được Iblis. Cháu thấy đó, John, nó cũng giống như việc cháu biến Finlay tội nghiệp thành con chim cắt. Chỉ cháu mới có thể giải trừ sức mạnh đã làm cậu ấy thành chim cắt.

Một tiếng hét lớn vang lên sau lưng, họ cùng quay lại và trông thấy vài đứa trẻ bôi rác đang chạy tới. Một đứa đang cầm cái chai thủy tinh nhỏ bé cổ xưa mà chú Nimrod đã dùng để nhốt Iblis khi còn ở Cairo. Nắp chai đã bị mất, và một mẩu giấy nhỏ được nhét vào trong cổ chai. Đó là một tin nhắn gửi cho chú Nimrod. Chú đọc lớn cho mọi người cùng nghe:

“Nimrod thân mến, khi mày đọc được mẩu giấy này, tao đã đi xa rồi. Nhưng đừng lo. Mày và lũ nhóc sinh đôi hỗn láo của mày sẽ sớm gặp lại tao thôi. Có lẽ sẽ nhanh hơn tụi mày tưởng đó. Người ta thường nói trẻ em như búp bê. Cho nên tao đã để lại cho John và Philippa một món đồ chơi đặc biệt. Chỉ để chúng biết trước chuyện gì sẽ xảy ra khi chúng ta gặp lại nhau. Cứ gọi nó là một món quà Giáng sinh trễ từ chú Iblis của chúng.”

Bà Gaunt tuyên bố ngay khi chú Nimrod vừa dứt lời:

– Chúng ta sẽ mang cậu bé này cùng về New York.

Philippa ngạc nhiên hỏi:

– Nhưng mẹ đã nói chúng ta không thể giúp cậu ấy được mà.

Cấn môi giận dữ, bà Gaunt nói:

– Đó là trước khi mẹ biết Iblis dự định viếng thăm chúng ta ở New York. Nếu hắn dám chường mặt ra, chúng ta sẽ sẵn sàng để đón tiếp hắn. Và một khi đã tóm được hắn và nhét vào một chai thuốc tẩy, để coi hắn có dám từ chối làm gì đó cho Galibi không. Nếu đó là điều cuối cùng mẹ phải làm trước khi mẹ...

Nhưng bà kịp ngừng lại trước khi kết thúc câu nói. Bất được ánh mắt của chú Nimrod, bà nhẹ giọng:

– Mẹ sẽ bắt Iblis phải hối hận vì dám đe dọa các con của mẹ.

Sau French Guiana, Jordan và Iraq, New York có vẻ quá lạnh. Ngay cả những mundane trong đoàn cũng phải than thở về cái lạnh của tháng Giêng. Một ngày sau khi John và Philippa về đến nhà, nhiệt độ là âm 16 độ F^[28] Dự báo thời tiết trên ti vi bảo đó là nhiệt độ lạnh nhất từng được ghi nhận ở Công viên Trung tâm. John và Philippa cũng cảm thấy như vậy. Những khi ra ngoài, hai anh em phải xách theo trong ba lô vài viên đá rồng lửa mà bác sĩ Sachertorte đã đưa cho để giúp giữ thân nhiệt. Còn khi ở nhà, bất cứ lúc nào muốn, cả hai đều có thể chui vào phòng tắm hơi dưới hầm nhà để được tận hưởng lại cảm giác của một djinn đích thực.

Việc đầu tiên John làm khi về đến nhà là ôm chặt cha cậu và kiểm tra xem ông có thật sự còn sống không, vì đến giờ cậu vẫn còn bị ám ảnh bởi ký ức giết chết người bảo vệ thứ bảy bên dưới tòa tháp Samarra.

Ngạc nhiên khi John tự nhiên ôm mình cứng ngắc và nắn bóp khắp người, ông Gaunt hỏi:

– Chuyện gì xảy ra với con vậy, con trai?

John nhe răng cười với cha:

– Không có gì. Hoàn toàn không có gì. Thật tốt khi được gặp lại cha, cha à.

Cậu vẫn mỉm cười hạnh phúc khi ông Gaunt, sau khi nghe cậu thú nhận đã làm gãy bức tượng Nữ thần Tự do bằng vàng của ông, quyết định cắt tiền tiêu vặt của cậu trong bốn tuần.

Ông nói:

– Không phải chuyện đùa đâu, John. Đáng lẽ con phải tỏ ra hối hận một chút mới đúng chứ.

Vẫn toe toét cười, John gật đầu:

– Vâng, thưa cha.

– Vì cái tội cười đó, giờ là hai tháng. Hai tháng không tiền tiêu vặt.

Lắc đầu lia lịa và cố nhin cười, John nói:

– Vâng, thưa ngài. Con xin lỗi. Thành thật xin lỗi.

Và rồi cậu lại ôm chặt cha mình để chắc ăn hơn.

Nhanh chóng hòa nhập với cuộc sống ở gia đình Gaunt, Monty nhắm thói quen sát thủ của nó vào mấy con chuột nhắt và chim sẻ. Không hứng thú coi ti vi như Alan và Neil trước đây, nó khoái nằm cuộn mình trong cái hộp đựng găng tay ở tủ đồ ngoài hành lang, hoặc đuổi người kể cái lò sưởi trong bếp và lắng nghe radio cùng bà Trump, người quý nó nhất nhà vì hành động đó. Thỉnh thoảng nó còn cùng bà Trump về căn hộ của bà ở tòa nhà Dakota, bởi vì không

có gì Monty thích hơn nhạc của John Lennon, vốn cũng là sở thích của bà Trump. Đôi lúc, Monty còn đến rạp chiếu phim ở Đường 86 Đông mỗi khi có một phim nào đó nó muốn coi đang được trình chiếu. Một bộ phim nào đó có liên quan đến sát thủ. Hoặc một con mèo.

Khỏi nói cũng biết Edward Gaunt mừng rỡ cỡ nào khi được tái ngộ với hai người anh Alan và Neil của mình. Việc này giúp ông tạm quên đi nỗi lo lắng khi phát hiện ra vợ mình giờ đã sử dụng lại sức mạnh djinn. Rất hào phóng, ông nhận cả hai người anh vào công ty đầu tư tài chính của mình như những đối tác chiến lược. Không lâu sau đó, bác Alan và bác Neil đã hoàn tất kế hoạch mua lại Mutt “n” Pooch – công ty sản xuất thức ăn cho thú cưng lớn nhất nước Mỹ – một thỏa thuận kinh doanh làm cả ba anh em đã giàu lại càng giàu hơn. Các cổ đông của công ty đặc biệt ấn tượng với lòng tin tuyệt đối vào công ty và sản phẩm công ty của anh em nhà Gaunt, khi cả hai ăn sạch vài lon *Thịt Bò Hạnh Phúc* và *Cừu Nhảy* của Mutt “n” Pooch ngay tại cuộc họp thường niên của công ty.

Trong khi đó, bà Gaunt đã thuyết phục được Ayesha nói chuyện với Hiệp hội Djinnversoctoannular để xóa hình phạt cấm thi đấu của Philippa. Bà cũng gửi một thiệp djinn đến Mimi de Ghulle – một gói bưu kiện chứa khẩu Magnum Opus của Montana Retch, cặp găng tay da của cô, và ba gói thức ăn khô dành cho mèo.

Hai tuần sau khi trở về nhà, John nhận được một bưu thiếp từ Cairo. Nó là của Finlay. Cậu ta có tin vui. Sử dụng hệ thống của bà Edwiges, cậu đã phá sập sông bạc Groppi, và giờ đã bị tộc Ifrit cấm cửa vĩnh viễn khỏi hệ thống sông bạc của chúng. Nhưng với mười triệu đô la cần bị mất đã mất, chuyện đó đã không còn là vấn đề, và sau cái bưu thiếp ít lâu, John tiếp tục nhận được một gói bưu kiện.

Nặng ngang ngửa một cái tạ của cha cậu, gói bưu kiện chứa tượng một con chim đen tuyền – một con chim ưng cao chừng ba mươi tám phân. Đính vào con chim là một tin nhắn từ Finlay: **TỔ GỬI CẬU CON RAVA AVIS NÀY, COI NHƯ LÀ MỘT VẬT LƯU NIỆM CHO CẬU. ĐỪNG ĐỂ NÓ BAY MẤT NHÉ.**

John đặt con chim đen tuyền lên cái bệ lò sưởi trong phòng ngủ của cậu, và nó lập tức thu hút ngay cái nhìn của cha cậu. Cảm xúc tượng lên, ông thử dùng tay đo trọng lượng của nó và nói:

– Nặng thật. Nó làm từ vật liệu gì thế con?

John mỉm cười gượng gạo:

– Từ những thứ làm nên giấc mơ, cha ạ.

HẾT TẬP 2



PHỤ LỤC

Quy tắc chơi Djinnversoctoannular

Trò chơi cổ đại với xúc xắc, hoặc astaragali, là một trò chơi dành cho djinn với số lượng người chơi không giới hạn, Djinnversoctoannular sử dụng một bộ bảy viên xúc xắc tám mặt, hay còn được gọi là astaragali. Tám mặt astaragali được đánh dấu bởi Linh hồn, Thời gian và Không gian, Lửa, Đất, Không khí, Nước, Gỗ và Sự May mắn. Sự May mắn, Linh hồn, Thời gian và Không gian, Gỗ, Không khí, Nước, Lửa, và Đất, những mặt được liệt kê ở đây theo thứ tự giá trị với Sự May mắn là giá trị cao nhất^[29]

Sau khi ném, những viên astaragali sẽ được chuyển cho người chơi tiếp theo cùng với một lời tố (giống bài xì phé) có cấp độ cao hơn lời tố trước đó. Khi một lời tố bị thách thức, người đưa ra lời tố hoặc người thách thức lời tố sẽ mất đi “điều ước” tùy thuộc vào việc lời tố đó là lời tố xác thực hay là lời tố lừa. Mỗi người chơi có ba “điều ước”. Một người chơi sẽ bị loại khỏi ván đấu một khi mất hết ba điều ước.

CÁCH CHƠI

Tất cả người chơi sẽ cùng ngồi quanh một cái bàn thuận tiện, để bộ astaragali của djinnverso có thể được chuyển đi theo chiều kim đồng hồ từ người chơi này qua người chơi khác mà không làm xáo

trộn vị trí các viên astaragali đã được ném. Số lượng người chơi tốt nhất là từ bốn đến tám người, còn trong một giải thi đấu thì chỉ có bốn người chơi một lần. Sức mạnh djinn bị cấm sử dụng trong suốt ván đấu djinnverso, và những viên astaragali sẽ được ném trong một cái hộp thủy tinh được thiết kế đặc biệt để vừa che giấu kết quả ném, vừa phát hiện việc sử dụng sức mạnh djinn trái luật. Do đó, kết quả thắng thua được quyết định không phải bởi khả năng may rủi hay sức mạnh djinn, mà bởi chính khả năng lừa phỉnh đối thủ của người chơi.

Bất cứ người chơi nào bị phát hiện sử dụng sức mạnh djinn trong khi chơi sẽ ngay lập tức bị loại khỏi ván đấu.

Người chơi đầu tiên được quyết định bởi kết quả ném astaragali, với người được chọn là người có kết quả ném cao nhất. Nếu có hai người chơi có cùng kết quả ném cao nhất, họ sẽ cùng ném lại.

Trong lượt chơi của mình, mỗi người chơi có quyền quyết định sẽ ném tất cả/vài/một/hoặc không viên astaragali nào, và thường sẽ ném chúng mà không để những người chơi khác thấy được. Người chơi đầu tiên phải ném cả bảy viên astaragali. Một người chơi cần phải tuyên bố chính xác mình sẽ ném bao nhiêu viên. *Quy tắc này đã được đem ra thảo luận trong lần họp cuối cùng. Quyết định của Trọng Tài Tối Cao là nó được giữ nguyên. Và hiện nay, nó được biết tới như Quy tắc Badroulbador.*

Người chơi ấy sau đó sẽ chuyển những viên astaragali được che kín trong hộp cho người chơi ở phía bên trái mình, và đưa ra lời tố. Lời tố này phải có cấp độ cao hơn lời tố trước đó.

Người chơi tiếp theo có thể, hoặc chấp nhận những viên astaragali và bắt đầu lượt chơi của mình, hoặc thách thức lời tố.

Một lời tố chính thức được thách thức bằng từ “mendax”. Một khi được thách thức, hộp astaragali sẽ được mở ra để kiểm tra. Nếu cấp độ của những viên astaragali bên trong hộp ngang bằng hoặc cao hơn lời tố, người thách thức lời tố sẽ mất đi một điều ước, và hộp astaragali sẽ được chuyển cho người chơi ở bên trái người thách thức lời tố để bắt đầu lại từ đầu. Nếu cấp độ của những viên astaragali bên trong hộp thấp hơn lời tố, người đưa ra lời tố sẽ mất đi một điều ước, và người thách thức lời tố sẽ trở thành người bắt đầu lại ván đấu.

Tiến trình được đề cập phía trên thường được người chơi thực hiện với một thái độ cử chỉ gây bối rối đối phương, để làm những người chơi khác phải cố gắng hơn.

Mỗi một lời tố không cần thiết phải hoàn toàn được chỉ định rõ, và trong trường hợp này nó được coi là lời tố yếu nhất có thể đưa ra mà vẫn đáp ứng được luật lệ đã đề ra. Tốt hơn là một lời tố hợp lệ, cũng như Tốt hơn nhiều (nghĩa là *Tốt hơn của tốt hơn*) v. v...

Nếu một người chơi tố thấp hơn cấp độ astaragali đạt được, nó được coi như Tốt hơn. Việc tố thấp hơn cấp độ này có thể được chỉ ra bởi bất cứ người chơi nào vào bất cứ thời điểm về sau nào của ván đấu, tính đến lúc hộp astaragali được mở ra trước một sự thách thức lời tố.

Khi lời tố đạt đến cấp độ Djinnverso: Bảy May mắn (L,L,L,L,L,L,L)^[30], người chơi cần đưa ra lời tố cao hơn sẽ phải ném cả bảy viên astaragali, và sau đó có thể ném tất cả/vài/một/hoặc không viên nào thêm hai lần nữa để đạt được cấp độ Bảy May mắn khác. Nếu người chơi làm được điều này, không ai mất đi một điều ước nào, và người chơi tiếp theo sẽ bắt đầu một ván mới. Còn nếu không đạt được cấp độ Bảy May mắn lần nữa, người chơi sẽ mất đi

một điều ước. Khi một người chơi chỉ còn lại một điều ước sau khi mất đi điều ước thứ hai của mình, người đó – chứ không phải người chơi ở bên trái họ – sẽ là người bắt đầu ván đấu tiếp theo, tức ném astaragali lại lần nữa.

Mỗi người chơi bắt đầu ván đấu với ba điều ước, và sẽ bị loại khỏi ván đấu khi mất hết cả ba điều ước của mình. Người chiến thắng chung cuộc là người cuối cùng còn lại một điều ước.

Nếu một người chơi vắng mặt khi đến lượt chơi của mình, người đó được coi như đã chấp nhận lời tố và chuyển hộp astaragali cho người chơi tiếp theo mà không ném viên astaragali nào, như là một lời tố Tốt hơn. Đó là Quy tắc Cairo.

CÁC LỜI TỐ

Không có các thứ hạng trong astaragali. Đây là các dạng lời tố, được đưa ra với cấp độ ngày càng cao hơn:

- a. Đơn
- b. Một Đôi
- c. Hai Đôi
- d. Đạo Sĩ: Ba viên cùng loại
- e. Ba Đôi
- f. Nhóm Năm: Ba viên cùng loại, và hai viên cùng loại, với nhóm ba viên cùng loại có giá trị hơn.
- g. Doanh Trại: Hai nhóm ba viên cùng loại.
- h. Khối Vương: Bốn viên cùng loại
- i. Bốn viên cùng loại, và một đôi
- j. Rương: Bốn viên cùng loại, và ba viên cùng loại
- k. Bạc Aaron: Năm viên cùng loại

l. Năm viên cùng loại, và một đôi

m. Hồng ngọc và Ngọc Hồng lựu: Sáu viên cùng loại

n. Pháo Đài: Bảy viên cùng loại

o. Djinnverso: Bảy May mắn

Một lời tố thường chỉ là Tốt hơn. Bạn cần để ý cẩn thận, vì sau ba hoặc bốn lần Tốt hơn trong cùng một ván đấu, rất dễ mất dấu cấp độ hiện tại của lời tố.

Một người chơi không có nhiệm vụ phải lặp lại lời tố của mình để làm rõ một tình huống cho bất kỳ người chơi nào khác một khi hộp astaragali đã được người chơi tiếp theo chấp nhận.

Bạn cần phải nói thật về số lượng viên astaragali bạn sẽ ném trong lượt chơi của mình. Đó là Quy tắc Paribanon. Bạn không cần phải nói thật sẽ ném viên astaragali nào. Đó là Quy ước Solomon.

KỸ THUẬT CHƠI

Bạn không bắt buộc phải nhìn vào hộp astaragali trong lượt chơi của mình, mặc dù sẽ khôn ngoan hơn nếu nhìn vào hộp.

Bạn cần nhớ lời tố mới nhất là gì – ngay cả khi nó được xác định bằng cách phân tích những lần Tốt hơn. Bạn nên nhớ được chính xác cấp độ của hộp astaragali mà bạn đã chuyển cho người chơi bên trái mình, và mỗi người chơi đã ném bao nhiêu viên astaragali từ lần cuối bạn thấy chúng.

Hợp tác với người chơi bên tay trái và bên tay phải bạn là một chiến thuật tốt, nhằm gài bẫy những người chơi (hoặc người chơi) ở đối diện bạn.

HÀNH XỬ

Chửi rủa, nói tục, hay sỉ nhục giữa người chơi với nhau tuyệt đối

bị cấm. Chỉ có người xem được làm vậy. Người xem không được phép đe dọa nhau. Một lời đe dọa của một người xem đến một người xem khác sẽ được coi như hành động xâm hại, với hình phạt là trực xuất khỏi giải đấu.

Chú thích

[1] Câu nói của trẻ em Mỹ trong đêm Halloween khi chúng đi các nhà xin bánh kẹo và dọa sẽ phá phách nếu không cho.

[2] 90 độ F \approx 32 độ C

[3] Loại nhạc cụ gồm một cặp vỏ hơi lõm bằng ngà hay gỗ cứng, đính vào lòng bàn tay bằng một sợi dây choàng qua ngón cái, dùng các ngón còn lại vỗ hai vỏ vào nhau.

[4] Lợn lòi trong tiếng Anh là Warthog.

[5] Panh: đơn vị đo lường ở Anh, 1 panh = 0,58 lít.

[6] Khoảng 15cm

[7] Oprah Winfrey: nữ xướng ngôn viên truyền hình có thể lực và ảnh hưởng nhất trong lịch sử truyền hình Mỹ. Thứ gì Oprah lựa chọn nghĩa là thứ đó có đẳng cấp.

[8] Nguyên văn: The beginning of eternity. The end of time and space. The beginning of every end. And the end of every place.

[9] Bạn có thể tìm hiểu kỹ hơn về *Quy tắc chơi Djinnversoctoannular* trong phần Phụ lục của cuốn sách này.

[10] Khoảng 15.240 m

[11] Nhà thơ lãng mạn vĩ đại của nước Anh vào thế kỷ 19.

[12] Khoảng 13,7×21,3 m.

[13] khoảng 2,1m - 2,4m

[14] phù thủy cổ đại

[15] Trang phục cổ truyền của người Ả Rập

[16] Khoảng 32 độ C

[17] Khoảng 20cm

[18] Khoảng 42,6 độ C

[19] Khoảng 21m.

[20] Quyển sách nhỏ.

[21] Có lẽ cần nhắc đến việc *Những Quy luật Baghdad* có điều lệ rất nghiêm ngặt về việc cấm sử dụng sức mạnh djinn để hồi sinh sự sống, dù đó là động vật, djinn hay mundane. Chỉ có những djinn mạnh nhất mới dám thử chuyện này, và với những kết quả khác nhau.

[22] Nguyên văn: Meal, Ready-to-Eat

[23] 1 pound = 0,454 kg

[24] 1 inch = 2,54 cm

[25] Djinn ghét từ “thần đèn” đến nỗi họ thậm chí không bao giờ sử dụng danh từ số ít đúng ngữ pháp “djinni” (vì “djinni” phát âm giống “genie” có nghĩa là “thần đèn”. Đối với họ, một djinn hay nhiều djinn thì vẫn chỉ gọi trống là “djinn”.

[26] Viết tắt của Armored Personnel Carrier: xe thiết giáp chở binh sĩ.

[27] Tiếng Pháp: một cách tự nhiên.

[28] Khoảng -5,6 độ C

[29] Trong nội dung truyện, tác giả đã quy định tám mặt của một viên astaragali tượng trưng cho: Linh hồn, Thời gian, Không gian, Lửa, Đất, Không khí, Nước và Sự May mắn. Nhưng trong phần Phụ lục này, lại cung cấp thông tin không trùng khớp về tám mặt của astaragali. Để tôn trọng tác giả, Nxb quyết định vẫn dịch đúng

nguyên văn bản gốc.

^[30] Viết tắt của Luck, nghĩa là May mắn